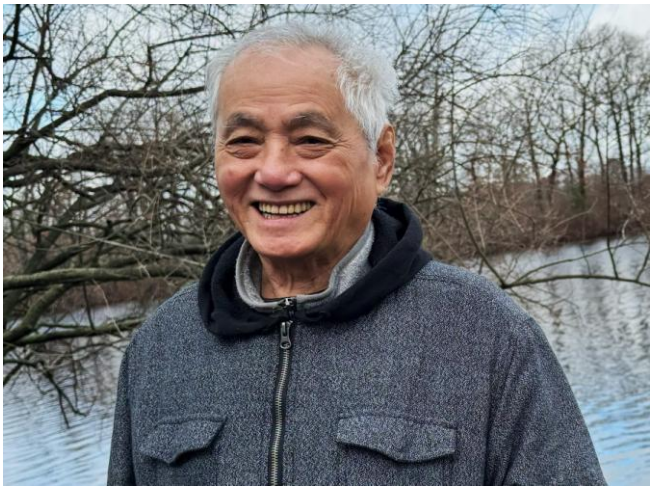
Ngộ Không Phí Ngọc Hùng
(Biên Soạn)

Tác Giả và Tác Phẩm



Nhà Văn Lâm Chương (1942-2026)

Lâm Chương

Tiểu sử

Sinh ngày 28.10.1942 tại Gò Dầu Hạ, Tây Ninh. Định cư tại Boston, Massachusetts

Tác phẩm

Loài cây nhớ gió - Đoạn đường Hốt Tất Liệt – Đi giữa bày thú dữ

Mục Lục

Văn Lâm Chương

Sóc Con Trăng
Cơ ngơi ngày cũ
Viễn thám
Tán gẫu trong quán cà phê
Lê Thơm - Xương rồng –
Chuyện của Ngâu - Con suối và chiếc cầu treo
Lỗi tại tôi mọi đàng - Thượng du, niềm thương nhớ
Những đoản văn rời

Phụ đính (Viết về Lâm Chương)

Vài cảm nhận về….nhà văn Lâm Chương – Lương Thư Trung

Lâm Chương, bản tường trình của một chứng nhân – Ngô Nguyên Nghiễm

Cuốn sách nào đã ảnh hưởng nhiều nhất tới tôi? – Viên Linh

Lâm Chương, lỗi tại con chim
Luân Hoán
Bông súng nở giữa hồ nơi xứ lạ
Lương Thư Trung

ĐỌC VĂN LÂM CHƯƠNG



Sóc Con Trăng

Sóc Con Trăng. Cái địa danh lạ lùng, nằm về phía Tây Nam, sát biên giới Việt Miên. Nếu so với ngàn xanh mênh mông, Sóc Con Trăng chỉ là một trảng trống rất nhỏ giữa rừng già, thuộc mật khu Dương Minh Châu. Nhìn vào bản đồ quân sự, nơi đây có những vòng cao độ màu nâu thưa thớt, biểu thị một ngọn đồi thoai thoải. Ước hiệu bản đồ còn cho thấy, có chừng vài mươi nóc nhà nằm rải rác trong khu vực. Nhưng hiện tại, Sóc Con Trăng hoàn toàn hoang dã. Những nền nhà cũ của một thời xa xăm, đã mất dấu.

Sớm mai. Đứng trên đồi nhìn ra bìa rừng. Sương mù kéo một vệt dài trắng xóa, như dải lụa bạch vây quanh chân đồi, che lấp cây xanh. Khi mặt trời vừa lên, sương tan rất vội.

Phút chốc, cảnh vật hiện ra rõ nét, biến đổi không ngờ. Rồi sương chiều lại tụ, lúc mặt trời chìm khuất sau rừng cây yên ả. Cái yên ả đìu hiu giả tạm bề ngoài. Trời vừa chạng vạng, chim rừng thôi líu ríu trên cây. Mặt đất bắt đầu nhá nhem bóng tối thì từ trên đồi có những người đi xuống, xâm nhập vào rừng cây. Và ở một nơi bí mật nào đó, cũng có những kẻ âm thầm len lỏi, tiến sát về Sóc Con Trăng. Tất cả, họ là loài săn mồi ban đêm. Trong im lặng của rừng già, ẩn giấu biết bao điều hiểm nguy bất trắc. Những đôi mắt mở trừng không xuyên qua được bóng tối, họ vận dụng khả năng thính giác. Gióng lỗ tai nghe ngóng. Tiếng vỗ cánh của con chim đớp muỗi, cũng làm họ chú tâm lo lắng. Tiếng gãy đổ một cành cây khô, cũng làm họ giật mình hồi hộp. Súng luôn mở khóa an toàn, trong tư thế sẵn sàng khai hỏa. Tử thần không bao giờ nhân nhượng cho kẻ vô ý để mình bị đối phương phát hiện trước. Khó có cơ hội rút kinh nghiệm bản thân để sửa sai, sau lần đầu tiên lầm lỗi. Xác suất sống còn rất ít, khi đứng trước tầm đạn địch.

Một ngày giữa tháng Chạp. Tiểu đoàn được trực thăng vận vào vùng đất ấy. Vùng đất mà thời bình không ai thèm bén mảng. Nhưng trong thời chiến, đó là một

yếu điểm, các nhà quân sự muốn chiếm lấy ưu thế, chận họng đối phương. Và đối phương lúc nào cũng cảm thấy khó chịu. Họ muốn móc cái xương vướng mắc trong cổ, để khai thông huyệt đạo từ Quảng Đức, Phước Long, Bình Long xuống Tây Ninh, và từ Kampuchia vào mật khu Dương Minh Châu. Thế là Sóc Con Trăng trở thành chiến địa. Hai bên đổ máu, giành nhau từng thước đất trên ngọn đồi khô, đầy những cỏ dại phất phơ bông trắng. Dưới chân đồi cũng chẳng có gì hơn, ngoài loại cỏ tranh cao ngang bụng, trải dài ra tận bìa rừng.

Ngày đầu tiểu đoàn đến đây. Tình hình còn rất yên tĩnh. Có thể đối phương chưa kịp chuẩn bị để làm một cuộc tấn công. Nhưng vẫn phải đề phòng bị đánh úp bất ngờ lúc tiểu đoàn đang chân ướt chân ráo. Các toán tiền đồn, và tuần tiễu an ninh chung quanh khu vực, hoạt động ráo riết. Số còn lại, lo ổn định vị trí, bắt tay vào việc đào công sự phòng thủ. Bộ chỉ huy tiểu đoàn đóng trên đỉnh đồi, ngay trung tâm cái mỏ ác của những vòng cao độ. Từ đó, có thể nhìn bao quát được các đại đội nằm bao quanh dưới lưng chừng đồi.

Mọi người trong tiểu đoàn đều biết, nhảy vào Sóc Con Trăng là một thử thách lớn đối với địch quân, đông hơn nhiều lần. Hai công trường 7 và 9 của quân Bắc Việt đang áp sát biên giới, phía bên kia phần đất Kampuchia. Theo cái công ước quỷ quái gì đó, cam kết hai nước không xâm phạm biên giới lẫn nhau.

Quân Bắc Việt lợi dụng lãnh địa an toàn này, làm căn cứ hậu cần vững chắc. Đưa quân sang biên giới đánh đấm. Xong, rút về bên kia dưỡng quân. Tiểu đoàn bị ngăn cấm tuyệt đối, không được nã pháo qua Kampuchia. Không có cuộc chiến nào quy định những điều bất lợi lạ lùng như thế. Chịu thiệt thòi để giữ cái tình giao hảo của hai quốc gia. Thằng nào tức thì cứ chửi đổng, nhưng lệnh vẫn phải thi hành. Tòa án quân sự đang chờ đợi những ai vi phạm quân kỷ ngoài mặt trận, để tống vào quân lao. Tên nào cũng ớn!

Không qua được biên giới, người ta thả tiểu đoàn xuống Sóc Con Trăng, làm miếng mồi nhỏ, nhử đàn kiến lớn bu lại để tiêu diệt. Nhưng tiêu diệt bằng cách nào, chỉ có mấy ông tướng tư lệnh quân đoàn, sư đoàn biết. Anh em lo ngại, không khéo cả đơn vị sẽ phơi thây trên ngọn đồi này, nếu đối phương quyết tâm áp dụng chiến thuật biển người, tiền pháo hậu xung. Trong pho chiến sử đã từng ghi lại các trận đánh đẫm máu, lấy mười đổi một, chỉ với mục đích làm bàn thắng, gây tiếng vang và mặc cả trên bàn hội nghị. Sóc Con Trăng có quan trọng đến mức đối phương phải trả cái giá quá đắt như thế hay không? Đâu ai biết. Dù gì đi nữa, một khi đã vào tử địa, không có con đường lựa chọn nào khác hơn là tử thủ, quyết liệt chiến đấu. Ai cũng muốn còn cái mạng trở về. "Giành sự sống trong nỗi chết". Câu nói hồi còn trong quân trường là châm ngôn duy nhất để giữ mạng mà thôi.

Tôi là trung đội trưởng. Một chức vụ nhỏ trong guồng

máy lớn. Chỉ huy hơn hai mươi tay súng. Nằm tuyến đầu, trước mũi đạn. Chịu cái gian nguy của một khinh binh. Lại đèo thêm nhiệm vụ làm gạch nối từ đại đội trưởng xuống anh em binh sĩ. Sức ép của cả hai bên dồn lại, trung đội trưởng chịu đủ tiếng chì tiếng bấc. Anh em binh sĩ bê bối, đại đội trưởng khiển trách trung đội trưởng. Công tác cực nhọc, hành quân không có lúc nghỉ, anh em cằn nhằn văng tục, trung đội trưởng nghe. Những khi rỗi việc ngồi tán gẫu, bạn bè nói đùa ám chỉ trung đội trưởng là cầm cặc chó đái. Dù nói đùa, nhưng không phải không đúng.

Làm trung đội trưởng, chẳng ăn được cái giải gì, chỉ khổ thân. Con nhiều cha, tụ về một mối. Mỗi người ương ngạnh một kiểu khác nhau. Không dễ chỉ huy. Hai năm làm trung đội trưởng, cho tôi nhiều kinh nghiệm đắng cay. Mềm quá, bị coi thường lờn mặt. Cứng quá, gây bất mãn. Tốt nhất là hòa mình cùng anh em đồng đội, nhưng có lúc cũng phải mượn kỷ luật làm răn đe những anh ba gai, hoặc tắc trách trong nhiệm vụ.

Hoàn cảnh gia đình để lại sau lưng, về đây làm những đứa con trung đội, chịu chung một tình huống. Bỏ đi những tị hiềm dị biệt. Nương tựa vào nhau mà sống. Tương trợ nhau mà đi qua những cơn lửa đạn. Không ruột thịt cũng thành thân thiết. Đêm chiến hào, khum đầu trong nón sắt, chia nhau từng hơi khói thuốc. Rủ rỉ kể cho nhau nghe nỗi niềm tâm sự. Cha mẹ, vợ con, người yêu bé nhỏ đang chờ đợi nơi phố thị đông

người, hay một miền quê nghèo nàn hẻo lánh nào đó.

Hồi chiều, lúc đang đào công sự phòng thủ, thằng Công hỏi: "Thiếu úy ơi. Con đào của tôi, nó hẹn về đi chợ tết. Tiểu đoàn mình, có ra khỏi cái nơi hắc ám này, trước tết không?"

Tôi nói: "Hẹn lại tết năm sau đi."

"Như vậy là mình ăn tết ở đây?"

"Ăn tết hả? Mày hỏi mấy con khỉ đột trong rừng, nó có chịu để yên cho mày hay không?"

"Đánh đấm hoài, chán bỏ mẹ! Hết rừng núi, lại sình lầy. Không biết ngày nào hết khổ."

Nó than, như chính tôi là người làm cho nó khổ. Tôi bảo: "Lính nào cũng khổ. Chỉ có lính kiểng là sướng thôi, con ạ!"

Thằng Công im lặng, khi vị đại đội trưởng đi tới, đôn đốc và kiểm soát các trung đội đào hố cá nhân dọc theo phòng tuyến. Ông dặn, đào hố phải làm nóc kiên cố. Tình hình căng thẳng lắm. Nếu địch quân tràn ngập vị trí, pháo binh sẽ bắn nổ chụp ngay trên đầu. Thằng nào lười biếng, không làm nóc, là tự mình khai tử. Ông nhai lại điều này nhiều lần. Anh em phát bực.

Đại đội trưởng đi khỏi, thằng Nhân nói: "Đù mẹ! Chết

sống có số. Khi đã tới số, thì chạy đàng trời cũng không khỏi nắng."

Thằng Tứ Ách, chống cán xẻng, phanh ngực áo, quạt phành phạch, cũng phụ họa: "Những thằng ở thành phố, đang nằm trên bụng vợ, bỗng ngã lăn ra chết vì thượng mã phong. Số trời đấy."

Lại một thằng nữa, tiếp theo: "Thế là sướng tới hơi thở cuối cùng. Tao thà chịu chết vì thượng mã phong, chứ không muốn ở đây chết chung với bọn mày."

Nhiều tiếng cười hô hố sau câu nói.

Tiểu đội trưởng, tên Nẫm, đang hì hục đào hố, ngẩng lên nhìn: "Chỉ lo tán dóc và cười. Cả buổi, mà quào cái hố chưa bằng cái lỗ đĩ. Khi đụng trận, thằng nào chạy qua hố tao núp ké, tao đạp văng ra ngoài."

"Đất cứng quá, trung sĩ ơi."

"Lúc nào cũng rên. Muốn đi đầu thai sớm thì vất xẻng, khỏi cần đào hố."

Tôi đi dọc theo phòng tuyến, quan sát phần trách nhiệm trung đội. Giữa tháng Chạp, nhưng nắng của buổi xế chiều ở đây, vẫn còn gay gắt lắm. Ai cũng tháo mồ hôi. Đào một cái hố cá nhân trên thế đất đồi khô cứng, không là chuyện dễ.

Biết vậy, nhưng tôi vẫn nói: "Khi mặt trời lặn, thằng nào chưa xong tao tống ra nằm tiền đồn."

Có tiếng đáp lại của Điền Đô: "Dọa ai thì dọa. Chứ thằng này là dân chơi thứ thiệt, không ngán đâu. Đừng dọa."

"Mày bảo tao dọa hả? Đù mẹ! Có ngon thì ngồi hút thuốc, làm thơ đi con. Tối nay sẽ biết đá vàng ."

Điền Đô im lặng. Nó biết tôi không đùa.

Tiền đồn cho một đơn vị là toán quân báo động, nằm ngoài tuyến phòng thủ. Do đó, toán tiền đồn thường đặt ở những nơi tiên liệu địch quân có thể xâm nhập áp sát đơn vị. Tiền đồn là toán chạm địch đầu tiên. Muốn tấn công một đơn vị, địch quân phải tiêu diệt cho được những toán tiền đồn chung quanh phòng tuyến, từ ngoài xa. Và như thế, đơn vị phòng thủ kịp thời chuẩn bị tác chiến, trước khi địch quân tiến đến gần kháng tuyến chính. Trong trận mạc, người ta chấp nhận hy sinh một số nhỏ, để bảo toàn lực lượng lớn. Đóng quân ở những vùng bị áp lực địch nặng nề, dù là thằng to gan nhưng tới phiên vác ba lô, xách súng đạn đi làm tiền đồn cũng lạnh cẳng.

Anh em trong đơn vị, thường nói năng lỗ mãng, tưởng có thể ghét bỏ hại chết đời nhau. Nhưng thật ra, đó lại là điều thể hiện sự gần gũi thân tình của những thằng đi trận. Đặt cho nhau những cái biệt danh quái gở để

cười vui. Dần dần biệt danh trở thành quen thuộc, không còn gọi bằng nhau bằng tên chính thức nữa. Thằng Công khinh binh, biệt hiệu Công Ngủ. Thằng Đức mang súng phóng lựu M79, gọi Đức Cạp. Thằng Điền tiểu đội phó là Điền Đô.

Thằng Mai phụ xạ thủ đại liên, những lần về phép hay la cà nơi các động mãi dâm, anh em đặt Mai Ghế. Thằng Ty vác đại liên, thường khoe con cu của nó là một vưu vật lý tưởng trên đời, nên được tặng danh hiệu Ty Cai Dù. Những biệt danh này, được hiểu theo nghĩa nói lái. Còn có những biệt danh, chỉ đặc tính. Như thằng Minh mang máy truyền tin, hay đánh tráo bài ba lá, gọi Minh Điếm Chảy. Thằng Nhân cấp bậc hạ sĩ, viết thư về cho vợ, chưa gởi đi, bị anh em coi lén, thấy nó thay chữ ký bằng bốn con bài cơ rô chuồn bích. Từ đó, anh em gọi nó là Nhân Tứ Ách, để phân biệt với Nhân súng cối. Thằng này hay chửi thề nên có hỗn danh Nhân Đù. Thượng sĩ trung đội phó, trước kia thuộc Sư Đoàn 25 Bộ Binh, sau đổi qua Biệt Động, mang danh Mai Chò Gãi. Mới đầu, tôi không hiểu ý nghĩa của cái tên kỳ lạ này. Anh em giải thích, "mai chò gãi" là tiếng lóng của dân bụi đời, chỉ con số 25.

Đêm Sóc Con Trăng. Trời se lạnh. Trăng mù sương ẩm đục màu sữa. Không gian chìm lắng. Tiếng côn trùng sầu não bãi tha ma. Thỉnh thoảng, nghe khoen dây súng khua lách cách của đốc canh đi kiểm soát lính canh dọc tuyến phòng ngự. Những anh em khác,

cuộn mình trong tấm poncho, ngủ mê mệt sau một ngày vất vả.

Nửa khuya. Tiểu đoàn báo động giả, tập phản ứng cho quen với vị trí phòng thủ mới. Hỏa châu cháy rực bầu trời, chói lòa xuống mặt đất, soi rõ từng bông cỏ dại trên đồi. Chúng tôi ngồi dưới hố cá nhân. Đầu đội nón sắt, mình mang dây ba chạc đeo túi đạn, tay súng trong thế tác chiến. Bên ngoài vòng đai, đạn pháo nổ quanh chân đồi như sấm sét. Tưởng khó có một ai vượt qua lằn ranh đạn pháo mà còn toàn vẹn. Đưa tiểu đoàn vào đây, người ta đã dự trù một trận đánh lớn. Nằm trong cái thế bị tấn công bất cứ lúc nào, tiểu đoàn được ưu tiên hỏa lực pháo binh. Tất cả những căn cứ trọng pháo trong tầm tác xạ, lúc nào cũng hướng súng về Sóc Con Trăng, sẵn sáng yểm trợ.

Khi chấm dứt báo động, mọi người đều tỉnh táo, khó dỗ giấc ngủ trở lại. Tôi và thằng Minh Điếm Chảy, ngồi chung trong cái hố đôi.

Nó cằn nhằn: "Thà địch kéo tới, đánh nhầu một trận cho xong. Chờ đợi và báo động hoài, còn ngủ nghê gì được."

"Mày là thằng chết đến đít, vẫn còn ham ăn ham ngủ."

"Thức khuya lạt miệng. Thiếu úy, cho xin điếu thuốc." Nó chép miệng.

Tôi nói: "Hút thuốc ban đêm. Coi chừng bị bắn bể sọ dừa."

"Không sao đâu. Em che trong nón sắt."

"Từ hồi chiều đến giờ, mày xin thuốc mấy lần rồi? Hút ghiền, thì phải lo thủ sẵn chứ. Tao đâu phải cái kho phát thuốc cho mày."

Nó cười giả lả, chìa tay ra: "Điếu thuốc giá đáng chi, mà nói những câu mắc mỏ. Thiếu úy?"

"Điếu này là điếu chót nghe mậy. Hút xong, ráng treo mỏ. Đừng xin tao nữa."

Tôi rút một điếu cho nó. Nó khum đầu, xòe lửa trong nón sắt, hút vài hơi rồi trao cho tôi.

"Hút chung một điếu đi. Đỡ hao."

Tôi rít một hơi dài, rồi nhìn mặt nó. Trong ánh trăng nhòa nhạt của đêm mù sương, mặt nó khắc khổ đăm chiêu.

Một lúc sau, nó nói nhỏ: "Buồn quá."

"Sao mày rên rỉ hoài vậy?"

"Con vợ của em..."

"Lại nữa. Mày nói chuyện này hằng trăm lần rồi. Nó bỏ mày đi lấy thằng khác chứ gì? Tao không muốn nghe."

"Nhưng nó còn nói xấu, rằng em mê cờ bạc."

"Cũng đúng thôi. Kỳ lương nào, mày cũng nướng hết vào sòng bạc. Đi phép, xách cái đít không, về nhà với bộ mặt đưa đám. Bảo sao nó không chán?"

"Nhiều khi tức, muốn trả thù."

"Đừng có điên. Ở tù đấy, con ạ! Cứ bình tĩnh, rà rê kiếm con vợ khác. Làm lại cuộc đời."

"Không dễ. Đàn bà con gái, đâu phải muốn chộp bắt lúc nào cũng được?"

Tôi an ủi: "Mày là thằng đẹp trai số một của trung đội. Lo gì?"

Nghĩ ngợi một hồi, nó nói: "Phải chi em được như thằng Ty Cai Dù, thì ngon quá."

"Ngon thế nào?"

"Nó bảo nhờ "cai dù" mà nó được cơm no bò cỡi."

Tôi gạt ngang: "Thôi. Bỏ chuyện bá láp đó đi. Lo ngủ. Mai còn công tác."

Nói xong, tôi lên khỏi hố. Nằm co, trùm bằng tấm poncho lạnh ngắt.

Ngày nào tiểu đoàn cũng mở những cuộc hành quân cấp đại đội quanh khu vực Sóc Con Trăng, và dọc theo biên giới. Chẳng thấy bóng đối phương. Nhưng ngày nào tiểu đoàn cũng bị pháo kích hai, ba lần. Nhất là những khi có chuyến không vận tiếp tế vào Sóc Con Trăng. Trực thăng vừa chạm mặt đất, pháo rót tới liền. Quân tiền sát của địch vẫn bám sát đâu đây. Rừng rậm quá, khó phát hiện được vài ba tên tiền sát ẩn núp giữa ngàn xanh. Mỗi lần, pháo chừng năm bảy quả. Súng cối 82 ly từ bên kia biên giới bắn sang. Tiểu đoàn vô phương phản pháo. Tuyệt đối tuân hành cái lệnh không xâm phạm biên giới giữa hai nước. Đành ôm đầu máu, chịu trận. Kampuchia là nước trung lập, nhưng lại chứa chấp mấy sư đoàn quân Bắc Việt. Thật chó má! Anh em gào cái tên Sihanouk mà chửi.

Ban ngày là thế. Ban đêm cũng chẳng yên. Vài đêm lại có đụng độ ngoài các toán tiền đồn. Nhiều khi địch len lỏi qua khỏi tiền đồn, bắn vào vị trí phòng thủ. Tình trạng báo động liên miên. Nón sắt, và súng đạn đeo dính bên người. Hỏa châu soi sáng, và pháo yểm ầm vang một góc trời.

Tinh thần anh em sa sút trầm trọng. Mệt mỏi. Chán chường. Ba ngày tết của năm 1969, trôi qua trong

quên lãng giữa rừng già. Dù chỉ mới có những cuộc chạm súng lẻ tẻ, nhưng tiểu đoàn đã tổn thất khá nhiều do pháo kích. Tiểu đoàn trưởng gọi về Bộ Tư Lệnh, xin ra khỏi vùng hành quân Sóc Con Trăng. Được trả lời rằng, chưa cần thiết tiểu đoàn có mặt ở những nơi khác. Nghe thế, mọi người đều bất mãn. Càng bất mãn càng chửi thề. Trung đội tôi, bây giờ, thằng nào cũng bắt chước Nhân Đù. Mở miệng ra là có đù mẹ, đéo bà. Nghe mãi thành nhàm tai.

Sau một tháng trời ở đây, quân số tiểu đoàn hao hụt. Lớp chết, lớp bị thương. Bổ sung tân binh, mặt thằng nào cũng ngơ ngáo. Chưa quen chiến trường, mỗi lần bị pháo những tân binh quýnh quáng đến tội nghiệp.

Một buổi chiều. Tôi đi kiểm soát, thấy thằng Ngô tân binh gác ngoài phòng tuyến. Súng đặt ngang đùi. Nó ngồi bất động, nhìn ra bìa rừng. Rừng chiều, sương xuống âm u một màu ảm đạm. Tôi nhẹ nhàng lần đến sau lưng. Nó không hay biết. Tôi vỗ vai. Nó giật mình, quay lại nhìn tôi. Tôi thấy hai hàng nước mắt của nó chảy dài xuống gò má. Nó đang thổn thức. Nó quẹt nước mắt, cười gượng.

Tôi ngồi kế bên: "Tại sao mày khóc?"

Nó làm bộ ngạc nhiên: "Em có khóc đâu?"

"Mày đừng chối. Có ai hiếp đáp, bắt chẹt gì mày không?"

"Không." Nó lắc đầu.

"Thế sao mày chảy nước mắt?"

Nó ngó mông ra rừng. Không trả lời.

Tôi giục: "Nói thật đi. Thằng nào chèn ép mày?"

"Em chỉ buồn."

"Ở đây, tao cũng buồn như mày. Chịu đựng một thời gian, rồi tiểu đoàn mình sẽ chuyển đi vùng khác, đỡ hơn. Nhưng, tại sao mày chọn binh chủng này?"

"Thấy mấy anh lính đội bê rê, mặc đồ hoa về thành phố, trông rất oai hùng. Em thích, và tình nguyện về binh chủng. Mãn khóa, em chưa được về thăm nhà. Người ta bốc thẳng từ quân trường, thảy xuống đây. Hồi trước, em đâu ngờ đời lính gian khổ, hiểm nguy thế này. Em không tưởng tượng nổi..."

"Đừng buồn nữa. Ngày nào ra khỏi Sóc Con Trăng, tao đề nghị cho mày đi phép về thăm nhà."

Nó mừng: "Thật hả, thiếu úy?"

"Tao nói thật. Dù tao biết mày về là đào ngũ luôn. Tao chỉ giữ thằng nào ở lại thôi."

"Không đâu. Em sẽ trở lại."

"Nếu mày kể cho má mày nghe cảnh này, dù mày muốn trở lại, bả cũng níu áo không cho mày đi."

"Em không đào ngũ, vì thương những người trong trung đội mình." Nó kể bằng chân tình. "Hôm trước, bị pháo kích. Chạy về hố không kịp, em chui đại xuống hố trung sĩ Nẫm, tiểu đội trưởng của em. Cái nón sắt em bị văng mất. Anh Nẫm chụp cái nón sắt của ảnh lên đầu em, đè em nằm xuống. Còn ảnh đầu trần, ngồi phía ngoài. Trong trung đội, ai cũng lo cho em. Mọi người đều có tình. Em không nỡ đi luôn."

"Mày biết thương anh em là được rồi. Đời lính không phải khổ mãi thế này đâu. Mày về đơn vị nhằm lúc tiểu đoàn đang ở cái chốn khỉ ho cò gáy, nên cảm thấy buồn. Ráng một thời gian nữa thôi, rồi tiểu đoàn sẽ được chuyển vùng hành quân."

"Một thời gian nữa, là bao lâu?"

"Tao không biết. Còn phải chờ..."

Khi nói câu đó, tôi nghĩ đến một trận đánh lớn. Ngày nào chưa xảy ra một trận thư hùng, thì tiểu đoàn còn phải ở đây, để thực hiện cái kế hoạch làm mồi nhử đàn kiến.

Trận đánh lớn, trước sau gì cũng không tránh khỏi.

Mới đầu, mọi người còn lo âu. Nhưng thời gian thấp thỏm đợi chờ với những cơn mưa pháo hàng ngày, những đụng độ lẻ tẻ về đêm làm anh em mệt mỏi nên đâm liều. Muốn đánh nhầu một trận cho xong, ra sao thì ra. Không có gì khổ cho bằng chờ đợi trong tinh thần căng thẳng. Pháo bắn vòng cầu, từ trên trời rơi xuống. Rớt trúng cái hố nào, người trong hố đó vong mạng. Chui rúc trong hang cũng cảm thấy không an toàn. Mỗi lần nghe bên kia biên giới, có tiếng vọng um, um, um... của súng cối, chúng tôi chạy vội về vị trí của mình, nhảy xuống hố ngồi nín thở. Cũng vừa kịp lúc đạn pháo nổ ầm, ầm, ầm..., vang động cả vùng đồi Sóc Con Trăng. Những lần núp pháo như thế, tôi thường trấn an bằng điếu thuốc. Phó mặc đời cho may rủi.

Để tránh bớt thiệt hại vì pháo, tiểu đoàn giảm quân số phòng thủ trên đồi. Ban ngày tung các đại đội ra hoạt động chung quanh. Ban đêm rút quân về, chừa lại một đại đội đóng quân lưu động trong rừng. Kế hoạch này có cái lợi, nếu địch tấn công mạnh vào tiểu đoàn, thì đại đội lưu động sẽ đánh bọc hậu đối phương.

Vòng đai phòng thủ, bây giờ thưa hơn, chỉ có ba đại đội. Nhưng bù lại, đạn dược dự trữ được tăng cường tối đa. Mỗi hố cá nhân, chứa sẵn một thùng hai mươi bốn quả lựu đạn, và hai thùng đạn nhỏ một ngàn viên. Với số đạn này, có thể bắn suốt đêm không lo bị thiếu.

Các sĩ quan trong tiểu đoàn được dặn dò nhắc nhở anh

em binh sĩ phải hết sức đề phòng. Ý định của đối phương là quần cho tiểu đoàn mệt mỏi, rồi sinh ra lơ là chểnh mảng. Đến một lúc nào đó, sẽ bất ngờ đánh úp, diệt gọn tiểu đoàn. Lời dặn dò này, không có tác dụng gì cả. Anh em chỉ mong sớm rời khỏi Sóc Con Trăng.

Ngoài những người thương tích do những cuộc chạm súng lẻ tẻ, hoặc bị pháo kích, đã có năm ba vụ tự hủy hoại thân thể. Sống trong tinh thần căng thẳng ngày đêm không ngớt, anh em cảm thấy quá khổ sở, và dám làm những điều bất chấp hậu quả.

Trưa hôm qua. Toán tuần tiễu của trung đội tôi, báo cáo có người bị thương. Tôi vội đưa toán khác ra thay thế, cho toán cũ khiêng thương binh về. Thằng bị thương là binh nhất. Khi tôi đến, nó không nhìn mặt tôi. Nó là thằng dễ thương của trung đội, sốt sắng trong mọi công tác. Lúc y tá lau chùi sát trùng vết thương, tôi thấy xương bàn chân nó bị bể, ngón cái và ngón kế bay mất. Vết thương không nguy hiểm, nhưng sẽ bị tật sau này. Y tá băng bó xong. Nó nằm nghiêng trên chiếc brancard, quay lưng về phía tôi.

Lúc chờ trực thăng tải thương dưới chân đồi, tôi hỏi: "Tiểu đội trưởng báo cáo, mày bị thương do giẫm phải bom bi. Đúng không?"

Nó vẫn không nhìn tôi, trả lời: "Đúng."

"Mày có thể qua mặt tiểu đội trưởng, nhưng không qua mặt tao được."

Nó im lặng.

"Mày hủy hoại thân thể."

"Không. Em đạp phải bom bi."

Tôi cười mũi: "Tao xem vết thương, biết chắc mày rút ngòi nổ ra khỏi quả lựu đạn, kẹp ngòi nổ giữa hai ngón chân, và cho kích hỏa."

Nó vẫn nói: "Không. Em đạp phải bom bi."

Tôi dọa: "Thôi được. Tao sẽ báo cáo, để sau khi trị thương, mày ra trước tòa án quân sự mà chối."

Nó quay lại. Đôi mắt khẩn thiết nhìn tôi, van nài: "Thiếu úy ơi..."

"Không có thiếu úy con mẹ gì nữa hết. Mày muốn qua mặt tao."

"Em lỡ dại..." Nó khóc thút thít. "Em không chịu nổi cảnh này."

"Ừ. Thà rằng mày nói thẳng với tao như thế, còn nghe được. Nếu trước đây, mày cho tao biết ý định, tao sẽ chỉ cách cho mày. Gởi thư về, bảo người nhà đánh cái

điện tín, báo cha đau mẹ chết gì đó. Rồi tao sẽ đề nghị cấp giấy phép, mày về thăm nhà. Nhân cơ hội đó, mày đào ngũ luôn. Như thế, có phải an toàn không? Còn mày hủy hoại thế này, cái chân sẽ mang tật suốt đời."

"Thiếu úy ơi... Trong lúc quẫn trí, em làm chuyện điên rồ..." Nó nói trong nước mắt.

Tôi thông cảm với nó. Chính tôi, lúc bất mãn cũng muốn đào ngũ. Nhưng bất mãn ai? Tất cả chúng tôi đều là nạn nhân, cớ gì mà bất mãn nhau? Những kẻ mưu đồ thế lực gây nên chiến tranh, không có mặt ở nơi này. Nguyền rủa ư? Thì cứ nguyền rủa, nhưng thằng nào tự tách mình ra khỏi cái guồng máy chiến tranh khốn nạn, ắt phải thân tàn ma dại như thằng em của trung đội tôi đang nằm đây nhức nhối.

Khi trực thăng tải thương đáp xuống, nó nói: "Em đi. Thiếu úy và anh em ở lại bình yên."

Tôi nói: "Được rồi. Mày về yên trí. Tao không hại mày đâu. Mày sẽ giải ngũ, và được lãnh tiền do bị thương ngoài mặt trận."

Một đêm, cuối tháng Giêng.

Trời đất lờ mờ. Đứng trên đồi nhìn ra bìa rừng, chỉ thấy viền cây tối ám, chắn dưới chân trời mù đục âm u. Mọi người giật mình choàng tỉnh. Đơn vị bị pháo dữ dội. Không phải bằng súng cối 82 ly, mà bằng

nhiều khẩu đại pháo từ bên kia biên giới bắn sang. Đồng thời các toán tiền đồn báo cáo, trong rừng có nhiều tiếng động bất thường. Tiểu đoàn ra lệnh thu hồi gấp rút tiền đồn trở về, tăng cường thêm quân số phòng thủ.

Đây là lần đầu tiên, địch pháo kích ban đêm. Cường độ pháo thật khủng khiếp, nhưng một nửa đạn pháo lọt ra ngoài kháng tuyến. Tuy thế, mặt phòng thủ phía đông cũng tan nát, gần như tê liệt. Nhiều người chết và bị thương. Tiểu đoàn cho trung đội trừ bị từ đỉnh đồi, xuống trám ngay lỗ hổng phòng tuyến. Hỏa châu sáng rực bầu trời, cùng lúc với pháo yểm cho tiểu đoàn, vây một hàng rào sấm sét quanh chân đồi. Dưới ánh sáng hỏa châu, lớp lớp địch quân liều chết xông qua lằn ranh đạn pháo, và gãy gục khi chưa tới được phòng tuyến.

Một trận thư hùng chờ đợi bấy lâu, có phải là đây? Tôi bắn liên thanh, rà đạn sát đất. Lựu đạn ném ra, cản bớt lớp người xông tới. Mùi thuốc súng nồng lên mũi. Tôi thở hổn hển. Tinh thần căng thẳng cùng tột. Hai bàn tay run lẩy bẩy mỗi lần rút chốt lựu đạn. Trước khí thế cường địch, tôi mất bình tĩnh. Tôi nghe nhiều tiếng la "Xung phong... G...i...ế...t" Tiếng "giết" kéo dài đẫm mùi máu, làm rợn xương sống. Giờ phút này, không bỏ chạy đi đâu được. Thằng nào phóng lên khỏi hố cá nhân, là tự phơi thân cho địch bắn. Chết sống gì cũng phải nằm lại đây. Và bắn. Và tung lựu đạn. Dọc theo công sự phòng thủ, nhiều chỗ bị B40 phá tanh

banh bao cát chắn đạn. Nếu cứ cái đà xung phong ồ ạt này tiếp diễn mãi, địch quân sẽ tràn ngập vị trí.

Sau mấy đợt xung phong, không chọc thủng được phòng tuyến, đối phương ngừng tấn công, chỉnh đốn lại hàng ngũ. Trong khi đó, chúng tôi chịu thêm trận pháo thứ hai của địch, từ bên kia biên giới rót sang, khốc liệt hơn. Lần này, đối phương điều chỉnh lại tọa độ thật chính xác. Pháo rớt ngay đỉnh đồi. Bộ chỉ huy tiểu đoàn lãnh đủ. Tôi bò đi kiểm soát từng hố cá nhân, dọc theo phòng tuyến trung đội. Những người tử thương được lôi ra khỏi hố cá nhân, tôi điều động anh em khác thế vào. Những thương binh, phải tự băng bó vết thương của mình. Y tá trung đội đang quằn quại trên vũng máu. Thằng Ngô tân binh, đang hấp tấp nạp thêm đạn vào các băng trống.

Tôi hỏi: "Trung sĩ Nẫm bỏ phòng tuyến đi đâu rồi?"

Nó không trả lời, đưa ngón tay chỉ qua hố bên cạnh. Một cái xác úp mặt, nằm nửa trên nửa dưới hố cá nhân.

Tôi trấn an: "Mày đừng di chuyển khỏi chỗ này. Cứ ngồi đây. Không sao đâu."

Nó nói như van: "Thiếu úy ở đây với em."

Tôi làm bộ không nghe, tiếp tục bò đi kiểm soát trung đội.

Gặp tiểu đội phó, tôi dặn: "Trung sĩ Nẫm tiêu tùng rồi, mày ráng lo cho anh em tiểu đội."

Tôi chưa kịp quay về vị trí, đối phương mở cuộc tấn công lần thứ hai. Tôi nhào xuống cái hố của một thương binh. Thằng này không còn đủ sức chiến đấu nữa. Tôi giật cây súng, đẩy nó ngã lăn ra phía sau lưng. Bị chạm vết thương, nó đau đớn kêu trời. Tôi không còn thì giờ quan tâm đến nó. Trước kháng tuyến, từng đợt, từng đợt xung phong. Tôi bắn như điên khùng. Lựu đạn nổ sát phòng tuyến. Lớp này gục xuống, lại thấy lớp khác tràn lên. Sau lần thứ nhất bị tấn công, nhiều người trong đơn vị bị loại khỏi vòng chiến. Quân số khiển dụng còn lại ít hơn. Khả năng phòng thủ cũng yếu hơn. Tôi lo phòng tuyến bị vỡ.

Theo kế hoạch dự trù, khi đối phương tràn ngập vị trí, pháo binh sẽ bắn nổ chụp ngay trên đầu, đạn nổ cao, cách mặt đất mười lăm thước. Miểng pháo tạt xuống. Mà miểng pháo thì đâu có phân biệt bạn thù. Và như thế, hai bên cùng chết. Không biết phía bên kia đồi, phòng tuyến bị vỡ hay chưa? Đơn vị còn cầm cự được bao lâu? Trước sau gì, cũng bỏ mạng trên ngọn đồi này. Mồ hôi tôi ướt mặt. Bị đẩy tới đường cùng rồi. Tôi bắn, Tôi ném lựu đạn. Tôi thở dồn dập. Tôi cắn răng. Hình như tôi có gào thét những tiếng vô nghĩa gì đó. Tao chết, thì mày cũng phải chết. Thiên địa đêm nay nhập lại. Bạn thù chung cuộc tử sinh.

Đang trong tình trạng tuyệt vọng, bỗng có tiếng phản lực cơ gầm rú trên không. Lẫn trong tiếng súng, tôi nghe nhiều tiếng la mừng rỡ của anh em đồng đội. Trái bom napan đầu tiên trải một thảm lửa dưới chân đồi. Đối phương núng thế thấy rõ. Chúng tôi lên tinh thần. Chiến đấu bình tĩnh, và có hiệu quả hơn. Trước phòng tuyến, địch quân dội ngược. Những trái bom tiếp theo làm thành vòng đai lửa sát bìa rừng, quanh đồi Sóc Con Trăng.

Phi tuần phản lực vừa dứt, thì trực thăng vào vùng. Rocket và đại liên nã xuống những luồng đạn lửa. Phòng không của địch bắn lên. Đạn lửa vẽ lên bầu trời những lằn đỏ đan chéo vào nhau. Tôi thấy nhiều địch quân quay lưng, chạy tháo lui. Họ không còn cơ hội thoát thân nữa. Tất cả đều ngã xuống trước tầm hỏa lực từ phòng tuyến bắn ra, trực thăng bắn xuống. Đối phương đang lo chống trả với những con diều hâu hung dữ, không còn áp đảo tiểu đoàn. Súng phòng không hướng lên trời. Hỏa tiễn AT3 nổ lùm bùm trên không như pháo bông ngày lễ. Đã có hai chiếc trực thăng trúng đạn phòng không, chúi đầu xuống phía rừng xa xa.

Từ máy truyền tin, tôi nghe ông tiểu đoàn trưởng điều động đại đội đang nằm trong rừng, dàn quân làm nút chặn, ngăn đường rút lui của địch.

Từ giờ phút ấy trở đi, truy địch là nhiệm vụ của Không Quân. Nhiều phi tuần phản lực lên vùng oanh kích. Tôi nghe tiếng bom gầm càng lúc càng xa dần, về phía biên giới.

Sáng ra. Khi đang bận rộn sắp xếp việc tải thương, tôi chợt nghĩ đến thằng Ngô tân binh. Ngó

quanh, không thấy. Tôi hỏi tiểu đội phó của nó: "Thằng Ngô đâu rồi?"

Tiểu đội phó chỉ vào tấm poncho đậy tử thi. Nó không chờ cái giấy phép mà tôi đã hứa cho về thăm nhà, sau khi rời khỏi Sóc Con Trăng. Nó đi trước, bằng con đường khác.

Mặt trời lên cao. Những chuyến trực thăng tải thương đã hoàn tất. Quang cảnh trên đồi, trông điêu tàn thê thảm. Công sự phòng thủ bị phá vỡ nhiều nơi. Poncho, nón sắt, quần áo vấy máu còn bỏ rải rác, chẳng ai buồn dọn dẹp. Người nào cũng xác xơ tơi tả, mệt mỏi bơ phờ.

Trời đứng bóng, phái đoàn của những ông lớn xuống Sóc Con Trăng, thị sát chiến trường. Họ mặc đồ nhà binh ủi hồ thẳng nếp, mắt đeo kính râm, tay cầm ba toong, đi dọc theo phòng tuyến. Họ chỉ trỏ, bàn tán với nhau. Không hỏi han hoặc nói chuyện với anh em chúng tôi. Họ cho ông tiểu đoàn trưởng biết, theo tin tình báo, địch đem ba tiểu đoàn công hãm Sóc Con

Trăng. Giờ này, biết điều đó cũng vô ích. Tin tình báo, bao giờ cũng là tin trễ. Các ông lớn rất chú ý đến con số thương vong của địch bỏ lại ngoài vòng đai, và một số khác bỏ thây trong rừng chưa kiểm được. Còn tổn thất của tiểu đoàn, họ không mấy quan tâm.

Lúc họ đi khỏi, thì trực thăng "đại lực sĩ ngựa trời" câu hai chiếc xe ủi đất màu vàng, đem đến Sóc Con Trăng. Một chiếc ủi những cái hố dài, sát bìa rừng. Chiếc khác, ủi xác người hất xuống hố. Họ rải lên xác một lớp bột sát trùng màu trắng, và lấp lại. Hai chiếc xe ủi chạy tới chạy lui, nện bằng mặt đất. Thời gian sẽ làm cỏ tranh mọc cao lên trên những nấm mồ tập thể. Như những cái nền nhà cũ của một thời xa xăm, đã hoàn toàn mất dấu.

Sớm mai. Đứng trên đồi nhìn ra bìa rừng. Vẫn thấy sương mù kéo một vệt dài trắng xóa, che khuất ngàn cây. Mặt trời lên. Sương tan. Cảnh vật hiện ra rõ nét. Một vạt rừng bị cháy nám. Nhiều nơi cây cối xác xơ gãy đổ. Thiên nhiên bao giờ cũng im lìm, và tự làm lành những vết thương. Chỉ có con người, khi đã mất mát thì không thể nào tìm lại được sự bù đắp.

Những ngày sau trận đánh.

Chiều chiều. Ông thượng sĩ già trung đội phó Mai Chò Gãi thường đứng bâng khuâng trên đồi Sóc Con Trăng. Ông là người Nùng Việt Bắc di cư.

Tôi hỏi: "Có phải ông đang nhớ về rừng núi Lai Châu?"

Ông cười buồn, hỏi lại tôi câu khác: "Thiếu úy tin con người có linh hồn không?"

Tôi nói: "Tôi tin."

"Tôi cũng tin thế. Những chiếc nón sắt bỏ lại của người ra đi, hình như còn phảng phất linh hồn của anh em vấn vương chiếc nón." Ông đưa ngón tay chỉ. "Thử chú tâm nhìn cái nón sắt lật ngửa, đằng kia."

"Nhìn nó, tôi nghĩ đến người ra đi."

"Không cảm nhận được gì khác?"

"Không." Tôi lắc đầu.

Ông bảo: "Tôi có cảm giác rất mơ hồ rằng, linh hồn anh em vẫn còn quanh đây, trên ngọn đồi này."

Sau một hồi trầm ngâm tư lự, ông nói: "Hồi trẻ, tôi tưởng điều gì cũng biết. Khi về già, thấy rằng có những điều mình không thể hiểu."

"Ông muốn nói vấn đề gì nữa đây?"

"Bao nhiêu năm đi lính, sát phạt đã nhiều. Những người chưa từng quen biết, không hề ân oán, vừa

chạm mặt là ra tay bắn giết nhau. Nghĩ cũng lạ! Chẳng biết phía bên kia, họ có thù mình không?"

Tôi nói: "Ông thắc mắc những vấn đề kỳ cục. Cứ hãy tưởng tượng vào thời trung cổ, người ta đưa hai tên giác đấu lên đài. Với điều kiện, sau trận đấu, chỉ còn một tên được quyền sống sót. Đặt mình vào hoàn cảnh tên giác đấu, ông phải làm sao?"

Thượng sĩ Mai Chò Gãi khẳng định: "Giết đối thủ."

"Đấy. Những thằng đi trận của cả hai phe, đều ở vào cái thế của tên giác đấu. Mình không giết nó, nó giết mình. Đâu cần chi phải hận thù?"

Cơ ngơi ngày cũ

Phía trước nhà ngoại tôi, có hàng cây duối. Thân cây sần sùi già cỗi, to cỡ người ôm. Cây không cao, tàn không lớn, mà chi chít lá rậm. Trong ấy thường lẩn khuất những con rắn lục màu lá non. Chung quanh gốc cây, người ta chất những nồi đất nứt vỡ, và ông táo cũ bằng gạch nung. Trong xóm có người đau bệnh, thân nhân thường đến đây đốt nhang khấn vái, còn lại những chân nhang tàn qua bao năm tháng. Ngoại tôi nói, có thần linh trú ngụ nơi cây duối. Và những con rắn lục là binh gia của ngài, không ai dám sát hại. Bọn trẻ nhỏ cũng kiêng dè, tránh tới gần chơi giỡn làm ồn, sợ thần linh quở phạt.

Bên kia hàng duối là gò đất cao. Đất khô cằn chai cứng. Ngoài những cỏ gấu, cỏ may và những bụi chùm hôi chịu được nắng hạn, không có cây gì mọc nổi trên khu đất gò. Vì địa thế cao, không úng nước, nên được chọn làm đồng mả riêng cho dòng họ ngoại tôi. Người trong thân tộc, tha phương bất cứ nơi nào, khi chết cũng đem về chôn ở đây. Có những cái mả xây bằng đá ong, lâu đời đến nỗi không ai biết nắm xương tàn của ông bà cố tổ dưới mộ tên gì, liên hệ huyết thống ra sao.

Hồi nhỏ, nghe đồn khu gò đồng mả có ma. Nhất là sau khi dì Út tôi chết trong tuổi còn

thanh xuân, tiếng đồn càng dễ sợ hơn. Chỉ tưởng tượng đến những đêm trăng lạnh mù sương, dì hiện hồn về, xoã tóc ngồi trên mộ mà khóc, cũng đủ làm đám trẻ nhỏ rợn mình. Gợi trí tò mò, năm ba đứa chúng tôi, núp dưới chân khu đất gò, rình coi ma. Ma đâu không thấy, nhưng đôi khi thấy những cục lửa màu xanh lân tinh từ trên gò, không biết nơi cái mộ nào, lảo đảo bay lên đọt tre. Tôi kể cho ngoại nghe hiện tượng này. Ngoại bảo, đó là hồn người chết bay lên trời. không nên nhìn, e hồn ma sẽ theo về nhà. Dù thương dì Út, nhưng không bao giờ tôi muốn dì trở về dưới hình bóng một con ma.
Lúc còn sống, dì Út là người thanh tú hơn hết trong các chị em của má tôi. Da dẽ trắng trẻo mịn màng, và mỗi khi dì tháo búi tóc ra, tóc đen mướt, buông dài xuống quá lưng. Tôi hay nâng mái tóc của dì, đưa lên mũi hít thở.
Dì cười, hỏi: - Ngửi thấy thế nào?
Tôi nói: -Nghe mùi của dì.
-Mùi dì ra sao?
-Mùi vú, và mùi dầu dừa.
Dì nhéo tai tôi: -Đừng nói mùi vú. Người ta cười chết.
Thuở còn bé tí teo, tôi thường hay khóc đêm. Má tôi cho mằn vú để tôi dễ ngủ, đã thành thói quen. Khi ở nhà ngoại, tôi ngủ với ngoại hoặc dì Út, cũng không bỏ được tật mằn vú. Vú của ngoại thì teo tóp nhùng nhằng như cái túi da nhão nhẹt. Tôi thích vú dì Út hơn. Xoè bàn tay nhỏ của tôi mà xoa cặp vú căng phồng tròn trịa của dì, thật đã. Bóp mềm mềm như cái bong bóng. Nhưng lần nào

tôi bóp, dì cũng hất tay tôi ra.
-Đừng!
Tôi hỏi: -Đau hả?
Dì nói: -Mày cứ sờ mò nắn bóp hoài, làm sao dì ngủ được? Hãy nằm nghiêng qua bên
kia, quay lưng lại phía dì!
Nằm như thế, tôi lại trằn trọc hoài, khó ngủ. Một lúc sau, độ chừng dì đã ngủ, tôi quay
qua mắn vú.
Dì thức giấc: -Lại nữa! Mày muốn dì đuổi qua giường ngoại không?
Tôi nín thinh. Để im bàn tay trên vú. Cái đầu vú nhỏ xíu của dì kẹp giữa hai ngón tay tôi.
Và tôi êm đềm đi vào chiêm bao.

Năm hai mươi mốt tuổi, dì soi gương đối bóng mỉm cười, hay chải chuốt và chưng diện áo
quần. Dì trở chứng bất thường. Không thích ánh sáng, hay rúc vào buồng, nói chuyện nho nhỏ, cười khúc khích một mình. Mọi người cho rằng, dì mắc bệnh "cõi âm". Dân gian thời bấy giờ giải thích, dì bị một vong linh đàn ông nào đó, theo quyến rũ tư tình. Nghĩa là bị ma ám. Sắc diện dì vàng võ khô héo dần. Năm sau, dì chết đi trong niềm đau xót của gia đình ngoại tôi. Tôi thương dì Út hết sức. Nhìn lên bàn thờ, di ảnh của dì ngó tôi không chớp mắt. Ban ngày tôi không sợ. Nhưng ban đêm mường tượng lại đôi mắt ấy, tôi sợ đến khủng hoảng tinh thần. Tôi cầu mong dì đừng hiện về nhát tôi, tội nghiệp.
Đương nhiên, dì Út tôi được chôn trên khu đất gò

đồng mả. Mộ xây bằng đá ong. Ngôi
mộ nào cũng thế. Sao những cọng cỏ may phất phơ
theo gió trên mộ dì Út lại mang màu ảm
đạm thê lương, làm tôi muốn khóc?
***
Năm xưa. Có hai thầy trò địa lý người Tàu, đi ngang
qua xóm, dừng chân nhìn thế đất gò
đồng mả, tấm tắc khen là nơi linh địa. Nghe thế, ông
ngoại tôi mời về nhà, cơm nước đãi đằng
tử tế, hỏi chuyện tương lai. Thầy Tàu cho biết, tổ tiên
được chôn trên gò đất này, thì đời sau
con cháu sẽ phát về hướng quan trường, phúc lộc.
Ông lại nói thêm, phải chi cái gò nằm dựa
lưng vào con sông thì tuyệt.
Ông ngoại tôi hỏi: -Tuyệt ra làm sao?
Thầy Tàu bảo: -Gò đất dựa lưng con sông. dù không
được như hàm rồng long mạch,
nhưng cũng tựa như kình ngư quẫy sóng. Con cháu dù
không phát vương, cũng có thể cầm
gươm vạch đất, chia cắt giang sơn, cát cứ một vùng,
ngước mặt mà làm minh chủ, sứ quân.
Ông ngoại tôi chắc lưỡi, tiếc sức người không dời
được con sông Vàm Cỏ Đông về bên
gò đất, cho con cháu mai sau được nhờ. Nhưng trời đã
khiến vậy. Chịu thôi. Con cháu chỉ được làm quan
lớn, hưởng nhiều phúc lộc, thoát được số phận hẩm
hiu của bao đời cha ông còng lưng cày bừa trên những
ruộng đồng rẫy bái, cũng an ủi lắm rồi.
Để đáp lại tấm lòng người đã tha thiết gọi mời, ân cần
chiều đãi, ông thầy Tàu ở lại mấy ngày, giúp ngoại tôi

đo đạc đất đai, định hướng mồ mả, đóng cọc yểm bùa trấn yêu chung quanh gò đất. Ông bảo, muốn đời sau hưng thịnh, thì đời này phải khai thông nguồn mạch ẩn tàng trong lòng đất. Xong việc, ông khăn gói ra đi, để lại tên học trò. Ngoại tôi mừng. Không nắm được thầy, thì cột chân học trò. Cũng là một cách giữ ông thần độ mạng nho nhỏ trong nhà. Và người con gái của gia đình làm sợi dây thân ái, nối với tên học trò Tàu, biến hắn thành
con rễ.

Thời gian thấm thoát. Cặp vợ chồng Tàu Việt cho ra đời đến sáu đứa con đầu gà đít vịt.
Tôi là một trong sáu đứa này. Mấy chục năm qua, dòng họ ngoại tôi chưa có ai khá nổi. Đừng nói chi đến chuyện ngóc đầu lên để làm quan triều đình.
Sự kiên nhẫn đợi chờ nào cũng có giới hạn. Ngoại tôi hỏi chàng rễ Tàu: -Sao người
trong dòng họ nhà ta chưa khá?
Ba tôi, tức chàng rễ Tàu, nói: -Ngộ lâu piết.
-Thế sao thầy của mày bảo cái khu gò mả nhà ta là linh địa?
-Nó lâu phải thầy của ngộ.
-Vậy nó là ai?
-Là người cùng một làng với ngộ, ở pên Tàu.
-Sao mày đi chung với nó?
-Ở pên Tàu, nó nghèo, ngộ cũng nghèo. Nó rủ ngộ qua Việt Nam làm giàu. Nhưng xứ
Việt Nam cũng nghèo quá. Nó dẫn ngộ li chỗ này chỗ kia hoài. Ngộ than mỏi cẳng. Nó muốn

pỏ ngộ, nên pảo ngộ ở lại nhà nị. Có cơm ăn, có vợ ngủ.
Ngoại tôi trợn mắt: -Trời đất! Sao lúc đó, mày không nói?
Ba tôi trả lời tỉnh bơ: -Nị không hỏi. Ngộ nói làm chi.
-Bây giờ nó ở đâu?
-Ngộ lâu piết.
-Nó có phải là thầy phong thủy địa lý không?
-Nó cũng như ngộ thôi. Piết chi mà làm thầy.
-Khốn nạn! Vậy mà nó bảo khu gò mả nhà ta là linh địa.
-Nó gạt nị, pảo lất của nị linh thiêng. Nị tin nó làm chi. Lất chỉ có tốt hay xấu thôi. Làm gì
có lất linh hay không linh? Ruộng vườn nhà nị, gò cao lất cứng. Trồng trọt vừa lủ ăn là may
rồi.
Ngoại tôi tức khí, chửi đổng: -Tổ cha thằng Chệt tha phương cầu thực, dám gạt ta!
Dù có tức, thì chuyện cũng đã đâu vào đấy, như một tiền định. Ông ngoại tôi tuổi già sức
yếu. Không còn cơ hội trở mình. Đành bỏ hết những vọng động lo toan. Làm người sằn dã.
Sống theo tinh thần Lão Trang. Hoà mình cùng trời đất. Yên phận với những nương xanh, bờ
cỏ, vườn cây.
Ba tôi nói: -Nị là người trường thọ.
Ngoại tôi nạt: -Lại nữa. Mày muốn bắt chước thằng Chệt tha phương cầu thực, gạt ta
sao?
-Ngộ là con rể của nị. Lâu dám gạt nị. Năm nay nị gần

pảy mươi, nhưng sức còn dẻo,
lòng dạ thảnh thơi. Không làm thầy pói cũng piết, nếu không gặp tai nạn pất lắc kỳ tử, thì nị
còn sống được nhiều năm nữa. Như thế không gọi là trường thọ sao?
-Ừ! Mày cũng có lý. Nhưng từ nay, ta cấm mày không được dùng hai tiếng nị ngộ với ta.
Phải gọi ta là cha, và xưng là con.
-Lược! Nị làm cha, ngộ làm con.

Tám mươi ba tuổi, ông ngoại tôi thanh thản từ giả cõi đời. Nhiều năm sau, má tôi kể lại
cho đám con đầu gà đít vịt nghe chuyện tình duyên của má. Anh em chúng tôi cười nôn ruột.
Tôi hỏi: -Tình duyên của má, nghe có vẻ quái đản. Vậy má có yêu ba không?
Má nói: -Má không biết tình yêu là gì. Nhưng sống với nhau lâu năm, má cũng thương vì
ổng có trách nhiệm gia đình, và biết lo cho các con.
-Lần đầu ngủ chung, ba có tâm tình gì với má không?
-Ngôn ngữ bất đồng. Ổng thủ thỉ thù thì xí xô xí xào bằng tiếng Tàu. Má không hiểu. Ổng xáp lại gần vuốt ve. Má cự tuyệt, hất ổng ra.
Anh tôi nheo một con mắt, chọc quê: -Má hất ổng ra, mà có sáu đứa con lai giống. Nếu
không hất, chắc tụi con phải có đến hàng tá anh em.
Chúng tôi lại cười nghiêng ngửa.
Một lần khác. Nhân lúc ba tôi nhắc lại quãng đời tuổi trẻ, tôi hỏi: -Ba ơi! Ở bên Tàu,
dòng họ mình có ai nổi tiếng trong lịch sử không?

Ông nói: -Có chứ. Lâm Xung là một trong một trăm lẻ tám vị anh hùng Lương Sơn Pạt.
Thời kỳ chiến tranh nha phiến, tổng trấn lưỡng Quảng, Lâm Tắc Từ, lổ nha phiến của pọn Anh xuống piển. Và trong cuộc trường chinh của Mao Trạch Lông, có Lâm Pưu làm lến chức thống tướng.
-Còn ở Việt Nam, họ Lâm có ai nổi tiếng không?
-Mày học chữ Việt mà không piết ông Lông Hồ làm thơ nổi tiếng sao? Tên thật của ổng
là Lâm Tấn Phát.
-Còn ai nữa không?
-Trong quân lội pây giờ, cũng có họ Lâm làm chức lớn. Bên Lục Quân có Lâm Quang
Thơ, Lâm Quang Thi. Bên Hải Quân có Lâm Nguơn Tánh.
-Mấy ông ấy đâu có bà con gì với mình?
-Gốc gác cùng một ông tổ họ Lâm ở pên Tàu. Sao lại không pà con?
-Nhưng mấy ông ấy làm tướng. Còn nhà mình nghèo quá.
-Mới qua Việt Nam, thằng Chệt nào cũng chỉ có hai cái hòn dái treo tòn ten dưới háng.
Xây dựng sự nghiệp pan đầu, pằng cách quảy cặp gánh li mua ve chai, pán đồ cũ. Khá hơn,
thì mở tiệm pán pánh pao, hủ tiếu. Piết chút ít chữ Tàu, thì mở tiệm pán thuốc Pắc cho pà con
Việt Nam. Lâu dần, mới khá lên lược. Cũng như tụi pây lang li lính, piết lâu vài chục năm sau,
lược làm quan lớn. Quân lội Việt Nam sẽ có thêm vài ông tướng họ Lâm.

-Ấy là chuyện tương lai xa vời, còn mù mịt lắm. Hiện tại, tụi con đang làm lính tác chiến, lúc nào cũng có thể phủi chân lên ngồi trên bàn thờ.
-Sống ở lất nước này, phải hy sinh cho lất nước này, lền ơn tổ quốc.
-Ba nói nghe dễ sợ quá!
-Sao lại sợ? Tao ở pên Tàu qua lây, tin có ông Trời sắp lặt mọi chuyện. Như chuyện tao
với má tụi pây, cũng do ông Trời lịnh.
Anh tôi cải: -Phải nói là do ông ngoại định.
Ba tôi lý luận: -Ông Trời khiến ông ngoại. Ông ngoại ép má tụi pây phải chịu tao.
-Như vậy là má bị ép duyên!
Chúng tôi la lên. Lại được một trận cười nữa

Ai cũng có hai nơi, quê nội và quê ngoại. Anh em tôi chỉ có một quê ngoại làm chỗ đi về. Ba tôi bảo, nên học chữ Tàu, để ngày nào đó, sẽ về thăm quê nội. Chẳng đứa nào có được ý niệm, hoặc hình ảnh thân yêu gì về một quê nội xa xôi. Và cũng không bao giờ tha thiết sẽ đặt chân lên một nơi chốn, mà tất cả anh em tôi đều cảm thấy bơ vơ lạc lõng. Vì thế, chúng tôi không chịu học chữ Tàu. Ba tôi lại bảo, phải tập nói tiếng Tàu. Cái loại ngôn ngữ líu lo như tiếng chim, khó nghe khó nói. Anh em tôi không nghe không nói được. Rốt cuộc, ba tôi phảI tập nói tiếng Việt, nếu không muốn trở thành một người câm suốt ngày trong gia đình. Lý do cũng dễ hiểu. Mỗi lần ông la rầy bằng tiếng Tàu, chúng tôi giương mắt ngó cái miệng của

ông, và cứ trơ ra, chẳng có phản ứng gì cả. Tức quá, ông học tiếng Việt để chửi chúng tôi cho hả dạ.

Vì thiếu quê nội, nên bao nhiêu tình cảm, tôi dồn về một quê ngoại mà thôi. Từ ngày ông ngoại tôi mất, gia đình nhà ngoại càng sa sút thêm. Chính sự sa sút này, làm tôi nặng lòng vớI bà ngoại nhiều hơn. Miệng đời thường nói, không ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời. Không biết các đời trước ra sao, chứ đến đời ngoại thì tàn mạt. Nhiều người cho rằng, nhà hướng ra hàng cây duối, nên phong quang bị quỷ thần che ám. Cửa nhìn về đồng mả, nên vận mạng bị âm khí người chết phong tỏa. Vì hai điều khắc kỵ ấy, mà ngoại tôi không mong gì ngóc đầu lên nổi. Nhưng nhà cửa đất đai đã có sẵn như thế từ đời trước rồi, còn biết đổi dời đi đâu nữa?
Những năm chiến tranh ác liệt, xóm làng nhà ngoại cũng tan hoang. Đầu tiên là khu đồng mả. Quân du kích lợi dụng địa hình gò đống lô nhô, chiếm lấy cao điểm, biến nơi đây thành bãi chiến trường, tấn công phe địch. Phía Quốc Gia phản công bằng cách dùng phi pháo cày nát khu đồng mả, đánh bật quân du kích ra ngoài. Khi chiến trường im tiếng súng, thì mả mồ cũng tanh banh, quan tài bật nắp. Xác chết của người đời nay, nằm lẫn với xương trắng của người đời xưa. Nhưng xác chết được mau chóng thu dọn, người ta mang đi đâu không biết. Rải rác còn lại những đầu lâu xương trắng người đời xưa.

Dưới cơn mưa mùa tháng bảy, ngoại tôi dầm mưa,

gom lại từng khúc xương, chôn về
huyệt cũ. Rồi ngoại thắp đèn đốt nhang trên bàn thờ khấn vái, và khóc còn hơn trời sầu đất thảm. Đám con cháu ái ngại nhìn ngoại, nhưng chẳng đứa nào chạnh lòng khóc theo.
Tôi cầm tay ngoại: -Thôi đi ngoại ơi, tổ tiên ngày xưa lúc mới chết, đã được khóc một lần rồi. Bây giờ chỉ còn xương cốt. Lẽ nào mỗi lần nhìn thấy nắm xương là mỗi khóc?
Ngoại mếu máo: -Thời mạt pháp, quỷ dữ lộng hành. Người chết không yên mồ mả. Người sống làm sao sống được?
-Ngoại đừng lo chi cho hao tổn tinh thần. Người sống cứ ăn cơm vào, là tiếp tục sống
thôi.
Ngoại tôi đang khóc, bổng ngừng lại, giận dữ điểm ngón tay vào mặt tôi: -Tổ cha thằng
Tàu lai đầu gà đít vịt. Nói vậy mà nghe được sao? Làm người phải có nguồn cội. Đừng nói theo kiểu bội nghĩa vong ân. Mày chỉ nghĩ đến ông bà cố tổ nội của mày nằm ở bên Tàu, chứ có thương xót chi người ở đây!
Bà con anh em bên ngoại tôi, đang cố tạo vẻ mặt rầu rầu cho phù hợp với nỗi sầu ai oán của ngoại, bỗng cười rộ lên. Ngoại cũng gạt nước mắt, cười theo.
Nhiều lần, sau những cuộc đụng độ giữa hai phe lâm chiến, xóm làng nhà ngoại tiêu điều thê thảm. Người ta dùng xe ủi, khai quang cây cối chung quanh khu đất gò. Những hàng tre, lùm bụi trong xóm cũng bị san bằng trống trải. Hàng cây duối, mà ngày nào đó, ngoại

tôi nói có thần linh trú ngụ, cũng không còn nữa. Chẳng biết thần linh di tản nơi nào? Có dẫn đám binh gia rắn lục của ngài theo? Bây giờ, nhà ngoại đứng trơ vơ giữa đồng không mông quạnh. Ngó lên khu đất gò, mộ bia xiêu lệch, như những nấm mồ hoang.
Quân du kích không còn nơi ẩn núp, lui sâu hơn vào những vùng hẻo lánh. Ban đêm.
Thỉnh thoảng, họ về làng kiếm ăn, và rỉ tai ngoại tôi: -Quân ngụy ác ôn. Cày mồ phá mả. Hủy diệt màu xanh. Triệt tiêu mầm sống. Phá hoại làng mạc. Đem bom đạn giết hại dân lành...
Ngoại nói: -Nếu các ông không núp ló trên khu đất gò, không rình mò bắn lén, thì bom
đạn đâu có động đến mồ mả nhà tôi.
-Mẹ chiến sĩ đừng nói thế. Luận điệu mất lập trường của mẹ, dễ bị phê bình chỉ trích là
phản cách mạng.
-Tôi có nhập bè kết đảng với ai đâu, mà bảo là phản?
-Mẹ nói thế là có ý gì?
-Tôi không có ý gì hết. Chỉ yêu cầu các ông, kéo nhau vô rừng mà đánh nhau. Đừng lảng vảng chung quanh đây. Tôi sợ bị vạ lây. Tôi già rồi, chỉ mong được yên thân cho đến ngày nhắm mắt.
-Công cuộc giải phóng đất nước còn nhiều khó khăn, đòi hỏi nhiều hy sinh gian khổ. Mẹ ích kỷ, chỉ muốn được yên phần mẹ. Tư tưởng như thế, nhân dân không thể chấp nhận.
Ngoại tôi không dám nói tiếp. Khi người ta đã viện lý do giải phóng, thì không từ nan bất cứ biện pháp sắt máu nào. Khi đã lạm dụng đến hai tiếng nhân dân, thì

mọi cá thể đều không nghĩa lý gì
Mãi lâu sau, có người hỏi ngoại: -Già rồi, còn sợ chết hay sao?
Ngoại ngước mặt, nhìn trời: Thân phận hèn mọn như con trùn con dế, còn ham sống
thay. Huống chi ta!
Nếu đứng bên ngoài mà trông, nhà ngoại rất bề thế. Nhà rộng ba gian, nền cao lót
gạch, mái ngói âm dương. Dù tường vôi loang lở nhưng còn thể hiện được cái quá khứ sung mãn một thời. Vào bên trong rỗng tuếch, mới thấy hết được sự suy sụp của thời gian, phơi bày ra nỗi nghèo nàn cơ cực. Đồ đạc cũ kỹ, lâu ngày mối mọt hư hao. Cối xay lúa, và cối giã gạo chiếm gần hết gian nhà giữa. Hồi nhỏ, mỗi lần nghe tiếng xay lúa rồ rồ, tiếng giã gạo cùm cụp, thế nào tôi cũng ngủ gục. Có khi còn nằm lăn ra bên cạnh cối xay, thiếp đi một giấc ngon lành. Cái âm thanh và hình ảnh nghèo nàn thân thuộc ấy, tiềm tàng ăn sâu vào tâm thức, đeo đẳng theo tôi suốt đời. Nhiều khi bồi hồi nhớ lại, tôi tưởng chừng còn nghe tiếng cối xay đang rền rĩ trong đầu, và mềm lòng đến ứa nước mắt. Gian nhà trên, có bộ ván gõ. Mỗi tấm ván dày cỡ gang tay. Qua bao thế hệ thấm đẫm mồ hôi, mặt ván lên nước bóng ngời. Những trưa mùa hè, nằm trên bộ ván, nghe mát lạnh tấm lưng. Sát vách, có ba cái tủ thờ bằng cẩm lai khảm xa cừ, chạm hình cảnh và người. Tôi ngắm hoài không chán. Lớn lên, mới biết những hình ấy lấy sự tích từ truyện Tàu. Đặc biệt hơn nữa, nhà ngoại có cái rương bằng gỗ, rất to. Tôi chưa từng thấy nhà ai có cái rương to đến thế.

Cái rương to như chiếc xe bò. Phía dưới có gắn bốn bánh xe, cũng bằng gỗ. Ngoại tôi nói, vào thời trước, mỗi lần chạy giặc Tây, người trong gia đình phải đẩy cái rương chạy theo. Có lần ngoại mở nắp rương, tôi thấy bên trong toàn là chén dĩa bằng sứ, và những nồi đồng, mâm thau cất giấu lâu ngày không dùng, nên bị rỉ một lớp ten xanh.
Tôi hỏi:
-Chạy giặc, sao còn đẩy cái rương theo?
Ngoại nói:
-Bỏ lại, Tây sẽ lấy hết.
-Ở bên Tây không có những thứ này sao?
-Xứ nó nghèo, làm sao có được của quý? Nó qua xứ mình để ăn cướp.
Tôi tin lời ngoại, nhưng vẫn thắc mắc. Tây qua xứ mình chỉ để cướp đi những chán dĩa,
nồi đồng, mâm thau thôi sao?

***

Ngày còn thơ ấu. Những buổi trưa, tôi thường nằm ngủ trên bộ ván gõ nhà ngoại. Khi
thức dậy, thấy những tia nắng xuyên qua những lỗ hở trên mái nhà, dọi xuống. Trong tia nắng, có vô số hạt bụi bay vơ vẩn, như những sinh vật li ti đang bơi trong không khí. Không biết tại sao, cảnh tượng này, lại gây cho tôi một nỗi buồn khôn tả. Đang buồn, nhìn vào phía trong lại thấy cái rương quá to. Điều kỳ lạ, là càng nhìn cái rương càng to ra, và tôi có cảm tưởng mình càng bé lại. Thế là tôi khóc.
Ngoại tôi cằn nhằn: -Thằng nhỏ này có cái thói không

chừa được. Lần nào ngủ trưa dậy, cũng khóc.
Cậu tôi là người rất dữ dằn, doạ nạt cỡ nào, tôi cũng không nín. Cậu bỏ tôi trong cái
thúng. Đặt cái thúng vào chiếc gióng. Cột dây thòng tôi xuống giếng.
-Nếu mày không nín. Tao thả rớt xuống luôn.
Tôi vừa khóc vừa nói: -Thả rớt luôn đi.
Cậu từ từ thòng tôi xuống chạm mặt nước. Nước làm ướt đít tôi.
Cậu hỏi vọng xuống: -Mày chịu nín không?
Tôi khóc, không trả lời. Cậu hạ thêm. Nửa người tôi ngập trong nước.
Giếng quá sâu, không đủ ánh sáng. Nước lại lạnh. Thành giếng cũng toát ra hơi lạnh. Tôi quơ tay ra ngoài, đụng phải thành giếng rong rêu trơn nhớt. Cảm giác rờn rợn luồn vào da thịt, làm tôi khiếp vía. Hình như tôi bị ngộp. Không biết vì giếng sâu thiếu dưỡng khí, hay sự sợ hãi làm tôi khó thở. Tôi nhắm mắt lại, và muốn được chết ngay, để thoát cái cảnh bị hành hạ khốn nạn này.
Có tiếng ai la nheo nhéo trên miệng giếng. Và cậu kéo tôi lên. Tôi thấy ngoại đang khóc.
Ngoại nhấc tôi ra khỏi cái thúng, mắng cậu: -Mày độc ác. Doạ kiểu này, nó hoảng hồn
chết luôn làm sao?
Cậu chống chế: -Nó mà hoảng hồn? Thằng này lì lắm. Thiên lôi tầm sét, chưa chắc đã
làm nó sợ.
Ngoại dẫn tôi vào nhà, ôm tôi và khóc. Trong khi ngoại khóc, tôi lại nín khe. Thương

ngoại bao nhiêu, tôi oán cậu bấy nhiêu. Từ đó trở đi, nơi nào có cậu, tôi đều tránh mặt. Nghe tiếng nói tiếng cười của cậu, tôi cũng ghét. Ấn tượng một lần bị thả xuống giếng, tôi không bao giờ quên.
Sau này, cậu bỏ nhà theo Việt Minh. Trong gia đình ai cũng nhắc nhở, nhớ thương. Riêng tôi lại mong, cậu đi đâu thì đi luôn cho rồi. Đừng về nữa. Thế nhưng, thỉnh thoảng cậu vẫn ghé về thăm nhà. Tôi chỉ chào hỏi qua loa, rồi lẩn mất. Những chuyến đi về của cậu, càng về sau, càng thưa dần. Rồi cậu đi biền biệt, bặt tin luôn. Đến khi nghe tin cậu mất, mọi người trong thân tộc bàng hoàng. Má tôi chảy nước mắt như mưa. Ngoại xót xa rên xiết từng đêm. Tôi không hề xúc động, dửng dưng như người chưa từng quen biết. Cậu là người duy nhất trong dòng họ ngoại tôi, khi chết không đem được xác về chôn trên khu đất gò đồng mả.
Cái chết của cậu, một kẻ trở về kể lại, nghe cũng rất ly kỳ. Cậu đặc trách công tác nội
thành. Lâu lâu, về mật khu để báo cáo tình hình. Một buổi chiều. Cậu cùng vài ba đồng chí về gần tới mật khu.
Bỗng nghe bên đường, trong cây rậm, có tiếng hô lớn:
-Tất cả đứng lại. Giơ tay lên!
Cậu nói: -Đường sá xa xôi, mệt lắm rồi. Đừng đùa, đồng chí ơi!
-Tao bắn bể đầu. Chứ đùa với mầy hả?
Những người cùng đi với cậu dừng lại, sửng sốt. Đây là địa phận an toàn của Việt Minh, sao bị phục kích? Từ trong cây rậm, ra lệnh: -Thằng cha quấn khăn rằn

trên cổ, đứng lại. Những người khác tiếp tục đi. Cậu ở lại. Người ta dẫn cậu đến một cái chòi của rẫy bắp, trong rừng. Nơi đây, cậu được ăn một bữa cơm chiều với khô trâu. Sau đó, cậu bị chính những người đồng chí của mình kết tội, lợi dụng công tác nội nội thành, làm gián điệp cho Tây. Người ta trói, và dẫn cậu đến một cái giếng lạn, loại giếng bỏ hoang lâu ngày, khô nước. Cậu bị đập đầu, xô xuống giếng. Giữa rừng già mênh mông, tìm cái giếng để đem xác cậu về, không là chuyện dễ.

Vợ cậu, người tôi gọi bằng mợ, nhan sắc mặn mà, sắc sảo khôn ngoan. Mợ quyết chí trả
thù chồng, làm đơn khiếu nại, tố cáo kẻ giết chồng mợ. Để tránh con mắt dò xét của người lạ, mợ giấu đơn từ vào trong chiếc nón lá, và chằm kín lại, trông như chiếc nón bình thường.
Một ngày mưa, mợ đội nón lá ra đi. Tôi đứng trước thềm hiên, trông theo người đàn bà
khốn khổ. Thấy mưa rả rích trên hàng dừa trước ngõ. Mưa mù tận ngoài bưng. Mưa khuất rặng cây xanh ở phía chân trời.
Ngoại tôi chạy theo, níu áo: -Con ơi, người chết không sống lại được. Con khiếu nại, tố
cáo cho ra lẽ, thì chuyện cũng đã rồi.
Mợ nói: -Người ta giết oan chồng con. Lẽ nào con cắn răng im lặng?
-Nếu không im lặng, con làm gì được ai?
Mợ nghẹn lời, rồi bật khóc. Cương quyết dứt áo ra đi. Ngoại tôi lủi thủi quay vào. Đầu tóc ướt mem. Ngồi rũ

trong bếp.
Những ngày sau. Ngoại bồn chồn không yên, trông mợ trở về. Không phải để nghe mợ
báo tin, trả được thù chồng. Ngoại chỉ sợ người ta sẽ thủ tiêu luôn cả mợ.
Rồi mợ cũng về trong bơ phờ thất vọng. Những đồng chí cũ của cậu đều làm ngơ, không ai nhận trách nhiệm về cái chết của cậu.
Cái gan của mợ, chẳng biết lớn tới cỡ nào. Mợ nhất định rời khỏi nhà ngoại. Rời khỏi cái nôi của đại gia đình dòng họ nhà chồng, dẫn mấy đứa con nheo nhóc về vùng kiểm soát của Lực Lượng Liên Minh giáo phái Cao Đài. Không lâu sau, mợ lấy một sĩ quan của Lực Lượng Liên Minh. Dựa thế lực chồng mới, báo thù cho người chồng cũ. Máu oan cừu của cả hai phe lại âm thầm đổ xuống. Không phải qua những đụng độ trên chiến trường, mà bằng những thủ đoạn rình rập chặt đầu, bắn giết thủ tiêu nhau. Và đó cũng là một trong những nguyên nhân đưa đến sự tàn mạt cho gia đình ngoại tôi. Bởi các đồng chí cũ của cậu, coi gia đình nhà ngoại là thù địch, luôn luôn theo dõi, gây ra nhiều nỗi khó khăn.
Theo thời gian, nhà ngoại đổ xiêu rách nát. Bà ngoại tôi bỏ nhà, lên khu đất gò, nằm kế
bên mả ông ngoại. Má tôi rầu rĩ ho lao, cũng vội vàng lên chiếm một chỗ trên khu đất gò. Ba tôi từ bên Tàu, theo ông thầy phong thủy địa lý giả mạo sang đây, bị bỏ rơi ở nhà ngoại. Ngoài người vợ Việt Nam, và mấy đứa con lai Tàu, ông không còn liên hệ họ hàng với ai. Khi má tôi từ giả cõi đời, ông buồn tình, không thiết

sống nữa. Thế là ông tự động đứt mạch máu não, hôn mê mấy ngày trước khi bơi qua sông Nại Hà, theo cho kịp má tôi. Đối với bên vợ, ba tôi là người ngoại tộc, nhưng cũng được đặc ân chôn trên khu đất gò đồng mả dòng họ ngoại tôi.

***

Thời thế xoay nhanh đến chóng mặt. Mặt đất cũng biến đổi dị thường sau những thăng
trầm dâu bể. Mồ mả tiên tổ bao đời của ngoại tôi, được lệnh bốc đi nơi khác. Trên quê hương xứ sở, còn có nơi nào được nằm yên vĩnh viễn? Thôi thì hốt cốt, dồn chung lại, hoả táng một lần cho xong. Khu đất gò, bây giờ là văn phòng Ủy Ban Nhân Dân Xã. Từ trên văn phòng Ủy Ban nhìn xuống, cái nền nhà cũ của ngoại, mọc lên hai dãy nhà kho, dùng chứa nông phẩm Hợp Tác Xã. Và vườn cây ăn trái phía sau nhà ngoại cũng bị san bằng, biến thành sân đá banh. Dòng đời, và tất cả cơ ngơi của ngoại tôi, chỉ còn trong hồi tưởng.

Viễn thám

Bảy thằng Viễn Thám chúng tôi được trực thăng vận vào vùng hành quân. Theo kế hoạch, giữa trưa sẽ nhảy xuống khu rừng giáp ranh đồn điền cao su Choup, thuộc lãnh thổ Kampuchia. Nhưng mấy thằng phi công ôn dịch cứ bay tít ở trên cao, và lượn tới lượn lui mãi. Chắc nó muốn ăn đạn phòng không? Nó không biết phía dưới có hàng vạn quân Bắc Việt đang giương mắt ngó lên sao? Bay lượn cái kiểu trêu người này, chẳng khác nào báo cho địch biết rằng, tao sắp thả mấy thằng Viễn Thám xuống đây, hãy chuẩn bị bắt nó. Nhưng làm sao nói với thằng phi công? Lỗ tai nó đã bịt kín lại bằng cái máy nghe. Gió tạt mạnh và tiếng cánh quạt phần phật làm át đi mọi tiếng nói. Không những thế, nó còn làm sai bét cả nguyên tắc nghi binh của Viễn Thám. Một chiếc trực thăng đổ quân, hai chiếc Cobra yểm trợ có trang bị đại liên và rocket, sà xuống bắn xối xả, ít nhất là vài ba cái trảng trống trong rừng. Trong những lần sà xuống ấy, chúng tôi nhảy ở một nơi đã được chọn lựa trước, để địch không biết chắc chúng tôi xuống điểm nào. Đằng này, sau khi quần cho đã, bỗng chiếc đổ quân hạ ngay xuống điểm chính. Hai chiếc Cobra kè hai bên, bắn qua loa vài phát. Xong, cất đầu lên, bay về luôn. Thằng Sử trợn mắt nhìn theo, chửi thề: "Đù má! Nó làm ăn cái kiểu gì kỳ cục vậy?"

Không ai có thì giờ ở đó mà chửi phụ hoạ theo thằng

Sử. Chúng tôi lủi nhanh vào lùm rậm. Kiểm lại quân số. Rồi tức tốc rời khu vực vừa đổ quân, càng xa càng tốt. Chậm trễ, địch kéo tới bao vây thì bỏ mạng.

Vào đất Kampuchia lần này, chúng tôi có nhiệm vụ theo dõi tình hình và ghi nhận những nơi tập trung quân của địch. Đây không phải lần đầu tôi nhảy toán. Nhưng chuyến đi này, tôi lo lắng rất nhiều, nếu không nói rằng sợ. Theo tin phòng nhì, Công Trường 7 và Công Trường 9 của Bắc Việt, hiện đang có mặt trong vùng rừng rậm Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt, trải quân chiếm cả hai đồn điền cao su Choup và Mimot. Mấy tháng trước, chiến đoàn phối hợp nhị thức Bộ Binh Thiết Giáp, vào Choup và đã bị đánh bật ra ngoài, gây tổn thất khá lớn về nhân mạng. Sau đó, người ta không muốn dùng lực lượng bộ binh để tấn công vào đồn điền nữa, vừa tốn kém nhiều, lại không nắm chắc được phần thắng. Vì thế, Không Quân và Pháo Binh được nghĩ đến. Và Viễn Thám được điều động vào vùng, để đưa những mục tiêu lên "lưới".

Liên tiếp trong hai tuần lễ vừa qua, có hai toán Viễn Thám được thả vào đồn điền Choup. Nhưng tất cả đều mất tích một cách khó hiểu. Những chàng Kinh Kha thời đại, chẳng ai tiễn qua sông mà cũng một đi không trở lại. Toán chúng tôi là toán thứ ba. Kế hoạch có thay đổi chút ít. Xuống ở vùng rừng rậm, để từ đó, mò vào Choup. Lấy hướng Đông, xuyên qua đồn điền, về điểm hẹn tại biên giới Việt Nam. Trên đường đi, sẽ chấm toạ độ đóng quân của địch, đưa lên "lưới viễn

thám" cho phi pháo oanh kích. Nhiệm vụ đơn giản chỉ có thế, nhưng thi hành thì tính mạng ngàn cân treo sợi tóc.

Từ nửa tháng nay, tinh thần chúng tôi hơi căng. Lúc những đơn vị lớn nằm án binh bất động, là lúc bọn Viễn Thám lao vào vùng địch. Thời gian hạn định cho một chuyến công tác là ba ngày hai đêm. Đã hơn mười ngày rồi, hai toán trước vẫn biệt tăm. Máy siêu tần số của trung tâm vẫn trực 24/24. Không một tín hiệu gọi về. Đứt liên lạc. Tình hình địch ra sao, không nắm vững. Trong chiến tranh, mạng người như những đồng bạc lẻ, tiêu pha không tiếc. Mất mười bốn thằng Viễn Thám, chẳng nghĩa lý gì so với với những thiệt hại vừa qua ở Dambert, Soul, Mimot, Choup. Thí mạng thêm bảy thằng Viễn Thám nữa, để thăm dò tình hình địch, không phải là một cái giá quá đắt.

Tôi được gọi lên phòng thuyết trình, nhận lệnh hành quân. Sáu thằng trong toán lảng vảng bên ngoài, lo lắng. Khi tôi bước ra, không thằng nào lên tiếng hỏi, nhưng những cặp mắt ái ngại nhìn tôi, chờ đợi một câu trả lời.

Tôi nói ngắn gọn: "Chuẩn bị."

Có mấy tiếng lảm nhảm chửi thề. Đó là dấu hiệu của sự bất mãn. Trong cái đầu của những thằng lính trận, hình như luôn luôn có sự bất mãn. Và miệng sẵn sàng tuôn ra những câu chửi thề vô tội vạ. Bất mãn, chửi

thề là cái bệnh chung của anh em. Không cần chữa trị, căn bệnh này cũng biến mất lúc đứng trước thượng cấp. Vì thế mà kỷ luật được duy trì, mệnh lệnh được thi hành một cách triệt để.

Trong lúc anh em lo kiểm lại cấp số đạn dược, và sơn mặt ngụy trang, tôi bảo trung sĩ Năng lên kho tiếp liệu, lãnh khẩu phần cho cả toán.

Khi vác khẩu phần về, Năng nói:"Kèo nài mãi, mới xin dư được một túi mưu sinh."

Thằng Nhiêu hỏi: "Để làm gì?"

"Bán cho mấy thằng trực thăng. Cũng được chầu nhậu linh đình."

"Chưa biết còn mạng trở về hay không. Nói chi đến chuyện nhậu."

Năng sừng sộ: "Đù má! Sắp hành quân. Miệng ăn mắm ăn muối, đừng nói bậy nhe."

"Mày là thằng sợ chết nhất. Mới cưới con vợ ngon lành. Sáu tháng chưa về phép. Đêm ngủ mộng tinh. Bỏ vợ nhà lâu quá, hôi ê."

Anh em cười rộ.

Năng nhìn tôi: "Xong chuyến đi này, trung úy đề nghị

cho tôi về phép?"

Tôi trợn mắt: "Mày giỡn? Tình hình đang căng thẳng, cấm trại trăm phần trăm. Ai dám cấp giấy phép cho mày?"

"Lúc nào cũng nghe nói tình hình căng thẳng, và cấm trại. Đánh giặc lâu dài, chứ đâu phải đôi ba bữa là xong. Không thể trấn con người ta vô rừng mãi được. Phải liệu cách giải quyết chứ?"

"Mày có gan thì lên gặp Đại Bàng Già mà khiếu nại. Trên ổng còn có Mặt Trăng, Mặt Trời, Bắc Đẩu..., cứ theo hệ thống quân giai mà khiếu nại dài dài lên Tổng Thống. May ra trường hợp của mày được giải quyết."

"Những thằng lính văn phòng, chẳng cần phép tắc mà vẫn tà tà ở thành phố, ôm đít vợ hằng đêm. Còn mình trông cái phép gần chảy máu mắt, không được. Bất công!" Năng càm ràm.

Tôi nói: "Bất công là lẽ thường. Trên cõi đời chó má này, làm gì có sự công bình?"

"Nghĩ tức. Nhiều khi muốn đào ngũ."

"Cứ đào ngũ đi. Bọn Quân Cảnh ngồi ngáp gió, không có việc gì làm. Nó đang chờ mày đấy. Còn ở đây, không có mày thì có thằng khác thế vào."

Thượng sĩ nhất Sử, nói: "Năng ơi, trước khi hành quân, mày đừng lải nhải ba cái chuyện đó nữa, được không? Nhìn bộ mặt nhăn như cái bánh bao của mày, tao nản!"

Thằng Sử là toán phó Viễn Thám. Nó ra trường Đồng Đế năm mười chín tuổi. Liều mạng và háu đá. Năm năm chiến trường, chưa một lần bị thương. Nó khoe, thầy của nó tu luyện ở Thất Sơn, chuyên môn uống máu dơi và ăn gan rắn hổ. Ngày vẽ bùa trấn ma. Đêm ngậm ngải mà ngủ. Cái nanh heo rừng, nó đeo lủng lẳng trước ngực, thầy nó đã tươm bùa vào rồi. Nó coi cái nanh này là một thứ bùa hộ mạng, bom đạn không thể xâm phạm được nó. Từ tiểu đoàn Biệt Động Quân, nó xin qua Viễn Thám. Mới đầu, tôi không chịu nhận nó vào làm toán phó. Tôi chỉ cần thằng nào dè dặt và cẩn trọng, chứ không cần liều mang và háu đá. Bởi nhiệm vụ của chúng tôi là theo dõi địch tình, và né tránh tối đa những đụng độ. Nhưng nó nói, ông thầy yên tâm đi, thằng Sử này cũng biết tùy hoàn cảnh, không phải lúc nào cũng làm ẩu đâu. Tôi nhận, và đề nghị cho nó đi thụ huấn một khoá Viễn Thám ở Dục Mỹ. Học xong, nó về với tôi, đã hơn năm. Sau những lần vào ra hang hùm, tôi thấy nó đã biết... sợ.

Từ lúc đổ quân cho đến chiều, chúng tôi luồn lách trong khu rừng rậm. Phát hiện nhiều dấu vết di chuyển của địch qua cây cỏ bị rạp. Phần lớn rạp xuôi về hướng đồn điền. Chiều gần chạng vạng, chúng tôi dừng lại bên ven rừng, giáp ranh đồn điền. Dự định

"lót ổ" qua đêm. Tôi mở máy siêu tần số, báo về trung tâm hành quân những gì đã nhìn thấy, và ước đoán tình hình địch đang dồn thêm quân về Choup.

Có tiếng của Đại Bàng Già: "Dấu vết mới hay cũ?"

Tôi trả lời: "Có mới, có cũ."

Lệnh Đại Bàng Già: "Ngày mưa phùn. Chồn Đầu Bạc lần theo dấu mới. Hết."

Trong đặc lệnh truyền tin, "ngày mưa phùn" là ngày mai. Ám danh của trưởng toán 3 Viễn Thám là Chồn Đầu Bạc. Chẳng biết tại sao, khi làm đặc lệnh truyền tin, người ta lại lấy tên của con thú đặt cho tôi? Đã là chồn, thì có chồn hôi, chồn mướp, chồn đèn. Làm gì có chồn đầu bạc?

Có lần, đang ngồi chơi trước Bộ Chỉ Huy, trông thấy vị sĩ quan truyền tin đi qua, tôi gọi: "Ê! Thuận Phong Nhĩ. Sao đặt tôi là Chồn Đầu Bạc?

Hắn cười: "Chồn già."

"Trai ba mươi tuổi còn son. Gái ba mươi tuổi đã toan về già. Tôi ba mươi, sao gọi rằng già?"

"Già mưu mô, như con chồn của La Fontaine dụ con gà trống gáy. Còn bạn, sao gọi tôi là Thuận Phong Nhĩ?"

"Trong Tây Du Ký, Thuận Phong Nhĩ là thằng truyền tin của Ngọc Hoàng, có cái lỗ tai nghe xa ngoài ngàn dặm."

Hắn gục gật cái đầu: "À, ra thế."

Rồi bỏ đi. Cái tướng phục phịch như con gấu đực, nhưng vô cùng chung thủy. Không bao giờ hắn chơi đĩ. Hắn sợ mắc tiêm la, rồi sang mầm bệnh cho vợ. Nhiều thằng lén rỉ tai, hắn bị vợ khoá cu, không cho chơi bậy.

Tôi chọn chỗ ngủ có nhiều gai góc, và lùm bụi che khuất. Ban đêm, nếu địch di chuyển qua đây, cũng phải né tránh những nơi vướng mắc khó đi. Thế là chúng tôi được an toàn. Bóng tối đổ xuống rừng già rất nhanh. Đêm mù. Khí ẩm hơi sương. Thỉnh thoảng, có những trận gió cuốn qua, rào rào trên đọt cây. Tiếng hú của cú mèo, như tiếng ma kêu. Tiếng "cốc cốc" của con chim gì không biết, như tiếng gõ nhịp song lang. Chúng tôi nằm im, nhưng không thằng nào ngủ được. Nghĩ đến mai đây, lần theo dấu địch vào đồn điền cao su, ai cũng ớn xương sống. Địch đông như kiến cỏ. Chúng tôi chỉ bảy thằng. Nếu bị lộ tung tích, biết chạy đàng nào?

Thằng Năng, nằm kế bên tôi, thì thầm: "Xong chuyến này, thế nào trung úy cũng ráng tìm cách cho tôi về thăm vợ vài ngày?"

Thì ra, thằng Năng không ngủ vì nhớ vợ. Chẳng phải như chúng tôi, không ngủ vì lo một ngày mai.

Tôi nói nhỏ: "Lúc này, cầm giấy phép về phố, Quân Cảnh cũng nắm đầu. Tao sẽ năn nĩ, xin Đại Bàng Già cấp sự vụ lệnh cho mày đi công tác. Lợi dụng chuyến đi này, mày ghé về thăm vợ."

"Trung úy hứa thì giữ lời nhe."

"Tao giữ lời. Còn cấp trên chịu cho hay không, là chuyện khác."

"Tôi nghĩ, trung úy nói là ổng thông cảm liền."

Tôi nằm xích lại gần Năng hơn: "Tao hỏi thiệt. Đêm động phòng, vợ mày còn nguyên không?"

"Làm sao biết còn hay không?"

"Rách màng trinh, chảy máu."

"Tối quá. Không nhìn thấy."

"Có tỏ vẻ đau đớn không."

"Không biết. Chỉ nằm im như khúc gỗ. Có thể đau, nhưng mắc cở nên cắn răng chịu đựng."

"Có "bót" không?"

"Bình thường."

Tôi vặn: "Bình thường là sao?"

Năng lí nhí: "Hỏi khó nói quá."

"Mày như con bò rừng. Chỉ biết hùng hục, chẳng nhận xét gì cả."

Năng nói, nghe rất tội nghiệp như tự nói với chính mình: "Người ta thương mình. Chịu làm vợ mình, đủ rồi. Mất hay còn trinh, không quan trọng. Miễn sau này, đừng bậy bạ với thằng nào. Trước khi lấy người ta, mình cũng... tơi bời hoa lá, chứ tốt lành gì, mà đòi hỏi người ta còn nguyên xi."

Nằm một lúc lâu, Năng khều vai tôi: "Hồi còn bên Trinh Sát, nghe trung úy sắp cưới vợ?"

Tôi nói: "Xù rồi."

"Ai xù?"

"Đàng gái."

"Tại sao?"

"Ông bố của cô ta bảo, khi nào tao xin được về văn

phòng, mới chịu cho đám cưới. Mà gia đình tao nghèo, không quen "gốc lớn". Làm sao xin?"

"Thương thì lấy. Văn phòng hay tác chiến, đâu quan trọng?"

"Ổng sợ con ổng sớm thành goá phụ."

Năng chửi thề: "Đù má! Đi tác chiến, đều là những thằng gia đình nghèo nàn, không thân thế. Sống hùng sống mạnh, nhưng không không sống lâu."

"Thôi, ngủ đi Năng ơi. Khuya, mày còn lên phiên gác."

Tôi lan man nghĩ về cô sinh viên Sư Phạm. Tưởng mối tình sẽ tốt đẹp, sau khi cô ra trường. Nào ngờ, bố cô như một bóng đen trùm xuống với một điều kiện, mà tôi biết rằng tôi không đủ khả năng thực hiện. Thế là cô ta đi lấy chồng. Rồi mọi chuyện cũng đâu vào đó. Cô vẫn bình thường, như chưa từng trải qua một lần thề sống chết với tôi. Khi tôi tình nguyện qua Viễn Thám, có thằng bảo tôi thất tình, lao vào chỗ chết. Tôi chỉ cười. Thật ra, tôi có buồn buồn một thời gian. Nhưng không quằn quại đau thương bỏ ăn mất ngủ, đến nỗi điên khùng muốn tự tử, như mấy thằng bạn nói.

Rọ rạy một hồi, Năng lại hỏi: "Không cưới được vợ, có thất tình không?"

Tôi nói có. Năng bảo nhiều thằng vì thất tình mà trở thành thi sĩ. Và hỏi tôi có làm thơ thất tình không?

Tôi trả lời bằng cách đọc ẩu:

Em như cục cứt trôi sông
Anh như con chó đứng trông trên bờ
Em như cục cứt dật dờ
Anh như con chó trên bờ đứng trông.
Năng cười rúc trong cổ: "Thơ thất tình gì mà chỉ thấy chó với cứt. Con vợ tôi nghe được bài thơ này, chắc cười chết bỏ."
Tôi nhắc lại lần nữa: "Thôi, ngủ đi Năng ơi. Khuya, mày còn lên phiên gác."

Trời hừng sáng. Đủ loại chim rừng hót rộ trên cây. Chúng tôi nhìn nhau, thấy lạ. Màu chàm ngụy trang trên mặt cho tiệp với màu xanh cây lá, đã đã làm mặt người đổi khác. Tôi trải tấm bản đồ, chỉ cho cả toán biết điểm tập trung trong ngày, nếu chẳng may thất lạc.

Lại dặn dò hạ sĩ Nhiêu: "Mày đi đầu, không cần phải theo đúng phương giác địa bàn. Tùy theo địa thế mà đi. Phải hết sức cẩn thận."

Theo đội hình hàng dọc, Nhiêu là khinh binh đi đầu, kế là tôi..., và thằng Sử toán phó, đi sau cùng.

Đồn điền Choup. Những cây cao su được trồng ngay hàng thẳng lối. Thân cây già cỗi, to đến cả người ôm. Tàn lá rợp, che bóng mặt trời. Thời kỳ chiến tranh, đồn điền bị bỏ hoang nhiều năm. Gai mắc cở là đà ngang đầu gối. Cỏ dại gần lút đầu người. Những loài cây tạp cũng chen nhau, vươn lên cùng với cao su. Lợi dụng địa hình che khuất, quân Bắc Việt đã vào đây trú ẩn.

Gần đứng trưa. Thằng Nhiêu dừng lại, nép vào gốc cao su, ngắc tay gọi tôi lên.

Nó nói nhỏ: "Lắng nghe."

Trên trời có tiếng rì rì như tiếng của con ong bay qua.

Tôi nói: "Con đầm già L19, bay quan sát."

Nó lắc đầu, chỉ tay về phía trước. Có tiếng nói văng vẳng, vọng lại từ xa. Thỉnh thoảng có tiếng động, hình như tiếng chặt cây.

Tôi ngó về phía sau, làm thủ hiệu cho anh em bố trí tại chỗ. Tôi và thằng Nhiêu len lỏi mò lên. Không dám tới quá gần vì sợ bị lộ, nhưng tôi cũng ghi nhận được những dữ kiện cần thiết để ước đoán tình hình. Khi quay lại chỗ cũ, tôi mở máy báo về trung tâm hành quân. Thuận Phong Nhĩ tức tốc gọi Đại Bàng Già đến ngay đầu máy.

Tiếng Đại Bàng Già: "Tao đưa mục tiêu lên "lưới". Chồn Đầu Bạc xáp lại gần, quan sát, điều khiển "thiên lôi" làm việc, và cho biết kết quả. Hết."

Trời đất! Phi pháo dội xuống mục tiêu. Quân địch như ổ kiến lửa, bị động sẽ bung tràn lan ra ngoài. Đại Bàng Già bảo xáp lại gần. Ông tưởng bọn tôi có thể tàng hình trước con mắt địch quân hay sao?

Tôi bảo mấy thằng trong toán: "Lệnh là thế. Nhưng tụi mình phải "dọt" khỏi chỗ này cho xa."

Chúng tôi đổi phương giác. Né tránh mục tiêu. Chừng mười lăm phút sau, pháo nổ ầm ầm dữ dội. Dứt đợt pháo, phản lực cơ bắt đầu gầm thét và thả bom Napalm, đốt cháy một khu vực đồn điền.

Đang di chuyển, tôi nghe tiếng Đại Bàng Già hỏi, tốt không, có cần điều chỉnh gì không?

Nhìn về phía mục tiêu, tôi nói tốt rồi. Đâu biết phi pháo dội có chính xác hay không. Tôi nghĩ, dù sao cũng phải lo cho mạng sống của bảy thằng chúng tôi trước. Bỗng có tiếng súng AK nổ dòn, bên hông trái đội hình. Tiếp theo, nhiều loạt súng khác nổ ran.

Trời ơi! Né tránh chỗ đóng quân, lại đâm đầu vào "chốt" tiền đồn của địch. Tôi la lên trong máy: "Đụng rồi." Và bấm cái nút báo động đỏ. Máy siêu tần số trang bị đặc biệt cho Viễn Thám, khi bấm nút đỏ, sẽ tự

động báo nguy về máy trung tâm bằng những tiếng "cạp... cạp... cạp..." liên tục, như tiếng vịt kêu hoảng hốt.

Chúng tôi vừa bắn trả, vừa tạt về bên phải. Chạy! Tiếng súng đuổi nà theo sau lưng. Phi pháo vẫn hoành hành ngút khói tại mục tiêu chính.

Chạy trối chết ra khỏi đồn điền, chúng tôi lủi nhanh vào rừng rậm, nơi đã dặn dò điểm tập trung. Kiểm lại quân số. Không thấy thằng Nhiêu. Những cặp mắt tởn thần mở lớn, chưa hết nỗi kinh hoàng. Địch quân đang truy lùng khắp khu vực. Tôi liên lạc về trung tâm, báo tổn thất của ta, và ước đoán thiệt hại của địch.

Lệnh của Đại Bàng Già: "Tung tích đã bị lộ. Lo dọn bãi đáp. Trực thăng bốc về."

Trong khi ẩn trốn, chờ thằng Nhiêu, tôi mệt mỏi nằm gối đầu trên chiếc ba lô. Đến chiều vẫn không thấy tăm hơi. Có thể nó đã gục ngả ngay đợt nổ súng đầu tiên. Nếu tính cái giá hơn thua bằng xác chết, thì mất một thằng Nhiêu, đổi lại bao nhiêu sinh mạng địch quân trong trận oanh kích vừa qua. Nhưng tình cảm con người, không đơn giản như đơn vị đo lường. Chúng tôi buồn thảm nhìn nhau. Tự dối lòng, biết đâu thằng Nhiêu vẫn còn thất lạc đâu đó.

Ngày thứ ba, kể từ khi vào đất Kampu chia. Không thể xuyên qua đồn điền để về điểm hẹn tại biên giới

Việt Nam. Chúng tôi đi ngược về phía rừng già, tìm bãi bốc trực thăng. Nhưng trực thăng không xuống được. Những con chuồn chuồn vừa lảng vảng vào khu vực, đã bị phòng không từ dưới đất bắn lên. Đành phải bay về. Địch quyết phong toả vùng trời, để chận bắt cho được chúng tôi. Liên tiếp hai ngày sau, vẫn thế.

Lương thực mang theo đã cạn. Chúng tôi bắt đầu mở túi mưu sinh. Túi này chỉ trang bị đặc biệt cho Viễn Thám. Những chàng phi công phải mang dù khi cất cánh, đề phòng bất trắc. Còn chúng tôi được trang bị túi mưu sinh, phòng khi gặp khó khăn không trở về đúng thời hạn. Trong túi chứa đủ thứ lỉnh kỉnh. Thuốc tăng sức, dùng khi có biến phải chạy thoát thân. Chẳng biết đây có phải là thứ thuốc chích cho ngựa chạy trường đua hay không. Dẫu sao điều này cũng không thực tế. Vì khi gấp rút chạy bán mạng, thì giờ đâu mà mở túi mưu sinh để lấy thuốc? Thuốc chống buồn ngủ, dùng ban đêm, lúc cần phải tỉnh thức canh chừng. Thuốc muỗi thoa ngoài da. Thuốc lọc nước, có công hiệu sát trùng rất mạnh. Sáu cái bánh mặn, theo chỉ dẫn, mỗi ngày chỉ dùng hai cái. Những viên thịt bò khô màu nâu, mỗi viên làm ngọt nước một tô canh. Một chùm lưỡi câu, lớn bé đủ loại. Một cuộn dây cước màu xanh nhạt, làm dây câu cá. Và sau cùng là quyển sách nhỏ, in hình một số cây lá trong rừng, cùng những lời giải thích để phân biệt loại nào có thể, và không thể ăn.

Có túi mưu sinh, chúng tôi vẫn bị đói. Không tìm được cây, lá, củ, trái nào giống như trong sách chỉ dẫn. Có lần, moi được củ khoai, như một loại khoai mỡ, ruột màu vàng nhạt. Thằng Năng bảo khoai nần. Muốn ăn phải xắt lát, ngâm nước vài ngày cho ra hết chất độc, sau đó phơi cho thật khô, rồi mới luộc. Nhưng thằng Sử cắn một miếng nếm thử. Nó khẳng quyết đây là một trong những loại khoai mỡ, và muốn lên lửa để nấu.

Tôi nói: "Muốn chết hả? Nếu địch quân nhìn thấy khói, dù bọn mình có mọc cánh cũng bay không thoát."

Sau chừng mười phút, bàn ra tán vào về cái củ khoai lạ, môi miệng thằng Sử bị ngứa và sưng vều lên. Mọi người đều hoảng. Cũng may, nó chỉ nếm thử, chứ chưa nuốt.

Chúng tôi xuống sức vì đói. Đêm nằm trong vùng đất ẩm, lại bị vắt hút máu. Mặt người phờ phạc. Tinh thần khủng hoảng. Tôi thường xuyên kêu cứu về trung tâm. Nhưng mỗi lần trực thăng vào vùng lại bị phòng không. Địch biết chúng tôi chưa ra khỏi vùng, báo động khắp nơi. Chúng tôi lẩn vô rừng già. Đi về hướng Bắc, nơi có lữ đoàn Dù đang hoạt động ở Dambert. Hy vọng đi gần về phía quân bạn, sẽ bớt được áp lực của địch.

Tiết trời nóng nực, mà rừng rú vẫn xanh um cây lá.

Tiếng ve buồn râm ran mùa hạ. Như những con thú hốt hoảng, chúng tôi sợ hãi bất cứ tiếng động nào. Sợ nhất là những con chim "tắc cọ". Loài chim quái ác! Mỗi khi thấy có người đi, nó sẽ lượn theo mãi ở trên đầu, và la "tắc cọ... tắc cọ..." vang cả rừng. Gặp trường hợp này, phải dừng lại ngồi im trong lùm, không dám động. Kêu một hồi không thấy ai, nó sẽ chán, và bay nơi khác. Ngược lại, cũng nhờ chim "tắc cọ" báo động, mà chúng tôi biết địch đang di chuyển từ xa, để kịp thời tránh né. Lính hành quân trong rừng, gọi loài chim này theo cái tên nhà binh: "chim tiền sát".

Chúng tôi lại chạm địch lần thứ hai. Hoả lực địch rất hùng hậu. Tôi biết ngay đây là một đơn vị lớn, không phải "chốt" tiền đồn. Chúng tôi thối lui, đồng thời ném những trái mini lựu đạn về phía sau, nhưng không cản được bước địch. Súng nổ rát bên mang tai. Địch đuổi theo, truy bức. Tôi thấy thằng Năng chạy cà nhắc. Một chân nó đã bị đạn. Tôi lướt tới, kè thằng Năng bằng cách nắm cánh tay của nó choàng qua vai mình, lôi bừa.

Năng lắc đầu tuyệt vọng: "Thôi, chạy đi."

Tôi hét: "Ráng!"

Nó xô tôi ra: "Không được." Và sà xuống một gốc cây, xả súng bắn ngược về phía sau cản địch, cho những thằng còn lại thoát thân.

Từ hai ngày trước, tôi yếu sức vì đói. Nhưng bây giờ, tôi chạy rất khoẻ. Đôi chân nhanh nhẹn lạ thường. Tuôn qua những gai góc, phóng qua những lùm bụi dễ dàng. Thân thể tôi dường nhẹ tênh, lướt như bay qua những chướng ngại. Những thằng kia cũng nhanh không kém. Nó chạy mà không cần biết anh em có theo kịp hay không. Nhờ thằng Năng cản địch, chúng tôi bỏ tiếng súng xa dần. Lúc dừng lại, tôi hấp tấp báo về trung tâm hành quân. Tiếng nói đứt quảng. Vừa nói vừa thở hổn hển như sắp đứt hơi. Bây giờ, tôi mới để ý đến tôi, và thấy mệt như chưa bao giờ mệt đến thế.

Bom và trọng pháo lại dội tan tành xuống mục tiêu. Đại Bàng già quyết định, bằng mọi cách phải mang chúng tôi về. Trong khi địch đang bị sấm sét, lợi dụng cơ hội này, trực thăng lao vào vùng, thả dây cấp cứu. Năm thằng chúng tôi ôm nhau thành một khối, treo tòn ten phía dưới trực thăng. Gió ù ù rát mặt. Từ trên cao nhìn xuống, tôi thấy một vùng khói mù. Oanh tạc cơ vẫn còn tiếp tục thả bom. Giữa ngàn xanh mênh mông u uất dưới kia, có thằng Nhiêu, thằng Năng vĩnh viễn nằm lại đất Kampuchia.

Tôi xin ra khỏi Viễn Thám từ dạo ấy. Đời lính vẫn thường chứng kiến nhiều thương đau mất mát của anh em đồng đội. Thế nhưng, những đêm nằm rừng, nghe tiếng súng xa xa, tôi lại nghĩ đến hai thằng em trong toán của tôi, nhất là thằng Năng. Tội nghiệp, sau cái

đêm động phòng với vợ, nó đi luôn không bao giờ về nữa.

Tán gẫu trong quán cà phê

Vác đá. Đốn cây. Bửa củi. Gánh nước. Những công việc nặng nề như thế, lúc nào cũng có thể làm được, chỉ cần vận dụng bắp thịt và thêm một chút cố gắng là xong. Thế nhưng làm thơ viết văn thì khác. Nó không cần bắp thịt và cố gắng cũng không xong. Nói thế cũng hơi quá. Cố gắng cũng có thể xong, nhưng bài viết không đủ sức lôi cuốn, làm người đọc dễ buồn ngủ.

Tình cờ tôi đọc một quyển sách "dạy" làm thơ viết văn, khuyên những người cầm bút, dù muốn dù không cũng nên ngồi vào bàn viết ít nhất 2 giờ mỗi ngày. Viết bất cứ ý nghĩ gì trong đầu. Viết hoài, viết mãi sẽ có ngày làm nên tác phẩm. Một ý kiến hay. Làm văn thi sĩ cũng dễ thôi. Một hôm, tôi gặp ông bạn viết văn than phiền rằng cả năm không viết được chữ nào. Tôi mách cho ông tựa đề quyển sách mà tôi đã đọc. Tháng sau gặp lại, ông bảo theo lời chỉ dẫn ngồi vào bàn viết 2 giờ mỗi ngày, cũng viết ra chữ đấy nhưng toàn là những ý tưởng vụn vặt nhảm nhí chẳng ra làm sao cả. Vậy thì làm thơ viết văn đâu phải cố gắng là viết hay được. Tệ hại hơn nữa, khép mình theo thời biểu định sẵn, viết theo chỉ tiêu thì cái đầu càng đóng băng cứng ngắc. Khi cái đầu đã đóng băng, lại phải hoàn thành bài viết theo "đơn đặt hàng" thì bài viết ấy hoàn toàn vô vị, nhạt thếch. Cũng có nhiều trường hợp, người ta viết như một "thiên tài", lúc nào và ở đâu cũng có thể viết được. Viết tràng giang đại hải, cuối cùng đọc lại thấy chẳng ra chi. Có tác phẩm đấy, nhưng toàn là rác

rưởi. Vì không là "thiên tài" nên khi viết, tôi rặn từng chữ như người táo bón. Rặn mãi cũng ra được chữ, nhiều chữ làm thành một bài. Đắc ý, đưa vợ đọc thử. Vợ đọc như người bị mắc nghẹn. Vợ bảo, hành văn trúc trắc, chữ nghĩa đá sỏi khô khan. Đọc không suông, nuốt không vô. Vất! Viết văn làm thơ không dễ chút nào.

"Văn mình vợ người". Ý nói văn mình hay, vợ người đẹp. Đó là cái bệnh chung của người cầm bút. Đem hết tâm sức còng lưng ngồi viết thì bài của mình không hay sao được? Văn ta là số 1, thơ ta hay nhất! Thỉnh thoảng có báo nào đăng bài của ta. Cầm tờ báo, ta đọc bài của ta trước nhất, dù trước khi gửi bài, ta đã đọc hàng trăm lần rồi. Bây giờ thấy nó nằm chình ình trên mặt báo, nghĩa là được chính thức ra mắt người đọc. Lấy tư cách là độc giả, ta đọc lại bài ta. Trời ơi, sao mà hay dữ vậy? Sau đó, đọc lướt qua những bài của tác giả khác. Cũng có vài bài khá đấy, nhưng bài ta vẫn là bài khá nhất. Không còn nghi ngờ gì nữa, ta là một tài năng lớn. Sở dĩ ta chưa nổi tiếng vì người đời chưa khám phá ra ta đấy thôi. Nếu có ai "góp ý" xuyên tạc bất lợi cho ta, chắc họ thấy ta có tài nên sinh lòng ghen tị muốn "ém tài" ta. Gặp người mới quen, họ chưa biết ta là nhà thơ kiêm nhà văn A, ta hỏi trên văn thi đàn ông thích những tác giả nào? Mục đích để dò xem họ đánh giá ta ra sao. Người quen nêu một lô những tác giả mà họ thích, trong đó không có tên ta. Ta hơi thất vọng về người mới quen. Hỏi thêm lần nữa, ông nghĩ thế nào về nhà thơ kiêm nhà văn A?

Người quen bảo, ông này viết lảm nhảm chẳng ra chi. Vậy mà có vài tờ báo cũng đăng bài của ông ấy. Có lẽ ông ấy mướn đăng bài như các cơ sở thương mại mướn đăng quảng cáo. Ta xám mặt lãng đi nơi khác, thầm nghĩ thằng cha này trình độ hiểu biết thấp quá, chưa đủ tư cách nhận định về văn chương. Hơn nữa, nó ít đọc sách, làm sao theo kịp trào lưu tư tưởng mới của thế thế kỷ 21. Chỉ những ai uyên bác mới hiểu được ta thôi.
Cái bệnh "văn mình vợ người" coi bộ khó trị. Bởi nhìn ra cái tệ của ta là điều khó. Nếu có kẻ chỉ ra khuyết điểm của ta, lập tức ta phản kháng rằng thằng đó bới lông tìm vết. Phản kháng là ý thức tâm lý, nó luôn ứng chiến sẵn sàng đối đầu với bất cứ ai dám chạm đến ta. Nhưng một đôi khi trầm tĩnh, ta cũng thấy thằng đó nói có phần đúng. Chỉ đúng chút xíu thôi. Vậy ta phải sửa sai cho văn ta được hoàn hảo hơn. Bởi ta là người có tinh thần cầu tiến mà. Sửa sai nghĩa là tự đánh mình. Đánh ai cũng dễ, nhưng tự đánh mình là điều khó quá, mình cảm thấy đau quá. Thôi thì cứ để nguyên như thế. Coi như một nét văn phong độc đáo của riêng ta, để người đọc dễ phân biệt ta và người khác. Nếu không, sao gọi văn tức là người? Cuối cùng, ta vẫn là số 1. Độc Cô Cầu Bại đốt đuốc đi tìm cũng không ra kẻ tài danh nào đánh bại được ta.

Có một nhà văn (hình như Lâm Ngữ Đường, tôi không dám tin chắc nơi trí nhớ) bảo rằng, "tác giả tự khen tác phẩm mình thì cũng tệ như bà mẹ khen con

mình". So sánh nghe có vẻ mỉa mai châm biếm. Nhưng nếu ta không tự khen ta thì ai vào đây khen ta? Nỗi buồn thời đại lớn nhất của tác giả là khi in ra tác phẩm chẳng có ma nào thèm nói tới một lời. Tác phẩm bị chìm vào quên lãng một cách tội nghiệp. Vậy để gây sự chú ý, ta phải nhờ một bạn thân nào đó viết bài làm bộ phê bình, nhưng thật ra là ca tụng một cách kín đáo. Người viết bài phê bình có chút danh tiếng càng tốt. Nhiều khi người đọc thấy tác giả của bài phê bình là nhà văn X, hoặc thi sĩ Y. Phê bình đâu phải lãnh vực của mấy ông này, sao lại nhào vô đây khoác lác tùm lum? Dù cùng là nghề cầm bút, nhưng sáng tác và phê bình là hai bộ môn khác biệt. Sáng tác hay, chưa chắc đã biết cách phân tích phê bình. Phê bình giỏi, chưa chắc đã sáng tác được bài văn cho ra hồn. Buồn cười hơn nữa, trong lãnh vực văn nghệ, thấy tên tác giả kèm theo học vị tiến sĩ hoặc bác sĩ. Nếu tiến sĩ khoa học hay kinh tế thì biết chi về văn học? Ông chỉ nên đề tiến sĩ khi viết về chuyên ngành của ông thôi. Sang lãnh vực văn học mà vác theo cái bằng tiến sĩ là có ý muốn khoe khoang, hù thiên hạ. Cũng như thế, y khoa là ngành chuyên biệt, bác sĩ khi thích cũng có thể làm thơ, và khi đề tên tác giả xin đừng kèm theo hai chữ bác sĩ. Điều đó không có gì bảo đảm cho giá trị của bài thơ. Nhưng nếu ông viết về y khoa thì lại rất nên kèm theo học vị để người đọc tin rằng ông có đủ thẩm quyền nói về lãnh vực chuyên môn của mình. Tôi rất thích đọc những bài viết bàn về vấn đề môi trường của tiến sĩ Mai Thanh Truyết, hoặc nói về sức khoẻ của bác sĩ Nguyễn Ý Đức, bác sĩ Trần Mạnh Ngô

và vân vân. Nhất là bác sĩ Nguyễn Ý Đức khi nói về tứ sát thủ âm thầm: mập, cao mỡ, cao máu, tiểu đường. Đề tài khô khan, nhưng qua ngòi bút hóm hỉnh của ông, thỉnh thoảng người đọc có thể nở một nụ cười. Ngay cách đặt tựa đề Tứ Sát Thủ Âm Thầm cũng nghe như có chút hơi hướm của giới giang hồ kiếm hiệp. Một lần duy nhất tôi gặp ông ngoài bãi đậu xe của hội trường cộng đồng người Việt Dallas. Khi biết ông là bác sĩ Nguyễn Ý Đức, và thấy ông đang vui, tôi hỏi người bị tiểu đường có thể làm thằng nhỏ bị ủ rủ buồn hiu. Vậy có thể dùng Viagra để nó lấy lại sức mạnh tinh thần vui tươi phấn khởi hơn không? Ông bảo, đúng thuốc rồi, Viagra ra đời là cứu tinh và vực dậy thằng nhỏ ủ rủ buồn hiu của mấy ông tiểu đường, hahaha!

"Văn hay chẳng luận đặt dài". Câu này như một châm ngôn. Ngày còn trên ghế nhà trường, tôi sợ nhất là môn tập làm văn. Trong đầu không có bao nhiêu chữ nghĩa, nhưng phải nặn óc viết cho ra chữ, càng dài càng tốt. Tưởng sẽ được khen, nào ngờ cô giáo phê một câu độc địa: "nhiều lời ít ý". Sau này ngẫm lại thấy đúng. Nhất là khi nhân loại đạt đến tốc độ phi thuyền, đời sống thôi thúc phải chạy đua từng giờ từng phút, không ai có thì giờ ngồi đọc những bài dài lê thê, nhưng nội dung tư tưởng nghèo nàn. Không thể dùng vài trang giấy chỉ để tả một đoá hoa. Mất thì giờ lắm. Người đọc chỉ muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Nói thế không phải tôi hoàn toàn phủ nhận những bài dài đầy tính nghệ thuật và ý nghĩa sâu xa. Những bậc phù thủ văn nghệ có tài biến hoá một Tôn Ngộ không

thành trăm ngàn Tôn Ngộ Không mà vẫn lôi cuốn người đọc. Một tác giả viết được nhiều quyển sách, chưa chắc đã hay. Số lượng nhiều vẫn không có gì bảo đảm chất lượng cao. Viết văn trong thời buổi @ giống như sắc thuốc Bắc, ba chén nấu còn tám phân. Chỉ giữ lại phần cốt tủy mà thôi. Ngắt bỏ những chi tiết râu ria rườm rà không cần thiết cho bài viết cô đọng gọn gàng càng đỡ tốn thì giờ người đọc.

Đọc sách, nhiều khi thấy tác giả liệt kê đã in được vài chục quyển sách, và những tựa đề một số sách sắp in. Sắp in thì nói làm gì? Đôi khi chỉ là những dự định trong đầu, chắc gì sẽ viết xong? Mà viết xong, chắc gì in được? Có thấy mới tin! Tôi từng gặp nhiều người khoe rằng đang viết quyển sách dày cỡ vài trăm trang. Chờ mấy năm sau, vẫn không thấy mặt mũi quyển sách ra đời. Còn chuyện liệt kê sách đã in vài chục quyển ư? Số lượng thì nhiều thật đấy, nhưng văn chương đâu cần số lượng? Người ta chỉ cần phẩm. Viết văn làm thơ đâu phải bửa củi mà tính số lượng nhiều hay ít? Bửa được một đống củi, được khen là giỏi. Nhưng viết một đống sách, lựa hoài chẳng có quyển nào đáng đọc thì cũng xem như củi đốt lò mà thôi.
Hành văn tối nghĩa là một trong những bệnh bất trị của người cầm bút bất tài. Người đọc không hiểu nội dung bài viết là lỗi ở tác giả. Không thể nói người đọc không đủ trình độ lãnh hội, mà phải quy trách nhiệm về tác giả không có tài diễn đạt tư tưởng của mình một cách sáng sủa, hoặc thiếu khả năng trình bày một vấn

đề cho thông suốt và dễ hiểu. “Cơn gió nhan nhác thổ ngơi quê nhà muối mặn điều tiết hơi thở ta phả vào ngực em khí hậu lá xanh nõn giây phút sinh thái của đá tảng đầu thai núi non và rừng cây đại thụ vỗ cánh ký ức hung hãn động huyệt mùi mẩn thân xác run cọ rời rợi đường cong mềm mại va chạm phế tích rùng mình ở phía chân trời duỗi rộng tiền kiếp hun hút phận người còn vang vọng mãi tiếng chuông câm.

” Trời đất! Cái gì vậy? Thần chú hả? Dạ thưa, không phải. Tôi vừa trích dẫn một đoạn thơ xuôi. Chữ nghĩa thật là kinh khủng. Có ai hiểu ý tác giả muốn nói gì không? Nếu không hiểu, có phải tại người đọc không đủ trình độ lãnh hội, hay tại cách viết tối nghĩa? Riêng tôi, đọc qua một lần không hiểu. Đọc lại vài lần nữa với sự chú tâm đặc biệt, vẫn không hiểu. Vô nghĩa và răc rối khó khăn như một bài thần chú. Thần chú là ngôn ngữ của thần linh, người phàm không thể hiểu. Tác giả sáng tác đoạn thơ trên trong cơn đồng thiếp. Kẻ phàm phu đọc đi đọc lại hoài, nếu không “ngộ”, ắt bị tẩu hoả nhập ma.
Lại nói đến hành văn rắc rối, chữ nghĩa khó khăn. Xưa nay tôi vẫn thầm ngưỡng mộ những người làm thơ viết văn. Chữ nghĩa đầy bụng, họ là bậc thầy của ngôn ngữ. Trong một bài chỉ ngần ấy chữ, nhưng họ khéo léo sắp xếp đúng vị trí ngôn từ làm thành bài thơ hay, đọc lên nghe truyền cảm lạ lùng. Ngược lại cũng có những người nhân danh đổi mới cấu trúc, làm mới ngôn từ, họ không đi theo “đường xưa lối cũ” nữa. Họ chủ trương khai phá những vùng đất âm u chưa có

người đặt chân đến bao giờ. Vậy thì tốt thôi. Nhưng hãy coi chừng, phía trước có nhiều hầm chông gai lửa lắm đấy. Can đảm cầm súng xông pha ngoài trận mạc, người ta gọi là anh hùng. Nhưng can đảm cầm súng đi phá phách xóm làng, người ta lại gọi là quân bất lương. Lòng can đảm thể hiện không đúng chỗ, tác hại còn lớn hơn kẻ nhát gan. Các ngài vác dao đi khai phá thì cứ đi. Xin đừng chê bai những người theo "đường xưa lối cũ". Cái gì là "hậu hiện đại" chứ? Tôi có đọc những bài lý thuyết về "hậu hiện đại", nhưng thật tình không hiểu các ngài muốn nói cái gì? Đừng bảo rằng tôi không đủ trình độ lãnh hội nhé. Trình bày một vấn đề mà người đọc không hiểu là lỗi của các ngài. Người đời xưa hay sợ thần linh. Tất cả những gì không hiểu, không giải thích được đều phảng phất nhang khói thần linh. Ngày nay đừng hù nhau theo kiểu đó nữa. Đổi mới cách hành văn, làm mới ngôn từ ư? "Anh chàng mây nào kia nhỉ? Sao lại xuất hiện vào lúc này? Trời oản lưng gánh đá. Rét bắt đầu ngun ngoe. Thi vị gì chứ cho việc rong chơi? Đã không hào hứng với mình mà còn gây trở ngại cho người khác. Tốt nhất là chui vào chăn đánh một một giấc thật đẫy. Bạn bè anh ta ngủ hết cả. Mình? Đang thèm đóng đôi mắt đã bắt đầu trông một thành hai này rồi. Giá không màn bi kịch sắp diễn, mình cũng xếp tóc thả gồng bắp gỗ sượng trơ mặc trời đất gừ gào sương muối." Lại cái gì nữa đây? Lại cũng xin thưa rằng, đây là đoạn trích dẫn mở đầu một bài viết thể hiện sự đổi mới ngôn từ. Mới đọc chừng ấy thôi, tôi cũng nổi hứng muốn làm

thơ, và thấy rằng làm thơ theo kiểu đổi mới ngôn từ cũng dễ thôi:
Hiểu gì? Có hiểu gì không?
Ngun ngoe gánh đá. Oản lưng gừ gào
Hiểu gì? Không hiểu gì sao?
Thả gồng bắp gỗ chui vào chăn mây

Sau khi làm 4 câu thơ "bí hiểm", tôi chợt nhớ đến nhà thơ Bùi Giáng. Ông điên, và vì thế thơ ông cũng khó hiểu đối với một người bình thường. Ông xứng đáng đại diện cho "trường phái thơ bí hiểm" đang thịnh hành thời "hậu hiện đại". Nhiều người bắt chước ông làm thơ điên, nhưng tất cả đều thất bại. Dù cuộc đời có quá nhiều lọc lừa dối trá, nhưng người đời lại không thích kẻ giả danh. Ông Bùi Giáng điên có căn bản, nghĩa là điên thật tình. Kẻ nào giả điên, họ đang đóng kịch giữa cuộc đời. Có lúc màn kịch phải ngừng lại cho diễn viên nghỉ mệt. Họ hiện nguyên hình là người không điên. Không điên mà muốn làm thơ điên, khó lắm.
Trong "Ngàn Thu Rớt Hột", nhiều bài thơ làm tôi như đi lạc vào vào cơn điên mê mộng ảo. Trích dẫn một bài:
Lạc về đầu rú khe truông
vốc năm ngón nhỏ gieo buồn rã riêng
Tuổi xanh nhiếp dẫn sai miền
đổ xiêu phấn bướm phi tuyền vọng âm
Tuần trăng quẩy gánh đau ngầm
Cõi bờ phôi dựng gió nhầm tin hoa
Em về rắc cỏ tháng ba

xuống trang hồng hạnh tin già in rêu
Bùi Giáng

Chữ nghĩa nhẹ nhàng êm ái, có sức truyền cảm thẩm thấu sâu tận lòng người. Nhưng bảo giải thích ý thơ liền lạc thì không thể nào. Bởi thế người ta mới cho rằng yếu tính của thơ là truyền cảm. Hay nói cách khác, truyền cảm là yếu tính quan trọng nhất của một bài thơ. Nhiều người mê thơ Bùi Giáng, hết lời ca tụng. Hơi thơ phảng phất một điệu buồn xa xăm huyền mộng không có thực ở cõi đời này. Vì là thơ điên vô nghĩa, nên bạn đọc cũng có thể chơi trò "xóc chữ" đảo lộn những chữ trong câu, làm thành bài thơ khác. Hai bài thơ chơi "xóc chữ" thơ Bùi Giáng sau đây, tôi trích dẫn trong nguyệt san Hương Xưa, xuất bản vào tháng 7 & 8, năm 2002, tại Na Uy:
Sau khi "xóc chữ" bài thơ của Bùi Giáng, ta có được 2 bài thơ khác. Từ đây ta không cần làm thơ nữa. Ta mượn thơ Bùi Giáng và "xóc chữ" làm thành thơ ta. Nổi danh thi sĩ mấy hồi. Nếu không nói trước, người đọc dễ lầm 2 bài "xóc chữ" trên là thơ Bùi Giáng. Hay ít ra cũng mang âm hưởng Bùi Giáng. Êm đềm truyền cảm, nhưng hoàn toàn vô nghĩa. Bùi Giáng là bậc thầy về ngôn từ lạ và là phù thủy của thơ.

Về Bùi Giáng, tôi nghe kể một giai thoại rất lý thú trong thời gian lúc điên lúc tỉnh của ông. Ông có nuôi con khỉ nhỏ. Đi đâu ông cũng để nó ngồi trên vai. Một hôm, vào quán ăn, ông để khỉ trên bàn. Ông cầm đủa, khỉ nhỏ bốc bằng tay. Cả hai cùng ăn chung. Có người

khách thấy lạ, hỏi sao lại để người và khỉ cùng ăn chung như thế? Bùi Giáng nói, chúng sinh bình đẳng! Chỉ một câu trả lời đơn giản, ông đã nói lên được cái thuyết uyên áo thâm trầm sâu xa của nhà Phật. Ai bảo rằng ông điên? Ai bảo rằng ông tỉnh? Bao giờ ông cũng là người khó hiểu như chính thơ ông. Có lẽ, cõi trần gian đối với ông chỉ là chốn rong chơi của một vì tiên mắc đoạ sa chân vào vòng sinh tử.
Nói tới cái điên Bùi Giáng, lại nhớ thêm một người điên cầm bút nữa, Nguiễn Ngu Í. Ông chủ trương không dùng chữ "Y" trong chữ Việt. Ông thể hiện điều ấy ngay cách viết tên ông, và trong tất cả bài của ông trên báo. Ông có bệnh, mỗi năm ông phải vào dưỡng trí viện Biên Hoà vài tháng. Phần lớn những bài của ông trên báo Bách Khoa được hoàn thành trong thời gian này. Ông là một bệnh nhân hay phạm nội quy, hay trốn viện về Sài Gòn rong chơi, vài bữa thấy chán lại tự động về nhập viện. Ông điên mà vui hết biết, lúc nào miệng cũng nở nụ cười rất tươi. Ông Nguyễn Văn Xung là bạn của ông Nguiễn Ngu Í. Tôi thường thấy hai ông nói chuyện rất tâm đắc. Có lần Nguiễn Ngu Í vừa về từ dưỡng trí viện Biên Hoà, ghé lại nhà Nguyễn Văn Xung. Ông Xung hỏi, trốn đi chơi hay được cấp giấy xuất viện? Nguiễn Ngu Í cười ha hả, được xuất viện và có giấy bác sĩ chứng nhận tôi là người không điên. Còn ông? Ông có giấy bác sĩ chứng nhận là người không điên không? Ông Xung nói, tôi bình thường, cần gì phải có giấy đó? Nguiễn Ngu Í lại cười lớn, không có giấy chứng nhận của bác sĩ, vậy thì không có gì bảo đảm rằng ông không điên. Nói xong,

ông móc túi đưa ra tờ chứng nhận của bác sĩ. Ông nói, thiên hạ đều điên hết, chỉ Nguiễn Ngu Í này là tỉnh thôi!

Phần trên có nói tới "đơn đặt hàng", không thể không nói đến báo Xuân. Trời đang tiết mùa Đông, các ông chủ báo gọi bài giục giã viết về Tết và mùa Xuân năm sau. Báo chí phải chuẩn bị trước bài vở, chứ nếu để tới nơi thì trở tay sao kịp? Những tay viết báo nhà nghề đang nhìn mùa Đông ảm đạm, cây cối trơ cành rét mướt, nhưng họ có thể viết về mùa Xuân chan hoà nắng ấm và cây lá xanh tươi. Viết một cách sống động y như người người đang hớn hở trước mặt. Thông thường làm 3 số báo: Tất Niên, Xuân và Tân Niên. Xuân là số quan trọng nhất, tuyển chọn những bài chủ lực. Ngày đầu năm, độc giả trịnh trọng mở tờ báo Xuân ra coi. Hình ảnh vui tươi, nội dung bài viết rộn ràng đầy sức sống như trẫy hội trên đường phố. Buồn cười nhất là những bài về "Đầu Năm Đi Xông Đất" ông Thần này, ông Thánh kia. Toàn là láo cả. Tết và Xuân nào vậy? Xuân năm ngoái hay năm nay? Nhưng độc giả phần đông dễ tính, miễn sao có chữ Xuân và Tết là vui rồi. Qua Tết, liệng bỏ. Giữ lại làm gì nhữngh bài viết láo. Chẳng trách người ta hay bảo, nhà báo nói láo ăn tiền!
Trước năm 1975, tôi có ông bạn chuyên viết truyện dài cho các nhật báo. Ông đảm trách viết một lúc 3 cái truyện dài. Không bao giờ ông viết trước. Buổi sáng, ông làm trong tòa soạn về kỹ thuật và sắp xếp bài vở tin tức. 2 giờ chiều xong việc, ông xách xe đi nhậu với

bạn bè. Thường là nhậu đến 8 giờ tối, đôi khi cuộc vui kéo dài đến 12 giờ khuya. Tàn tiệc, trong hơi men chếnh choáng, ông về nhà ngủ đến khi đồng hồ báo thức là 4 giờ sáng. Ông nhỏm dậy, đi rửa sơ cái mặt cho tỉnh người. Sau đó, ông ngồi vào bàn viết. Viết một mạch đến 8 giờ sáng là vừa đủ số trang tiếp theo của 3 cái truyện dài. Mỗi ngày, ông làm việc đều đặn theo thời biểu như một cái máy. Tôi thắc mắc, làm sao một lúc có thể hoàn thành phần tiếp theo đúng số chữ, số cột báo cuả 3 cái truyện dài với 3 đề tài khác biệt? Ông nói, viết mãi thành thói quen. Tôi lại thắc mắc, nếu không cảm hứng thì làm sao viết được? Ông cười, đâu cần phải hứng. Có sức mạnh của đồng tiền thúc đẩy thì làm việc gì cũng xong. Tôi lại hỏi, ông có viết theo dàn bài định sẵn trong đầu không? Ông bảo, nghĩ tới đâu viết tới đó, chẳng dàn bài gì cả. Khi nào thấy cái truyện dài vừa đủ in một quyển sách thì tìm cách chấm dứt. Tóm lại, ông viết thật dễ dàng, nhưng giá trị văn học còn phải coi lại. Và ông cũng đâu cần gì giá trị văn học. Đối với ông, cầm bút như cầm chiếc cần câu cơm. Càng câu được nhiều cơm, đời càng thoải mái. Nguyễn Du thắc mắc "không biết ba trăm năm sau, người trong thiên hạ có còn ai khóc Tố Như?" Bạn tôi không hề nghĩ xa như thế. Ông chỉ cần hiện tại mà thôi. Sau khi mất rồi, dù ai khóc lóc, binh phẩm khen chê, nhớ hay không nhớ cũng chẳng đem lại lợi ích gì cho nắm xương tàn trong lòng đất. Đời người như chim bay mất dấu. Vì vậy, khi ông bỏ đời mà đi cũng không để lại một tác phẩm nào cho thế gian.

Nhân đây, thuật lại một chuyện vui vui trong làng báo. Chuyện vui vui này, tôi cũng đọc trên báo, chứ bản thân không hề quen với nhà văn Lê Xuyên. Khi Lê Xuyên đang viết truyện dài Chú Tư Cầu. Độc giả thích thú theo dõi tình tiết diễn biến câu chuyện mỗi ngày. Chuyện hấp dẫn đến mức trong quán cà phê người ta cũng bàn tán, đoán già đoán non tình huống sắp xảy ra của một cặp tình nam nữ nhà quê. Chẳng biết cái gã nông dân quê mùa chất phác có "làm thịt" được con nhỏ kia không? Lê Xuyên cũng ra ngồi quán cà phê, lắng nghe người ta bàn tán về cái truyện của mình. Nếu người ta tiên đoán tình huống sắp tới sẽ xảy ra thế này, thì ông sẽ lái câu chuyện sang hướng khác. Cứ thế, ông gây cho độc giả nhiều lý thú bất ngờ. Ông lại có tài viết đối thoại. Hai người nói qua nói lại một cách rất ỡm ờ, có lúc tưởng xáp lại gần làm cái chuyện truyền giống tự nhiên của loài người. Nhưng không, họ cảm thấy bẽn lẽn, và tiếp tục ỡm ờ nữa. Ông kéo dài cuộc đối thoại đến mấy chục trang. Vào thời Lê Xuyên, viết truyện dài cho nhật báo, tính dòng ăn tiền. Càng viết đối thoại, càng xuống dòng nhiều. Có khi mỗi dòng chỉ vài chữ. Và dĩ nhiên, nhiều dòng thì nhiều tiền.

Lê Xuyên cũng mất rồi. Vài tờ báo hải ngoại đăng lại bài của ông như một niềm… hoài cổ, chứ không phải vì giá trịc tác phẩm.

Lê Thơm

Lời mở: Tôi ra khỏi trại cải tạo, mười lăm năm rồi. Tôi vẫn nhủ với lòng, hãy quên những ngày khốn khổ ấy đi. Quên để mà sống. Trí nhớ của tôi bây giờ tồi lắm. Tôi quên nhiều chuyện, nhưng chuyện trong tù tôi không sao quên được. Nó hằn sâu trong tâm tôi, như cây đinh đóng vào cột xương sống, làm dấu mốc thời gian. Mỗi lần trí nhớ cục cựa, là mỗi lần đau. Sau mỗi lần viết về trại tù CS, tôi lại tự nhủ với lòng, đây là bài cuối cùng, không nhắc đến nữa. Nhưng nó như cái bóng đen ám ảnh tôi hoài. Và tôi lại viết về nó. Tôi viết như người kể chuyện, để giải toả nỗi ám ảnh. Giải toả theo kiểu của anh thợ hớt tóc, trong truyện Một Ngàn Lẻ Một Đêm, phải đào lỗ mà la lớn lên rằng, "Ông vua có lỗ tai lừa!" Tôi không xây dựng thành một cái truyện ngắn của người làm nghệ thuật viết văn. Tôi chỉ kể chuyện về trại tù CS. Nói bao nhiêu cũng thấy thiếu. Còn người đọc thì cảm thấy quá thừa. "Biết rồi. Khổ Lắm. Nói mãi."

Trong cái bị làm bằng bao cát của Lê Thơm mang bên hông, có xác một con chó con. Nó bị bóp cổ chết vào trưa nay. Chuyện này, chỉ hai người biết: Lê Thơm và tôi. Giết một con chó nhỏ không khó, nhưng mạo hiểm mang ra cổng trại là một thử thách lớn dành cho kẻ bạo gan.

Con chó lông trắng đốm đen, đẹp như con chó giả nhồi bông. Nó thân thiện với tất cả mọi người. Đưa tay, tróc lưỡi vài cái, nó chạy đến quấn quít. Nó ngây thơ trong trắng lắm. Nó không có tội gì cả. Vậy mà nó bị giết. Cái số nó chết yểu, nên trời xui đất khiến nó lân la gần gũi với những con ma đói. Người ta nuôi nó để ăn thịt. Nếu nó không chết bây giờ, thì ngày 2 tháng 9, cũng chết bởi tay thằng chủ của nó. Từ đây tới ngày ấy, đâu còn bao lâu? Chỉ sáu tháng nữa thôi. Sau sáu tháng phù du, rồi cũng bị đem ra tế thần cho mấy ông cán bộ đánh chén say sưa, mừng ngày độc lập. Chết như thế là chết lãng nhách. Thôi thì hy sinh ngay bây giờ, còn được ý nghĩa phục vụ nhân sinh.

Mấy hôm trước, Lê Thơm nói: "Tao có kế hoạch ăn no, với điều kiện mày phải hợp tác."
Tưởng gì chứ được ăn no, tôi hợp tác liền. Miếng ăn bây giờ, là vấn đề quan trọng hàng đầu. Khi đói, bộ nảo tuột xuống nằm trong cái dạ dày. Mọi suy tính đều hướng về miếng ăn, phục vụ cho cái dạ dày. Từ đó, người ta bộc lộ hết bản năng sinh tồn. Mà bản năng sinh tồn, thì người và vật giống nhau.
Tuy thế, tôi vẫn hỏi lại cho rõ: "Kế hoạch thế nào?"
"Mày đấm một cú thật mạnh vào chỗ này." Hắn nghiêng đầu qua một bên, chỉ vào quai hàm.
"Chi vậy? Thằng khùng!"
"Tao muốn dưới mang tai sưng lên, để khai sưng quai bị."
"Và được nghỉ lao động?"
"Nghỉ lao động là cái chắc. Nhưng mục đích chính là

kiếm ăn."
"Nói rõ hơn coi?"
Lê Thơm xít lại gần tôi: "Dạo này, sáng trưa chiều, đều sắn. Ngày nào cũng sắn. Trường kỳ sắn. Nhiều thằng ăn sắn, quai hàm bạnh ra. Có thằng ma lanh, lấy tay chà xát đỏ lên, rồi khai sưng quai bị. Y tá tưởng thật, cho nó ra ở nhà cách ly, ngoài hàng rào."
"Ở cách ly, vẫn đói."
"Bên hông nhà cách ly, hàng rào bị phá một khoảng bằng cái lỗ chó chui. Nếu được ở cách ly, ban đêm tao chui lỗ chó, đột nhập nhà kho, trộm nếp."
"Chơi trò mạo hiểm, dễ mất mạng. Mày nhớ vụ thằng Khánh nửa khuya chui rào, ra nương moi khoai lang, bị bắn bể đầu gối, phải cưa chân lên tận háng không?"
"Đó là nó chui từ trong ra ngoài. Còn tao chui từ ngoài vô trong."
"Ngoài hay trong cũng vậy. Vệ binh đi tuần thấy bóng người lấp ló ban đêm, nó nổ súng không thương tiếc."
Vụ thằng Khánh thế này. Nó là đại uý pilot. Những thằng Không Quân thường to con. Vào tù, càng to con càng bất lợi. Ăn uống cùng một tiêu chuẩn, thằng to con đói nhiều hơn thằng nhỏ con. Vào một đêm đông miền thượng du, trăng sáng lắm. Khánh chui rào, mò vào nương moi khoai lang. Cán bộ đi tuần tra an ninh bắt gặp con ma đói. Cán bộ bảo Khánh đứng nghiêm, rồi chỉa họng súng vào đầu gối của Khánh, bóp cò. Khánh bị bể khớp xương đầu gối, quỵ ngay tại chỗ. Cán bộ vào báo động, tập họp cả trại điểm danh. Anh em tù cải tạo không hiểu chuyện gì. Một lúc sau, vệ binh khiêng Khánh vào, bỏ nằm giữa sân trại. Cấm,

không ai được đến gần. Trời đông lạnh buốt. Khánh nằm đau nhức rên la suốt đêm. Sáng ra, Khánh được khiêng lên bệnh xá của đoàn 779. Bệnh xá cũng chỉ có mấy thứ lá cây hái về từ ngoài rừng, sao làm thuốc nam. Hai người tù phục vụ ở bệnh xá, là bác sĩ của chế độ cũ miền Nam, cũng đành bó tay. Phải chuyển Khánh đi nơi khác. Khánh được võng đi cả ngày đường, qua bao nhiêu sơn khê đồi núi mới ra tới bệnh viện Yên Bái. Tám tháng sau, Khánh về lại trại, với cái chân cụt gần tận háng. Anh em ngồi nghe Khánh kể chuyện, đều khiếp vía. Tại bệnh viện Yên Bái, người ta trói tay chân Khánh vào giường, rồi cưa chân mà không có thuốc tê mê gì cả. Danh từ chuyên môn gọi là "giải phẩu sống". Khánh đau quá, ngất đi mấy lần. Giải phẩu sống lần đầu, vết thương nhiễm trùng sưng tấy lên và làm mủ. Giải phẩu sống lần thứ hai, người ta cho Khánh uống rượu đế đến say mèm, rồi mới cưa. Khánh nói, có rượu vào, cảm thấy ít đau. Nhắc chuyện của thằng Khánh, cũng không làm Lê Thơm nao núng.

"Đừng doạ tao. Đấm một cú đi." Lê Thơm nghiêng đầu, đưa quai hàm chờ đợi.

Tôi đẩy ra: "Cú đấm của tao, có thể làm mày tréo bản họng. Mày tự đấm mày đi."

"Tao làm rồi. Nhưng tự đấm mình, tao không dám mạnh tay. Mày giúp tao hoàn thành kế hoạch."

"Kế hoạch của thằng khùng!"

Nói xong, tôi bỏ đi. Lê Thơm cụt hứng, chửi thề.

Hai ngày sau nữa. Ăn trưa xong, anh em vào lán nằm nghỉ ngơi. Lê Thơm, và tôi còn ngồi lại ở nhà ăn. Con

chó nhỏ quanh quẩn dưới chân. Nó mới xuất hiện khoảng hơn nửa tháng nay. Từ trên khung, nó hay chạy xuống trại trong giờ ăn.
Nhìn con chó một lúc, Lê Thơm chợt nẫy ý lạ: "Thịt con chó này."
Tôi trợn mắt: "Đừng đùa. Chó cán bộ trại phó đấy."
Hắn cương quyết: "Chó cán bộ, cũng xơi."
"Làm sao ăn?"
"Tao có cách. Mày dụ nó ở đây. Tao lấy cái bao cát."
Tôi chưa kịp đồng ý hay không. Hắn chạy vụt đi.
Tôi nhìn con chó. Tội nghiệp! Nó không biết gì cả.
Tôi đưa tay. Nó liếm. Tôi vuốt đầu. Nó quíu tai lại.
Tôi vỗ nhẹ trên lưng. Nó nghểnh cổ, lim dim đôi mắt.
Quỷ thần trời đất ơi! Nó dễ thương như vậy, ai nở lòng nào giết cho đành?
Lê Thơm cầm bao cát, hấp tấp chạy lại: "Nhanh lên!"
Tôi lắc đầu.
Hắn mở rộng miệng bao giơ ra, giục: "Nhanh! Bóp cổ, thồn vào."
Không còn suy nghĩ nữa, tôi chụp cổ con chó, siết mạnh. Nó giãy giụa, quào bốn chân trong không khí.
Lê Thơm túm chân, tròng vào bao cát.
Hắn nói: "Tiếp tục bóp."
Nếu có kẻ nhìn thấy, hậu quả khốn nạn sẽ không lường nổi.
Tôi kêu lên: "Kinh quá mày ơi! Tha nó đi."
Tôi buông tay. Con chó vừa kêu "ẳng" một tiếng, đã bị Lê Thơm siết cổ lại liền.
Tới giờ xuất trại lao động buổi chiều, cả đội xếp hàng đôi, lần lượt ra cổng. Cán bộ trực trại, và quản giáo

đứng ngay cổng kiểm soát. Vệ binh coi tù, mang súng đi sau cùng. Lê Thơm lảnh việc nấu nước cho đội. Hắn quảy cặp thùng, mang bị đựng chó bên hông, thản nhiên đi ra cổng. Tôi vái thầm, cầu trời cho hắn thoát. Và hắn thoát thật. Tôi thở phào, nhẹ cả người. Ra đến hiện trường lao động, mọi người túa vào rừng chặt nứa. Rừng xanh mênh mông. Đồi núi chập chùng. Vệ binh mang súng đi qua đi lại ngoài bìa rừng, canh tù làm việc. Lê Thơm chọn thế đất tương đối bằng phẳng. Việc đầu tiên, hắn đào một cái hố nhỏ. Ai cũng tưởng hắn đào bếp lò. Nhưng thật nhanh, hắn cho con chó xuống, và lấp đất lại. Bên trên, hắn đốt một đống lửa, nấu nước. Đó là chuyện hắn kể sau này.

Trong giờ giải lao. Tôi tới chỗ nấu nước. Lê Thơm múc cho tôi một ca nước sôi. Nhìn quanh, không thấy có dấu hiệu gì chứng tỏ Lê Thơm nướng chó.

Tôi hỏi nhỏ: "Chó đâu?"

Hắn chỉ vào đống lửa.

Tôi lấy cớ mồi lửa đóm hút thuốc lào, dùng cái que cời than lên, vẫn không thấy chó.

Hắn bảo: "Đi khỏi chỗ này ngay. Đừng làm tụi nó sinh nghi."

Tôi tin tưởng vào tài ứng biến của Lê Thơm. Xưa kia, hắn là thiếu tá, có thời làm quận trưởng quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long. Ngày nay vào tù, hắn nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh mới, lanh lợi trong mọi vấn đề. Nhất là cải thiện, hắn nhanh như sóc. Trong đội, không thằng nào qua mặt được Lê Thơm. Thoáng thấy đó, biến đó không ngờ. Hồi hắn còn

trong tổ làm vườn. Giờ trưa, mọi người đều nghỉ ngơi. Hắn lúi húi moi khoai lang, đem xuống suối rửa, nhưng mắt vẫn rảo quanh quan sát. Hắn thấy Thu Sứt từ những bụi cây đàng xa, đang rình mò theo dõi hành động của hắn. Tay này mang quân hàm trung uý, có người anh vào Nam làm giải phóng, và bỏ mạng trong trận chiến mùa hè năm 72, ở Bình Long. Bao nhiêu hận thù, Thu Sứt trút lên đầu anh em tù cải tạo. Sở dĩ Thu Sứt có biệt danh này, là do cái môi bẩm sinh bị sứt, phải vá lại. Vì thế cái miệng chum chúm, làm cho cái mặt luôn luôn mang nét quạu quọ như người đang hờn giận. Có lần, Thu Sứt bắt gặp anh Năng đang cải thiện. Thu Sứt gọi về, bắt Năng đứng giữa bốn vệ binh vây quanh. Thu Sứt hạ lệnh cho bốn vệ binh bề hội đồng. Năng bị đấm văng bên này, bị đá giạt bên kia, giống như những cầu thủ giao banh. Cuối cùng, Năng gục xuống ngất xỉu, được khiêng về trại cho anh em tù săn sóc. Sau thành tích ấy, Thu Sứt nổi danh là hung thần ác sát. Trong trại còn một người nữa, cũng nổi danh không kém Thu Sứt. Đó là chàng trung sĩ vệ binh Nương Mặt Ngạnh. Thật ra, anh ta tên là Lương, nhưng do nói ngọng thành Nương, và do xương quai hàm bạnh ra, nên có biệt danh là Nương Mặt Ngạnh. Khi dẫn tù đi lao động, anh ta cầm theo chiếc gậy bằng cây giang, trông như khúc đoản côn. Đã nhiều lần anh ta quất thẳng cánh vào anh em tù cải tạo. Ai từng bị đòn của Nương Mặt Ngạnh cũng đều ẹo xương sống. Thành tích của Nương Mặt Ngạnh ở hiện trường lao động rất đáng gờm. Anh ta bắt tù đứng trên triền núi. Thế núi dốc, anh ta đứng phía trên. Sau vài

câu đay nghiến, bỗng Nương Mặt Ngạnh đá thốc dép râu vào mặt người tù. Bất ngờ không kịp chống đỡ, người tù ngả vật ra, sặc máu mũi. Trong kỳ cả trại học tập về chính sách khoan hồng nhân đạo của đảng và nhà nước, anh em tù phản ảnh chuyện này lên ông trại trưởng. Ông trại trưởng bảo: "Chính sách của đảng và nhà nước trước sau như một. Nhưng các anh quá quắc, không trừng trị không được." Thế là huề! Đảng và nhà nước vẫn tiếp tục chủ trương khoan hồng nhân đạo. Anh em tù vẫn tiếp tục bị trừng trị.
Trở lại chuyện Lê Thơm khi bị Thu Sứt theo dõi. Hắn biết nguy tới nơi rồi. Hắn cho tất cả khoai lang vào thùng tưới, đi lên. Ở đằng xa, Thu Sứt nương theo những bụi cây đi tới, quyết bắt tại trận tên tù đang cải thiện. Lê Thơm chờ cho Thu Sứt đi khuất sau chòm cây, hắn trút thùng khoai xuống hố ủ phân bắc. Rồi quay xuống suối như đang tiếp tục xách nước tưới rau. Phân bắc là cứt người, ủ lại để bón rau. Hố phân bắc đầy giòi bọ, và mùi rất khắm.
Thu Sứt xuất hiện, khi Lê Thơm đang múc nước dưới lòng suối.
"Anh kia! Làm gì đấy?"
"Xách nước tưới rau."
"Anh rửa gì dưới suối?"
"Tôi có rửa gì đâu?"
"Láo! Anh vớt tất cả đem lên đây."
"Có gì mà vớt?"
"Khoai lang."
"Làm gì có?"
"Hãy mò xuống, vớt lên."

Lê Thơm mò xuống, vớt lên những sỏi đá."
Tức quá, Thu Sứt xăn quần lội xuống suối. Mò chỗ cạn không thấy, Thu Sứt mò ra sâu hơn, ướt cả quần, vẫn không thấy. Thu Sứt quay lên, mặt hầm hầm bảo Lê Thơm về ngay, trình diện trên khung.
Tại khung, Thu Sứt đưa tờ giấy, bình mực, và cây bút cho Lê Thơm, bảo: "Viết kiểm điểm."
Lê Thơm hỏi lại: "Chừng nào nộp giấy?"
"Chiều nay."
"Không kịp. Tôi còn phải đi lao động."
"Cho anh nghỉ việc buổi chiều. Ở lại lán viết kiểm điểm."
Lê Thơm viết, đại ý rằng từ ngày đi cải tạo, hắn luôn phấn đấu để trở thành người tốt. Cán bộ bảo viết kiểm điểm. Nhưng hắn không biết kiểm điểm về vụ gì? Mong cán bộ chỉ dẫn.
Buổi chiều. Lê Thơm đem giấy lên nộp. Thu Sứt đọc xong, vỗ bàn: "Kiểm điểm về vụ cải thiện khoai lang. Biết chưa?"
"Nhưng tôi đâu có cải thiện khoai lang?"
"Có. Anh phải viết rằng anh có cải thiện khoai lang. Nghe rõ chưa?"
"Vâng. Tôi rõ. Xin cho biết chừng nào nộp giấy?"
"Cho anh nghỉ việc sáng mai, viết kiểm điểm. Trưa hôm sau nộp."
Thu Sứt đưa Lê Thơm tờ giấy khác. Anh ta yên chí sẽ căn cứ vào nội dung tờ kiểm điểm, nện cho Lê Thơm một trận mập mình, và cùm vào nhà kỷ luật.
Lần thứ hai, Lê Thơm viết rằng: Tôi đang đứng dưới suối xách nước tưới rau. Cán bộ nghi ngờ tôi đang rửa

khoai lang. Và ra lệnh cho tôi phải viết có cải thiện khoai lang. Tôi tuân lời cán bộ, nhận có cải thiện khoai lang. Nhưng thật sự tôi không dám làm chuyện vi phạm nội quy như thế."
Trưa hôm sau. Thu Sứt đọc kiểm điểm của Lê Thơm xong, xé toạc tờ giấy, giận dữ: "Viết láo lếu thế này, thì sao gọi là tự giác?"
Lê Thơm bình tĩnh: "Tôi viết theo lệnh của cán bộ."
Thu Sứt gầm lên: "Câm họng. Cút ngay! Lần sau, dù có lủi giỏi như chạch cũng không thoát."
Trong tù, Lê Thơm dám "giỡn mặt" cán bộ, quả là lớn gan. Tôi phục hắn. Nói theo Thu Sứt, hắn lủi giỏi như chạch. Hắn đã thoát không phải một lần, mà nhiều lần sau nữa. Chỉ một lần sau cùng, hắn không thoát được. Và lần không thoát được ấy, đưa Lê Thơm đến sự tử vong. Tôi đã nói về trường hợp Lê Thơm bỏ mạng, trong một truyện khác.
Tối hôm thịt con chó, trời vừa nhá nhem, Lê Thơm khều tôi ra ngoài đầu hồi. Hắn mở cái bị, lôi ra con chó cứng đơ, dính đầy đất cát. Hắn lột da, xé miếng thịt đưa tôi. Chưa bao giờ ăn thịt chó, tôi nghe nhờn nhợn trong cổ khi cầm miếng thịt.
Lê Thơm bảo: "Ăn đi. Nguồn protéin bổ dưỡng vô song."
Hắn nhai ngấu nghiến. Tôi bắt chước ăn thử, thấy ngon. Tôi nghĩ, với sự đói khát lâu ngày, bất cứ món gì cho vô miệng cũng thấy ngon. Thằn lằn, rắn mối, cào cào, châu chấu, ốc sên, dế nhủi đều ngon, và cũng là nguồn protéin cần thiết cho cơ thể. Đặc biệt, có con sâu màu trắng thường rúc trong gỗ mục, toàn thân nó

chứa một chất sữa rất béo. Con sâu vô danh này, tù đặt tên là con Magarit. Có thể nói con Magarit là sâm động vật, giá trị không thua sâm thực vật của Đại Hàn.
Hai chúng tôi ăn đến nửa con chó, thì đụng phần thịt sống. Bởi khi chôn con chó xuống đất, phía trên nóng nhiều làm thịt chín, nhưng không đủ sức chín tới phía dưới.
Lê Thơm nói: "Ăn luôn. Người tiền sử vẫn ăn thịt sống."
Tôi đề nghị: "Cắt ra từng miếng nhỏ, cho vào lon Guigoz nấu."
"Mang ra mang vô cổng trại, nguy lắm."
"Tới phiên tao mạo hiểm. Tao sẽ nấu ngay đêm nay."
Đêm ấy, tôi lần mò trong bóng tối, vào nhà bếp cời than đặt vào hai chiếc lon Guigoz. Xong, lại quay về lán ngồi đợi thịt chín. Khi lấy lon về, cũng phải ra vào hai bận. Công việc chỉ có thế, nhưng vô cùng nguy hiểm. Vệ binh rình rập đâu đó, thấy bóng người ra khỏi lán mà không cầm theo cây đèn dầu, chúng sẽ bắn, nếu không chết cũng bị thương. Tôi tin con người có số mạng. Dù ở tù, nhưng ngôi sao chiếu mạng của tôi còn sáng lắm. Quỷ thần che chở cho tôi trong mọi trường hợp bất trắc hiểm nguy.
Ngay trong đêm, Lê Thơm và tôi thanh toán sạch luôn hai gon Guigoz thịt. Con chó nhỏ được chôn kín vào nơi không trời không đất. Hoàn toàn mất dấu.
Khi ăn, tôi nói: "Nghĩ tội con chó quá, mày ơi!"
Lê Thơm nói: "Cũng bởi tình cảm tiểu tư sản như thế, mà hôm nay mới vào tù."

Tôi lại nói: "Miếng ăn tưởng chừng rất nhỏ nhoi. Nhưng có lúc người ta dám đem cả sinh mạng mình ra thử thách. Xem thế, đủ biết cái ăn là quan trọng vô cùng."
Lê Thơm gạt ngang: "Đừng triết lý vặt, ăn mất ngon, con ạ!"

Vài hôm sau, ông đại uý cán bộ trại phó cầm sợi dây cột chó, xuống trại vào giờ ăn trưa. Ông đi quanh quẩn tìm kiếm.
Ông hỏi: "Các anh có thấy con chó của tôi chạy xuống đây không?"
Mọi người im lặng.
Lê Thơm lên tiếng: "Con chó nào, cán bộ?"
"Con chó trắng đốm đen."
"Có phải con chó nhỏ không?"
"Đúng rồi."
"Ồ... Lúc trước, nó vẫn thường chạy lại đây. Hai ngày nay không thấy."
"Hôm qua, tôi còn cho nó ăn. Mới mất hôm nay thôi."
Lê Thơm sốt sắng: "Tôi sẽ để ý. Nếu thấy, tôi giữ nó lại, báo cho cán bộ."
Ông trại phó lắc đầu thất vọng: "Chắc bị cáo vồ rồi."
Nói xong, ông quay đi.
Lê Thơm thầm thì với tôi: "Mình thịt con chó đã hai ngày. Nó nói hôm qua còn cho chó ăn. Bọn này hễ mở miệng ra là nói láo. Chuyện lớn chuyện nhỏ đều láo."

Xương rồng

Khuôn viên nhà ông Nguyễn được bao bọc bởi một hàng rào bằng cây xương rồng. Hàng rào bằng tường, kẻ trộm có thể leo. Hàng rào bằng kẽm gai, kẻ trộm có thể cắt. Nhưng hàng rào bằng cây xương rồng với những gai nhọn chi chít thì vô phương vượt qua. Sự phòng thủ chắc chắn như thế đã quá lắm rồi, ông còn nuôi thêm một con chó. Loại chó berger to lớn, hung dữ lạ thường. Nó là khắc tinh của những bóng đen rình mò dòm ngó nhà ông vào những đêm tối trời. Ông Nguyễn tin ở chó, không tin ở người. Bởi lòng người trí trá tinh ma, hành động sói chồn quỷ quyệt. Ông đặt tên chó là Dự Nhượng, cái kiểu đặt tên nghe cũng lạ đời. Có người hỏi, ý nghĩa là gì? Ông nói, xưa ở bên Tàu có thằng Dự Nhượng theo thờ Trí Bá. Triệu Tương Tử giết chết Trí Bá, lấy đầu lâu làm đồ đựng rượu. Dự Nhượng đôi phen liều thân muốn giết Tương Tử, báo thù cho Trí Bá. Chuyện không thành, Dự Nhượng phục gươm tự sát. Trên đời khó tìm được một thằng ngu đến thế. Lại hỏi, đó là người trung thành có nghĩa, sao gọi là ngu? Ông cười, đạo nghĩa là ảo tưởng khôi hài dành cho thằng ngu. Thằng khôn chỉ nói đến cái lợi. Khi nói đến cái lợi thì không nói điều tín nghĩa. Lý luận của ông, nhiều người ghét. Họ bảo, ông thuộc loại người mặt chuột mỏ dơi là thứ gian hùng đĩ miệng bán đứng thiên hạ như chơi. Cũng có người từng chịu ơn ông thì bảo, đấy là cái khôn ngoan sâu sắc của kẻ lịch đời.

Ai nói gì thì nói, ông Nguyễn vẫn sống an nhiên. Với gia sản hiện có, ông không cần phải làm gì nữa, ngồi không mà ăn mãn đời cũng không hết. Kho đụn nhỏ hơn lòng tham con người. Kho đầy mà lòng vẫn muốn thêm. Biết đủ là đủ. Gạn lọc những câu nói của người xưa, ông đắc ý nhất câu này. Ông bôn ba nhiều rồi, đã đến lúc dừng lại. Dừng lại và gìn giữ của cải để an hưởng tuổi già. Thế nhưng gìn giữ cũng không là chuyện dễ. Người thiên hạ khốn nạn lắm. Sơ ý là chúng xông vào quơ của. Nhìn mặt thằng nào, ông cũng thấy tiềm ẩn cái nét gian manh xảo trá. Dù chúng có nói những lời đường mật, ông cũng không tin. Kinh nghiệm cuộc đời chó má, dạy ông luôn phải đề cao cảnh giác. Cái gương soi đời bẩn thỉu cho ông nhìn thấy có những bà vợ âm thầm đầu độc chồng để cuỗm trọn gia tài theo trai. Kẻ đầu ấp tay gối mà còn nhẫn tâm đến thế, ông còn dám tin ai? Đàn bà, ông mê bóng sắc của loài mắt xanh mỏ đỏ này, nhưng lại sợ nó còn hơn chằn tinh thú dữ. Vì sợ nên suốt đời ông không chính thức kết hôn với người đàn bà nào. Tiền trao cháo múc sòng phẳng, dứt khoát không vướng mắc tình cảm vào mình. Con nào léo nhéo đòi hỏi trách nhiệm hoặc bêu riếu danh dự ông, ông chỉ cần quăng ra một ít tiền khiến cái đám vô lại bịt mồm khóa họng nó.

Ngoài con chó, nhà ông Nguyễn có nuôi một thằng người làm vườn, và một con bé giúp việc. Trong cái cơ ngơi rộng lớn, chỉ chứa ngần ấy con người. Chuyện

trong nhà không lọt ra tai hàng xóm.

Thằng người làm, ông Nguyễn gọi thế, chứ thật ra là một người đàn ông tuổi cỡ bốn mươi. Tên hắn là Thổ. Không biết tên đã có từ trước hay do ông Nguyễn đặt. Ông nhặt hắn từ một góc chợ tồi tàn nào đó. Ngày ấy, hắn gầy rạc như con bọ ngựa trời, bèo nhèo như miếng giẻ rách. Về tay ông một thời gian, được ăn uống no đủ hắn mau chóng phục hồi sinh lực. Thân hình vạm vỡ, thích hợp với những công việc nặng nề. Hắn thuộc loại tâm trí trì độn, không hề có một sáng kiến nào cả, nhưng biết vâng lời bảo đâu làm đó. Ông Nguyễn chỉ cần có thế. Sáng kiến của hắn chỉ làm hư việc của ông.

Con bé giúp việc tên Cam, là người gần gũi với ông Nguyễn nhiều hơn hết. Gọi con bé là do thói quen từ hồi nó mới vào nhà ông. Năm ấy nó mới mười lăm, bây giờ đã mười chín. Nó không đẹp, nhưng được cái đẫy đà trắng trẻo. Lần đầu tiên, ông gọi nó lên phòng tẩm quất cho ông khi trời trở gió. Nó còn rụt rè lắm, không dám chạm mạnh vào người ông. Ông bảo, mạnh tay lên. Nó cật lực nắn bóp từ xương bả vai cho đến gót chân ông. Vừa làm vừa thở, mồ hôi ướt nách. Những lần sau, nó tỏ ra quen việc. Ông bảo, mày phải tắm rửa sạch sẽ trước khi lên đây. Khi nó nắn bóp cho ông, ông sờ mò thân thể nó. Lúc đầu nó ngượng, nhưng rồi cũng chai. Ông bảo nó cởi đồ ra. Nó mắc cỡ. Ông nói, ngày xưa con gái mười ba tuổi được tiến cung vua. Mày mười sáu là chậm mất ba năm rồi đấy.

Nói xong, ông đè lên người nó. Nó nhắm mắt, khóc rấm rức. Ông hỏi, mày nhục hả? Nó nói, con không biết nhục là gì. Ông nói, thế thì mày khóc vì đau. Chỉ đau lần này thôi, lần sau không đau nữa. Nó sợ hãi, còn có lần sau nữa sao ông? Khi nó mặc lại áo quần, ngồi co rúm ở một góc giường, ông Nguyễn hỏi, mày biết chuyện cung đình ngày xưa không? Nó nói, con là hạng tôi đòi làm sao biết chuyện thâm cung. Ông nói, bọn vua chúa tuyển gái vào cung, hiếp dâm người ta thì gọi là ban ơn mưa móc. Cùng một hành động mà dân thì bị tội cưỡng bức. Xem thế đủ biết ngôn từ làm điên đảo sự phán đoán của con người. Đầu óc mù mờ xuẩn ngốc không phân biệt đâu là chính danh cao thượng, đâu là dục vọng đê hèn. Luật lệ xưa nay nằm trong tay của bọn quyền thế. Mày có nghĩ điều đó không? Nó nín thinh, giương cặp mắt vô hồn nhìn ông. Ông nói tiếp, mày sẽ không hiểu được điều gì đâu, con ạ. Tất cả đều nhớp nhúa, thối tha, khốn nạn. Nó kẹp hai bàn tay vào đùi, cúi mặt. Cái lần đầu tiên con bé biết mùi đàn ông là năm vừa tròn mười sáu. Từ ấy đến nay, vài đêm ông Nguyễn lại nó gọi nó lên phòng. Nó không còn nhớ đã bao nhiêu lần như thế.

Ông Nguyễn có cái lối hành sử rạch ròi tận mặt sự đời. Tuổi đã già, nhưng mắt ông còn tinh lắm. Có người bảo đấy là cái thần khí lưỡng mục trùng đồng của người làm nên việc lớn. Nhìn vào ai, ông như soi thấu cả tim gan người ta. Lại cũng có người căn cứ vào sách tướng, thì cho rằng con mắt láo liên chứng tỏ cái tâm bất chính, cái tính nghi ngờ và bản chất tráo

trở. Lời ong tiếng ve đều không lọt khỏi tai ông Nguyễn. Ông chỉ cười. Nụ cười của ông cũng được giải thích theo nhiều nghĩa. Người thì bảo, cái cười nhân hậu giàu lòng khoan thứ. Kẻ lại nói, cái cười nham hiểm của tên thù dai. Chung quanh ông, người ta thêu dệt lắm điều khó phân biệt thực hư. Ông không hề đính chính. Thế mà lại hay. Lâu ngày sự thêu dệt thành huyền thoại.

Điều gì thì còn có thể nghi ngờ, nhưng chuyện ông Nguyễn đã từng đi đây đi đó nhiều nơi trên thế giới là điều không thể phủ nhận. Đi nhiều, kiến thức rộng. Nghe ông nói chuyện năm châu bốn biển, kẻ ít đọc sách cũng học được nhiều điều mới lạ. Chẳng hạn, khi ông đem về một cây xương rồng. Giống xương rồng này lạ, không từng thấy mọc ở Việt Nam. Một số người hiếu kỳ bu lại coi. Ông khoe, khổ công lắm mới mang được nó về từ nước ngoài. Thân tua tủa những gai nhọn. Hoa màu đỏ rực, giữa đài hoa có nhụy vàng. Đứng xa xa mà nhìn, màu sắc rất đẹp. Nhưng chớ có lại gần, nét đẹp chỉ nên nhìn bằng mắt, sờ vào dễ bị gai đâm.

Trong tuổi hưởng nhàn, người ta hay lấy cái thú nuôi chim cá, hoặc chơi cây kiểng làm vui. Ông Nguyễn không chơi theo kiểu thường tình. Ông chơi cây xương rồng. Từ ngày có xương rồng, ông không thiết những việc khác. Ông bảo, ở Âu Châu người ta trồng xương rồng trong cái chậu nhỏ, đặt nơi bệ cửa sổ làm cảnh cho vui mắt. Trồng như thế, xương rồng không

phát triển được vì thiếu đất. Ý người ta cũng chỉ muốn trang trí cho nhà cửa có vài cánh hoa tươi mát, chứ không muốn nó sinh sôi nẩy nở nhiều. Còn ông, ông nghĩ đến điều thực dụng.

Trước khi mang giống xương rồng này về, ông cũng đã nghiên cứu qua lý thuyết sách vở, và nhận thấy nó thích hợp với phong thổ Việt Nam. Nó là loài thực vật chịu hạn, vất trên những thế đất cằn khô sỏi đá vẫn sống được. Muốn nó trổ hoa, trước hết phải hãm nước cho khô héo, rồi sau sẽ cho nước vào. Gặp nước nó hồi sinh nhanh chóng, nứt mụt nẩy hoa. Tuy thế, vẫn không cho nước nhiều, chỉ sương sương là đủ. Nước nhiều thúi gốc. Xương rồng không bao giờ mọc được ở những nơi đầm lầy úng thủy.

Mới đầu, ông Nguyễn trồng xương rồng trong cái chậu lớn bằng xi măng, dưới đáy có lỗ thoát nước, chăm sóc đúng theo nguyên tắc sách vở. Chậu đặt ngoài sân. Một thời gian sau, xương rồng nhảy con đầy cả chậu. Ông quyết định hạ thổ. Thằng Thổ làm cái công việc sang xương rồng từ cái chậu xi măng xuống hố đất. Dù hết sức cẩn thận, cũng không tránh được gai đâm.

Một bữa đi bên ngoài về, ông Nguyễn thấy con Cam đang ôm cánh tay thằng Thổ lể gai.

Ông hét lớn: “Buông ra ngay.”

Hai đứa ngơ ngác không hiểu vì sao ông Nguyễn giận dữ.

Sau đó, ông đưa tiền bảo thằng Thổ đến một bà già chuyên hành nghề lể đẹn cho con nít trong xóm, nhờ lể gai. Ông lại sắm cho Thổ một đôi găng tay bằng da bò.

Ông hỏi: "Mày biết găng tay dùng làm gì chứ?"

Thổ nói: "Con biết."

"Mày phải biết thêm rằng, thứ nào cho ăn thì ăn, thứ nào để cúng thì cúng. Mày mó tay vào đồ cúng, tao thiến mày đấy."

Thổ ậm ờ, nhưng xem ra không hiểu ý nghĩa của lời bóng gió xa xôi.

Xương rồng phát triển theo lối nhân giống. Một thành hai. Hai thành bốn... Ông Nguyễn bảo Thổ đào một cái rãnh trồng xương rồng, chung quanh phần đất của mình. Mười năm, xương rồng mọc kín rãnh, làm thành vòng đai bao bọc cơ ngơi ông Nguyễn. Mùa khô, xương rồng trổ hoa màu đỏ rực. Ông che lều bày tiệc ngoài sân, mời người làng Hạ đến thưởng hoa. Tiệc quy tụ vài mươi người. Dù không nói ra, nhưng ai cũng biết người ta đến vì miếng ăn hơn là nhìn hoa vớ vẩn.

Khách nhận xét, bữa tiệc hôm nay lớn hơn bữa giỗ.

Thầy giáo Quảng nói: "Vật chất đầy đủ, lại được thưởng thức tinh hoa của đất trời làm tinh thần thêm sung mãn. Thế này thì đời đáng sống thật."

Trùm vạn Hương nói: "Chúng tôi là dân thợ cày, phu làm thuê, thuộc tầng lớp ít học. Xin thầy Quảng đừng dùng những lời cao siêu, chúng tôi không hiểu thấu."

"Ông làm đầu nậu chỉ giỏi cái ma mãnh. Công cấy làm nhiều, ông ghi ít. Đến mùa gặt, chủ ruộng đong lúa trả công, ông đong lại cho công gặt, bao giờ cũng có dư. Trong mánh khóe lường lận, không ai bằng ông. Trong trường chữ nghĩa, ông không bằng ai. Tôi nói đời này đáng sống, có gì mà cao siêu không hiểu?"

"Giảng huấn cũng có nhiều loại người. Đem sách vở thánh hiền giải thích theo ý riêng của mình làm nhân tâm điên đảo, là nghề của ông. Nói những lời trăng hoa lừa gạt tình cảm đàn bà, làm suy đồi đạo lý bại hoại gia phong, khó có miệng lưỡi nào ngọt hơn ông. Ông bảo, đời này đáng sống, vậy thì đời nào không đáng sống?"

"Cắm đầu lo ăn như loài cầm thú, không biết đến giá trị tinh thần là đời không đáng sống."

"Con dế có no mới gáy, con chim có no mới hót. Vậy

tiếng gáy tiếng hót bắt nguồn từ việc được ăn no hay từ tinh thần?"

"Xin hỏi lại ông, con cào cào, con châu chấu được ăn no có gáy không? Con bồ cắt, con quạ đen được ăn no có hót không?

Lời qua tiếng lại đã đến hồi gay cấn.

Ông Nguyễn lên tiếng: "Dân tộc ta không tiến được là vì hay lý thuyết suông. Quá nhiều người có chí lớn muốn làm minh chủ, chẳng ai chịu đầu phục ai. Mầm mống chia rẽ bắt nguồn từ chuyện cãi lý. Mới vào tiệc, các ông đã vãi bùn vào mặt nhau. Không khéo lại xảy ra xô xát vì lời nói xỏ xiên. Xin bỏ qua những tị hiềm cá nhân, để bữa tiệc hôm nay được trọn."

Nể mặt chủ nhà, thực khách hòa thuận làm vui.

Thằng Thổ ngồi cùng bàn thực khách. Hắn ăn và không nói gì cả. Có thể hắn không biết gì để nói. Cũng có thể hắn biết ông Nguyễn không thích những cái miệng bép xép. Ông cho thằng Thổ ngồi vào bàn tiệc, nói lên cái quan niệm con người bình đẳng với nhau, điều mà ông Nguyễn hết lòng cổ xúy và kêu gọi mọi người xóa bỏ giai cấp. Ông nói, giai cấp sở dĩ có là do sự phân công xã hội. Bọn chủ nhân quyền thế lợi dụng điều ấy, đặt ra những nấc thang giá trị giai cấp để dễ bề bóc lột. Người nghèo và những kẻ làm thuê, thích ông Nguyễn ở điểm này.

Con Cam tới lui tiếp rượu và đồ ăn.

Thầy tướng số ghé tai thì thầm với gã thợ bạc: "Tôi coi điệu bộ con Cam đã mất trinh."

Gã thợ bạc: "Làm gì có chuyện đó? Nó ở miết trong nhà. Trai làng chẳng thằng nào léng phéng gần gũi được."

Thầy tướng số quyết đoán: "Thế mới lạ. Cái mông bè ra, cặp vú căng gần đứt nút áo. Hiện tượng đã nếm mùi đàn ông. Tôi coi tướng trăm người không sai một."

"Có thể nó đã qua tay thằng Thổ?"

"Ừ. Có thể lắm."

Tiệc tàn. Ông Nguyễn đưa mọi người đi dọc theo hàng rào cây xương rồng, xem hoa. Ai cũng trầm trồ khen hoa đẹp.

Khi trở lại bàn uống trà, có người hỏi: "Ăn tiệc trước xem hoa sau, là nghĩa làm sao?"

Ông Nguyễn nói: "Bụng đói thì đầu chỉ nghĩ đến miếng ăn. Người đói không thiết đến hoa, coi đó là thứ vô tri của trời đất. Nét đẹp của hoa cỏ chỉ nhìn thấy được khi đã cơm no áo ấm. Mùa xuân, những kẻ

nhàn du chắp tay sau đít đi ngắm hoa đào, hoặc ngồi nhắp rượu canh thức đêm khuya để chờ giờ hoa quỳnh nở. Tôi chưa có được cái ngẫu hứng phù phiếm của kẻ rởm đời như thế. Tôi chỉ muốn giới thiệu đến các ông cái thực dụng của giống xương rồng ngoại quốc. Người xưa cho rằng thủy hỏa đạo tặc, là bốn mối nguy lớn trên đời. Trộm cắp được liệt vào mối nguy thứ ba. Nhưng nếu có cái hàng rào xương rồng, ta đỡ được một mối lo. Cơ sự vững vàng thì lòng dạ bình yên. Lúc đó, nhìn hoa xương rồng mới thấy hết ý nghĩa của nó."

Một số người e dè nêu ý kiến, loài thực vật đầy gai góc này sẽ làm tổn hại đến con người. Năm kia, lão Nhự đi uống rượu ban đêm về loạng quạng thế nào lại ngả vào hàng rào, gai đâm nát cả mình mẩy. Gần đây nhất là vụ đứa con của ông ấp trưởng mới tập đi xe đạp, cả người và xe lao vào hàng rào. Ngoài những vết thương trên mình, thằng bé còn bị gai đâm đui mắt. Cũng vì cái hàng rào xương rồng này, ông Nguyễn đã gặp ít nhiều rắc rối.

Ông nói: "Ngày xưa, vua Vũ khơi sông Dương Tử đào sông Hoàng Hà làm lợi cho muôn sau, mà dân gom ngói đá ném ông. Ông Tử Sản vỡ đất trồng dâu bảo tồn cho nước Trịnh giàu mạnh, mà người nước Trịnh chê bai hủy báng ông. Hàn Phi Tử vào thời chiến quốc nói, lòng dân như trí trẻ con, chỉ thấy cái khổ nhỏ trước mắt mà không thấy cái lợi lớn về sau. Nay các ông chỉ sợ cái gai đâm vào mình, mà không thấy được

cái lợi của rào giậu ngăn ngừa kẻ gian từ bên ngoài xâm nhập vào nhà."

Sau lý luận của ông Nguyễn, những người có mặt hôm đó đều cho rằng ông có con mắt nhìn xa ngoài ngàn dặm.

Khi ra về, mỗi người được ông Nguyễn biếu một chậu nhỏ xương rồng. Ông cũng chỉ rõ cách trồng và phương pháp làm thế nào để phát triển nhanh chóng.

Ba mươi năm rào giậu, kẻ trộm không viếng nhà người làng Hạ. Xương rồng mọc tràn lan choán cả lối đi. Đến lúc thấy trở ngại, chặt vất ngoài đồng khô, nó vẫn sống và tiếp tục sinh sôi nẩy nở. Bây giờ, muốn diệt không dễ. Xương rồng trở thành cái họa cho người làng Hạ. Một số người bỏ làng đi lập nghiệp nơi khác. Số còn lại, sống trong muôn vàn khổ sở.

Ông Nguyễn chết, không có con. Toàn bộ gia sản cũng tan hoang khi ông nằm xuống. Thằng Thổ thừa hưởng một ngôi nhà đổ nát. Hắn trì độn, nhưng nhờ vào hơi hướm người chết nên thiên hạ vẫn gờm hắn. Có người hỏi, trước khi chết ông Nguyễn có trao cho hắn cái bí quyết diệt xương rồng không? Hắn bảo, những ngày cuối đời ông Nguyễn bị loạn tâm. Ông viết di chúc nói rằng sẽ đi gặp những người có cái tên rất lạ. Tìm trong kinh điển của các tôn giáo, không có vị thánh nào tên như thế. Người ta ngờ đó là tên của quỷ.

Con Cam không chồng, có con. Trong giấy khai sinh, đứa bé lấy theo họ mẹ. Họ tên người cha được ghi là vô danh. Chỉ con Cam mới biết đích xác ai là cha đứa bé. Nhưng con Cam bị chết bất đắc kỳ tử trước khi ông Nguyễn lìa đời.

Phụ truyện: Tôi kể chuyện cây xương rồng làng Hạ cho một nhà truyền giáo nghe. Ông ta cũng kể lại cho tôi nghe một câu chuyện rất thú vị. Nhiều năm trước, ông đọc một cái tin về cân bằng sinh thái thiên nhiên. Ngày xưa, châu Úc không có xương rồng. Dân Úc đi du lịch qua những châu khác, thấy xương rồng cho là cây lạ, mang về trồng chơi. Mãi sau, xương rồng mọc tràn lan đất Úc, đến mức báo động. Chính phủ Úc nhờ ủy ban khoa học Liên Hiệp Quốc nghiên cứu giúp phương cách diệt trừ xương rồng. Công cuộc nghiên cứu chưa đi đến đâu, thì hiện tượng lạ xảy ra. Một loài bọ nhỏ có cánh xuất hiện, và ăn xương rồng. Trong vòng ba năm, xương rồng giảm xuống thấy rõ. Người ta nghĩ, với cái đà này thì xương rồng sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn trên châu Úc. Nhưng không, xương rồng giảm đến mức vừa phải thì ngưng, sinh thái thiên nhiên được cân bằng. Hiện nay, châu Úc vẫn còn xương rồng và loài bọ nhỏ có cánh ấy. Theo nhà truyền giáo, làm cân bằng sinh thái thiên nhiên là do bàn tay Thượng Đế. Giống xương rồng ở làng Hạ phát triển bất thường, chắc cũng sẽ không ra khỏi cái quy luật trời đất.

Chuyện của Ngâu

Mười chín tuổi, Huỳnh Thị Ngâu có tình. Ông Huỳnh Hừng, cha cô, biết chuyện nhưng giữ thái độ im lặng đến lạnh lùng.

Trong bữa cơm chiều, Ngâu e dè ăn từng miếng nhỏ. Cha cô ngó chăm vào con gái, vài lần nhắp cốc rượu, hắng giọng như muốn nói điều gì, nhưng cuối cùng chẳng nói.

Buổi tối. Ngâu vào buồng, buông mùng, nằm nghĩ đến người tình.

Mẹ cô theo vào, vén mùng, ngồi kế bên, hỏi: "Thằng ấy thế nào?"

Cô vờ hỏi lại: "Thằng nào?"

"Thằng vẫn theo con vào đồn điền cao su."

"Làm gì có."

"Mày láo. Tao biết cả rồi."

"Mẹ biết, sao còn hỏi con?"

"Đồ chết bầm! Ba mày đang theo dõi đấy."

Ngâu nằm lặng.

Mẹ dỗ: "Nói đi. Nó thế nào?"

Ngâu thủ thỉ: "Ảnh nói thương con."

"Không. Gia thế kìa?"

"Đi lính, cấp bậc trung sĩ."

Mẹ gắt: "Biết rồi. Cha mẹ nó?"

"Bắc di cư, năm năm tư."

"Tên nó là gì?"

"Koan Trâu Phiên."

"Hả?"

Ngâu lặp lại: "Koan Trâu Phiên."

"Tên nghe lạ."

"Ảnh kể, bố mẹ thuộc sắc tộc Nùng, Lai Châu. Khi mới vào Nam, bố dắt đi làm thẻ vì khai sinh, khai tên Quang Châu Phiên. Ông hộ tịch người Nam, viết thành Koan Trâu Phiên."

"Nó nói gì nữa không?"

"Chỉ nói thương con."

Mẹ dặn: "Chưa thương được đâu. Coi chừng ba mày cắt gân đấy."

Mẹ bỏ ra ngoài. Ngâu nghĩ, tình yêu thật tuyệt vời, nhưng chung quanh lắm điều rắc rối.

Ngâu đứng nép vào vùng cây lá rậm, bên ngoài đồn điền.

Phiên hỏi: "Sợ anh đến thế à?"

Ngâu ấp úng: "Không. Chỉ sợ có người trông thấy."

"Chả có ai đâu."

"Phu đồn điền vẫn thường ngang qua đây."

"Họ không phải bố em. Sợ gì?"

"Họ sẽ mách lại. Em sợ tất cả mọi người."

Phiên nhích gần hơn, cầm tay Ngâu. Cô rụt tay về.

Phiên tha thiết: "Anh thương em."

Ngâu lí nhí: "Biết rồi."

"Có thương anh không?"

"Hỏi câu đó hoài."

"Anh muốn nghe em nói."

"Không thương, sao đứng đây với anh?"

"Vậy là thương hả?"

"Ư... ư..."

Phiên đặt tay lên vai Ngâu, kéo vào mình. Ngâu vùng nhẹ, cầm tay Phiên bỏ ra.

"Hãy nói thương anh."

Ngâu quay mặt, cười khúc khích: "Nói thế, ngượng chết đi."

Bất ngờ, Phiên ôm chầm lấy Ngâu. Hôn tới tấp lên mặt, lên cổ.

Ngâu ú ớ: "Anh..., buông em ra."

"Anh thương em."

"Lại nói câu ấy nữa."

Ngâu yếu đuối trong tay Phiên. Cô ngữa mặt nhìn lên

vòm cây. Có những bông hoa dại màu trắng điểm lấm tấm giữa màu lá xanh, và những con chim nhỏ chíu chít trên cành. Thiên nhiên bao giờ cũng thế. Nhưng Ngâu bỗng thấy như tất cả đều rộn lên, hoà cùng xúc cảm mới lạ ùa chụp xuống làm cô choáng ngợp, đồng thời với nỗi lo sợ vu vơ.

Ngâu nói như van: "Buông em ra."

Phiên âu yếm vùi mặt vào tóc Ngâu, nói trong hơi thở: "Mình sẽ là vợ chồng."

"Anh ơi, đừng ôm nữa. Em sợ..."

"Bằng lòng làm vợ anh không?"

Ngâu gật đầu: "Bằng lòng, nhưng... hãy buông em ra."

Phiên tháo vòng tay, tiếc nuối.

Ngâu vuốt lại mái tóc, mặt đỏ bừng: "Anh kỳ quá à."

Phiên cười: "Anh thích kỳ như thế."

Ngâu dí ngón tay vào trán Phiên: "Cái mặt không biết mắc cở."

Phiên cầm tay Ngâu. Lần này, cô không rụt tay về. Cả hai im lặng, nhìn về những hàng cao su thẳng tắp. Ngâu vẫn còn nguyên cái cảm giác trong giây phút

Phiên ôm ghì lấy thân thể nóng bỏng của cô. Cái cảm giác đầu đời chạm với tình yêu.
Lúc lâu sau, Phiên nói: "Anh sẽ nhờ mai mối đến nhà em."

"Chỉ ngại ba em..." Ngâu phân vân.

"Chê anh không xứng hả?"

"Không. Có điều khó nói."

"Điều gì?"

Ngâu cúi đầu: "Ba em không ưa lính."

"Ngâu ơi, thanh niên thời buổi này, ai mà chả phải đi lính?"

"Biết thế. Nhưng ba em thì khác."

"Phải làm sao cho ba em thương anh?"

"Em không biết."

"Điều gì, em cũng không biết." Rồi Phiên cười, nhái theo câu thơ. "Em còn bé lắm, chỉ biết yêu thôi. Chả biết gì."

Ngâu cũng cười: "Em còn bé lắm, chả biết yêu. Cũng chả biết gì."

"Thế thì anh dạy cho em biết gì." Phiên ôm Ngâu, vùi mặt vào ngực cô.

Ngâu đẩy ra: "Khiếp quá."

Phiên nói: "Thương nhau là phải thế."

"Không thế, không phải là thương sao?"

"Không. Chỉ là thương mây khóc gió của mấy ông thi sĩ thất tình. Em mười chín tuổi, phải thực tập bài học yêu thương để chuẩn bị làm vợ."

"Chuyện ấy tính sau. Bây giờ, cho em về. Ba em biết hẹn hò với anh, thì chết."

"Mới gặp đã đòi về?"

"Em sợ."

Phiên nài nĩ: "Không ai thấy đâu. Nán lại chút nữa, em?

"Thôi mà, cho em về."

Phiên tiếc: "Ừ, thì về. Mai gặp lại chỗ này, nhớ nhé?"

"Nhớ rồi. Anh đứng đây, chờ em đi khuất. Em sợ có người trông thấy mình đi chung."

"Trước khi về, anh hôn em lần nữa."

Ngâu chưa kịp trả lời. Phiên đã nâng mặt cô, và đặt lên đôi mắt những nụ hôn nồng nàn thắm thiết. Ngâu trách yêu: "Râu cà gần rách mặt người ta. Mai cạo râu đi nhé."

Ngâu đi dưới bóng mát những hàng cao su. Phiên đứng nhìn theo cái lưng nhỏ bé của người yêu đến khi khuất sau một khúc quanh trên con đường đất đỏ. Buổi sáng. Như thường lệ, Ngâu mang gùi vào vào đồn điền cao su cạo mủ. Cổ cô choàng chiếc khăn rằn của Phiên. Chiếc khăn của cô, Phiên xin, và thay thế bằng chiếc khăn này. Phiên nói, để giữ lấy hơi hướm người tình. Ngâu cảm động. Không ngờ trong tình yêu có những chi tiết vụn vặt, lại làm cho người ta xúc động đến chảy nước mắt. Cô ngó ra con đường đất đỏ về phía bìa rừng, nơi Phiên vẫn thường từ đó đi tới. Cô hình dung ra cái dáng đi lừng lững, đầu đội chiếc mũ lưỡi trai màu xanh cứt ngựa, vành mũ sụp xuống che ngang vầng trán. Đôi mắt xếch dưới cặp chân mày rậm, hiện rõ cái nét dữ dội của kẻ gan lì. Biết nhau lâu, nhìn hoài đôi mắt ấy, cô lại thấy dễ thương chi lạ. Và những câu ân tình của Phiên, còn đọng lại trong cô thành nỗi nhớ nhung.

Quá ngọ, vẫn chưa thấy Phiên. Ngâu bứt rứt mong chờ. Tiếng con chim gáy từ rừng xa khắc khoải vọng về, cô nghe tiếng như tiếng gọi buồn khi xa vắng.

Trước kia, có bao giờ cô để ý tiếng chim, và cảnh sắc chung quanh mình đâu. Tất cả những thứ đó, cô đã nghe thấy từ ngày còn bé, quen thuộc như một phần đời dính liền với cô, chìm trong ký ức. Từ khi có Phiên, cô cảm thấy mọi thứ đều hiện diện và đổi khác, mới lạ và đáng yêu. Mọi thứ đều biết vui buồn theo tâm cảm của cô, chứa chan đầy ắp kỷ niệm. Cô đang mong nhớ đợi chờ. Bỗng có vài ba tiếng súng nổ tắc cù bên ngoài đồn điền, phía giáp ranh với bìa rừng. Cái âm thanh khô khốc lẻ loi, làm cô khó chịu. Thời chiến tranh, thỉnh thoảng vẫn nghe tiếng súng như thế. Cô tự hỏi, cuộc đời tươi đẹp biết bao, sao người ta gây chi những đau buồn chết chóc? Chiều sắp tàn. Phiên không đến. Ngâu buồn bã trở về, thầm trách người yêu lỗi hẹn. Từ đó trở đi, ngày nào mang gùi vào đồn điền cao su, cô cũng đợi. Chờ đợi lâu ngày thành tuyệt vọng. Phiên không bao giờ đến nữa. Nỗi buồn cô giấu trong tim, mà nước mắt cứ ứa ra từng đêm trên gối. Chẳng ai nói cho Ngâu biết, tại sao mình bị bỏ rơi?

Sau ngày Miền Nam sụp đổ. Ngâu lập gia đình với viên huyện đội trưởng, tên Dư, sinh được hai con. Chồng cô rất mực chìu vợ, thương con. Ai cũng cho rằng, Ngâu may mắn được người chồng tốt, một gia đình ấm êm hạnh phúc. Biết bao cô gái đến tuổi trưởng thành, cũng chỉ mơ ước có một mái ấm như thế mà thôi. Bốn năm lấy chồng, Ngâu giữ tròn bổn phận làm vợ, làm mẹ. Dù thế, cô vẫn thường xa vắng mông lung, nhớ người tình cũ. Nhớ cái dáng đi lừng lững, và đôi mắt xếch. Nhớ những lần Phiên siết lấy cô, hôn tới

tấp. Những nụ hôn cháy bỏng làm cô bừng bừng nóng ran da thịt. Từ ngày lấy chồng, chưa bao giờ cô có được cảm giác ấy. Không phải chồng cô thiếu nhiệt tình. Chính cô thờ ơ với những ái ân trong tình chồng vợ. Nhiều khi đầu ấp tay gối với Dư, cô tự đánh lừa mình bằng cách tưởng tượng đang nằm trong vòng tay âu yếm của Phiên, để tìm lại những rung động mãnh liệt ngày nào. Nhưng cô thất vọng. Tự đánh lừa mình là điều không dễ. Trên đường đời, một lần cô bước hụt chân. Tình yêu vuột mất, để lại trong cô một khoảng trời trống lốc. Khoảng trống ấy cứ lớn dần lên mãi. Cái khoảng trống mênh mông không thể lấp đầy bởi người người đàn ông cô gọi là chồng.

Những buổi trưa, nhìn về phía đồn điền cao su, nghe tiếng con chim gáy từ rừng xa, cô buồn như chết lặng. Dù bây giờ, đồn điền không còn nữa. Cao su già cỗi bị đốn bỏ lâu rồi. Người ta thay vào đấy là là nông trường trồng mía. Con đường đất đỏ cũng biến mất, để nới rộng thêm cho diện tích trồng trọt. Nhưng với cô, tất cả vẫn bềnh bồng trong trí nhớ. Và tiếng chim gáy cũng gợi lại cho cô một mùa hè năm cũ, với vài ba tiếng súng nổ. Trong thời điểm ấy, cô vĩnh viễn mất người yêu. Từ đó trở đi, cây lá vẫn trổ màu xanh, nhưng cô buồn rầu héo hắt. Nhất là khi vô tình cô biết được một sự thực phũ phàng, thì khoảng trống trong lòng cô nhuộm trắng một màu tang.

Khi cách mạng giành được quyền kiểm soát Miền Nam. Ông Huỳnh Hừng tự bộc lộ thân phận là một

cán bộ nằm vùng. Với quá trình hai mươi tuổi đảng, đương nhiên ông là nhân vật có thế lực của chế độ mới. Chồng của Ngâu, trước kia là du kích, hoạt động dưới sự bí mật điều khiển của ông Huỳnh Hừng. Sau này, Dư được ông nâng đỡ, đưa lên làm huyện đội trưởng, và gả con gái. Trong một lần chè chén, các đồng chí của chồng vui say nhắc lại những thành tích chống Mỹ cứu nước. Thành tích của Dư là đã phục kích bắn chết một trung sĩ ngụy tên Phiên. Công lao đó, có ông Huỳnh Hừng dự phần. Ông theo dõi nhiều ngày để biết chắc thời gian, và lối đi về của Phiên thường hẹn đến với tình nhân, rồi đề ra kế hoạch cho Dư thi hành. Bây giờ, Ngâu mới hiểu rõ câu nói mập mờ của mẹ: Ba mày đang thoe dõi. Coi chừng ba mày cắt gân đấy.

Ngâu biết được điều đó, thì mọi chuyện không còn có thể thay đổi. Cô đã có con với Dư rồi. Cô mặc cảm như mình là nguyên nhân gây ra cái chết của Phiên. Trách ai? Thời thế đã du cha cô và Dư về phía đối lập với Phiên. Không từng quen biết, mà thù hằn rình rập sát hại lẫn nhau. Phiên sa vào cái bẫy của cha cô. Trong đó, cô được dùng như một miếng mồi nhử. Dư chỉ là tên thừa hành, nhưng lại là người trực tiếp nhúng tay vào máu. Làm sao cô tìm được hạnh phúc với kẻ đã giết chết đối tượng tình yêu của mình? Cô không đủ cái liều dứt khoát ra đi. Còn con của cô nữa, nó cũng là nguyên nhân buộc cô ở lại. Cô thấy mình bất lực, và buông xuôi theo ngày tháng trắng mênh mông. Cái khoảng trống trong lòng cô, chỉ mình cô

biết. Con chim rừng thay đổi mấy đời chim rồi, nhưng tiếng gáy nghe không khác năm nào. Còn cô thì đã đi quá xa. Ngoái nhìn về dĩ vãng, tất cả đều trôi ngược chiều thời gian làm thành kỷ niệm. Kỷ niệm nào, khi nhớ lại cũng làm cô rơi nước mắt.

Con suối và chiếc cầu treo

Ở đây, cuối tuần là thời gian rỗi việc. Tôi thường cùng một số bạn ngồi lại uống lai rai vài chai bia, nhắc chuyện cũ. Chuyện mới thì ủ ê. Không lấy gì làm phấn khởi. Chuyện chưa đến thì mờ mịt, biết gì mà nói? Chuyện cũ với những người cùng hoàn cảnh, xem chừng dể thông cảm nhau hơn. Có người bạn trẻ hỏi, sao chúng tôi nói mãi đề tài lính và tù không nhàm chán? Làm sao giải thích cho bạn hiểu đây? Sang tới xứ này, bạn còn có tương lai đi tới. Chúng tôi còn gì đâu? Tuổi lớn rồi, học không vô. Tiến thân bằng cái đầu không được. Thôi thì đi làm cu li, cơm áo qua ngày. Sống mà không nhìn về phía tương lai, không chờ đợi điều gì cả là một bi thảm. Ngoái trông về quá khứ cũng thấy đầy những gai góc tai ương, nhưng đó là một phần đời gắn liền với chúng tôi. Đó là da thịt, là vốn liếng một đời người. Mang cái vốn liếng u buồn này đi vào tương lai, cũng giống như vác cái quá khứ bốn ngàn năm lạc hậu lên phi thuyền bay vào vũ trụ. Lâu lâu, giở lại quá khứ săm soi, như người ta nâng niu gìn giữ một món đồ cổ. Cổ vật càng xưa càng quý. Tâm trạng chúng tôi bây giờ là thế. Một lần, nhà thơ Tô Thùy Yên đến Boston. Chúng tôi ngồi nhắc chuyện cũ. Anh nói, hồi đi cải tạo đã từng ở cái trại tù sát chân núi. Bên kia núi là nương rẫy của trại. Muốn qua nương phải vượt đèo. Đèo cao dốc ngược, đường lên khúc khuỷu. Mùa mưa trơn trợt khó đi. Lên tới đỉnh đèo, phải ngồi lại nghỉ mệt trước khi

tuột dốc. Anh em trong trại đặt tên là "đèo bá thở". Tôi cũng đã từng lên xuống cái đèo này nhiều lần, trong thời gian còn ở trại. Tổng số tù nhân vào khoảng 300 người. Thế mà tôi không hề biết có Tô Thùy Yên ở đây. Sống trong hoàn cảnh khắc nghiệt, ai cũng muốn thu nhỏ thân phận của mình. Chờn vờn trước mặt cán bộ, dễ bị chú ý. Sứ giả của ma vương mà chú ý, thật chẳng hay ho gì.

Nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp có bài Đốt Lửa Nghe Sư Đàn. Đọc lên cứ nghe rờn rợn. Nó gợi lại trong tôi một nơi chốn quen thuộc. Không gian, thời gian của những mùa đông rét mướt, áo quần không đủ che thân. Đêm đông trong lán trại lợp bằng nứa, lạnh quá không ngủ được, tù ngồi hơ tay bên đống lửa. Tiếng nói chuyện thầm thì như hơi gió. Tâm sự tràn trong đêm khuya. Thỉnh thoảng nghe tiếng mang mển "béc" ngoài đồi tranh cô quạnh, tiếng kêu buồn héo cả ruột gan.

Nguyễn Xuân Thiệp thai ghén và làm bài thơ này từ năm 1977 đến năm 1988. Mười một năm ròng rã, dốc hết tâm huyết cho một bài thơ đầy nội lực. Hèn nào đọc lên, tôi thấy như mình đang sống trong căn lán ẩm thấp vào một mùa đông lạnh ướt xưa kia. Anh Thiệp cho biết, đã từng ở trong cái trại có con suối chảy sát ngoài hàng rào. Trước cổng trại, chếch về phía bên trái, sát chân núi có một ngôi nhà sàn. Nhà núp trong cây. Những buổi sáng lành lạnh trời còn mù sương, đến thật gần mới thấy ngôi nhà hiện ra trong làn sương đục. Cảnh đẹp như tranh, mơ hồ như ngôi nhà trong cổ tích. Hóa ra, cái trại Nguyễn Xuân Thiệp mô

tả, chính là trại Tô Thùy Yên và tôi từng ở đó. Vậy mà không ai biết ai. Trên cõi nhân gian có lúc người ta đi thật gần nhau, cùng sinh hoạt như nhau, nhưng người nào cũng giấu mình bằng chiếc mặt nạ. Một lúc nào đó, vất chiếc mặt nạ đi, nhìn nhau cười xòa.
Trong Đốt Lửa Nghe Sư Đàn, Nguyễn Xuân Thiệp có nhắc đến con suối, đốt lửa bên trong lán suối. Cuối bài, kết thúc bằng trăng lên rồi. hổ xuống cẩm khê. Cẩm Khê là một địa danh thuộc xã Cẩm Nhân. Xã ở miền cao, có nhiều suối mùa. Nhưng con suối thiết thân gần gũi với chúng tôi ngày ấy là con suối Nguyễn Xuân Thiệp nói trong thơ. Bây giờ, đọc thơ anh, tôi cảm giác như cái lạnh còn thấm tới xương, và còn mường tượng được cái không khí u uất trùm lên lán trại vào những đêm khuya nghe cú rúc. Tiếng cú như tiếng ma kêu sầu thảm, báo điềm có kẻ tử vong.
Tôi rời xa nơi ấy lâu rồi. Nhưng đi đâu cũng mang theo trong lòng về một nơi chốn mà tôi đã sống những ngày bầm giập xác thân. Mang theo không phải để nhìn ngắm lại một quá khứ u buồn. Nhớ mãi những tai ương buồn khổ, ích gì? Tất cả như chiêm bao bào ảnh, như sương móc chớp chăng. Kinh nhà Phật dạy thế. Nơi chốn tôi mang theo là những khu rừng ẩm mùi lá mục, đầy những muỗi mòng sên vắt. Rừng nối rừng bạt ngàn đi không hết. Những dãy núi bốn mùa sương giăng bàng bạc. Núi tiếp núi liền nhau bất tận. Nơi ấy có một trại tù. Có con suối nhỏ nép mình ngoài hàng rào trại, lượn vòng theo chân núi. Giữa hoàng sơn trùng điệp, suối bắt nguồn từ đâu, và xuôi về tận đâu

không biết. Có người đoán, nó đổ ra hồ Thác Bà. Cũng chỉ đoán mà thôi.
Mùa mưa, hồ Thác Bà đầy nước xanh trong vắt. Giữa hồ ló lên một cây thập giá trơ vơ trên mặt nước. Mùa nắng, nước rút phơi đáy hồ bùn khô nứt nẻ. Dưới lòng hồ hiện ra một ngôi giáo đường, trên nóc cao có cây thập giá. Nhiều năm trước, nơi có ngôi giáo đường là thung lũng chạy dài mấy chục cây số về phía Nam. Người ta ngăn nước làm đập thủy điện Thác Bà. Vì thế, mới có hiện tượng ngôi giáo đường chìm trong lòng nước làm thành cảnh đời dâu bể, thế sự tang thương.
Theo con suối về phía thượng nguồn, cách trại chừng nửa cây số, suối uốn vòng cung nước xoáy thành hồ nhỏ. Quanh hồ là thảm cỏ xanh rờn mọc chen với tàu bay, kim thất. Hoa tàu bay, kim thất khi nở bung giống như chùm lông tơ trắng. Gió cuốn hoa bay khắp núi rừng. Mỗi sợ lông mang một hạt mầm. Sau trận mưa đầu mùa, mầm hạt ngoi lên những cây con, thân mòng mọng, lá xanh non mướt. Cây cỏ gì ăn được đều gọi là rau. Rau kim thất nhân nhẩn, người ta nói có vị thuốc. Còn rau tàu bay có mùi hăng hắc, người ta nói ăn nhiều bị mất máu. Có vị thuốc hay mất máu, không đáng quan tâm. Một thời khốn khó không cơm, chúng tôi dùng nó độn thêm trong phần sắn khoai làm đầy bao tử. Sát mé nước, trên bờ hồ có những loài hoa dại không tên. Nhiều nhất là hoa vàng và tím, màu sắc chen nhau. Hoa chỉ bằng con bướm nhỏ. Những khi vác nứa về ngang qua đó, những đóa hoa rập rờn như đàn bướm đồng loạt chớp cánh, đẹp vô cùng.

Cũng nơi cái hồ nước nhỏ này, con suối chia làm hai dòng. Một dòng chảy sát bên hàng rào trại, như đã nói. Còn dòng kia chảy qua một cánh đồng. Trại nằm lọt vào trong cái chảng ba con suối. Dòng suối chảy băng qua cánh đồng, chia cắt trại với con đường dẫn về Tuyên Quang. Trên bờ suối có bụi tre rừng. Lâu ngày nước xoáy dưới gốc tre thành hốc nước. Nghe đồn, trong hốc nước có con rùa vàng to bằng chiếc nón lá. Những buổi trưa hè, thường có người trong trại ngồi cầm cần thả dây câu rùa. Câu rùa để ăn, chứ không phải nuôi chơi làm cảnh. Trong khốn cùng đói khát, không ai nghĩ đến chuyện giải trí tinh thần bằng cách nuôi một con rùa để ngắm. Chẳng biết xưa ông Lã Vọng ngồi câu sông Vị ra sao? Ngày nay, người tù ngồi câu rùa, trông cái dáng vô cùng bi thảm. Anh ngồi bất động, đôi mắt đăm đắm xa xôi ở một cõi nào đâu ấy. Mấy năm ở trại, tôi thấy hết người này ngồi câu, rồi đến người khác ngồi câu. Người nào cũng thể hiện nét mặt buồn như nhau. Không ai bắt được con rùa, cũng chưa ai thấy nó nổi lên bao giờ. Con rùa vàng trở thành niềm tuyệt vọng của những ông câu. Ngang qua suối, trại có bắc một cây cầu để đi ra con đường về phía Tuyên Quang. Mùa nắng làm cầu. Mùa mưa nước lũ trên ngàn tuôn xuống mạnh như thác, mang theo những cây khô gỗ mục vướng vào chân cầu. Chỉ vài trận mưa đầu mùa, cây cầu bị cuốn phăng đi mất. Và trại bị cô lập hoàn toàn với những bản làng người sơn cước, bên kia con suối. Năm nào trại cũng phải làm cầu mới, nhưng rồi cũng không chịu nổi sức

tàn phá của thiên nhiên. Các cán bộ trên trại đề ra kế hoạch làm cầu treo.
Nghĩ ra kế hoạch là cái đầu của những kẻ coi tù. Thực hiện kế hoạch ấy là bàn tay, sức lực của những người tù. Chúng tôi chia thành từng nhóm kéo nhau lên rừng núi đốn cây. Phải chọn cây to, và thẳng đúng theo quy định chiều cao của chân cầu treo. Dao tránh đốn cây cổ thụ, giống như người thợ điêu khắc kiên nhẫn đẽo từng mảnh nhỏ của tảng đá lớn. Nước sông công tu, chuyện gì mà không làm được? Cây ngả xuống, chặt cành chặt ngọn. Ai mà khiêng nổi cây to trên thế núi dốc? Chúng tôi vạt nhọn một đầu, lao cây xuống núi. Cây vướng lại chỗ nào, phát quang chỗ đó. Đem được cái cây bề tròn cỡ vòng tay ôm về tận bên con suối nơi chỉ định làm cầu, công trình nhọc nhằn này tương đương với những người vận chuyển những phiến đá lên cao xây Kim Tự Tháp bên Ai Cập thời xưa.
Đồng thời với công tác chặt cây, đào lỗ hai bên bờ suối dựng chân cầu, cán bộ trại về tận Hà Nội xin được cấp bốn sợi cáp. Giữa miền rừng núi không xe cộ đi lại, chuyển được bốn sợi cáp bằng thép bề trại với sức người, mồ hôi đổ dài theo những dặm sơn khê.
Cáp mắc vào trụ cầu giăng ngang con suối. Bốn sợi cáp chia làm hai tầng. Hai sợi trên làm tay vịn. Hai sợi dưới lót ván để đi. Cây cầu treo này được xem là công trình xây dựng hiện đại nhất của miền thượng du. Nó là một kỳ quan đối với người sơn cước.
Ngày khánh thành cây cầu, tất cả tù nhân tập hợp ra đứng bên bờ suối, nghe ông trại trưởng nói chuyện.

Ông đứng trên cầu, mặc áo đại cán, đội nón cối có gắn ngôi sao, nói những lời tự hào về sức mạnh xã hội chủ nghĩa. Con người của xã hội chủ nghĩa quyết tâm khắc phục thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục vụ con người. Ông mạnh dạn tuyên bố dứt khoát rằng, cây cầu treo này sẽ tồn tại không những một mùa mưa, mà còn tồn tại sau nhiều mùa mưa nữa. Cuối cùng ông ngỏ lời ngợi khen anh em tù nhân đã cố gắng lao động tốt trong thời gian qua. Tuy nhiên vẫn còn vài con nhạn la đà vi phạm nội quy, moi móc khoai củ ngoài rừng, cải thiện linh tinh. Dù thế, ông cũng hứa sẽ thưởng cho mỗi người một xuất sắn vào sáng Chủ Nhật. Thông thường, sáng Chủ Nhật không có phần ăn. Đang trong thời kỳ đói khổ, lời hứa của ông trại trưởng làm anh em nức lòng phấn khởi. Trên khung, cán bộ làm chó ăn mừng khánh thành cầu treo. Dưới trại, tù nhân được thêm phần sắn.

Miền núi rừng thượng du không có trò gì vui chơi giải trí. Mùa hè. Chiều chiều, các cán bộ rủ nhau lên cầu đứng hút thuốc tán gẫu, và hóng gió rừng. Nếu chỉ thế thì sự đời êm đềm bình thản biết bao Cảnh cán bộ nhởn nhơ hóng gió trên cầu là niềm mơ ước của những kẻ muốn rủ hết sự đời theo thú tu tiên. Nhưng đối nghịch hình ảnh lý tưởng ấy, trong lán trại những người tù tiều tụy đang nằm thở dài sau một ngày lao động vất vả thiếu ăn.

Rồi mùa mưa lại đến. Cơn mưa đầu mùa thật dữ dội. Ầm ầm vang động núi rừng. Mưa suốt ngày đêm không ngớt. Nước lũ trên ngàn tuôn xuống. Suối chảy mạnh như thác, gầm thét cuốn phăng những gì vướng

víu trên đường nó đi. Bốn chân cột cầu treo được dựng trên thế đất cao bên bờ suối, hàng năm nước không lên tới. Nhưng năm nay, nước lũ tràn bờ. Cành cây và rác rến mắc vào chân cầu làm sức cản nước. Sau ba ngày đêm chịu lũ, một sáng ra xem, cây cầu treo biến mất dưới cơn mưa tầm tã, giữa dòng cuồng lưu nước xiết.

Thiên nhiên nuôi dưỡng con người. Khí thiêng sông núi hun đúc hồn người lớn dậy. Người xưa biết dựa vào thiên nhiên mà sống, thuận theo lẽ trời mà tồn tại. Mùa đông áo ấm. Mùa hè quạt mo. Sao thời nay có kẻ dám ngông nghênh lớn lối rằng đã khắc phục được thiên nhiên? Những ai thách thức thiên nhiên, chống lại quỷ thần, trước sau gì cũng bị trời tru đất diệt. Chuyện cây cầu treo năm ấy là bài học quí giá dạy cho con người đức tính khiêm cung, biết được thân phận nhỏ nhoi của mình có nghĩa lý gì đâu, so cái lớn lao vô cùng trời đất.

Lỗi tại tôi mọi đàng

Mùa xuân năm 85, tôi về quê. Quê tôi ở Gò Chùa, nằm trên liên tỉnh lộ, nhưng vẫn là nhà quê. Tôi bốn mươi ba tuổi, tóc đã có nhiều sợi bạc. Tôi không có tiền, không nghề nghiệp, sống nương tựa vào ba tôi.

Ba tôi bảy mươi hai tuổi, là người tàn phế. Ông mất cánh tay phải trong thời kỳ chiến tranh. Hiện nay, ông sống nhờ vào tiền của anh tôi, gởi về từ Canada. Số tiền này, chỉ đủ ăn tiện tặn. Muốn mua sắm những thứ lặt vặt trong gia đình, ba tôi nuôi heo nái, và nấu rượu. Nấu rượu không có lời, nhưng có hèm trộn chung với cám, làm thức ăn cho heo. Mỗi năm, bán được mấy lứa heo con, cũng được đồng ra đồng vào.

Hàng ngày, tôi đi quanh quẩn lối xóm, mặt mày ủ dột. Không nghĩ ra việc gì làm, để khỏi bám vào ba tôi. Tôi đói lắm. Đói nhiều năm, trước khi về đây. Tôi cần ăn mà mỗi lần bưng chén cơm, tôi như mắc nghẹn. Tôi còn đầy đủ tay chân, làm sao thanh thản nuốt miếng cơm của người cha già tàn tật?

Tôi đi ra đồng, lủi vào rẫy mía, hái những thứ rau sam, rau dệu mọc hoang. Gió lay cờ mía bay trắng đồng, vướng cả trên đầu, trên áo tôi. Loài chim sâu luýt chuýt kiếm ăn trong mía thấy có người, bay vụt lên. Lúc tôi chui ra, gặp ông cụ vác cuốc đi tới.

Cụ hỏi: “Làm gì trong ấy?”

Tôi cầm bó rau giơ lên.

Cụ nói: “Rau dại ư? Đứng đó.”

Cụ lủi ngay vào rẫy mía, lối tôi vừa chui ra. Cụ không tin tôi, muốn kiểm soát xem có cây mía nào bị bẻ trộm. Mặt tôi ra sao, mà ai cũng nghi ngờ trộm vặt? Tôi nghĩ, con người có cái vận. Khi vận mạt thì ám khí tràn lên làm con người bệ rạc, che lấp cái vẻ đường hoàng khả tín. Có phải mặt tôi tôi bây giờ như thế?

Cụ già chui ra, dịu giọng: “Lần sau, đừng vào rẫy.”

Tôi nín thinh bỏ đi.

Tôi đem rau về, giấu sau hè. Lúc ba tôi đi khỏi, tôi luộc rau ăn thêm. Nhiều lần như thế. Có lần ba tôi về bất ngờ, thấy tôi đang ngồi với rổ rau. Không giấu được nữa, tôi gượng cười. Ba tôi đứng sững nhìn tôi, rồi quay đi không nói gì.

Buổi tối. Dưới ngọn đèn dầu, ba tôi ngồi quấn thuốc rê. Ông xe tròn điếu thuốc trên mặt bàn, bằng bàn tay còn lại. Tôi ngồi trong góc tối, nhìn sự thiếu hụt một phần thân thể của ông. Tôi nghĩ, không phải chỉ có thế. Nó còn ảnh hưởng rất lớn đến sự thiếu hụt của tâm hồn, đưa đến buồn chán an phận một kiếp người.

Dì tôi đi ngủ rất sớm. Dì ngủ và thức cùng giờ với gà. Trời mới chạng vạng, gà đã vào chuồng. Ba bốn giờ khuya, gà gáy báo hiệu bình minh. Dì thức dậy, không để làm gì cả. Dì chong đèn ngồi lặng cho đến khi trời sáng. Tôi gọi mẹ kế bằng dì. Mẹ ruột tôi mất. Năm năm sau, ba tôi rước dì về làm vợ. Lúc đó, tôi mười ba tuổi. Dì ở với ba tôi, ba mươi năm không có con. Miệng đời xoi mói, rằng trước khi về với ba tôi, dì đã lang chạ với nhiều đàn ông. Dì ít nói đến độ tôi không biết tình cảm của dì ra sao. Dì không nói câu gì làm tôi buồn, cũng không tỏ thiện cảm với tôi.

Tôi về hai mươi mốt ngày, ba tôi bán lứa heo con. Tiền bán heo, cất trong tủ. Xâu chìa khóa treo ở cây đinh, khuất sau tủ.

Mấy ngày sau, ba tôi nói: “Tiền bán heo mất sạch rồi.”

Dì nhìn tôi, dò xét.

Tôi không biết nói sao, bỏ ra ngoài hiên, ngồi hút thuốc. Dưới chân tôi, những con kiến đen đi tìm mồi. Nắng xế chiều xuân gay gắt lắm. Trời cao và xanh, gợn vài cụm mây nhỏ. Nỗi đời hốt biến như mây chó.

Một bà quảy gánh đi ngoài đường, hỏi vọng vào: “Có đồ gì cũ, bán không?”

Tôi nói: “Có tôi. Mua tôi không?”

Bà nhìn tôi: “Mặt không đáng đồng xu.”

Tôi chợt nhớ có mấy cái muỗng nĩa bằng inoque, và đôi dép nhựa đứt quai.

Tôi gọi: “Bà ơi, vào đây.”

Bà cầm muỗng nĩa lên coi: “Tất cả mười đồng.”

Tôi nói: “Mười lăm.”

Bà quảy gánh lên vai.

Tôi nói: “Mười đồng, lấy đi. Còn đôi dép?”

Bà nói: “Cho thì lấy. Không mua.”

Tôi cất tiền trong túi, bâng quơ nhìn đàn gà bươi dưới gốc hàng rào cây dâm bụt. Nhà đang dọn cơm chiều. Tôi bỏ đi lang thang. Chiều tối mịt, tôi ghé quán cà phê. Cà phê sữa, mười hai đồng. Cà phê đen, tám đồng. Tôi uống cà phê đen. Dư hai đồng, tặng luôn cho cô gái chạy bàn. Quán vắng. Bóng đèn nhỏ bằng đầu ngón tay, dùng điện bình acquy, ánh sáng mờ mờ buồn thảm. Tôi ngồi im lặng. Ly cà phê đã hết từ lâu. Tôi ngồi im lặng như thế, thật lâu. Buồn tay, tôi quậy chiếc muỗng chạm lanh canh trong cái ly không.

Cô gái hỏi: “Chú dùng thêm gì?”

Tôi lắc đầu.

Cô lại hỏi: “Có phải chú là cái chú gì cải tạo mới về đó không?”

Tôi nói: “Phải rồi.”

“Được về thì mừng. Sao chú buồn?”

Tôi nói một câu rẻ tiền: “Đời chẳng có gì vui.”

Nói xong, tôi chào cô gái, và ra khỏi quán.

Ba tôi ngồi ngoài hiên chờ tôi về. Đèn trong nhà hắt sáng yếu ớt sau lưng, làm khuôn mặt ông tối hẳn, như cái bóng đen in trên nền phong hư ảo.

Ba tôi nói: “Còn chừa phần cơm cho con.”

Tôi đói lắm, nhưng nói: “Con không đói.”

“Con đừng làm thế. Ba không nghi cho ai cả.”

Tôi nghĩ, thân phận tôi, ai cũng nghi ngờ là kẻ gian. Chỉ có ba tôi tin tôi.

Ba tôi nói tiếp: “Ba đã biết người lấy tiền.”

Tôi nghĩ, ba tôi hiểu tôi là đủ rồi.

Ba tôi kể: "Ba dời cái ổ gà đẻ, phát giác ra số tiền cất giấu dưới đáy ổ gà. Dì con nói, ăn ở với ba không có con. Sợ khi chết không ai lo, nên tự lo trước cho mình. Dì con muốn mua bộ táng đá xây mả."

Tôi gục đầu. Xót cho ba tôi. Xót cho Dì. Xót cho tôi. Ai cũng muốn làm người tốt, hoàn cảnh cứ xô vào ngõ cụt.

Ba tôi, và tôi ngồi đấy. Đêm xuân mà đất trời mờ mịt, oi bức. Muỗi bay vo ve bên tai. Ngoài đường, toán du kích xã đi tuần ngang qua. Họ cười nói oang oang. Súng đạn khua lách cách. Có tiếng chó sủa bên nhà hàng xóm.

Tôi nói: "Con muốn gặp Minh, giải quyết vấn đề một lần cho xong."

Ba tôi nói: "Đừng. Thằng bồ của nó sẽ đưa con vào tù đấy."

"Con không làm điều gì rắc rối."

"Cũng đừng. Ngày con đi tù, nó còn trẻ quá không chờ được. Không phải lỗi tại nó đâu."

Không phải lỗi tại nó đâu. Lỗi tại ai? Tôi hỏi lòng tôi như thế. Đêm xuân mà đất trời mờ mịt. Tôi dõi mắt

nhìn xa hơn, chỉ thấy mờ mờ như ảo giác. Tất cả đều là ảo giác, là phù du, kể cả đời này.

Ngày mồng tám tháng ba, Dì tôi làm bữa ăn ngon. Thịt cá rau cải chiên xào đầy đủ. Dì không tuyên bố một lời.

Ba tôi nói: "Hôm nay, mừng tuổi sáu mươi tư cho dì của con."

Tôi nắm hai bàn tay, đưa lên trán rất trịnh trọng: "Con chúc dì sức khỏe tốt, sống lâu trăm tuổi."

Dì nói: "Già quá, chỉ khổ thân. Lúc nào mắt lòa tai điếc, chết đi là vừa."

Tôi ăn, và nghĩ đến những điều giả dối. Mọi người rõ mặt nhau, mà không rõ lòng nhau. Tội nghiệp dì tôi. Sáu mươi tư tuổi, dì vẫn cô đơn khép kín trong nhà này. Ba tôi cũng cô đơn bên người đàn bà khép kín. Tôi thì quá đau khổ hận đời. Bộ mặt lầm lì, còn gần gũi được với ai?

Chúng tôi đang ăn, có anh du kích đứng trước cửa, hỏi lớn: "Ở đây có ai tên Lâm?"

Ba tôi buông đũa đi ra: "Nó là con tôi. Có chuyện gì không?"

Du kích chìa tờ giấy: "Có giấy mời lên xã."

Ba tôi cầm tờ giấy quay vào, thắc mắc: “Không biết chuyện gì?”

Tôi nói: “Chuyện gì cũng vậy thôi.”

Ba tôi nói: “Đụng tới bọn này phiền lắm.”

Từ lúc nhận giấy mời, bữa ăn mất ngon. Dì tôi không nói câu gì.

Tôi lên xã, và trở về chuẩn bị ngày mai đi công tác thủy lợi.

Ba tôi hỏi: “Tù mới về, còn trong thời hạn quản chế. Sao bắt đi thủy lợi?”

Tôi nói: “Mỗi địa phương có một ông vua con, áp dụng luật rừng xanh.”

Ba tôi than: “Toàn là luật lệ chết người.”

Tôi nói: “Trong tù lao động, có cơm tù. Về đây lao động, lấy gì ăn?”

Ba tôi lặng lẽ vào nhà bếp, xúc cho tôi bọc gạo, gói vài con cá khô, nhét chút tiền đi xe.

Tôi ngồi xe Lam đi Bến Mương, lội bộ hơn cây số đường đất là vào tới chỗ công tác thủy lợi. Nhiều

người đến trước, đang dọn chỗ trong căn nhà trống. Có lẽ xưa là nhà hội của dân Bến Mương. Phía trái cách căn nhà vài chục bước có cây đa già, độ tuổi cũng trăm năm. Tàng cây cao rộng, phủ một vùng bóng lớn. Trên nhánh cây thòng xuống những rễ phụ, đâm xuống đất. Nhiều rễ lâu năm, to bằng cột nhà.

Toán thủy lợi gồm hai mươi tám người. Đàn ông đàn bà, già trẻ đủ mặt. Toán chia làm hai nhóm. Mỗi nhóm có một nhóm trưởng. Tôi bốn mươi ba tuổi, già nhất, được chỉ định làm toán trưởng. Làm toán trưởng cũng là làm chơi thôi. Mọi sự đôn đốc kiểm soát đã có đốc công. Bốn đốc công, coi hai mươi tám người. Lại có thêm một đốc công trưởng, coi bốn đốc công. Ông này có súng K54, mang bên hông rất oai. Tổ chức chặt chẽ qua nhiều tầng lớp kiểm soát, nhưng khi bắt đầu làm việc thì tất cả đốc công đều vắng mặt. Họ vào xóm Bến Mương, ăn nhậu hoặc tán gái. Chúng tôi cầm xẻng cuốc đứng dưới hào, thỉnh thoảng hất một xẻng đất lên, vá những chỗ đê vỡ. Làm việc ầu ơ lấy có. Phần lớn thì giờ là nói chuyện tầm phào, kể chuyện tiếu lâm. Mấy chị đàn bà rất thích nghe chuyện tục. Họ cười nhiều nhất.

Đến trưa, mọi người tự động ngưng làm, vào nấu ăn. Gạo để chung, đồ ăn chung. Đàn bà lo nấu nướng. Đàn ông ngồi hút thuốc tán gẫu, chờ cơm.

Tôi mắc võng vào hai chiếc rễ phụ của cây đa, tránh sự ồn ào trong căn nhà trống.

Một chị nói: “Nằm đây nguy lắm. Cây này có nhiều rắn lục.”

Tôi nói: “Chỉ nằm nghỉ trưa.”

“Ừ. Ban đêm thì không nên.”

Buổi chiều. Hai mươi tám người ra đê, chống cuốc xẻng phơi nắng vài tiếng đồng hồ, lại vào nghỉ.

Sau một ngày rong chơi, các đốc công trở về. Có người nồng hơi rượu. Họ ra đê kiểm soát công việc.

Lúc trở vào, có người nói: “Thời gian có hạn. Bà con làm thế thì bao giờ cho xong? Mai cố gắng lên nhé.”

Một chị trẻ, trề môi: “Đợt này không xong. Đợt sau làm tiếp.”

Anh đốc công đi lại, vỗ vào đít chị trẻ: “Lắm lời chanh chua cong cớn này!”

Chị trẻ vênh mặt : “Thì sao?”

Anh đốc công cười hì hì, cúi sát mặt chị trẻ: “Tối nay phạt cái tội lười biếng.”

Chị khác xía vào chuyện: “Mười người như anh, nó cũng không sợ.”

Anh đốc công hỏi: “Em sợ không?”

Chị nói: “Cỡ anh, tôi chấp hai chục.”

Bọn đàn ông vỗ tay cười đùa.

Cơm chiều xong. Những anh đốc công theo tán tỉnh mấy chị đàn bà. Vài chị đi với họ suốt đêm. Số còn lại, ngủ trong căn nhà trống.

Nhiều đêm khó ngủ, tôi thấy có kẻ lén chui vào mùng người khác. Có một cặp, đêm nào cũng dìu nhau ra gốc cây đa. Vài hôm sau, tôi biết chị đàn bà dọa tôi có rắn lục, là người được dìu ra gốc cây đa, lúc nửa khuya. Chị không sợ rắn lục. Gần sáng. Tiếng gà gáy vẳng lại từ xóm Bến Mương, là lúc những kẻ lộn sòng trở về đúng vị trí của mình. Công việc thủy lợi lại bắt đầu, như mọi ngày bình thường.

Ngày thứ mười lăm, ông đốc công trưởng tuyên bố: “Hôm nay là ngày cuối cùng, tôi cho bà con nghỉ việc buổi chiều. Trước khi chia tay, tôi đề nghị bà con tùy khả năng mỗi người, đóng góp chút tiền hùn mua vài con gà và lít đế, làm tiệc liên hoan mừng công tác tu sửa hệ thống thủy lợi, đã tiến hành thuận lợi và hoàn tất tốt đẹp. Có ai có ý kiến gì không?”
Mọi người vỗ tay tán thành lời đề nghị văn hoa của ông đốc công trưởng.
Kiểm lại số tiền đóng góp xong, ông chỉ định: “Anh

toán trưởng đi mua gà với tôi."

Tôi nói: "Vâng."

Trên đường vào xóm Bến Mương, ông đốc công trưởng nói: "Anh ít nói nhỉ?"

Tôi trả lời: "Tôi không có gì để nói."

Chúng tôi hỏi mua gà nơi nhà của một người quen với ông đốc công trưởng. Ông gọi người này là anh Sáu Lự. Anh Sáu Lự bảo vợ lo bắt gà. Chị Sáu Lự ra sân rải thóc, chu miệng gọi gà: "Chúc chúc chúc..."
Đàn gà đang kiếm ăn rải rác ngoài vườn, nghe tiếng gọi, chạy về mổ thóc trên sân. Có con gà trống lớn không lo ăn, chỉ lo dụ khị con gà mái tơ để đạp mái. Sau khi thỏa mãn, nó vỗ cánh, vươn cổ gáy ò ó o ò o... Ông đốc công trưởng cười nhìn chị Sáu Lự, và bắt chước giọng gà: " Ò ó o ò o... Đời có thế mà thôi..!"

Chị Sáu Lự cũng cười, mắng: "Đồ quỷ quái!"

Quả thật là đồ quỷ quái. Đời có thế mà thôi. Sao tôi cứ loay hoay buồn rầu khốn khổ với đời?

Sau đợt công tác thủy lợi. Tôi về vẫn y như tình trạng cũ. Buồn nản. Quẫn trí.

Ba tôi đưa bộ truyện Tiếu Ngạo Giang Hồ của Kim Dung, bảo: "Đọc đi."

Tôi nói: “Còn tâm trí đâu mà đọc.”

“Thằng Lệnh Hồ Xung bị cả hai phái hắc bạch giang hồ chối bỏ, đến nỗi phải than trời đất mênh mông mà ta không còn chỗ dung thân, nhưng cuối cùng nó cũng đâu có chết.”

“Chuyện hư tưởng, đọc để mua vui. Không thể lẫn lộn giữa thực và mộng.”

“Không sống với thực được, thì trốn vào mộng. Đau khổ mãi ích gì?”

“Con đang suy tính một việc làm.”

Ba tôi bảo: “Hãy viết thư sang Canada cho anh con.”

Tôi nói: “Người ta chỉ giúp ngặt, không giúp nghèo.”

“Đây là lúc ngặt của con.”

Ông đưa giấy bút cho tôi. Tôi viết:

Ấp Gò Chùa ngày... tháng... năm...

Kính gởi anh chị Hai,

Trước tiên, em có lời thăm anh chị và chúc sức khỏe. Ở nhà, Ba và Dì vẫn khỏe. Vẫn nuôi heo, nấu rượu

bình thường. Sau đây, em xin nói về phần em. Em đi cải tạo mười năm, có tiến bộ về mặt tư tưởng. Được Đảng và nhà nước khoan hồng cho về với gia đình, góp phần xây dựng xã hội mới. Hiện tại, em chưa được bố trí việc làm. Vì vậy, đời sống chưa được đảm bảo tốt. Em mong anh chị vì chút tình ruột thịt mà giúp cho em một số tiền để sống, và chờ đợi...

Một lần nữa, em xin chúc anh chị bình yên, vui tươi, hạnh phúc.

Giấy ngắn tình dài, em xin dừng bút tại đây.

Em của anh chị.
(Ký tên)

Tái bút: Vợ em thì coi như diều đứt dây rồi. Không còn gì để nói.

Tôi đưa lá thư cho ba tôi đọc lại. Đọc xong, ông vò lá thư, ném vào lò nấu cám heo.

“Nó sợ Đảng và nhà nước, mà bỏ chạy. Viết thế này thì một xu cũng không được.”

Tôi lặng người. Có một nỗi gì thấm thía của gã ăn mày bị từ khước.

Lúc ấy, dì tôi đi đâu bên ngoài vừa về tới.

Dì nói: “Cô Bảy Mỹ Quang nhắn con sang nhà, bàn chuyện gì đấy.”

Cô Bảy là em họ của ba tôi. Trước kia, cô là chủ tiệm Mỹ Quang buôn bán đồ điện ở Sài Gòn. Sau hai đợt đánh tư sản mại bản, cô sạt nghiệp phải lui về Gò Chùa, làm bún kiếm ăn qua ngày. Con trai của cô, làm ở Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo, đi cải tạo chưa về. Còn đứa con gái theo chồng vượt biên, biệt tăm luôn. Nhiều người cho rằng, vợ chồng con gái của cô đã chui vào bụng cá mập. Cơm chiều xong, tôi sang nhà cô Bảy. Dượng Bảy lúi húi nấu nước pha cà phê.

Cô Bảy nói: “Con được về là gia đình mừng. Nhưng ba và dì của con cho biết, con mặc cảm có ăn mà không có làm. Cô có công việc cho con.”
Tôi mừng, đợi nghe cô nói tiếp. Dượng Bảy đem hai ly cà phê đặt lên bàn. Dượng cười. Hàm răng cửa chỉ còn mấy chiếc chơ vơ thảm hại.
Dượng nói: “Con phụ làm bún với dượng.”

Tôi nhận lời ngay. Đối với tôi bây giờ, việc gì cũng được.
Buổi sáng. Cô Bảy ngồi bán bún ở chợ. Tan chợ, cô gánh bún đi lòng vòng lối xóm, đổi gạo. Dượng Bảy và tôi ở nhà xay bột, bồng bột.
Buổi chiều. Cô Bảy về nhà, Dượng và tôi lại nhồi bột, nắn lại từng khối tròn như trái banh. Luộc bột trong một cái trả lớn. Cô Bảy vớt khối bột ra, cho vào cối. Dượng và tôi chèo bột, dùng sức đến đổ mồ hôi. Rồi

nắn bột thành những khối hình trụ, cho vào cối ép thành sợi. Việc này, cần sức nặng mà Dượng và tôi đều ốm nhom, phải bê thêm cái cối dằn lên cho tăng phần trọng lượng. Sợi bún chảy xuống nồi nước đang sôi. Lại trút bún ra, cho vào nước lạnh. Cô Bảy vớt con bún rê thành từng lọn, là lúc dượng và tôi ngồi thở. Sau đó, tôi gánh nước luộc bột về cho ba tôi nuôi heo. Ít ra, trong nước luộc cũng còn vương chút bột, góp phần làm con heo mau lớn. Công việc loay hoay mệt nhọc như thế, xong xuôi vào lúc nhà lên đèn.

Cô dượng làm bún chỉ đủ ăn. Tôi làm bún để có ăn, không có lương. Lâu lâu, cô Bảy cho bánh thuốc rê, và cuộn giấy quyến.

Mấy hôm nay, có gánh hát Cải Lương Hồ Quảng ghé xã. Cô Bảy cho tiền bảo tôi đi coi. Tôi đi trong màu trăng. Bầu trời trong vắt, và trăng sáng lắm. Bóng tôi in trải trên đường. Chỉ mình tôi với bóng. Buồn và cô đơn khủng khiếp. Tôi đi đến chỗ có ánh đèn điện sáng choang, người người đông đảo lao xao. Hội trường được che chắn chung quanh làm rạp hát. Phía trước, dựng lều căng bạt, bán cà phê, nước giải khát, bánh kẹo, thuốc lá và thức ăn. Người ta chen chân nhau vào cửa rạp. Tôi không muốn vào. Tôi đi loanh quanh. Lòng tôi nguội lạnh, lẻ loi. Cuối cùng, tôi ngồi dưới một mái lều bán cà phê. Cô bán hàng là người quen, tên Giang. Giang là bạn của vợ tôi. Trước kia, Giang làm ở Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam. Thời thế thay đổi, Giang đem con về sống ở quê. Chồng Giang vượt

biên sang Mỹ, nghe đâu đã có vợ khác rồi.
Giang bưng cà phê cho tôi, rồi ngồi ở phía sau chiếc bàn bày hàng.

Giang hỏi: “Anh về có khỏe không?”

Tôi nói: “Khỏe.”

Giang lại hỏi: “Có gặp chị Minh không?”

Tôi lắc đầu: “Thuộc về quá khứ rồi. Gặp làm gì nữa.”

“Chị Minh cũng vì hoàn cảnh.”

“Một trăm người đàn bà phụ bạc, cũng đổ thừa hoành cảnh. Chồng em có liên lạc về không?”

Mắt Giang thoáng chút xa xôi buồn bã: “Coi như nước xuôi ra biển, không trở lại nguồn.”

Tự nhiên tôi thấy tội nghiệp Giang hết sức. Tôi nghĩ, tôi với Giang là người đồng cảnh, dễ tội nghiệp cho nhau.

Tôi hỏi: “Em dọn hàng về lúc nào?”

Giang nói: “Thưa người là em dọn.”

“Đồ đạc nhiều quá, làm sao một mình em đem hết?”

“Em đem làm hai lần.”

“Anh sẽ phụ với em. Một lần là xong.”

Giang ngại: “Có phiền anh không?”

“Phiền gì? Anh cũng đang rỗi rảnh.”

Có mấy người khách ngồi vào bàn cà phê. Giang lo tiếp khách. Tôi đứng dậy bỏ đi. Tôi đi vòng ra phía sau hội trường. Có những cặp tình nhân đứng nép vào nhau, dưới những gốc cây. Tôi nghĩ, ở đâu người ta cũng có thể nói chuyện tình yêu. Cái thứ tình cảm quỷ quái này, nó đánh lừa tất cả. Mới đầu tưởng nó là hạnh phúc, nhưng sau đấy là thất vọng chán chường đau khổ. Tôi cũng thế, tôi cũng bị lừa.

Khi tôi quay lại chỗ Giang. Giang nói: “Tối nay em nghỉ sớm.”

Tôi phụ Giang xếp những đồ đạc lên xe ba gác. Một xe cồng kềnh đầy nhóc.

Tôi hỏi: “Còn cái bàn, chắc phải đi thêm chuyến nữa?”

Giang nói: “Để lại. Ngày cuối cùng dỡ lều, sẽ đem về luôn.”

Giang cầm càng xe. Tôi đẩy ở phía sau. Trên đường

về, trăng sáng lắm. Dọc đường, Giang kể về cuộc sống vất vả sau ngày chồng bỏ đi. Tôi kể chuyện làm bún. Giang đùa, rằng tôi có cái tướng của ông chủ lò bún tương lai. Giang và tôi cùng cười. Nói chuyện với Giang, tôi nghe lòng mình ấm lại. Đến nhà, Giang bảo: "Để nguyên như thế. Cho cả chiếc xe vào nhà. Mai lại đem đi."
Tôi đứng tần ngần. Nửa muốn nán lại, nửa muốn về.

Giang đến gần tôi, hỏi nhỏ: "Có ai chờ anh ở nhà không?"

Tôi nói: "Không."

Giang nói như nói thầm: "Thế thì nghỉ lại đây với em."

Tôi quàng vai Giang.

Giang vùng ra: "Cho em đi tắm."

Tôi ra đứng ngoài sân, nghe tiếng giội nước sau hè. Tôi hình dung ra thân thể nở nang của người đàn bà một con, da thịt trắng ngần loang loáng nước, dưới trăng. Tôi háo hức đợi chờ. Lúc sau, tôi bước vào nhà. Giang mặc áo cánh mỏng, đang lúi húi khơi lại ngọn đèn. Tôi ôm ghì lấy Giang.

Giang nói: "Từ từ, anh..."

Tôi thổi tắt phụt ngọn đèn, dìu Giang đến chiếc giường, nơi có ánh trăng mờ mờ xuyên qua đầu hồi. Tôi ôm Giang, vuốt ve hôn hít. Giang thở dồn dập. Tôi cũng thở dồn dập.

Bỗng Giang kêu lên nho nhỏ: “Em biết tại sao chị Minh bỏ anh rồi.”

Tôi hoảng hốt: “Không phải thế đâu.”

Giang vùng dậy, thắp đèn: “Em xin lỗi. Khuya lắm rồi, anh về đi.”

Tôi đi về trong đêm trăng sáng. Trời không sương mà vai tôi lành lạnh. Khuya vắng đến rợn người. Tôi nghe rõ cả tiếng côn trùng rên rỉ. Buồn và cô đơn khủng khiếp. Đời vẫn dành cho tôi nhiều ưu ái. Tại tôi làm hư việc. Lỗi tại tôi mọi đàng. Tôi đi. Bóng tôi in trải trên đường. Chỉ mình tôi với bóng.

Thượng du, niềm thương nhớ

Ngược dòng Thác Bà, lên tận thượng nguồn dựng trại. Trại nằm trong thung lũng, sát chân núi. Núi không có tên. Núi chập chùng trùng điệp, đếm không hết. Cả một vùng bao la núi non hiểm trở trải dài lên tận biên giới, mang chung một tên Hoàng Liên Sơn.

Một thời kỳ nô lệ xa xôi, người da đen Phi Châu bị lùa xuống tàu đi biệt xứ. Tôi cũng bị lùa xuống tàu, nhưng chưa ra khỏi lằn ranh xứ sở. Thời gian không lâu mà tưởng chừng qua một kiếp. Bỏ đời cũ. Quên những buộc ràng quá khứ. Trong nghiệt ngã, suy tư nhiều sẽ không sống nổi. Dằn vặt với thương đau sẽ không còn mạng trở về. Tinh thần đi xuống, thân xác không thể đi lên. Hãy xem mọi hành xác là sự bình thường. Tôi nghĩ thế, và thản nhiên "chém tre đẵn gỗ trên ngàn" dựng trại.

Lán trại lợp bằng nứa, chung quanh có rào. Hàng rào cũng làm bằng nứa bắt chéo vào nhau, đầu chông nhọn hoắt. Trưởng trại nói rào để cản thú dữ, nhưng ai cũng biết rào để ngăn người từ trong thoát ra ngoài. Cổng trại là lối ra vào độc nhất, có chòi canh kiểm soát. Bên hông trại, còn một chòi canh nữa, cao bằng ngọn cây để quan sát toàn trại. Trên đó, đặt một họng súng đại liên chỉa mũi vào trại. Nơi miền cao thôn bản, súng đạn là thứ duy nhất tượng trưng văn minh của người miền xuôi.

Ở đây, không đo thời gian bằng kim đồng hồ. Trưa nghe chim bắt-cô-trói-cột kêu trên đầu núi, biết đang mùa hạ. Đêm nằm nghe cú rúc ngồi đầu hồi, biết đang mùa đông. Thung lũng ít chịu mặt trời. Âm khí núi rừng pha trong sương đục, nhòa nhòa lán trại. Cái lạnh rờn rợn nhiễm vào người, lâu dần thành quen. Thiên nhiên tập cho con người biết chịu đựng. Về với thiên nhiên, thở cùng cỏ cây. Đi trên đất ẩm, nghe mùi rong rêu lá mục. Làm quen với muỗi đói vắt rừng. Coi thường độc trùng rắn rít. Ngồi lặng hàng giờ, ngắm những bông hoa dại âm thầm ngoi lên từ kẽ đá. Thưởng thức tinh hoa của đất trời, cũng là một cách dưỡng sinh. Dựa lưng gốc đại thụ, thấu lẽ câm nín ngàn đời. Quên chuyện ngày trước. Bỏ chuyện ngày sau. Sống đời hoang dã. Thú rừng vô tâm không biết buồn. Ai nặng thất tình lục dục dễ bỏ mình giữa chốn thâm sơn.

Gió lớn bốn phương về ngang thung lũng, bỗng trở mình cuộn thành cơn lốc. Lá khô bị hốt lên cao, rồi tung ra như bướm tan đàn bay tứ tán. Cái nóng mùa khô gió Lào không đủ ấm lòng thung lũng. Gió rừng không sát đất. Gió rì rào trên đọt cây. Dường xa xôi vọng lại. Dường gần gũi bên mình. Đời đang khốn khó mà nghe như có tiếng thì thầm của một quê nhà cách trở.

Ở đây, thường nghe gió hú. Các cụ già người Dao ngồi hơ tay bên bếp lửa chiều đông, kể bao nhiêu là chuyện âm hồn nương theo gió, về đậu trên ngọn rừng tru thảm khốc. Thầy Mo thương những hồn cơ quạnh, không nỡ đuổi đi. Tôi, người mạt khách phương xạ

Nghe chuyện thần linh ma quỷ. Nghe truyền thuyết bao đời cha ông của người Tày người Dao. Nghe bài ca gắn bó núi rừng. Thấm thía muốn trở thành người Tày người Dao để đêm đêm nằm dưới mái nhà sàn, thấy cây cỏ mọc đầy trong giấc chiêm bao. Tôi, kẻ trí cùn, không thuộc hết bài trường ca thôn bản, viết lại bằng mường tượng nhớ nhớ quên quên:
Bản ta có bếp lửa bằng tuổi ngôi nhà
Có người già bằng cây cổ thu.
Sống trăm năm bóng đè ngọn núi
Sinh con đẻ cái
Ở cùng cây rừng
Ở cùng đá núi
Đất cho cái ăn lấy từ nương rẫy
Nước cho cái uống lấy từ khe xanh
Thịt da thấm sương mù
Bàn tay rắn rỏi
Vỡ đất cho hạt lên mầm
Buổi sáng giắt con dao quắm
Vác cái xà gạc trên vai
Đội lá rẻ gai vào rừng
Bắt con mang con mển
Bắt con nhím con trăn
Chặt cây giang cây nứa cây vầu
Đốn cây trắc cây lim cây gu.
Đẽo gỗ làm nhà sàn
Nuôi bếp lửa trừ tà xâm nhập
Bản ta có thầy Mo
Quen với Thần Rừng Thần Núi
Biết vẽ bùa làm phép

Gọi âm binh che chở bản làng
Không sợ con cú mèo trù rủa
Không sợ con beo con báo
Về rình trong đêm tối
Thầy Mo gọi ông Trời
Cho cái mưa cái nắng
Nuôi cây lớn lên nuôi người lớn lên
Giống giòng đời đời nối tiếp...

Tôi không hiểu ngôn ngữ người sắc tộc. Nhưng khi cụ già người Dao cất giọng, nghe như tiếng kêu trầm thống và một nỗi gì như nỗi tàn phai đang đổ xuống núi rừng lồng lộng hồng hơn. Không như ngâm thơ Không như hát tân cổ nhạc. Không như tụng kinh. Cái âm lên không bổng, xuống không trầm. Ê a lê lết kéo dài áo nảo. Từa tựa như pháp sư đọc thần chú. Một sắc thái hoàn toàn riêng biệt. Lẩn khuất trong lời ca, có niềm bi tráng. Cụ già chuyển ngữ bằng lời Việt. Tôi rắp tâm ghi nhớ trong lòng, mà lòng tôi thì nhòa dần theo ngày tháng nắng mưa.
Những chiều thu yên ả, ngồi trên lưng chừng núi nhìn xuống rừng. Khói nghi ngút bốc lên từ những mái nhà sàn, núp sau vòm cây. Nhớ cái bếp người thượng dụ Đốm lửa đầu tiên thỉnh từ thầy Mo đem về gầy nên bếp lửa. Và đốm lửa ấy, âm ỉ ngún hồi theo thời gian, tồn tại cùng với ngôi nhà. Người Dao tin rằng lửa xua đi bóng tối ma quỷ. Muốn cho nhà cửa bình yên, phải giữ lửa hoài trong bếp. Tôi cũng muốn tin như thế, tin bất cứ điều gì huyền bí để trong tuyệt vọng, tinh thần còn có thiêng liêng làm chỗ dựa.

Những người khách bất đắc dĩ từ phương Nam xa xơi đến đây, đều ghê mùa đông Việt Bắc. Mùa đông. Ngày chưa chiều, trời đã chạng vạng từ lúc mới ra đi.
Mùa đông đến mưa phùn gió bấc
Suốt mùa đông không thấy mặt trời

Ngày xám âm ụ Mưa phùn nhẹ như sương muối, thấm ẩm áo quần. Gió bấc hiu hiu, thổi cái buốt luồn vào tận xương. Vác bó nứa dài lê thê xuống núi. Đất nhão. Dốc trơn. Trượt té. Vấp ngã. Tay chân xây xước, chảy máu mà không đau. Da thịt lạnh tê, mất cảm giác.
Đường đi khó, Không khó vì ngăn sông cách núi
Mà khó vì lòng người ngại núi e sông

Có thật vậy không? Câu nói của Nguyễn Bá Học một thời lấy làm kim chỉ nam, dù hàm chỉ nghĩa bóng, giờ đây, bỗng thấy sáo rỗng. Những ai đang trên dốc đời khổ sở mới biết được cây thập tự giá trên vai Chúa Giê-Su nặng dường nào. Có vào địa ngục mới cảm thông kẻ chịu cảnh A Tỳ. Ngồi một chỗ lý thuyết suông, nói những câu triết lý để đời dễ hơn là đối mặt với thực tại gian truân. Những hình nhân tiều tụy rách rưới, vượt qua được một mùa đông là đi thêm một chặng đường vô vọng. Sự vô vọng giết người. Càng lấn sâu vào con đường vô vọng, càng gần sự chết. Chết đủ mọi cách. Đói làm suy dinh dưỡng, thân xác không còn sức đề kháng với bệnh tật. Thậm chí, cảm xoàng cũng chết. Chung quy, cũng vì không thấy được ánh sáng phía cuối con đường vô vọng. Tôi có người bạn cùng cảnh ngộ, khi đi tiêu thấy phân có lẫn

chút đàm, ứa nước mắt. Tao tới số rồi. Nếu mày còn có ngày về, cho vợ con tao biết ngày cúng giỗ. Anh bị kiết lỵ. Bị kiết lỵ coi như Ngọc Hoàng giũ sổ. Tất cả thuốc men đã bị tịch thu từ lúc mới đặt chân ra đất Bắc. Ở đây, rau sam đâm dập, vắt lấy nước uống được coi là thuốc trị bệnh kiết lỵ. Ban đầu, anh còn đi ra nhà cầu. Ngày thứ hai, tôi đào cái hố nhỏ ngồi vách lán cho anh ngồi đó. Tôi phải đi rừng. Không ai săn sóc, anh bị ra hố giữa cái lạnh mùa đông dao cắt. Sau, anh nằm luôn trong lán sạp. Ỉa ra máu. Không cần mặc quần nữa. Một kẻ có quyền từ trên khung xuống, đứng nhìn anh. Mặt lạnh. Không biểu hiện căm thù hay thương xót. Không ai có thể đoán được trong cái đầu ấy đang nghĩ gì. Hỏi có cần gì không? Bạn tôi thều thào, xin một cục đường và gói mì ăn liền. Câu trả lời dứt khoát. Đường, có ngay Mì, xứ này không đào đâu ra được. Yêu cầu đã thỏa mãn một nửa như ân huệ cuối cùng. Tôi đưa bạn về đất, an nghỉ dưới chân đồi. Nước mắt tôi chảy ngược, không có giọt nào nhỏ xuống cho anh.

Thời mạt vận quỷ thần quay mặt
Nghiến chặc răng kình với tai ương
Người bỏ cuộc đi về với đất
Chiếu bó thây nằm lại rẫy nương

Bốn mùa đều có người đi không trở lại. Nhưng mùa đông khắc nghiệt là thời điểm dễ nhất để vĩnh biệt thế gian. Tử Thần lãng vãng đâu đây, làm sao lánh mặt? Tôi nhớ loáng thoáng trong Thiền Luận: “Tất cả đều là phương tiện tu hành”. Trước nghịch cảnh, tôi áp

dụng ngay câu này để hóa giải mọi thương đau, biến nhọc nhằn thành phương tiện. Bàng Uẩn xem bửa củi gánh nước là thần thông diệu dụng. Sao tôi không xem đốn cây cuốc đất là một cách tập dưỡng sinh? Và, tôi đã đi qua mùa đông, đi qua nhiều mùa đông rét mướt bằng sự thư thái riêng tôi. Một kẻ có quyền sau nhiều ngày nhận xét đã phê bình cách làm việc của tôi: "Giơ cuốc lên, cò ỉa. Hạ cuốc xuống, mối xông". Câu nói làm tôi sửng sốt. Diễn tả động tác chậm, không có cái chậm nào bằng. Từ từ giơ cuốc lên, chậm như ngừng lại. Thời gian lâu đủ để con cò đậu trên cái cuốc và ỉa. Hạ xuống cũng chậm, đến nỗi trước khi nhấc cuốc lên thì mối đã xông thành tổ. Một lối diễn tả độc đáo. Rất bình dân mà cũng rất tuyệt vời. Tôi mãi lấy làm lý thú vì câu nói ngộ nghĩnh, quên cái hậu quả tai hại sau khi bị phê bình. Cứ thế, thân bị kềm chế mà ý thì phất phơ như chuyện đùa. Tưởng như hồn và xác chẳng dính dấp gì nhau. Nhiều đêm. Tôi nghe tiếng chắc lưỡi của những người chung quanh. Những con Thạch Sùng không ngủ, nằm trằn trọc nuối tiếc hồi một thời quyền uy son vàng đã mất. Cánh cửa quá khứ đã khép lại. Nhưng cái dư âm vi vu còn đủ sức ném bao người qua cửa tử. Nuối tiếc và thống hận là chất cường toan bào mòn tâm phế. Người xưa uất khí mà trào máu họng. Đời nay, không thấy có ai. Lác đác có dăm anh hùng sĩ khí thì đã cầm súng tự bắn vào đầu, chết hết rồi. Kể chi những kẻ bợ đít mà nên danh phận. Ngồi trên đầu thiên hạ mà chăn dân. Nằm trên bụng đàn bà mà xua quân vào trận mạc. Gặp thế biến, phóng nước đại tháo thân nhanh hơn

ngựa chạy trường đua Bao giờ thấy những phường cầu trệ bất nhân chiếm giữ những ngôi vị trọng yếu quốc gia, là điềm báo trước một chế độ suy tàn. Đó là quy luật của mỗi lần lịch sử sắp sang trang. Và cái hậu quả tất yếu của nó, một số người sẽ bị xô xuống hầm tai họa. Trách ai thì chuyện cũng đã rồi. Chắc lưỡi là buông thêm một dấu chấm than (!), tượng hình cho giọt nước mắt rớt xuống đời mình. Đời mình vốn đã ướt đẫm từ khi lầm lỡ đem thân giao cho kẻ ác. Thôi thì lo "bảo tinh, dưỡng khí, tồn thần", giữ cái bổn mạng được ngày nào hay ngày ấy. Sầu bi là tự nghiến đứt sợi dây đang treo mình trên vực thẳm.
Nếu không mặc cảm lưu đày thì sống với núi rừng là một kỳ thú. Người Tày người Dao sinh ra, lớn lên ở đây. Một nơi mà ánh sáng văn minh chưa hề chiếu rọi. Trong nhà họ, ngồi những cái cuốc con dao cái rìu làm bằng kim khí, tất cả những vật dụng còn lại đều bằng gỗ hoặc đất nung: ống bương đựng nước, nồi đất nấu cơm…

Những ngôi nhà sàn thường được dựng gần nguồn nước. Trên thế núi cao, mây ngấm hơi nước vào đất, chảy ra từ trong khe đá. Người ta dùng cây bương, đục bỏ những cái mắc làm máng dẫn nước. Nhiều cây bương nối nhau thành cái máng dài, đưa nước về tận chân nhà sàn. Nguồn nước vô tận ấy, chảy hoài không dứt. Người thượng du lợi dụng nguồn nước thiên nhiên để làm cối nước giã gạo theo nguyên tắc đánh đu, đòn bẫy. Buổi sáng, trước khi "giắt con dao quắm, vác cái xà gạc" lên rừng, họ cho một lượng thóc vừa

đủ ăn trong ngày, vào cối. Cứ vài phút, cái chày giã xuống một lần đều đặn. Chiều về, họ trút thóc ra nia, sàng sãy lấy gạo nấu cơm. Và, trên nóc nhà sàn, khói chiều nghi ngút bốc lên. Đời sống đơn giản, êm đềm biết bao. Tơi mơ ước một đời sống như thế, không xuống tóc đi tu mà lòng cũng tịnh yên thoát tục. Những năm tháng làm người khách bất đắc dĩ của miền thượng du, có một dạo tôi được chỉ định chăn bò. Hai người chăn đàn bò bốn mươi con. Một trong hai người ấy, chết vì bệnh sốt rừng. Tôi là người được điền vào khoảng trống. Không phải ngẫu nhiên. Tôi vốn có bệnh bao tử, lại không được điều trị bằng thuốc men. Ở đây, bất cứ bệnh gì cũng được điều trị bằng một phương pháp rất ư là quái đản: lao động trị liệu, như chặt cây, đốn củi, vác nứa, cuốc đất, trồng khoai v.v… Trong tình huống ấy, tôi luôn luôn tạo cho mình bộ mặt nhăn nhó trường kỳ để mỗi lần, kẻ có quyền nhìn thấy tôi như thấy một hiện tượng khó chịu. Họ chỉ muốn đẩy tôi đi cho khuất mắt. Nhưng tôi cứ hiện diện, cứ èo uột sống hồi. Cuối cùng, họ cũng tìm được cách để ít phải nhìn mặt tôi. Đó là lý do tôi được chỉ định chăn bò. Sáng ra trại, mãi đến chiều mới vác mặt trở về. Yên thân.

Buổi sáng, mở cửa chuồng. Con bò bô đầu đàn sẽ ra đầu tiên, tự động đi theo người dẫn đường. Đàn bò còn lại, lần lượt kéo theo sau. Và, một người đi sau cùng, cầm roi đét vào đít những con đi chậm, hoặc đưa mỏ ngấm nghé cỏ lá dọc đường. Đến một khoảng đất trống nào đó, người dẫn đường dừng lại. Đàn bò

sẽ phân tán đi ăn chung quanh, trên những núi đồi bát ngát màu xanh. Trưa trời đứng bóng, tôi che tay lên miệng làm loa, gọi: "Bò…ơi… Bò… ơi…". Âm thanh vang vọng núi rừng. Đàn bò lục tục về điểm tập trung, nằm nhơi cỏ. Lúc trời xế bóng, tôi đá đít con bò đầu đàn đứng dậy, nói lớn: "Bò… đi… ăn... " Đàn bò lại phân tán. Buổi chiều, tôi che tay làm loa lần nữa, gọi: "Bò… về… Bò… về…" Tại điểm tập trung, sau khi đếm đủ số bò, con bò đầu đàn lại theo người dẫn đường về chuồng trại.
Bò rất hiền và khôn, có thể hiểu được một số tiếng người thường dùng với nó. Những con bò chửa, nếu sinh con ngoài rừng, bò con đi chưa vững, khi nghe tiếng gọi: "Bò… về…", bò mẹ sẽ giấu con trong lùm bụi để trở lại điểm tập trung. Nhưng nó sẽ lẩn quẩn không chịu về. Người chăn không biết nó mới sinh nên đánh đuổi, bắt phải về. Bò con ở lại, im lặng một mình suốt đêm trong rừng. Sáng ra, vừa mở cửa chuồng, bị mẹ chạy trước, qua mặt người dẫn đường, đến chỗ cũ đón con. Gần tới nơi, bị mẹ liên tiếp kêu ọ… ọ… ọ… Và, bị con đang trốn trong lùm, lảo đảo đi ra. Nó mừng rỡ, quyến luyến, làm nũng cọ dựa vào mẹ. Bò mẹ âu yếm bằng cách liếm khắp mình bò con. Nghĩ đến sự vô tình làm chia cách mẹ con suốt đêm qua, tôi vỗ nhẹ lên đầu bò mẹ, vuốt ve bò con như một cách tỏ lòng cảm thông, ân hận.

Tôi nhớ trước đây, cũng đã có lần chứng kiến một cảnh não lòng. Ngoài bốn mươi con bò, trại có nuôi ba con trâu: hai con trâu già và một con nghé. Một ngày

gần Tết, người ta lùa trâu cha và con nghé đi ăn. Riêng trâu mẹ bị lùa vào trại, giao cho nhà bếp làm thịt. Chiều về không thấy mẹ, con nghé đứng rống thảm thiết. Sáng hơm sau, vừa được mở cửa chuồng, hai con trâu chạy xăm xăm vào trại, đến trước nhà bếp. Trâu cha đứng ngóc mỏ lên trời, hả họng như kêu một tiếng vô thanh dài xé ruột. Con nghé cúi gầm xuống, đi chung quanh nhà bếp, kêu é… ọ… é… ọ… gọi mẹ và ngửi đất. Cái hơi hướm của mẹ nó còn phảng phất đâu đây, sau khi bị phanh thây xẻ thịt. Cuối cùng, một điều hết sức đau lòng, trâu cha và con nghé đứng ngơ ngẩn nhìn nhau chảy nước mắt. Trời ơi, loài vật mà biết chảy nước mắt thì loài người cầm lòng sao đặng! Liên tiếp cả mười ngày sau đó, buổi sáng nào trước khi đi ăn, trâu cha cũng dẫn con nghé đến trước nhà bếp đứng khóc. Cảnh tượng ấy, không bao giờ tôi quên. Không bao giờ quên.

Có lẽ, những ngày đi chăn bò là thời gian nhàn du thoải mái nhất của đời tôi. Lang thang giữa núi rừng. Đứng trên cao, ngắm mây đùn lên từ những lũng sâu, lướt thướt kéo qua chân núi. Trong phút chốc, tôi bỗng thấy mình như kẻ tu tiên lánh đời, tìm thuốc trường sinh trong hoa ngàn cỏ nội. Tôi cũng thường ngang qua nương rẫy. Ghé lại ngồi chơi với cụ già người Dao. Cụ dạy tôi hút thuốc lào mà không cần cái điếu cày. Bằng cách miệng ngậm nước, quấn thuốc trong chiếc lá, châm lửa, rít một hơi dài, ém khói và nhổ nước ra. Tôi tập nhiều lần, nhưng không làm được. Cụ kể tôi nghe về phong tục tập quán người dân

thôn bản. Kể tôi nghe về đời cụ. Một điều làm tôi ngạc nhiên, cụ chưa bao giờ đi đâu xa quá một ngày đường. Tơi ước lượng khoảng cách ấy, không hơn năm mươi cây số. Cụ hỏi tôi từ đâu đến đây, và tại sao tơi nói được tiếng Việt? Qua câu hỏi, tôi biết trong thâm tâm cụ, miền Nam là một nước khác. Cụ có vẻ buồn khi nhắc đến những người con trai của núi rừng, bỏ thôn bản đi làm giải phóng miền Nam. Phần đông đi biệt không về. Một số rất ít trở về, kể chuyện Sài Gòn có cái nhà lầu cao bảy tầng và thành vua rất tráng lệ. Cụ không tin con người có thể cất được cái nhà bảy tầng. Nhưng tin rằng, nếu vua Sài Gòn không chịu đầu hàng thì quân Cách Mạng sẽ bắn nát thành vuạ Nhân chuyện cụ già, tôi nhớ trên chuyến xe lửa chở tù lên Yên Bái. Một người bộ đội hỏi tôi, thằng Pho có đi học tập chuyến này không? Tôi hỏi lại, thằng Pho nào? Thằng Pho (Ford), tổng thống Mỹ đấy. Tôi đáp gọn, nó đang ở bên Mỹ. Anh ta tiếc rẻ, thế à? Nó cũng chạy thoát? Uổng thật! Dân trí như thế, mà người ta tuyên truyền rằng ánh sáng văn minh đèn điện đã soi rọi khắp các vùng nông thôn, rừng núi.

Tâm hồn người thượng du mộc mạc như đời sống của họ. Sáng sớm, rời mái nhà sàn, họ lên rẫy hoặc đi săn bẫy thú rừng. Bước chân không có tiếng động. Âm thầm hoang dã. Thỉnh thoảng, nghe tiếng đốn cây vọng lại. Cái âm thanh khơ khốc lẻ loi như từ thinh không rớt xuống núi rừng u tịch. Buổi tối, những người trẻ đi ngủ rất sớm. Người già ngồi trầm ngâm trong ánh sáng chập chờn của ngọn đèn dầu chai. Đời họ, không có gì vui cũng chẳng có gì buồn. Thời gian

lặng lẽ trôi qua, họ tưởng như thiên nhiên muôn đời vẫn thế. Làm sao họ nhìn thấy được sự biến đổi chậm chạp của núi rừng, khi cuộc đời quá ngắn.

Mấy mươi năm về trước, có một số người miền xuôi, đi lính Tây, bị đày lên đây. Bây giờ, họ đã già lắm. Và con cháu họ cũng đã trở thành người của thượng du, nhưng họ không ở nhà sàn. Cái sân trước nhà không mọc cỏ. Chung quanh có trồng vài loại cây ăn trái. Ở mãi một nơi nào rồi cũng nhận nơi đó làm quê hương. Nếu đời cha không nhận, đời con cũng nhận. Thiên địa vô nhân. Núi rừng không vì một ai hết. Trời đất lặng thinh. Bốn mùa vẫn luân chuyển nắng mưa. Hoa lá trên ngàn vẫn xanh thắm. Không vì mặc cảm đọa đày mà con người ghét cả thiên nhiên.
Một ngày mưa dầm, tôi được lệnh chuyển trại. Thời thế đã đến hồi gay cấn. Quân của hai bên đã dàn ra, đối mặt trên biên giới. Rồi đây, núi rừng lại ầm vang tiếng súng. Người dân hiền hồ vô tội của thôn bản là nạn nhân trực tiếp hứng chịu những sấm sét do chính con người gây ra.
Con đường phía trước tôi, khơng biết sẽ về đâu. Trí tôi bỗng hiện ra những dốc đèo uốn khúc sơn khệ Những con suối mùa chảy xiết ngày mưa. Những thôn bản im vắng trưa hè. Tôi như nghe tiếng chim bắt-cô-trói-cột gọi buồn thê thiết. Nghe con áođà, con nai đêm đêm "béc" ngồi đồi tranh cô quạnh. Nhìn lại, lán trại đìu hiu. Cái sạp, nơi tôi nằm trống hoang lạnh lẽo. Mới đây mà cơ hồ đóng bụi. Cái ống bương đựng nước rửa mặt mỗi sáng, nghiêng đổ dưới sàn. Cái giò

phong lan, tôi đem về từ ngồi rừng treo trên vách nứa, như cũng có hồn biết rầu rĩ chia xạ Hàng rào trại không còn cần thiết nữa, bị phá một khoảng để lấy lối đi tắt, cũng làm tơi nao lòng. Chẳng phải tôi đã từng khó chịu vì cái hàng rào này, và mong được ở ngồi vòng kiềm toa? của nó hay sao? Rời khỏi nơi đây, một chốn đã trở thành thân quen, tất cả những gì bỏ lại đều làm tôi thương nhớ. Ra đi, tôi ngó lại trong mưa, những dãy núi Hoàng Liên Sơn mù mù, đẹp như tranh và hùng vĩ biết bao. Xin chào từ biệt những người cùng chung cảnh ngộ, đã đến đây và vĩnh viễn nằm lại núi rừng thượng du.

Những đoản văn rời

Tôi là vô sản

Khi về đây, tôi dự định sẽ tìm một việc gì kiếm sống qua ngày. Nhưng mọi chuyện không dễ. Cái xã nghèo đến thê lương, thế mà lại mang tên Phú Thạnh. Nghèo đến mức con chó đói nằm dài mõm ngoài hiên cũng biếng sủa khi có người đi quạ Đàn ông trai tráng không có việc, lêu bêu đầu thôn cuối xóm. Thì giờ thừa mứa, tụ năm tụ ba tán gẫu. Cuối cùng vét túi chung tiền mua vài xị rượu, nhâm nhi cho quên đời là bể khổ.
Tôi lận lưng một số tiền nhỏ làm kế sinh nhai. Số tiền sứt mẻ dần qua những cuộc rượu, mà việc làm chẳng thấy đâu. Bù lại, tôi có thêm nhiều người bạn mới.

Nhà Tám Nưa có giỗ. Trước mấy ngày, ông đã mời những người có mặt trên chiếu rượu. Tôi cũng được mời. Anh em bảo, Tám Nưa khỏi lo phần rượu. Mọi người sẽ đóng góp, bảo đảm uống mệt nghỉ. Về phần thức ăn, Tám Nưa cho vật con heo còi làm thịt, cắt cổ thêm vài con vịt đẹt. Xã nghèo, có người dám chơi thế là chơi ngon. Bữa giỗ xem ra rất linh đình. Khách được mời ăn giỗ cũng rất phấn khởi. Thời buổi khó khăn, người ta thường trông vào miếng ăn. Có rượu thịt là có ruồi nhặng vo ve. Tôi là một trong những con ruồi bay lượn trên những dĩa thức ăn.

Nhà chật, Tám Nưa che cái chái ngoài sân, đặt thêm bàn. Cánh đàn bà ngồi trong nhà. Cánh đàn ông ngồi ngoài sân. Mọi người hỉ hả ăn uống. Hai bàn ngoài cùng, dành đãi công an, và nhân viên chính quyền xã. Tám Nưa nói, đó là thủ tục không thể thiếu. Quy tụ đông người, phải có thần chứng giám mới yên. Tôi nghĩ, thời đốn mạt, người ta sống bằng mặt, không bằng lòng. Kẻ có quyền thì tập thói lưu manh, bóc lột. Người yếu thế thì học chước dối trá. Con người sống với nhau mà như chơi trò cút bắt. Ở đâu cũng có tiếng reo hò mừng rỡ, lẫn tiếng kêu la thảng thốt. Xã hội vừa là phường tuồng, vừa là địa ngục.
Đang ăn, bí thư xã nói: "Nghe báo cáo có người lạ mới vào xã ta, tôi chưa biết mặt."

Mọi người ngó vào tôi.
Tám Nưa kéo tôi qua bàn bí thư, giới thiệu: "Chú em đây tên là Lâm, đã trình diện bên phòng công an khi mới về xã."
Bí thư nói: "Mời ngồi."
Tôi nói: "Tôi đang ngồi bàn bên kia"
"Thì ngồi xuống đây nói chuyện đã. Anh vẫn khỏe chứ?"
"Vâng, tôi vẫn khỏe."
"Nhiều người cải tạo về gầy rộc đi. Anh thế là còn khá."
"Vâng, tôi còn khá."
"Anh đang làm gì?"
"Tôi chưa kiếm được việc."
"Nghề nghiệp chuyên môn là gì?"

"Thợ đụng."
"Thợ đụng là thợ gì?"
"Đụng đâu làm đó. Việc gì cũng làm được."
"Tốt!" Bí thư bưng cốc rượu cười khà khà dễ dãi.

Công an bàn kế bên, nói vói qua: "Ngụy các ông nhiều ma mãnh. Gớm bỏ mẹ. Sang không ra sang, hèn không ra hèn."
Tôi nói: "Vô sản dứt khoát là hèn."
"Anh nói gì thế?"
"Tôi nói tôi hèn."
"Vô sản ám chỉ vào ai?"
"Vào tôi. Tôi trắng tay. Tôi là vô sản."
"Lý luận quàng xiên hay nhỉ? Khi có đủ vây cánh thì làm con ngáo ộp. Bị chặt hết tay chân thì biến thành con lươn."
Lời công an như một dằn mặt cảnh cáo. Tôi ngồi im. Tám Nưa cứu nguy: "Thôi, chào hỏi thế đủ rồi. Vị trí của chú ở đâu thì về đó."

Tu bản bóc lột
Bữa giỗ nhà Tám Nưa cũng có cái hay cho tôi. Có người lầm tưởng tôi là kẻ sĩ. Mới đầu, người ấy nói kẻ sĩ thời nay lắm nhục nhằn hơn người xưa. Tôi quay nhìn người vừa nói câu đó, và uống cốc rượu làm quen. Người ấy nói tiếp, lấy cái thước vô hình mà đo cái nhẫn. Nhẫn càng giỏi, giá trị càng cao. Một người nhừa nhựa hơi men, hỏi sao thế? Người ấy nói, gặp sài lang hổ báo, chạy là thượng sách. Đem cái lý của con người mà tranh biện với thú dữ là rước họa vào thân.

Thực khách ồn ào như giữa chợ. Những người ngồi nơi hai cái bàn ngoài cùng, không nghe những gì người ấy nói. Thế là trước khi ra về, tôi quen với người ấy.

Người ấy tên Trần Xuân Hạnh. Trước kia, ông làm thầy giáo. Sau cuộc đổi đời, ông xoay qua nghề đào giếng. Những đứa học trò dốt nát của ông thời cũ, nhiều thằng bỏ học vô bưng làm cách mạng. Bây giờ, chúng trở về, ngồi trên đầu thiên hạ mà chăn dân. Cũng may, chúng còn nhớ bài đức dục mà ông đã dạy, nên đối với ông, chúng còn chút e dè lễ độ. Chúng cho ông làm công tác dạy văn hóa bổ túc cho cán bộ, để có tiêu chuẩn gạo. Đời sống ông, vì thế, cũng dễ thở hơn nhiều người khác.
Tôi phụ việc với ông Hạnh, năm ngày thì thạo việc. Qúa nửa trưa, ông Hạnh bảo tôi xuống giếng thay ông. Đáy giếng sâu tối u ụ Tôi nghe tiếng rền trong lòng đất như tiếng gầm núi lửa. Ngó lên thấy một khoảng trời tròn lồng khuôn mặt ông Hạnh ngó xuống.
Tôi sợ hãi: "Cho tôi lên."
"Chưa làm được gì, sao đi lên?" Tiếng ông Hạnh như từ trời cao vọng xuống hang sâu.
"Tôi ngộp thở."
Ông Hạnh nhằn: "Thế mà bảo việc gì cũng làm được."

Tôi choàng dây buộc ngang nách, hai chân chỏi vào thành giếng theo thế bích hổ du tường. Ông Hạnh nắm đầu dây kéo lên. Khi lên mặt đất, mới biết trời vần vũ chuyển mưa, rền vang sấm sét.

Tôi nói: "Tim tôi yếu . Xuống sâu sợ gần địa ngục. Lên cao sợ đụng trời."
Ông Hạnh hỏi: "Chỗ nào thích hợp với mày?"
"Lưng chừng ở cõi người."
"Cõi người là địa ngục trần gian đấy."
Nói xong, ông Hạnh chuẩn bị xuống giếng.
Tôi nói: "Thôi đi ông ơi, trời sắp mưa. Về nghỉ."
Ông Hạnh nói: "Làm như mày, cám heo cũng không có mà ăn."
Nói thế, nhưng ông Hạnh cũng thu dọn đồ nghề.

Trên đường về ngang qua những rẫy mía. Mía mới đặt hom, chưa kịp lên mầm. Đất cày chưa ải mặt, cỏ đã lún phún ngoi lên. Ông Hạnh chỉ những cái giếng ông đã đào lúc trước.
Ông nói: "Vùng đất thấp, đào năm bảy thước là có nước. Vùng cao, phải đào đến mươi thước. Giếng sâu hun hút thấy mà ghệ Người chết dưới giếng, linh hồn không thoát lên được."
Tôi nói: "Tôi nhạy cảm lắm. Xuống giếng cứ rờn rợn sợ mình bị chết luôn ở dưới."
"Nếu chết, tao mời thầy pháp trục vớt linh hồn mày lên."
"Ông tin thế à?"
"Tao không tin, nhưng nhiều người tin. Cũng như người ta tin rằng kẻ chết trong tù, linh hồn không ra khỏi cổng. Vì thế phải làm giấy phóng thích để giải thoát linh hồn. Tao còn nghe một chuyện động trời. Có người đi tham quan nước ngoài về kể, tư bản nó bóc lột đến cả người đã chết ."

"Chết rồi, còn bị bóc lột gì nữa?"
"Ấy vậy mà vẫn nói được. Người ấy bảo, tư bản Mỹ bóc lột khiếp hơn hết. Nó bắt linh hồn người chết đứng giữ cửa. Linh hồn thì vô hình nên không ai nhìn thấy, cứ thấy cánh cửa tự động mở khép khi có người ra vộ"
"Chuyện khôi hài. Ai ngu muội gì mà tin là chuyện thật."
"Nói mãi, cũng có người tin. Như chuyện Tăng Sâm đời xưa ở bên Tàu đấy. Lần đầu có người đến nói với mẹ Tăng Sâm rằng, Tăng Sâm giết người. Bà không tin. Lần thứ hai, cũng có người nói Tăng Sâm giết người. Bà hồ nghị Lần thứ ba, lại cũng có người nói, Tăng Sâm giết người. Bà sợ hãi, và bỏ chạy."
Tôi chép miệng: "Khổ thật! không biết bao giờ mới thoát được cái họa tuyên truyền ngu dân."
Ông Hạnh hỏi: "Mày nói cái gì?"
Tôi lắc đầu: "Không. Chẳng nói gì."
Ông Hạnh nói: "Từ này về sau, mày ở trên kéo đất. Tao xuống giếng. Hồi mới gặp mày, tao tưởng mày là kẻ sĩ. Gần gũi nhau, thấy mày là thằng lừng khừng."

Cải tạo xong rồi
Ngày nào cũng phải ăn, nhưng đào giếng không phải lúc nào cũng có việc. Đời sống đi dần vào thế bí. Ông Hạnh dẫn tôi đến ban giám hiệu phụ trách chương trình lớp đêm, nơi ông dạy bổ túc văn hóa cho cán bộ. Ông giới thiệu tôi là thi sĩ, và xin dạy học để có tiêu chuẩn gạo.

Những khi rỗi việc, tôi hay nói chuyện thơ văn với ông Hạnh. Ông cho tôi là người có kiến thức văn chương. Nhưng, thật bất ngờ khi tôi được giới thiệu là thi sĩ. Tâng bốc lắm, chỉ tổ làm hư việc.

Người đàn ông ngồi sau chiếc bàn, môi thâm, mặt sắt, tóc hớt cua, trông không có vẻ ggì là mô phạm. Ông Hạnh cho biết trước, đây là cán bộ chỉ đạo. Ông ta kéo trễ gọng kính, giương mắt nhìn tôi như quan sát một hiện tượng lạ.
"Thi sĩ à?"
Tôi nói: "Ông Hạnh nói quá lời. Tôi chỉ có chút chữ nghĩa đọc sách thánh hiền."
Ông Hạnh nói: "Không nên khiêm tốn quá. Thành thật với nhau là hơn."

Cán bộ nói chậm rãi rõ ràng, nhấn mạnh từng tiếng: "Cán bộ học bổ túc văn hóa, không cần học làm thơ. Chỉ cần biết bốn phép tính cộng trừ nhân chia, đọc thông công văn chỉ thị, và biết ký tên là đủ làm việc. Trong quá trình làm việc sẽ bật ra thợ Anh đồng ý không nào?"
"Vâng, tôi đồng ý. Nhưng tôi không xin dạy làm thợ"
"Chứ dạy về gì?"
"Về gì cũng được, ngoài chuyện dạy làm thợ"
Cán bộ chìa bao thuốc mời ông Hạnh và tôi.

Trầm ngâm một lúc, ông nói: "Chúng tôi đang cần giáo viên, nhưng muốn nhận anh vào phải xét qua lý lịch. Anh về làm bản tự khai kèm theo hai người

chứng, rồi mang tới đây. Chúng tôi sẽ họp ủy ban cứu xét. Một mình tôi không quyết định được."
"Vâng, tôi sẽ viết bản tự khai."
Tiêu chuẩn mười ba ký gạo hàng tháng, lấp ló ở một tương lai gần. Tình hình có vẻ lạc quan. Tôi mỉm cười ngó ông Hạnh, lòng đầy phấn khởi.
Cán bộ hỏi, sau khi phà một hơi thuốc: "Trước kia, anh làm gì nhỉ?"
Tôi nói: "Làm lính."
"Bộ đội hả? Đơn vị nào? Tôi cũng là bộ đội phục viên đây."
"Tôi lính Việt Nam Cộng Hòa."
Cán bộ chồm tới, sửng sốt: "Thế à? Sao không đi cải tạo?"
"Tôi cải tạo xong rồi."
Cán bộ thật vọng ngửa người ra lưng ghế: "Anh khỏi cần đến đây nạp bản tự khai. Chúng tôi không nhận đâu."
Tôi cố vớt vát: "Tôi nghĩ cải tạo xong là tẩy não xong, có thể góp phần xây dựng xã hội mới."
Cán bộ lắc đầu: "Cải tạo là hình thức trừng phạt thôi. Đầu các anh đóng băng, tẩy não thế nào được!"

Quốc tặc
Thấy tôi cũng là thằng ăn tục nói phét, ông Hạnh không còn cho tôi là kẻ sĩ nữa. Ông nói tôi là người có tài, nhưng tài năng lớn quá, không có chỗ dùng. Ông nói với mọi người như thế. Nói tới nói lui mãi, tôi cũng tin mình có tài thật, dù lúc nhỏ thầy giáo xếp tôi vào loại học trò đần.

Một lần trên chiếu rượu, ông Hạnh thắc mắc: "Chưa bao giờ xã hội ta có nhiều người uống rượu như bây giờ . Không biết tại sao?"
Anh em ngó vào người có tài năng lớn không có chỗ dùng.
Tôi lên gân giải thích: "Xã hội rối rắm lung tung xèng. Tương lai mờ mịt. Con người hoang mang mất hướng đi tới, nên lấy rượu trấn an tinh thần. Các ông ngày ngày cuốc đất, ngó tới ngó lui cũng không ra khỏi mấy cái bờ ruộng. Đời như thế thì bao giờ ngóc đầu lên được? Đó là nói người có ruộng. Người không ruộng, đất đâu mà cuốc? Như ông Hạnh với tôi chuyên nghề đào giếng, năm thì mười họa mới có việc. Xuống đáy giếng mà tìm tương lai, có ngày cũng gặp Hà Bá. Mặt đất đã đầy những giếng sâu hố thẳm, đi loạng quạng dễ bị sa chân xuống âm phủ. Chi bằng cứ ẩn nhẫn chờ thời. Thời cơ chưa tới, lấy rượu giải khuây."
Một người nói: "Tôi chịu lối giải thích này. Nhưng, bao giờ thời cơ tới??"

Tôi lại lên gân: "Khương Thượng ngồi câu sông Vị, là chờ thời. Hàn Tín lòn trôn giữa chợ, cũng là chờ thời. Cn chúng ta ư? Có khi phải chờ hết đời. Con cháu lại tiếp tục chờ nữa. Lịch sử biến thiên lúc nhanh lúc chậm. Nhanh thì năm trước năm sau đã thấy khác. Chậm thì đời này qua đời kia vẫn còn khốn khổ."
"Thời này cũng có nhiều người phất cờ giàu to đấy chứ?"

"Vâng. Phất cờ giàu to thời này là tư bản đỏ. Nhưng cách dùng từ sai. Tư bản là bỏ vốn kinh doanh, để từ đó sinh ra lợi nhuận. Mấy ông kẹ nhà mình có kinh doanh gì đâu? Họ ăn tiền đút lót hối lộ, và dùng quyền lực chiếm đoạt tài sản thiên hạ thì không thể gọi là tư bản, dù xanh hay đỏ."
"Như thế phải gọi là gì cho đúng nghĩa?"
"Gọi nôm na là ăn cướp. Cướp giựt lẻ tẻ đầu đường xó chợ, là cướp vặt. Cướp có hệ thống đường lối chính sách, là quốc tặc. Người dân biết mình bị cướp, mà không cưỡng vào đâu được. Thế mới kinh!"
Cuộc rượu đêm đó, xoay quanh đề tài quốc tặc. Tôi hừng chí nói năng tự do, mất sự đề cao cảnh giác. Tàn cuộc, tôi say bí tỉ.

Đèn nhà ai nhà nấy rạng
Cưới vợ ba năm. Vợ chồng không rõ lòng nhau. Tôi đến tuổi cần có vợ, vợ cũng đến tuổi cần có chồng. Thế là lấy nhau. Chẳng tình yêu quái gì.
Tôi là lính hành quân. Ba năm, những lần về phép đếm trên đầu ngón tay. Gặp nhau là quấn lấy nhau. Vội vã vài ngày, để rồi còn chia tay. Thì giờ đâu mà để ý những điều vớ vẩn?
Năm đầu, vợ gọi tôi bằng anh, xưng em. Tôi gọi vợ bằng em, xưng anh. Qua năm sau, vợ gọi tôi bằng anh, xưng tôi. Tôi gọi vợ bằng em, xưng tôi. Năm sau nữa, vợ gọi tôi bằng ông, xưng tôi. Tôi gọi vợ bằng bà, xưng tôi. Theo thời gian, cách gọi vợ chồng cứ thay đổi dần như thế. Và giữ nguyên hai tiếng xưng hô "ông bà" cho đến bây giờ. Ba năm.

Một hôm, tình cờ vợ khám phá ra tôi làm thơ.
Vợ nói: "Có tờ báo đăng bài thơ của thằng cha nào trùng tên với ông."
Vợ mở trang báo, chỉ vào bài Tình Cho Em. Lời thơ sướt mướt nhớ thương. Đó là bài thơ tôi làm cho một con nhỏ người yêu, nhưng không chịu lấy tôi làm chồng.
Tôi nói: "Bài thơ này của tôi làm cho bà, nói lên nỗi nhớ thương trong những ngày đi xạ"
Mới đầu, vợ sung sướng ra mặt. Nhưng sau đó, vợ phá ra cười.
"Mạo nhận. Tôi không tin!"
"Không tin hả?" Tôi không nhìn trang báo, đọc thuộc lòng vanh vách bài thơ, "Bà tin tôi là tác giả chưa?"
Vợ ngẩn ra một lúc: "Người lỗ mãng như ông cũng làm được thợ Lạ thật!"
"Có gì lạ đâu. Tài làm thơ của tôi giống như chiếc mũi nhọn giấu trong túi áo. Lâu ngày, nó ló ra cho bà thấy."
"Chẳng bao giờ nghe ông nói tiếng yêu tôi. Vậy mà làm thơ thì nước mắt chứa chan tình cảm. Thơ là giả dối!"
Vợ không hãnh diện về người chồng biết làm thơ, dù đã có lúc gần đạt được danh hiệu thi sĩ.
Cuộc thế bể dâu. Đời tôi cũng bầm giập đau thương khốn nạn. Mũi nhọn thụt vào trong túi áo. Thơ tịt ngòi.

Ra hải ngoại, muốn học hành cho đỡ nhọc tấm thân, nhưng cái đầu không chịu. Nhồi nhét thứ gì vô, vài ngày sau nó đẩy ra khỏi trí nhớ. Thế là đi làm cu lị Cực tay chân, khỏe đầu óc.
Việc làm bấp bênh. Nay có, mai không. Thất nghiệp ở nhà. Còng lưng viết chuyện cà kê dê ngỗng, viết chuyện đời mình.
Vợ đi chợ, đem về tờ báo quảng cáo địa phương, có đăng bài văn của tôi.
Vợ nói: "Ông bỏ làm thơ, tôi đã mừng. Bây giờ, lại thấy hí hoáy cả ngày. Không ngờ ông viết văn. Làm thơ, chắp tay sau đít, đi qua đi lại. Còn đỡ. Viết văn, bò càng ra mà viết. Khổ ôi là khổ."
Tôi nói: "Trong cái khổ, có cái sướng."
"Thất nghiệp. Đói tới nơi, không biết lọ Ở đó mà viết chuyện bá láp. Kiếp nào mới được thành danh?"
"Từ từ, sẽ có tiếng vang."
"Người ta viết chuyện ma quỷ. Rùng rợn, hấp dẫn. Viết về hoàn cảnh xã hội gay cấn, tâm lý tình cảm éo lẹ Đọc mê luôn. Sách in ra, bán chạy ào ào. Lại còn thu băng đọc truyện, tiền vô như nước. Truyện của ông, tôi vừa đọc vừa ngáp. Cố gắng lắm, cũng chỉ theo dõi được vài trang thì ngủ. Bữa trước, nghe ông nói điện thoại với người bạn nào đó, rằng ông đang gom tiền in sách. Đừng làm chuyện phá sản nghen. Sách ông bán cho ma!"
Tôi rên: "Bà ơi, tôi bất hạnh đớn đau nhiều rồi. Hãy để tôi làm theo ý thích."
Vợ nói: "Ý thích trong trách nhiệm gia đình. Tự do trong khuôn khổ luật pháp."

Tôi giơ hai tay lên trời: "Than ôi! Trên mặt đất, ai người tri kỷ?"

Đoản văn này, dành trả lời câu hỏi của một bạn đọc: "Theo kinh nghiệm bản thân anh, đời có tí văn nghệ văn gừng làm cho gia đình dễ lục đục, hay hưng phấn hơn?"

VIẾT VỀ LÂM CHƯƠNG

Vài cảm nhận về cách viết trong truyện ngắn của nhà văn Lâm Chương

Lương thư Trung

Vào những ngày gần cuối thế kỷ hai mươi, sự xuất hiện của bút hiệu Lâm Chương với tập truyện ngắn đầu tay, *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*, do Văn Mới xuất bản năm 1998, đã gây được tiếng vang trên văn đàn hải ngoại. Và vào đầu năm 2000, tập truyện ngắn thứ hai, *Lò Cừ*, do tạp chí Văn Học tại Hoa Kỳ xuất bản, lại chào đời trong sự chờ đợi của bạn đọc bốn phương.

Cả hai tác phẩm này chưa biết sau này sẽ ra sao, với tác phẩm văn chương nào cũng phải chịu sự thử thách một thời gian khá dài mới biết được giá trị và vị trí của nó, nhưng trong hiện tại, hai tập truyện này đã làm thành một hiện tượng văn học đáng chú ý nhất. Bởi lẽ, từ hơn ba mươi năm nay, người đọc chỉ biết tác giả Lâm Chương qua những vần thơ đăng trên Văn, Bách Khoa, Khởi Hành hồi trước năm 1975, và sau đó in thành sách với thi phẩm *Loài Cây Nhớ Gió* xuất bản ở Sài Gòn vào năm 1971. Ghi lại điều này, có nghĩa từ phía người đọc cũng như các văn hữu

của tác giả, từ trước đến nay cứ đinh ninh rằng Lâm Chương là một nhà thơ hơn là một nhà văn. Điều thú vị là qua tài viết văn xuôi với thể loại truyện ngắn, Lâm Chương đã đem lại cho sinh hoạt văn học hải ngoại một không khí vừa mới mẻ, vừa phong phú, vừa hấp dẫn qua hai tác phẩm mới phát hành này.
Trong bài viết "*Bông Súng Nở Giữa Hồ Nơi Xứ Lạ*" hồi mùa hè 1999, chúng tôi có lược sơ qua những đức tính của nhà văn Lâm Chương qua những phút nói thật về đời sống, về thời gian hình thành những truyện ngắn cũng như những câu chuyện trong các truyện, về bút pháp, về những bí quyết khi viết … Tất cả, khi đem đối chiếu lại với 30 truyện trong cả hai tập truyện ngắn vừa nêu, qua cảm nhận của một người đọc với mức hiểu biết bình thường, cho phép chúng tôi rút ra được một số các đặc điểm trong truyện ngắn của Lâm Chương thật thú vị.
Trước hết, cái điểm chung nhất là hầu hết các truyện ngắn Lâm Chương luôn dùng ngôi thứ nhất với chữ "*Tôi*", như ngầm cho người đọc nhận ra những gì tác giả viết đều là những câu chuyện được kể lại thật đầy đủ và có thật về cuộc đời của chính tác giả. Do vậy, yếu tố thật ấy đã là một trong nhiều lý do làm truyện của Lâm Chương hấp dẫn. Hấp dẫn vì Lâm Chương không khoe khoang cái dũng, cái hùng, cái gan dạ của đời mình khi tác giả viết về những ngày lính chiến cũng như những ngày tù đày khổ nhục.

Truyện của Lâm Chương như một bức hình chụp trung thực nhất về cái run sợ trước súng đạn của người lính khi lâm trận. Chẳng hạn, trong *Một Vùng Hung Bạo*, Lâm Chương viết: "*Khi tôi đang nạp đạn thì thằng Tĩnh la thảng thốt: "Thiếu úy ơi, nó tới đông quá*." *Tôi nhổm dậy, bắn liên thanh vào những tên đang tiến về phía tôi. Mắt tôi hoa lên vì mệt, vì nắng, vì khát và vì ... quá sợ".(Đoạn Đường Hốt Tất Liệt, trang 140).*

Trong một truyện khác, truyện *Định Số*, tác giả viết: "*Trong bóng đêm lờ mờ, tôi thấy mọi người đang lao xao, tất bật xách súng đạn nhào ra kháng tuyến. Tôi cũng quơ vội súng đạn, phóng xuống hố cá nhân, nằm chết điếng, không dám ngóc đầu lên…",* hoặc *"...quả thật, đã có mấy trái B40 nổ chát chúa gần bên tôi rồi. Nhưng, tôi không đi đâu hết. Không phải tôi gan, chỉ vì quá sợ, tôi không dám ló đầu lên khỏi mặt đất mà thôi." (ĐĐHTL, trang 103).* Tác giả cho người đọc nhận ra rằng trong trời đất này, đôi lúc không phải vì gan dạ, mà nhờ sợ con đỉa đeo vào mình mà đã biến một người sợ chết bỗng quá ra kẻ thắng trận trong một trận tấn công của đối phương. Chúng ta thử nghe Lâm Chương kể *:"Nỗi sợ đỉa lớn hơn nỗi sợ hoả lực của địch, tôi vụt đứng dậy, quơ tay làm thủ hiệu tấn công, miệng la lớn "Xung phong. Xung phong."(ĐĐHTL, trang 106).*

Nhưng với nhân vật xưng "tôi" của Lâm Chương, qua lòng tự trọng của một người lính, tác giả đã làm người đọc chia xẻ, cảm thông tâm trạng lo âu, sợ chết của người lính lúc lâm nguy hơn là coi thường, chê bai. Và đặc biệt, trước những lời khen thưởng hết lời của thượng cấp, người lính của Lâm Chương biết "*mắc cở đỏ mặt",* đủ cho chúng ta càng ngưỡng mộ những con người không phải lúc nào cũng muốn giành cho mình những ưu đãi, những mề đai, những cấp bậc khi mình không thật sự gan dạ, can trường: *"Nghe ông tiểu đoàn trưởng nói, tôi mắc cở đỏ mặt. Lần này định mệnh dùng con đỉa rượt tôi chạy về phía trước, để người ta lầm tưởng là một anh hùng gan dạ." (ĐĐHTL, trang 107).*

Riêng về các truyện ngắn mà Lâm Chương viết về những ngày lao tù, cái nét thật mới gần gũi biết bao khi chúng ta đã hơn một lần trải qua những tháng năm lỡ vận lên rừng đốn cây, vác củi. Nhưng có lẽ, so với nỗi đau và cái đói khổ, chắc chắn hoàn cảnh của Lâm Chương cũng như nhiều người cùng cảnh ngộ phải lê tấm thân tàn lên miền thượng du Bắc Việt, chắc phải cơ khổ hơn nhiều so với các nơi khác thuộc miền đồng bằng. Thế mà, khi sắp chuẩn bị rời xa trại cũ, trớ trêu thay, những gì mà mình gặp mỗi ngày, từ tấm liếp đan bằng sậy đầy rệp để lót chỗ nằm cho đến cái lò, cái bếp và kể cả những hàng rào giam giữ các tù nhân

lại trở nên nỗi nhớ nhung luyến tiếc lúc sắp sửa chuyển trại. Đây là tấm lòng rất thật của nhà văn và cũng là tâm trạng của chúng tôi mỗi lần dời trại mới. Những quyến luyến ấy khó mà cắt nghĩa tại sao. Chừng như cỏ cây, vạn vật mọi thứ khi ở gần ta quen rồi, đến lúc ta xa chúng, tất cả đều có tâm hồn. Thử đọc lại điều này qua ngòi bút Lâm Chương trong *Thượng Du Niềm Thương Nhớ: "Nhìn lại, lán trại đìu hiu. Cái sạp, nơi tôi nằm, trống hoang lạnh lẽo, mới đây mà cơ hồ đóng bụi. Cái ống bương đựng nước rửa mặt mỗi sáng, nghiêng đổ dưới sàn. Cái giò phong lan, tôi đem về từ ngoài rừng, treo trên vách nứa, như cũng có hồn biết rầu rĩ chia xa. Hàng rào trại, không còn cần thiết nữa, bị phá một khoảng để lấy lối đi tắt, cũng làm tôi nao lòng. Chẳng phải tôi đã từng khó chịu vì cái hàng rào này, và mong được ở ngoài vòng kìm toả của nó hay sao? Rời khỏi nơi đây, một chốn đã trở thành thân quen, tất cả những gì bỏ lại, đều làm tôi thương nhớ." (ĐĐHTL, trang 194).* Trong 13 truyện của tập *Lò Cừ,* chúng tôi cũng nhận ra cái nét thật bàng bạc như vậy trong mỗi truyện. Từ*Trường Sơn Gửi Lòng Ở Lại* đến *Gió Ngược, Ngôi Đình Cũ, Viễn Thám* vân…vân…, cho đến truyện cuối tập sách, *Những Ngày Mắc Cạn*, và đặc biệt truyện chính mang cùng tên quyển sách, *Lò Cừ Nung Nấu Sự Đời*, là một sự thật chiếm 100% của một xã hội buổi giao thời với lương tri của người thầy thuốc bị đánh

mất trước mạng sống của người khác lúc lâm nguy. Bởi lẽ, đây là câu chuyện thật trong gia đình của chính tác giả, mà nạn nhân chính là đứa con trai của ông, tên Lâm Khang, mà nhiều lần Lâm Chương thường nhắc với bạn bè.
Trên đây là một vài dẫn dụ về cái nét thật trong vô số các nét thật như vậy trong nhiều truyện. Chính vì vậy, đọc truyện ngắn của Lâm Chương, người đọc yêu cái lòng chân thật đó. Với giọng văn như kể chuyện, Lâm Chương đã tạo cho mình một cách viết truyện nối kết thật chặt chẽ. Người đọc phải đọc từ đầu đến cuối truyện mới theo dõi câu chuyện theo một trình tự khít khao không cắt xén được. Hầu hết 30 truyện của Lâm Chương trong hai tập truyện ngắn *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt* và *Lò Cừ* đều theo cách viết chặt chẽ đó.

Đặc điểm kế tiếp trong cách viết của Lâm Chương là các câu văn thường ngắn gọn. Điều đó cho thấy tác giả hết sức cẩn thận trong việc dùng các dấu phết, dấu chấm. Sở dĩ dùng câu ngắn và chấm phết kỹ lưỡng, dứt khoát như vậy không ngoài mục đích trước tiên là tác giả muốn làm cho câu văn của mình thật gọn gàng và sáng sủa. Lâm Chương luôn cho rằng, *"mình viết mà độc giả không hiểu mình muốn viết gì có nghĩa là mình bất tài, không đủ khả năng diễn đạt một vấn đề cho thật rõ ràng dễ hiểu".* Do vậy mà, trong bút pháp của ông, ít khi người đọc bắt gặp những câu dài thườn

thượt, hoặc các chỗ ngắt câu bằng dấu chấm phết không rõ ràng, thiếu mạch lạc. Có thể dẫn chứng ra đây vài câu văn như vậy trong vô số các câu văn ngắn gọn trên mỗi trang sách của Lâm Chương: *"Tôi sang Mỹ, không theo cái nghĩa bi quan của đời trôi giạt. Tôi đi có định hướng. Năm lần bảy lượt vượt biên. Cuối cùng, tôi đã tới đích. Sống ở đây, tương đối dễ thở. Tiền bạc, có chánh phủ cấp. Quần áo, có nhà thờ lo." (ĐĐHTL, trang 116).* Hoặc trong truyện *Lên Rừng Thăm Bạn*, có đoạn: *"Tôi đến với anh Khan được ba ngày . Lòng đã chán. Anh ít nói đến độ lầm lì. Sau bữa cơm chiều, anh thường ngồi bập thuốc rê, trầm tư. Lưng anh hơi còng xuống." (ĐĐHTL, trang 15).* Qua hai đoạn vừa trích, câu văn Lâm Chương trung bình khoảng sáu hoặc bảy chữ là thường mà vẫn tròn ý, không thiếu, không thừa. Chính vì vậy mà văn của Lâm Chương rất sắc gọn, súc tích.

Thêm vào đó, chữ dùng của ông rất chính xác, bình dị, đôi lúc mộc mạc mà vẫn không làm cho nội dung của các truyện trở nên nghèo nàn. Chẳng hạn như tác giả dùng chữ "*bập*" trong câu văn vừa trích dẫn ở trên, cũng như đoạn văn sau đây, trong *Lên Rừng Thăm Bạn*, tác giả lại lập lại chữ "*bập*" thêm một lần nữa: *"Anh ngó mông ra rừng, nói chậm rãi, thỉnh thoảng dừng lại một lúc lâu để bập vài hơi thuốc." (Lò Cừ, trang 16),*đã gợi cho người đọc hình ảnh độc đáo của người nhà quê hút thuốc vấn bằng giấy quyến. Vì

thuốc lá trồng ở các miệt rẫy thường trong đất có phèn nên thuốc lá cũng bị phèn, điếu thuốc đang hút dễ bị tắt lửa. Do vậy, người hút thuốc phải "*bập, bập"* điếu thuốc hoài, nếu không điếu thuốc sẽ bị tắt. "*Bập"* là tiếng kêu của hai cái môi chập vào nhau khi hít hơi thật mạnh vào để cho điếu thuốc cháy lên. Nếu chỉ dùng những chữ khác như "*hít một hơi", "hút một hơi", "kéo một hơi*", câu văn không lột tả hết hình ảnh và cảnh tượng người ở miệt quê hay trên rừng thiếu cả những điếu thuốc ngon, thơm khói, không bị phèn. Trong cách dùng chữ cho câu văn của mình, Lâm Chương còn chú ý đến các từ ngữ cho phù hợp với từng địa phương, nhất là trong các mẫu đối thoại. Người miền nào nói theo giọng người miền nấy, cốt làm cho người đọc không lẫn lộn được và cũng để cho các câu đối thoại thêm sống động. Trong truyện *Chỉ Còn Một Nơi Trở Lại*, Lâm Chương đã cho nhân vật của ông, người bạn tù trẻ ngoài Bắc, kể lại câu chuyện đời mình bằng giọng Bắc: *"Nó chạy về mách với bố nó. Bố nó dẫn nó lại nhà cháu mách với bố cháu. Buộc bố cháu phải đánh cháu, trước sự chứng kiến của bố con nó. Bố cháu sợ, muốn làm vừa lòng thằng xã uỷ. Bố cháu quất cháu túi bụi bằng sợi thừng đan bằng lạt tre. Đau quá. Cháu quằn người như một con giun. Cháu rên, nhưng không khóc. Bu cháu sợ hãi, nép bên cửa. Khóc, xót cho cháu." (ĐĐHTL, trang 64).*

Một điểm khác góp thêm vào nét riêng biệt trong văn Lâm Chương là các mẫu đối thoại vừa ngắn gọn, vừa tự nhiên như những lời nói đời thường. Văn đối thoại mà thiếu cái nét tự nhiên, cốt truyện dù có thâm thuý đến mấy, giá trị của tác phẩm cũng bị sút giảm. Vì người đọc là đọc bản văn trước rồi mới cảm nhận cái mà tác giả muốn gởi gấm. Vì thế nếu đọc phải những câu đối thoại dài lê thê, mang dáng vẻ gượng ép, không giống thật, người đọc chắc gì đã đọc hết một truyện ngắn, một tác phẩm, nói chi đến việc đưa ra nhận xét ý tưởng, nội dung. Có tiếp xúc với Lâm Chương, người đọc càng thấy các câu đối thoại ông viết giống như ông đang nói chuyện hằng ngày trong đời sống của ông.

Đôi lúc, tác giả còn thêm vào những câu đối thoại cái nét bi hài, dí dỏm nên càng làm cho truyện của ông sinh động một cách tự nhiên. Ví dụ mẫu đối thoại sau đây của chàng rể Tàu thật buồn cười, làm cho người đọc cũng bắt tức cười theo, trong truyện *Cơ Ngơi Ngày Cũ*:

“Ngoại tôi hỏi chàng rể Tàu:
"Sao người trong dòng họ nhà ta chưa khá?"
Ba tôi, tức chàng rể Tàu, nói:
"Ngộ lâu piết."
"Thế sao thầy của mầy bảo cái khu gò mả nhà ta là

linh địa?"
"Nó lâu phải thầy của ngộ."
"Vậy nó là ai?"
"Là người cùng một làng với ngộ, ở pên Tàu."
"Sao mày đi chung với nó?"
"Ở pên Tàu, nó nghèo, ngộ cũng nghèo. Nó rủ ngộ qua Việt Nam làm giàu. Nhưng xứ Việt Nam cũng nghèo quá. Nó dẫn ngộ li chỗ này chỗ kia hoài. Ngộ than mỏi cẳng. Nó muốn pỏ ngộ ở lại nhà nị. Có cơm ăn, có vợ ngủ."(Cơ Ngơi Ngày Cũ, trang 148)
Ngoài ra, trong truyện ngắn Lâm Chương, các câu văn thường thường câu trên đối với câu dưới từ lời đến ý một cách chặt chẽ. Rải rác trong 30 truyện ngắn của hai tác phẩm vừa kể đều thấy thấp thoáng các vế đối như vậy. Lần gặp Lâm Chương bên bờ hồ Mystic hồi mùa Hè 1999, chúng tôi có hỏi ông nghĩ gì về các vế đối này, tác giả chỉ cười và lúc bấy giờ ông mới nhận ra điều đó khi có người đọc đưa ra nhận xét, rồi Lâm Chương xác nhận: *"Tôi chỉ viết hết sức tự nhiên, không làm kiểu cách."*
Sau đây, xin ghi ra một ví dụ tiêu biểu về các vế đối này trong truyện *Trường Sơn Gửi Lòng Ở Lại:*
"Dù có ghế, họ cũng không ngồi.
Vợ chồng đứng lố nhố .(...)
Đứa lớn biết chạy lon ton, hớp xong ly rượu, nhăn mặt, khè dài như rắn hổ mang, hai tay quạt lia lịa vào

mồm.
Đứa nhỏ còn đai sau lưng, uống phải chất cay, hả họng khóc như đổ nước sôi vào miệng."(Lò Cừ, trang 13).
Và một ví dụ khác cũng trong truyện ngắn này :
"Vỡ đất để cúng kiến Thần Rừng.
Được mùa để cảm tạ Trời Đất.(....)
Các cụ già và những đàn ông trai tráng thường vui say bên ché rượu cần.(...)
Trai gái nắm tay nhau, nhảy cà tưng theo nhịp trống cơm, xoay vòng bên đống lửa. "(Lò Cừ, trang 15).

Từ những vế với ý tứ đối nhau như vậy, đọc truyện ngắn Lâm Chương làm người đọc nhận ra trong văn phong của ông có mang âm điệu các bài hịch. Về đặc điểm này, có thể giải thích, vì tác giả viết câu văn cô đọng, lại đối ý chặt chẽ, cùng với cái lòng của Lâm Chương chìm sâu vào những cảnh đời gặp lúc bể dâu, nên lời văn vang vọng lại cái âm thanh gờn gợn như vậy, như một triết nhân ngồi ngẫm suy việc thế sự man man vô tận. Thử viết lại vài câu văn của tác giả bằng cách xuống dòng sau mỗi dấu chấm câu, chúng ta sẽ dễ nhận ra điều này trong cách viết của Lâm Chương:
"Ở đây, không đo thời gian bằng kim đồng hồ.
Trưa nghe chim bắt-cô-trói-cột kêu trên đầu núi, biết

đang mùa hạ.
Đêm nằm nghe cú rúc đầu hồi, biết đang mùa đông.
Thung lũng ít chịu mặt trời.
Âm khí núi rừng pha trong sương đục, nhòa nhòa lán trại.
Cái lạnh rờn rợn nhiễm vào người, lâu dần thành quen.
Thiên nhiên tập cho con người biết chịu đựng.
Về với thiên nhiên, thở cùng cỏ cây.
Đi trên đất ẩm, nghe mùi rong rêu lá mục.
Làm quen với muỗi đói vắt rừng.
Coi thường độc trùng rắn rít.
Ngồi lặng hàng giờ, ngắm những bông hoa dại âm thầm ngoi lên từ kẽ đá.
Thưởng thức tinh hoa của đất trời, cũng là một cách dưỡng sinh.
Dựa lưng gốc đại thụ, thấu lẽ câm nín ngàn đời.
Quên chuyện ngày trước.
Bỏ chuyện ngày sau.
Sống đời hoang dã.
Thú rừng vô tâm, không biết buồn.
Ai nặng thất tình lục dục, dễ bỏ mình giữa chốn thâm sơn…"(Thượng Du Niềm Thương Nhớ, ĐĐHTL, trang 184).

Phải chìm trong bể hoạn dữ lắm và cũng phải có cái tâm hồn thật nhạy cảm nữa, Lâm Chương mới cho người đọc một đoạn văn tuyệt diệu như vậy về cái lẽ trời đất và con người…

Sau cùng, có lẽ cũng nên ghi nhận thêm những phần kết của các truyện. Lâm Chương luôn đưa ra những câu kết khiến người đọc phải suy nghĩ nhiều về thân phận của nhân vật trong truyện, so với cái bao la muôn trùng của cõi đời đầy biến đổi này, nhưng không thoát ra ngoài cái giới hạn một kiếp nhân sinh. Chẳng hạn, câu kết trong truyện ngắn *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*, tác giả viết: "*Tôi kêu lên sửng sốt :"Thằng Hon!" (ĐĐHTL, trang 89).* Người đọc phải bâng khuâng trước cuộc gặp gỡ lạ kỳ mà cả hai người, nhân vật xưng*"tôi"* và "*thằng Hon",* đều không muốn gặp lại nhau trong hoàn cảnh khó xử này. Nhưng trước câu nói với vẻ hốt hoảng và ngỡ ngàng đó đã ẩn chứa cái lòng nhân của người ở thế thượng phong trong cuộc đối đầu. Và Lâm Chương đã thể hiện được cái lòng từ tâm ấy của một người lính quốc gia lúc kết thúc một bi kịch đời có thật. Ngoài ra, với câu kết này, tác giả còn phác họa ra cho người đọc thấy được nỗi bi thảm của cuộc chiến mấy mươi năm trên đất nước mình, những người mà mình gặp nhau hằng ngày, rồi ra, là những kẻ tử thù trong chiến tranh như thằng Hon, con ông Tám Đê trong truyện. Hoặc một câu kết khác trong tập *Lò Cừ*, truyện *Viễn Thám*: *"Tội nghiệp,*

sau cái đêm động phòng với vợ, nó đi luôn không bao giờ về nữa." (Lò Cừ, trang 175). Tác giả đã làm người đọc nghĩ về cuộc chiến vừa qua với biết bao người lính đã *"đi luôn không bao giờ về nữa!"* như Năng, như Nhiêu ?!? Làm sao tính nổi một bài tính tổng kết những mảnh đời bất hạnh trong đạn bom gầm thét mấy mươi năm !!! Tóm lại, phần kết của các truyện trong hai tác phẩm của Lâm Chương đều gợi ra cho người đọc những nỗi xót xa tương tự như vậy, nhiều lắm!

Nói tới giá trị của một tác phẩm văn chương, người đọc thường nghĩ nhiều đến phần chuyên chở của tác giả trong truyện, tức cái phần ý tứ, nội dung của nó. Truyện ngắn của Lâm Chương cũng nghiêng nhiều về những nội dung như vậy. Ở đó tác giả đã phác họa được bức tranh xã hội một thời mà tác giả đã từng sống qua, nói lên được thân phận của kiếp người trong thời chiến tranh và sau chiến tranh với nỗi bi thảm của nó. Về phần hình thức, qua cảm nhận của một người đọc, chúng tôi nhận ra rằng, Lâm Chương với cách dùng câu văn ngắn mà ý tưởng dồi dào, súc tích; chữ ông dùng được ông chọn lựa kỹ càng, chính xác rất khó có ai bắt bẻ được, và chính nhờ cách dùng chữ, chấm câu, phân đoạn khúc chiết như vậy ông đã tạo được một hơi văn mới lạ, đặc thù, vì thế truyện của ông rất lôi cuốn và hấp dẫn. Từ đó tác giả đã tạo cho người đọc có cảm tưởng rằng mỗi khi đọc văn Lâm

Chương mình nên đọc rất chậm, vì nếu đọc nhanh quá những trang sách sẽ mau hết, giống như gặp món ngon mà ăn nhanh quá, rồi lại tiếc …. Và cũng chính nhờ bút pháp mới mẻ đó đã làm cho các tác phẩm của ông trở thành một hiện tượng mới lạ, độc đáo trong sinh hoạt văn học nghệ thuật hải ngoại ngày nay. (*)

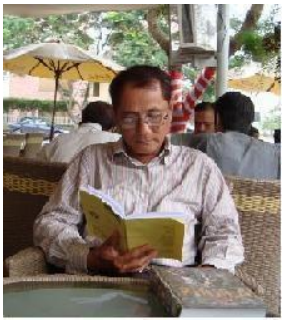
Boston, tháng 3 năm 2000.
(Bài này đã đăng trên tạp chí Văn Học, California (Hoa Kỳ), do nhà văn Nguyễn Mộng Giác làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, số 170, tháng 6 năm 2000. Người viết đọc lại và bổ túc ngày 20 tháng 12 năm 2009.)

Phụ chú*:*

(*) Sau hai tác phẩm *Lò Cừ* và *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt* vừa dẫn, mấy năm sau nhà văn Lâm Chương còn cho ra đời hai tác phẩm nữa:
Đi Giữa Bầy Thú Dữ, nhà xuất bản Văn Mới, Hoa Kỳ, năm 2002.
Truyện và Những Đoản Văn, nhà xuất bản Văn Mới, Hoa Kỳ, năm 2004.

Lâm Chương, bản tường trình của một chứng nhân

Ngô Nguyên Nghiễm



Lâm Chương sinh năm 1942
(Khai sinh ghi 28/10/1945)
Tại Gò Dầu Hạ - Tây Ninh
Định cư (1987): Boston, Massachusetts (USA)

Trước năm 1975 ông viết cho Những tạp chí Văn, Văn học, Bách Khoa, Khởi hành, Nghệ Thuật . Khai Phá…

Ở Hải ngoại ông cộng tác thường xuyên cho Văn, Lửa Việt, Văn Học, Thế Kỷ 21, Hợp Lưu, Sóng Văn, Đi Tới, Phố Văn và Khởi Hành, cùng xuất hiện nhiều trên các website văn học .

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN :

Loài Cây Nhớ Gió (Thi phẩm, Khai Phá 1971)

Đoạn Đường Hốt Tất Liệt (Tập truyện, Văn Mới 1999)
Lò Cừ (Tập truyện, Văn Học 2000)
Đi Giữa Bầy Thú Dữ (Tập truyện, Văn Mới 2002)
Truyện Và Những Đoản Văn (Văn Mới 2004).

***

Không phải mặc nhiên tôi chọn đầu tựa như vậy để bước vào không gian văn chương của nhà thơ nhà văn Lâm Chương, nhưng là cái chọn lựa tâm đắc mà suốt hơn 40 năm nhiều lúc dong ruỗi cùng anh trong nhiều đoạn đường dài đầy gió bụi. Bao giờ tôi cũng rất thán phục những thành công thật tuyệt vời của Lâm Chương, trong từng giai đoạn sãi vó phi nhanh trước một không gian diệu vợi của nghệ thuật.Thật ra, tựa bài phát xuất từ cuộc phỏng vấn của Triều Hoa Đại gom lại trong đề bài Lâm Chương, ngựa Hồ hí gió Bắc . Bài phỏng vấn khá dài, có đoạn so sánh một tác giả được ưa chuộng nhất ở Nhật Bản hiện đang sống rời xa tổ quốc là nhà văn Haruki Murakamai phát biểu, chỉ có thể tìm thấy quê hương khi ở xa quê hương. Vậy, Lâm Chương cũng là nhà văn đang sống xa tổ quốc, anh có cùng quan điểm đó không? Lâm Chương trả lời: *"Khổ quá. Anh cứ gọi tôi là nhà văn. Tôi chỉ là chứng nhân thời đại, và đang viết bản trường trình về những gì đã nghe thấy mà thôi. Ý nhà văn Haruki Murakamai muốn nói tìm thấy quê hương ở trong lòng mình. Tôi cũng nghĩ thế. Người xa quê hương, viết về quê hương thắm thiết hơn người ở tại*

quê nhà". Tôi nhớ gần kết bài phỏng vấn, nhà thơ Triều Hoa Đại phát biểu bạn bè nói dù lưu lạc nơi đâu hay trong hoàn cảnh nào thì Lâm Chương cũng là Lâm Chương, chẳng khác gì ngựa Hồ mỗi khi gió Bắc thổi về thì chẳng bao giờ quên cất tiếng hí đau thương.

Đằng đẵng sau hơn mấy mươi năm, cay đắng chen chúc trong cuộc sống còn giữa bốn bề là vách tường kiên cố không tìm thấy một lối thoát, cứ quẩn quanh nuôi dưỡng một hướng sáng khiến tâm thức gò ép trong cùng cực quẩn bách. Tất cả như một hiện trạng cốt lõi đầy ấp tài liệu, giúp Lâm Chương bùng vỡ mãnh liệt trong những tác phẩm dính đầy máu thịt, đọa đày, mồ hôi và nước mắt. Quả thật, như phân trần của nhà văn sự hiện diện tác phẩm anh hoàn toàn dựa trên tinh thần nhân bản, sự thật, không dính dấp vào những hư cấu của những người viết giàu tưởng tượng…
Qua những tác phẩm xuất bản trong thời gian gần đây, tạo dựng trong tâm hồn một sự cảm thông chia sẻ vô bờ bến. Ngoài Lò Cừ , Đoạn Đường Hốt Tất Liệt, là những mẫu chuyện dài rấp nối suốt đoạn đường bi thiết của chiến tranh. Mọi chi tiết lồng lộng tự chính nó như dòng sông, con suối trôi chảy dầy đặc những bản tuyên ngôn li ti những điều biến thể ghê rợn, mà người bình thường cũng không dám có giây phút tưởng tượng. Sự chân thật trong hành văn, là một thành công của tác phẩm Lâm Chương, nó hấp dẫn cực kỳ, lôi kéo người đọc say mê bước thẳng vào con đường trước mặt. Hình như trong sáng tác, nhà văn

không bao giờ vạch sẵn cho trước tác một hướng đi trước, tất cả trôi nổi tự nhiên như dòng chảy của trí nhớ. Nhào nắn quá tải trong nhiều kỷ niệm, từ bình dị trong cuộc đời mà anh đã trải qua suốt những năm tháng lăn lóc trong lửa đạn, thừa hưởng hoan lạc hay bi thống giữa đời thường, đến những khắc nghiệt phủ kín định mệnh những ngày tháng sau nầy bôn ba trên quê hương. Tất cả hóa thân một Lâm Chương sừng sững và hùng vĩ trong văn nghiệp thật độc đáo.Những gì đã trải qua là những kinh nghiệm được đúc kết và bạch hóa sự thật trên từng tác phẩm. Lâm Chương nhiều khi cũng bày tỏ, chỉ viết với những kinh nghiệm đã trải qua, khó mà viết khác với lòng mình. Sự hoạt biến từng chi tiết ngẫu nhiên là phương cách khiến truyện anh vừa sống động, thực tế, vừa mê hoặc người đọc một cách kỳ diệu. Diễn biến câu chuyện như một tường thuật tràn ngập chi tiết và hoạt biến, chính sự sáng tạo đó người thưởng ngoạn bất ngờ không tiên đoán được cái hậu của truyện viết.

Thâm giao với nhau cũng hơn 40 năm, mỗi người một tài hoa và định kiếp, nhưng trong đời ngoài sự trôi dạt lãng du của một Lâm Hảo Dũng, phiêu bồng gian khổ như Vũ Hữu Định, nghĩa khí bạt ngàn của Phạm Nhã Dự,tiết tháo cùng cực như Nguyễn Phan Thịnh… thì hiện thân của sự tang bồng lang bạt chắc phải có Lâm Chương. Những ngày tháng gặp nhau như những cơn phiêu hốt tình cờ trong cuộc sống, anh em thì rải rác muôn phương, tụ tán như vầng mây nắng sớm mưa chiều.Thời gian cuối thập niên 60, Lâm Chương đã có nhiều tác phẩm đăng trên Nghệ Thuật, Văn, Văn Học,

Bách Khoa… nên bằng hữu văn nghệ đều biết tên nhau. Khi tạp chí Khai Phá ra mắt với bạn bè văn nghệ, Lâm Chương cũng góp phần bài vở giúp tờ báo vững chải như những tài hoa khác. Ngày anh em họp bàn chuyển tờ báo sang nhà xuất bản, Lâm Chương hiện diện tác phẩm đầu tiên cho NXB Khai Phá, với thi phẩm Loài Cây Nhớ Gió,đã gây được nhiều tiếng vang tuyệt diệu.

Đến giờ, thỉnh thoảng Lâm Chương vẫn làm thơ nhưng hầu như từ ngày định cư tại phương trời xa thẳm, anh bước sang viết văn. Thật ra, đó cũng là cách chuyển tải những nỗi niềm gian khổ, đã oằn nặng trên đôi vai suốt bao nhiêu năm tháng trong cuộc trở mình đầy đọa giữa quê hương chính mình.Bước sang địa hạt văn chương, vì chính thơ theo Lâm Chương chỉ nói lên những rung động cảm xúc của cõi lòng , nhưng văn mới có thể diễn tả được hết những chi li trong cuộc đời. Những tháng năm xưa, Lâm Chương vẫn là một nhà thơ nổi danh như phần đông bạn bè tuổi trẻ , vì vậy thơ vẫn đến với anh những lúc bất chợt cần có trong sự rung động của lòng mình. Ngoài những truyện ngắn vừa viết xong gởi về tôi chia sớt niềm vui sáng tác, thỉnh thoảng trong vài năm trước Lâm Chương vẫn mail cho tôi đôi ba bài thơ thật khuynh khoái làm trong lúc trà dư tửu hậu (*). Như vậy, bao nhiêu ân tình xưa cũ giữa văn và thi ca vẫn đột biến từng cơn trong tâm thức. Cái nét lấp lánh ẩn hiện của thơ, càng khiến tinh hoa phát tiết tuyệt diệu hơn…

Hiện tại, trong thế giới văn chương trong cũng như ngoài nước, Lâm Chương hiện diện là một nhà văn lớn trong cộng đồng người Việt. Tác phẩm bao gồm những tập truyện, truyện vừa, truyện và những đoản văn …hầu như chỉ chuyên chở những câu chuyện hòa quyện suốt cuộc đời mà nhà văn gian khổ trải qua. Lâm Chương trung thành quan điểm nầy, như anh thường nói chỉ viết những chuyện của mình thôi. Những cốt lõi của tác phẩm là sự trung thực và sáng tạo, chính vậy bút pháp bạch hóa thẳng băng, không cầu kỳ hay mang nặng những lý tưởng cao siêu. Lâm Chương khơi hoạt rõ nét từng chi tiết trong cuộc chấm phá những cảnh tượng cuộc đời đầy phong ba trong quá khứ. Nó được vực dậy như một chứng nhân, giữa thời kỳ chuyển biến khốc liệt của xã hội hiện tại xãy ra từng giờ trong đời sống, mà anh bó buộc nai lưng chịu đựng.Quá khứ còn dẫy đầy trong tâm thức uất nghẹn, bi thống chưa tiêu hóa được, nên hiện tại nét nhìn của nhà văn Lâm Chương mong soi thấu được hết phần nào đoạn đường khốc liệt trải qua. Khi được hỏi, có nên đổi cách viết để hướng về ngày mai tươi sáng chan chứa tình người? Lâm Chương trả lời, khơi rõ hơn về quan niệm sáng tác, là anh không có biệt tài dựng lên những truyện hoàn toàn do trí tưởng tượng. Theo anh, chỉ có thể viết được những kinh nghiệm đã có trong quá khứ, nên hiện tại chẳng thể viết được gì về cái xã hội xa lạ nầy

Đọc tác phẩm Lâm Chương, quả thật ta nhìn thấy sự thật như vậy. Những phân cảnh quá khứ tuôn trào nồm nộp, chuyển biến như những lớp thoại kịch nhiều

tình tiết đa dạng, trôi chảy chẩm rải như những khúc phim, được đạo diễn tài ba quay li ti trong từng góc sống của cuộc đời.
Từ tập truyện vừa Đi Giữa Bầy Thú Dữ, chia hai phân đoạn là hai câu chuyện Gió Về Phố Biển và Đi Giữa Bầy Thú Dữ, Lâm Chương kể lại chuyện đời mình từ thời niên thiếu, rời gia đình lang bạt tận phố biển Nha Trang, háo hức của người đi tìm ước mơ kỳ thú. Trong cuộc sống vô gia đình bao nhiêu diễn biến trong tình yêu sa đà hư đốn, những cuộc hội ngộ với những danh nhân như thi sĩ Quách Tấn, ôm mớ triết học của Krishnamurti tự do đầu tiên và cuối cùng, ôm cái tâm lành của nhà sư Trí Tâm, những tên ma cô đĩ bợm đánh đỗ hết mọi giá trị đạo đức….(Gió Về Phố Biển). Phân đoạn hai, Đi Giữa Bầy Thú Dữ là cuộc đào thoát trốn chạy, xuyên qua biên giới Kamphuchia, cất dấu tài sản trên đường hoạn lộ bằng cách nuốt vàng vào bụng, hậu môn, cửa mình…Cuộc tráo chác lường gạt giữa cuộc đời, nhiều khi còn quá tàn bạo, những người lên Kampuchia vượt biên bị lừa lấy hết vàng, rồi giết phi tang. Kế tiếp, sự trôi nổi gian truân lê lết cuộc sống giữa xứ lạ quê người…(Đi Giữa Bầy Thú Dữ).
Người đọc chia sẻ cùng nhà văn những chuyện thật đời người, như màn kịch lớp lang trên một sân khấu lộ thiên. Những chuyển biến như những hoạt hình, cứ trôi chảy bao nhiêu tình tiết mắc xích liên quan thật ấn tượng. Văn phong đầy chi tiết sáng tạo, uyên bác như nỗi nhớ xấp lớp dầy đặc những bi kịch của kiếp người. Ý tưởng trùng trùng trải đầy trên trang giấy vô tri,

thành câu chuyện hấp dẫn đầy tình tiết chân thật hữu tri.
Nét thông minh ranh mãnh trong từng câu thoại tự nhiên, như dẫn dắt câu chuyện về một ngã rẽ hướng sẵn cá tính của nhân vật: *"Trên tường nơi phòng khách , treo cái bản đồ thiết lộ ghi các trạm phụ và nhà ga ở mỗi địa phương. Tôi thường đứng nhìn bản đồ, mơ ước một chuyến viễn du qua những địa danh xa lạ, những nơi đèo heo hút gió. Bửa trước, đọc ké quyển sách anh Hòa để trên bàn. Tự Do Đầu Tiên Và Cuối Cùng của Krishnamurti. Tôi nhớ câu,''Đi là sống. Đứng là chết ngay trong đời sống hiện tại"* Ý tác giả nói đến sự thăng hoa trong tư tưởng, nhưng tôi vẫn muốn hiểu theo cái nghĩa đen cuộc đời. Không biết tự lúc nào, trong tâm hồn sâu thẳm của tôi có tiếng thì thầm réo gọi ra đi. Không dự định sẽ tới nơi nào, mà vẫn muốn ra đi. Tư tưởng phiêu bạt đã gắn chặc trên cung định mệnh, tác giả dẫn dắt người đọc đi từ tấm bản đồ, để trình bày một chuyển dịch sáng tạo phải có thay đổi thường xuyên quanh ta.

Lâm Chương quả thật xây dựng một cung cách viết độc đáo, góp nhặt quá khứ thành một trang sử mà theo anh, anh chỉ là chứng nhân đang viết lại những điều nghe thấy mà thôi.

Viết tại Thư trang Quang Hạnh
Mùa đông 2012

(*) Bài thơ Mùa hạ Lâm Chương gởi tặng, làm rõ thêm quan điểm sống, lấp lánh tâm thức lãng bạt của thi nhân bên cạnh thế sự vậy:

Mùa hạ

Mùa hạ nhà ta lò bát quái
Cửa mở toang thông đạt khí trời
Đêm trăn trở trong lò thịt nướng
Da rám vàng tươm mỡ mồ hôi

Mùa hạ nhà giàu đi ra biển
Ta vô rừng nằm dưới bóng cây
Mấy lão tu tiên ngàn năm trước
Chắc cũng như ta nằm ngắm mây

Không có con nai làm bằng hữu
Vài con sóc nhỏ nhảy lăng quăng
Sóc ơi ta với mi là bạn
Vui giữa rừng xanh lánh bụi trần

Tiền bạc chẳng làm ta mờ mắt
Ba ngàn tân khách của Nguyên Quân
Ký sinh bám riết vào thân trụ
Cũng chỉ vì tham một miếng ăn

Ví thử mai kia ta tuyệt mệnh
Chẳng phủi tay đời cũng sạch trơn
Sống thong dong thác không hề tiếc

Bởi ta sinh vốn đã trần truồng

Mùa hạ nhà giàu đi nghỉ mát
Ta ngồi ta ngắm một dòng sông
Hỡi ơi, con nước đi ngày ấy
Phiêu hốt mười năm bất phục hoàn

Khương Thượng ngồi câu danh với lợi
Đội nón mê áo vải chờ thời
Còn ta chẳng còn gì trông đợi
Chỉ ngồi suông ngó nước mà thôi

Kẻ sĩ ngày nay nhiều như nhặng
Không ai cầm trủy thủ qua sông
Dẫu có Yên Đan tìm đỏ mắt
Cũng không ra một kẻ sang Tần

Mùa hạ dăm ba thằng thất nghiệp
Đến tìm ta bày cuộc nhậu chơi
Bằng hữu những tên nghèo kiết xác
Uống lai rai để lãng quên đời

Con mồi khô mực dai như đỉa
Trệu trạo nhai hoài nuốt chẳng trôi
Rượu rót tràn ly mời tới tấp
Bỏ hết lo toan ngất ngưởng cười

Cười sĩ khí mặt dày râu quặp
Tranh hùng đuổi bắt một con hươu
Thiếu Lăng gò nổi đùn mây trắng

Lau sậy đìu hiu cỏ lút đầu

Rượu bốc hơi men bừng lên mặt
Việc đời xem cũng nhẹ như không
Lịch sử bao năm còn dâu bể
Huống hồ bèo nước ở trường giang

Mùa hạ nhà ta không đóng cửa
Nghe chừng sắt thép rợn xương da
Bốn phương thiên hạ còn tranh chấp
Lò lửa nhân sinh thổi tạt về.

Cuốn sách nào đã ảnh hưởng nhiều nhất tới tôi?

Viên Linh phỏng vấn

Chúng tôi đã gửi tới các nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ, học giả, lá thư ngắn sau đây: "Để giúp độc giả có thể biết nhiều hơn về các tác giả của Văn học Việt Nam, cũng như có thể tạo thêm thích thú cho người đọc sách báo văn học, *Nguyệt san khởi Hành* mở cuộc phỏng vấn kể từ số này, với chỉ một câu hỏi chính: *"Cuôn sách nào đã ảnh hưởng (hay có một tác động nào đó) tới Anh / Chị nhiều nhất từ trước tới nay? Vui lòng cho biết trường hợp đọc cuốn sách đó."*

***

Với câu hỏi này, nếu trả lời vắn tắt thì chỉ vài hàng là đủ. Nhưng giải thích tại sao, và ảnh hưởng thế nào thì dài dòng lắm.

Những năm tiểu học, tôi mê truyện Tàu. Đọc *Tây Du*, mê Tề Thiên Đại Thánh. Đọc *Phong Thần*, mê Dương Tiễn, Na Tra. Đọc *Thuyết Đường*, mê Lý Ngươn Bá, Võ Văn Thành Đô. Bọn nhỏ chúng tôi gặp nhau, nói về những nhân vật truyện Tàu không chán. Tôi mong mình mau lớn để làm anh hùng chọc trời khuấy nước. Đó là kỷ niệm đẹp một thời tuổi nhỏ.

Năm đệ thất, đọc *Hồn Bướm Mơ Tiên* của Khái Hưng, tôi ứa nước mắt vì chuyện tình bi lụy của cô Lan. Tôi tưởng đây là quyển sách hay nhất. Sang năm đệ tứ, đọc lại *Hồn Bướm Mơ Tiên*, tôi bỗng thấy nhạt

phèo và ngạc nhiên tại sao mình có thể khóc với một chuyện tình đầy tính cách giả tạo như thế? Dù viết là bịa chuyện, nhưng bịa không khéo sẽ gây trong lòng người đọc ấn tượng không hay về tài năng tác giả. Có lẽ do thành kiến ấy, nên về sau tôi không thích bất cứ tác phẩm nào của nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Cũng trong năm đệ tứ, có lần tôi đi coi xi nê. Cái thời xa xưa, trước khi coi phim, khán giả còn phải làm thủ tục đứng dậy chào cờ và nghe bài hát suy tôn Ngô Tổng Thống. Buổi chiếu phim, thường mở đầu bằng hình ảnh thời sự và khoa học. Phim khoa học tôi coi lần ấy, chiếu cảnh những người đàn bà trên giường đẻ. Đẻ đủ kiểu. Đẻ khó, đẻ ngược, đẻ xuôi, đẻ phải mổ bụng để lấy hài nhi ra. Tôi thật kinh hoàng khi nhìn thấy bộ phận sinh dục của người đàn bà kỳ dị trong khi sinh nở, không đẹp như tôi tưởng. Thế là tôi bị liệt dương cả mấy tháng trời. Tôi không còn cảm thấy hứng thú, không nghĩ đến tình yêu trai gái nữa. Nhìn vào con gái, tôi chỉ thấy tội nghiệp, và thương họ như thương mẹ của mình.

Ấn tượng mạnh mẽ về chuyện sinh đẻ chưa phai, tôi đọc *Giờ Thứ Hai Mươi Lăm* của Georghiu. Tôi sợ cái thời đại văn minh cơ khí, và những bi thảm mà con người phải chịu đựng trong thời kỳ chiến tranh. Đau khổ, đọa đày, chết chóc. Tất cả đều phi lý. Tôi đâm ra chán đời, vi vu trong đầu nỗi chết. Trong thời gian này, tôi thường bị bọn du đãng bắt nạt. Đang lúc chán

đời, tôi lận dao trong người đi tìm lại mấy thằng đã từng bắt nạt tôi, dự định sẽ đâm chết bọn chúng, rồi tự tử luôn. Cũng may, tôi tìm không gặp nên tôi còn sống đến ngày nay. Bây giờ, nghĩ lại, nếu ngày ấy tôi gặp lại bọn du đãng, chuyện gì sẽ xảy ra? Có thể tôi chưa kịp làm gì, thì đã bị du đãng chém tôi chết rồi. Một cuốn phim và một quyển sách có tác động dữ dội vào tâm hồn tôi, làm tôi buồn rầu, chán đời đến nỗi không thiết sống là như thế. Tuổi trẻ dễ xúc động, nhưng cũng rất mau quên. Tâm hồn, và đời sống tôi trở lại bình thường không lâu sau đó. Mãi đến khi vào lính, đọc *Sử Ký Tư Mã Thiên*, tôi lấy làm thích thú. Từ đó trở đi, tôi đọc đi đọc lại *Sử Ký Tư Mã Thiên* không biết bao nhiêu lần.

Ngoài *Sử Ký Tư Mã Thiên*, tôi cũng rất thích đọc *Kinh Thánh*. Không phải vì sùng đạo hay tìm hiểu giáo lý, bởi tôi không theo đạo Thiên Chúa. Tôi chỉ thích cái lối hành văn lạ lùng, và những tư tưởng làm cho tôi luôn luôn bị bất ngờ. Thử lật bất cứ một trang nào trong *Kinh Thánh*. Trang 1596, chương *Diệu Ca*:

Chân em tuyệt đẹp trong những chiếc hài! Hỡi công nương!
Đường cong cặp đùi những chiếc vòng,
công trình do tay khéo léo.
Rốn em tròn xoay như chung.
Sao cho đừng thiếu rượu nồng!
Bụng em, một đống miến mì, có huệ rào quanh.
Đôi nhũ hoa như cặp nai tơ,
con sinh đôi của linh dương mẹ.

Cổ em như tháp ngà.
Mắt em là những hồ nước Khesbôn, bên cổng Bat-Rabbim.
Mũi em như Tháp Liban, dõi về phía Đama.
Đầu em cao cả vóc người như núi Karmel.
Bím tóc trên đầu như nhung gấm.
Một hoàng đế bị xích lại bởi suối tóc huyền
Em đẹp biết bao và kiều diễm dường nào,
yêu yêu ơi, quí nương ơi!
Này dáng của em giống tợ chà là.
Nhũ hoa như chùm quả.
Anh nói: ta phải leo lên chà là mà chụp lấy chùm trái.
Ước gì nhũ hoa của em như những chùm nho,
và hương vị mũi em như mùi táo.
Miệng em như rượu hảo hạng.

Có thể nói *Kinh Thánh* và *Sử Ký Tư Mã Thiên* là hai quyển sách đeo đẳng theo tôi bền bĩ nhất, đọc không bao giờ chán.Mấy năm nay, những khi rỗi rảnh tôi hay viết truyện.

Một hôm, có người nhận xét lối hành văn của tôi có mang hơi hướm của Tư Mã Thiên. Tôi thật không ngờ rằng vì yêu thích mà bị ảnh hưởng hồi nào không hay. Nếu không có người nhận xét còn lâu tôi mới biết mình bị ảnh hưởng người khác. Viết tới đây, chợt nhớ tới nhà văn Vĩnh Hảo trả lời cho câu phỏng vấn trên *Khởi Hành* số 67, tháng 5.02. Trong lời cuối, ông viết: *"Tôi nghĩ rằng những người cầm bút khác cũng chỉ mê thích một vài tác giả, tác phẩm nào đó trong*

đời, chứ không bị "ảnh hưởng " rề rề bởi một người cầm bút khác từ trước tới nay thì có lẽ anh/chị ấy vẫn đang làm người học trò tập làm văn để nộp bài cho thầy giáo chứ chẳng sáng tạo gì đâu. Sáng tạo là vượt qua. Vượt qua người trước, vượt qua những tác phẩm, vượt qua chính mình. (Xin chua thêm: vượt qua không có nghĩa là vượt hơn, mà chỉ có nghĩa là ra khỏi ảnh hưởng)".

Nếu theo cách nghĩ của nhà văn Vĩnh Hảo, thì tôi *đang làm người học trò tập làm văn để nộp bài cho thầy giáo chứ chẳng sáng tạo gì đâu*. Thật thế, từ trước tới nay tôi chưa một lần dám nhận mình là nhà văn. Tôi chỉ là người kể chuyện (mà không hề làm văn chương).

Cũng theo nhà văn Vĩnh Hảo, *những tác phẩm có mặt mà như không, chẳng có tác động gì đến con người hay cuộc đời cả... (chua thêm: có những tác phẩm như vậy không nhỉ? Nếu có, sao có thể gọi là "tác phẩm" được nhỉ?)* Ngoài những quyển Kinh của các tôn giáo, có lẽ xưa nay chưa từng có hoặc có rất ít những quyển sách nào tác động mạnh mẽ đến con người hay cuộc đời. Như vậy, có thể liệt những quyển Kinh vào hàng tác phẩm, còn lại những quyển sách khác trên thế giới, khó tìm được quyển nào xứng đáng để gọi là tác phẩm. Buồn thay!

Boston, 7.2002

Lâm Chương, lỗi tại con chim

Luân Hoán

*T*hời ở KBC 4100 (khu bưu chính), nhà văn Lâm Chương làm thơ. Nhưng tôi không đọc được nhiều thơ anh trên nguyệt san Bộ Binh. Hình như Lâm Chương chỉ làm thơ cầm chừng, theo nhu cầu đổi ngày ra phép cuối tuần. Lâm Chương cũng rất ít khi xuất hiện ở văn phòng tâm lý chiến của quân trường. Tôi giống anh ở điểm này, dù "hữu danh" trong ban biên tập. Trong năm ba lần vui chân, tôi và anh không hẹn, đã cùng tạt vào chỗ ngồi của mấy anh sính làm báo, và chúng tôi có dịp thấy nhau, bắt tay nhau.

Lâm Chương dong dỏng, trên một thước bảy, có da thịt vừa đủ của một thanh niên khoẻ mạnh. Khuôn mặt đủ làm mục tiêu cho các em "bò lạc". Lâm Chương ít nói và cũng không mấy khi cười. Có thể vì giao thiệp với anh ít quá, tôi không có cơ hội bắt gặp đôi môi anh làm việc chăng. Môi, miệng có nhiều công tác, chức năng lắm, nhưng cái tôi đề cập ở đây là sự truyền phát âm thanh.

Trong suốt chín tháng quân trường, tôi gặp Lâm Chương nhiều lắm vài ba lần. Tình huynh đệ chi binh rất lỏng lẻo. Nhưng thơ của anh lại giữ trong tôi một ấn tượng rất tốt. Ngày nay tôi và chắc cả anh cũng không thể nhớ ra những bài thơ một thời bộ binh của anh. Dù vậy, tôi cũng có thể nói chắc, chúng (những

bài thơ) không thuần túy là những bài thơ tình yêu, cũng không phải là những bài ngợi ca quê hương, hay những bài suy tư về thân phận, cuộc chiến. Trong những bài, hình như chỉ gói ghém trong chừng mười bốn đến mười tám câu, mọi nội dung trên đều có, và được pha trộn một cách khéo léo. Sức thu hút của thơ Lâm Chương thời Bộ Binh còn nằm trong phong thái diễn đạt thường được cho là hào sảng, phóng khoáng. Chính điều này đã giúp tôi nhớ nhà thơ Lâm Chương, quí nhà thơ Lâm Chương dù không nhớ một câu, một chữ nào anh đã viết. Nghe thật vớ vẩn, nhưng lại thật "trăm phần trăm!".

Lâm Chương là tên thật, đến với cuộc sống từ năm 1942, nhưng trước bạ khai sinh ghi ngày 28 tháng 10 năm 1945. Gò Dầu Hạ tỉnh Tây Ninh là đất anh chào đời. Mồ côi mẹ sớm, thân phụ mang về cho anh một người dì ghẻ như cái "bánh đúc không xương". Thời tiểu học, Lâm Chương học giỏi, nhưng không chăm học lắm, thường bỏ lớp, la cà theo tiếng chim, tiếng dế, tiếng ếch nhái ve vãn nhau. Vạt ruộng xanh, gốc cây lớn cũng thường rủ rê Lâm Chương tiêu phí hàng giờ, ngồi hóng gió, nhìn mây. Hương thơm rơm rạ, màu sắc cỏ hoa cũng níu kéo anh ngày này qua ngày khác. Anh trải tuổi thơ lên mỗi vuông đường làng, lên cả những cuốn sách phiêu lưu mạo hiểm. Xong tiểu học, Lâm Chương thực hiện được giấc mộng ra khỏi cổng làng của mình. Anh được cho ra tỉnh ở trọ ăn học. Thân phụ anh không thiếu bổn phận làm cha. Không có gì thú vị hơn được đi xa trọ học.

Nhất là thời "nhất quỉ, nhì ma..." chỉ còn quậy lật ở khúc đuôi. Tôi từng có chút phần thưởng này thời học Trần Cao Vân Tam Kỳ, và những tháng ngày ở khu Hồ Tịnh Tâm Huế.

Tình thương của người đàn ông nông thôn vốn khép kín, vụng về, đôi khi cục mịch. Lâm Chương không phải không nhìn ra tấm lòng của cha mình. Nhưng anh có chút ít bướng bỉnh, ít nhiều tinh thần tự lập, cộng thêm hoàn cảnh eo hẹp tình thương nhưng giàu mơ mộng, cuối cùng đã đẩy anh ra khỏi cánh cửa gia đình, năm lên mười sáu. Thoạt đầu Lâm Chương lên Sài Gòn, sống lẩn quẩn ở chợ Bến Thành và Ga xe lửa. Thành phố chật tiếng người, tiếng sinh hoạt chợt làm anh sợ. Sau vài đêm ngủ lén ở chái hiên, sạp hàng, Lâm Chương nhớ đến những cảnh sắc thanh lịch, những con người dịu dàng từng được nghe, được đọc về một cố đô tuyệt vời, Lâm Chương quyết định nhảy lên tàu hỏa ra xứ Huế. Bốn trăm bạc, tiền trọ học một tháng, ba anh gián tiếp cho lần cuối cùng, trước khi anh ra khỏi nhà đã vơi đi ít nhiều nhưng anh không ngại vẫn khéo léo nhảy lên tàu. Lộ trình vời vợi xa với bao nhiêu sân ga sẽ đến, Lâm Chương không dễ gì đến được cái đích trong mộng ước khi trong tay không có vé tàu. Người soát vé dù có chút tử tế cũng đã buộc anh phải xuống Nha Trang.

Đất trời thành phố biển chào đón gã giang hồ vị thành niên bằng một cơn mưa phùn lì lợm, rả rích mãi quên thôi. Lâm Chương tạm nhét nỗi lo buồn mảnh

khảnh vào bọc áo quần, anh lượm được một tấm nilon đủ rộng choàng lên người, bắt đầu đi trồng những kỷ niệm. Tiếng gọi của biển dường như vang ngay trong lòng anh. Hàng quán, hiệu buôn, nhà ở cả đến con người hình như cũng trầm lặng. Tất cả từ từ lùi lại sau lưng Lâm Chương, Nha Trang đãi anh bữa ăn sáng bằng sự bao la cuồng động của biển cả. Mưa vẫn nhẹ nhàng như thoa trên vai, trên lưng. Xúc động trước chào đón của thiên nhiêm, Lâm Chương trao ra những giọt nước mắt cất đã lâu của mình.

Ngày theo ngày tiếp nhau, bao nhiêu chỗ ngả lưng đã tình cờ đến với Lâm Chương. Sân đình, lòng chợ, chòi gác,bãi tha ma...từng địa điểm vô danh của Nha Trang lần lượt được hấp ấm dưới thân thể hao hụt thịt máu của Lâm Chương. Nhưng anh thật hạnh phúc, đã gặp được rất nhiều người còn một tấm lòng. Sự đùm bọc, thương mến của gia đình một người Huế, của một người tài xế xe chở đá, của một bà Ba mộ đạo Phật, của một Kỹ sư Kiều lộ làm Trưởng ty Hỏa Xa, của một vị sư và nhiều nữa. Họ đã thay nhau hóa giải những khó khăn cho anh một cách kịp thời. Lâm Chương cũng hưởng được tình gia đình từ những người em gái anh có nhiệm vụ dạy kèm. Hơn thế nữa, chưa có được mảnh bằng trung học phổ thông, anh đã có một cuộc tình, một người yêu thánh thiện. Và khi chưa nắm trong tay cái tú tài, anh đã hưởng được lạc thú của tình dục một cách no đủ trong sự yêu thương chân tình. Trong đoạn đời xa cách người cha già, Lâm Chương đã từng bước trưởng thành qua khá nhiều

nghề lao động vất vả. Không có đứa con hư lưu lạc nào không canh cánh bên lòng sự trở về. Cơ hội đến với Lâm Chương từ một tai nạn nghề nghiệp của thân phụ anh.

Đã có chuyến giang hồ thứ nhất, không dễ bỏ những cuộc đi tiếp theo. Lâm Chương vào Nam sống trong khu lao động. Chặng đời quan trọng của một thanh niên trong thời chiến không đợi cũng đến. Lâm Chương gia nhập vào đại gia đình quân đội Việt Nam Cộng Hòa, qua cánh cửa trường Bộ Binh Thủ Đức, khóa 24. Sau đó anh về đơn vị Biệt Động Quân. Chặng đời binh nghiệp của Lâm Chương không ngắn. Anh khôn khéo hay may mắn từ chối những chiến thương bội tinh, chỉ chọn vài chiếc anh dũng bội tinh cất vào ba lô. Trong một bài nhắc nhớ kỷ niệm thời Thủ Đức, Lâm Chương "Tán Ngẫu Về Một Người Làm Thơ":

"...Mười năm lăn lóc chiến trường, đạn không bén đến da tôi. Có thể tôi gặp thằng xạ thủ bắn tồi, cũng có thể tôi né đạn giỏi. Nhiều người bảo phần số tôi may mắn. Tôi bảo không phải vậy, và đọc thơ Nguyễn Du: 'xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều'. Bởi không làm thi sĩ nên khi qua những làng mạc, tôi biết đề phòng du kích bắn sẻ. Bởi không làm thi sĩ nên khi vào những khu rừng hắc ám, tôi biết đặt mình trong tư thế sẵn sàng nổ súng vào bất cứ con gì nhúc nhích trước mặt (bắn chậm thì chết)

... Tóm lại, bởi không làm thi sĩ nên khi đi giữa làn tên mũi đạn, tôi không hề mơ mộng viển vông..."

(LH Một Đời Thơ)

Thật ra, Lâm Chương vẫn giữ con người thi sĩ của anh, nhưng biết đặt nặng vai trò chiến sĩ anh đang mang ngoài mặt trận lên trên trò chơi chữ nghĩa. Lâm Chương biết đề cao cảnh giác tối đa cho anh và cho đồng đội, cộng thêm sự may mắn không thể phủ nhận. "Đạn tránh người, người không tránh đạn" gần như một qui luật. Mừng cho Lâm Chương giữ được lành lặn để có mười năm tiếp theo ăn cơm tù, phá rừng trồng khoai, trồng sắn, có cơ hội mục kích tận mắt nhiều chuyện ngoài tưởng tượng xảy ra *"trên cuộc đời ô trọc"*. Không được "cải tạo", Lâm Chương đâu có cơ hội để biết hành động "giải quyết cấp thời" của một cán binh (mời tìm đọc Đoạn Đường Hốt Tất Liệt) và nhiều chuyện động trời khác. Thời gian nào trong cuộc sống cũng có cái quí giá riêng của nó. Không có những vốn sống trong giai đoạn sỉ nhục này chắc chắn những sáng tác Lâm Chương không là những tác phẩm giàu tình người anh đã tặng chúng ta. Cụ thể nhất, nếu không mất vùng đất tự do, chúng ta rất ít người bị lưu vong hoặc được lưu vong đến những vùng đất mới. Đây là một sự thật không nên vì tự ái, thể diện mà phủ nhận. Đàng hoàng xác nhận, cũng không có nghĩa chúng ta mang ơn những người tạo ra những cuộc vượt thoát đã phải đổi nhiều mạng sống.

Dù có bị cấm đoán không cho bước lại trên vạt đất đầu đời của mình, của cha ông ông mình, chúng ta vẫn không hề, chưa hề mất quê hương. Tổ quốc vẫn ở trong từng hơi thở của mỗi người. Muốn gặp lại, muốn thấy lại, thật đơn giản, hãy chịu khó tĩnh lặng tưởng tượng, có một vài phút nhắm mắt càng tốt hơn. Cảnh vật thật rõ ràng, linh động. Tiếng người, tiếng vật, tiếng cỏ lá đều linh hiển hiện ra. Hãy thử dành một phút thành tâm hồi tưởng. Đừng vội nóng văng tục. Xin lỗi về sự cao hứng bất ngờ của tôi.

Con dân miền Nam liều mạng sống chạy trốn một chế độ chính trị là một điều có thật, cả thế giới cảm thông, chào đón. Không ai nghĩ đến việc cơm áo khi hớt hải ra đi. Nhưng những chuyến vượt biển, vượt biên không dễ gì tiếp tục mãi. Những chương trình ra đi khỏi nước khác được thực hiện. Sau chương trình Ra Đi Có Trật Tự (ODP) một thời gian, chương trình Định Cư Nhân Đạo (H.O) dành cho những sĩ quan, viên chức bị cải tạo trên ba năm và những người phối ngẫu cải tạo viên chết trong tù hoặc mệnh chung sau khi ra tù một năm trở lại. Lâm Chương, sĩ quan Biệt Động Quân hội đủ điều kiện để trở thành một ông H.O. Nhưng anh không chờ được. Anh và gia đình vượt biên và may mắn đến Hoa Kỳ năm 1987. Hiện nay gia đình Lâm Chương định cư tại thành phố Boston, Hoa Kỳ.

Lâm Chương bắt đầu làm thơ nhiều từ những năm trung học tại Nha Trang. Cái vạt đất nồng nàn gió

biển này sinh sản, qui tụ khá nhiều người sinh hoạt văn học nghệ thuật: Quách Tấn, Trịnh Cung, Nguyễn Xuân Hoàng, Từ Thế Mộng... Tại đây, Lâm Chương được giao du, kết thân với những *"người học trò làm thơ in thành sách, như Thanh Nhung và Cao Hoành Nhân với Tiếng Thơ Miền Trung, Sương Biên Thùy (là Lê Mai Lĩnh bây giờ) với Nỗi Buồn Nhược Tiểu, Sao Trên Rừng (là Nguyễn Đức Sơn bây giờ) có bài đăng trên Sáng Tạo..."* (LRĐL). Anh cũng được tiếp xúc với thi sĩ Quách Tấn và có cơ hội nhìn thấy vết sẹo *"tròn to bằng đồng xu"* ở phía trái thái dương tác giả Đêm Thu Nghe Quạ Kêu. Lâm Chương được nghe kể: thi sĩ Hàn Mặc Tử bị dị ứng với vết sẹo này, nên mỗi lần gặp nhau, nhà thơ mệnh yểu thường yêu cầu bạn mình ngồi ở vị thế thích hợp, tránh cho ông khỏi nhìn thấy. Đây cũng là một chi tiết đặc biệt trong văn học.

Tuy có máu thi phú trong người, Lâm Chương vẫn khiêm nhường trả lời Triều Hoa Đại: *"...Và tôi bắt chước làm thơ. Những bài thơ đầu tiên đọc nghe rất 'thê thảm', chẳng báo nào chịu đăng, kể cả bích báo nhà trường cũng chê..."*. Nhưng rồi trên tạp chí Văn tại Sài Gòn đã "đi" một bài thơ tán gái của anh trong một số Xuân dày cộm.

Thế nào là thơ tán gái ? Với tính cách hàn lâm và đạo đức, những nhà nghiên cứu, phê bình thi ca, cùng một số nhà thơ cho rằng những sáng tác có hơi hướm lẳng lơ, mơn trớn đều nên liệt vào mục thơ huê tình. Giải thích hai chữ huê tình một cách cụ thể hơn,

được giới trẻ cho là thơ tán gái, dù chưa chắc loại thơ này có đủ những ướt át. Trong vài dịp có cơ hội bày tỏ, tôi vẫn tự nhận thơ mình là thơ tán gái, bởi thực tế như vậy. Thơ tán gái đích thực là thơ tình và ngược lại. Làm thơ tỏ tình với một người, không có nghĩa là không tỏ tình với nhiều người đọc. Tỏ tình có khoảng cách bao xa với tán tỉnh, ve vãn, chiêu dụ, níu kéo ? Tính cách bác học và bình dân trong từng bài thơ là có thật. Nhưng mục đích, tôi nghĩ vẫn không khác nhau. Anh chàng Hàn Mặc Tử, anh chàng Xuân Diệu, anh chàng Nguyễn Bính, anh chàng Nguyên Sa, anh chàng Du Tử Lê vân vân và vân vân....không có nhu cầu tán gái chăng ? Thật ra đều như nhau, chỉ khác nhau ở tài nghệ, chiêu thức. Như vậy, Lâm Chương, tôi hay bất cứ bạn nào khác xài chữ "Thơ Tán Gái" không có nghĩa hạ thấp giá trị nghệ thuật của thơ. Giá trị nghệ thuật nằm trong nội dung tác phẩm. Thử đọc một bài thơ Lâm Chương:

" Em đâu phải Kiều nương/ mà nói chuyện bán trinh làm đĩ/ mười lăm năm nhẫn mặt giang hồ/ trai tứ chiến đếch thằng nào rớ được/ bọn trọc phú hợm mình tưởng bở/ quăng một đêm qua cửa sổ ngàn vàng/ chưa níu được lai quần chéo áo/ đám ong bướm si tình ngây dại/ con thiêu thân bi lụy ngọn đèn/ những anh chàng công tử ruồi bu/ cũng ngấp nghé trao lời ái mộ

em đâu phải cành vàng lá ngọc/ còn niêm phong kín cổng cao tường/ chuyện trăng gió mù

sương lả tả / bông hoa em đâu dễ lụy vì tình/ ta phất phơ đi giữa cõi người/ chẳng biết làm gì ngoài chuyện làm thơ/ dẫu không thành thi sĩ /cũng được tiếng văn chương/ ba mươi năm mải miết/ thơ chùa đăng báo chợ/ túi rỗng không đời cũng nhẹ tênh/ cánh hạc vàng muốn tếch lên mây/ đời ô trọc giữ chân người ở lại/ buổi gặp em đầu tiên ta choáng váng/ chuyện tình cờ mà khốn đốn trăm năm

ai chiếu hoa trải đường dưới gót em đi/ ai lót tay em nhung gấm lụa là/ ta chỉ có bài thơ/ rút ra từ xương tủy/ cuộc trầm luân mấy ai ngờ được/ chốn bồng lai xa quá là xa/ ta và em dắt tay vào địa ngục"

(Lâm Chương - Dắt Tay Vào Địa Ngục)

Lột trần một chút thân phận của đối tượng, của cả chính mình, để đi đến một mục đích có tính cách rủ rê "vào địa ngục" Đây quả một bài thơ tán gái xuất sắc. Người đẹp của thi sĩ không bình thường. Thi sĩ không tầm thường. Nên chuyện tỏ tình cũng rất độc đáo khác lạ. Mời đọc thêm hai bài thơ tình khác của Lâm Chương:

"Em hẹn tôi về thăm quê cũ/ sau mấy năm lây lất xứ người/ tôi cũng muốn (một lần thôi cũng đủ)/ về gặp em nhắc lại chuyện lâu rồi.

Chuyện lâu rồi mà như mới hôm qua/ tôi còn nhớ bàn tay em run nhẹ/ trong tay tôi lạnh buốt. Không ngờ/ em lí nhí nói câu gì rất nhỏ/ như nói thầm với cái rét se da/ của một chiều cuối đông năm ấy.

Rồi tôi đi. Sáu năm trời chưa trở lại/ dòng sông xưa vẫn chảy trong hồn/ bông mía trắng cả một vùng thương nhớ/ gió nồm Nam thổi suốt dọc quê mình/ nhà em ở cheo leo cuối xóm/ hàng rào thưa cây trái rợp sau vườn/ che bóng mát cho em ngày nắng.

Tôi ở đây những mùa đông trắng/ lấy gì che đời vắng em xa/ em đâu biết bao lần tôi muốn hỏi/ ngày chia tay em nói nhỏ câu gì/ trong cái rét một chiều đông năm ấy?"

(Câu Gì Em Nói Nhỏ)

" Trời hay mưa miền tôi ướt sũng/ lá đầm đìa rơi rụng giọt châu/ em qua tôi để dấu son đầu/ môi trái đỏ, tuổi em vừa chín

Nước châu thổ mang lòng dâu biển/ về bình nguyên cô giáo sang sông/ bỏ tình tôi chết đuối giữa dòng/ nên mưa đổ làm tôi ướt mặt

Từ em xa. Mưa. Trời sướt mướt/ miền tôi nhòa theo nước mưa tuôn/ ủ ê cây lá ngậm buồn/ tình đi. đời lẻ. Mưa luôn nhớ tình".

(Mưa Miền Tôi)

Làm thơ hay vậy, nhưng nếu có cơ hội, hình như Lâm Chương luôn luôn phàn nàn về cái tài làm thơ của mình:

"... Tôi cũng có một thời mon men muốn ngồi vào chiếc chiếu dành cho các nhà thơ. Hằng đêm mất ngủ, bóp trán làm thơ. Có lúc gần đạt được danh hiệu thi sĩ, nhưng cuối cùng đành bỏ cuộc. Làm thơ thật vô cùng vất vả, phải kiên trì mới được bài thơ cho ra hồn. Tôi vốn ù lì cục mịch, thiếu tính kiên nhẫn, lại không có năng khiếu đặc biệt về thơ, thì làm sao có thể ngồi chung chiếu với những bậc thầy của chữ nghĩa mà tác phẩm của họ là tinh túy của ngôn ngữ ?..."

(Lâm Chương – LH-Một Đời Thơ)

Lâm Chương có là thi sĩ, có là nhà thơ hay không, anh không thể tự phong. Những người thật sự có năng khiếu và thành danh trong một bộ môn nghệ thuật, hình như không mấy ai tự xưng này nọ. Bạn đọc sẽ nhìn thấy và gọi đúng danh. Lâm Chương đã cho trước bạ với làng văn một tập thơ. Thi phẩm Loài Cây Nhớ Gió được phát hành năm 1971. Trước đây tôi không được đọc thi phẩm này, ngày nay, tại hải ngoại

khó tìm ra, và cũng không chắc cha đẻ của nó còn lưu giữ. Dù chưa đọc bài nào, nhưng qua tên sách, cũng có thể tạm hình dung ra những phiêu bồng, lãng mạn của những dòng thơ một thời đã giúp Lâm Chương thành danh.

Sau khi có mặt tại hải ngoại Lâm Chương có tiếp tục làm thơ không ?. Tôi biết chắc là có. Trong một lần ghé thăm nhà văn Trần Hoài Thư, người bạn cùng khóa 24 Thủ Đức, anh cho biết Lâm Chương đã đến Hoa Kỳ. Chưa kịp gọi thăm, tôi đã bắt gặp một bài thơ của Lâm Chương trên một tạp chí, hình như là Làng Văn. Bài thơ có tên *Diện Bích*, tôi rất thích. Tuy không còn nhớ câu nào nhưng nội dung diễn đạt tâm sự của một người thất thời, ngày ngày ngồi không, để tâm, dán mắt vào bức vách vô tri trước mặt. Mộng tưởng, chí khí, ngay cả những vật lộn áo cơm cần thiết cũng cùng đường . Cái Diện Bích của Lâm Chương trong những ngày tháng đầu nơi xứ người, không khác gì tâm trạng của những người cùng cảnh ngộ, trong đó có tôi. Nên bài thơ của anh gây cho tôi một một xúc động đậm đà. Thích bài thơ, sau này, nhiều lần tôi hỏi xin anh cho đọc lại. Nhưng Lâm Chương bảo đã bỏ thất lạc. Điều này cho thấy, quả thật Lâm Chương đã có phần lơ là với thơ. Nguyên nhân của sự xao lãng này ra sao không rõ. Nhưng bạn đọc mừng thấy Lâm Chương trở lại với những trang văn xuôi, vốn anh đã thử tài từ những năm rời Nha Trang về Sài Gòn. Giai đoạn đầu với thể loại truyện ngắn, Lâm Chương kể:

"... Những năm về Sài Gòn, tôi tập viết văn xuôi. Ông Mai Thảo đăng trên Nghệ Thuật, trong mục ' Những Người Viết Mới' . Tôi mắc cở, không gửi cho Nghệ Thuật nữa. Tôi gửi bài cho báo khác, chẳng thấy đăng. Nghe thuật lại rằng, có một nhà văn lớn (đã mất rồi) đọc bài bản thảo của tôi, lần nào cũng kêu lên: 'Thằng Phá Hoại. Thằng Phá Hoại' và ném vào sọt rác. Từ ấy, tôi không viết văn xuôi. Sau này, nghĩ thương ông Mai Thảo. Ông cho 'Thằng Phá Hoại' vào mục ' Những Người Viết Mới' là nâng đỡ lắm rồi"

(Lên Rừng Đếm Lá - Triều Hoa Đại)

Lâm Chương đã nói thật tình. Thời mới viết đại đa số chúng tôi, tuy còn non yếu nhưng ai cũng ngại khi có bài trong mục "Những Người Viết Mới" hay "Trang Dành Riêng Cho Các Cây Bút Trẻ". Những anh chị văn nghệ tỉnh lẻ chúng tôi non choẹt nhưng ai cũng muốn làm "mầm già" trong văn nghệ. Không ít người vướng mắc trong những trang này, nên đã có sự thay đổi liên tục nhiều bút hiệu. Đó là chưa kể hình thức bề ngoài với râu tóc khác đời, bia rượu, thuốc lá cứ y như là văn nhân, thi sĩ hạng cừ.

Về sự nghiệp viết văn của mình, Lâm Chương kể tiếp, đã có lần anh viết xong bài văn xuôi, nhờ ông thầy dạy Việt văn đọc và cho ý kiến. Cuộc đối thoại giữa hai thầy trò:

"Thầy nói:

- Văn em là văn bửa củi.

- Sao gọi là văn bửa củi ?

- Hành văn nhát gừng, lổn ngổn những đá sạn thô nhám. Loại văn này chỉ thích hợp cho đề tài chửi lộn, hoặc đòi nợ.

- Em chưa hiểu ý thầy.

- Nói đến thế mà vẫn chưa hiểu. Em không phải là người của văn chương...

Nhận xét của thầy làm tôi thất vọng.

- Xin thầy chỉ dẫn cho em

Thầy cười: 'Học hành, lấy vợ, đẻ con' "

Ngày nay, chắc chắn ông thầy của Lâm Chương không còn giữ được nhận xét của mình khi ông đọc các tác phẩm: Đoạn Đường Hốt Tất Liệt, Lò Cừ, Đi Giữa Bầy Thú Dữ, Truyện Và Những Đoản Văn.

Có bè bạn làm thơ, viết văn thú vị ở chỗ được đọc sách khỏi mất tiền mua. Sách lại được tác giả ký

tên hẳn hoi, trông càng sướng mắt, ấm lòng. Tôi có đủ những gì Lâm Chương trình làng tại hải ngoại:

Đoạn Đường Hốt Tất Liệt, tập truyện ngắn với mười bảy sáng tác, gồm một truyện lấy bối cảnh tại hải ngoại, 16 truyện dựng từ vóc dáng, hồn vía quê nhà. Nhà văn Trần Doãn Nho dọn dường và mớm ý nhận định cho bạn đọc. Anh băt đầu vài dòng về tài nghệ làm thơ của Lâm Chương *"không nhiều, nhưng bài nào cũng nặng ký... Ngôn ngữ giản dị nhưng ví von độc đáo, ý tứ thâm trầm..."* để rồi giới thiệu: *"...Thế giới của Lâm Chương là thế giới của chiến tranh, trại tù và lưu lạc... Nỗi đắng cay đó thể hiện tất cả trong tập truyện của anh, dưới nhiều dạng khác nhau. Bằng một giọng văn tả chân trầm tĩnh, không màu mè làm dáng, anh kể cho chúng ta nghe nhiều chuyện. Chuyện nào cũng là những chuyện tréo cẳng ngỗng, cười ra nước mắt, mang đầy bi kịch tính..."* Nhà văn Trần Doãn Nho cũng nhìn nhận, văn thơ của Lâm Chương, của chính anh, của những người viết khác thuộc thế hệ của anh đa số *"có vẻ hằn học, chua chát với đời... tác phẩm nào cũng chứa đựng cái không khí trầm uất, hằn học, chua chát khi đề cập đến những năm tháng nhiễu nhương vừa qua ở quê nhà..."* Để đi đến kết thúc bài viết: *" Quê nhà. Và lưu đày. Đó là nỗi ám ảnh không rời của nhà thơ, nhà văn Lâm Chương. Và tất cả chúng ta"* (Trần Doãn Nho – 9-1998)

Một nhà văn khác, anh Hồ Minh Dũng, nhận vinh hạnh thực hiện lời bạt cho *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*. Anh đã rất tài tình khi chỉ dùng hai trang để nhắc lại những kỷ niệm gặp gỡ giữa hai người, từ thời đi học làm lính, đến thời đi học làm tù và rồi đến thời cùng lưu lạc xứ người, gặp nhau qua điện thoại. Bài viết của anh Dũng không đề cập gì đến nội dung tác phẩm, hay nói đúng hơn, anh chỉ khéo léo nhắc lại một số hoàn cảnh mà từ đó nẩy mầm những truyện trong *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*. Đây cũng là một đặc biệt, hiếm thấy.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi phát hành, *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt* gây được tiếng vang tốt trong giới cầm bút tại hải ngoại. Nhiều tạp chí cho đi những bài nhận định, giới thiệu hoặc phỏng vấn tác giả. Tất cả đều xoay quanh giá trị nghệ thuật của tác phẩm văn xuôi đầu tay của Lâm Chương. Trong một bài viết công phu, sau khi giới thiệu một số thể loại văn xuôi, nhà nhận định văn học Nguyễn Vy Khanh đưa ra một số nhận xét qua từng truyện trong *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*. Nguyễn Vy Khanh cho rằng Lâm Chương quan niệm chiến tranh là địa ngục, và lên tiếng phê phán cả mọi phía tham chiến. Lâm Chương cũng là một nhân vật từng trải, giàu kinh nghiệm, *"đã nhìn thẳng, nói thẳng về nhiều trục trặc khó nói"*. Tôi chọn trích hai đoạn:

" ...Mặt khác, truyện dị thường phúng thích và châm biếm chính trị và xã hội, Đoạn Đường Hốt-Tất-

Liệt có yếu tố khả dĩ "phiền" chế độ vốn nghi ngờ mọi trào phúng, hí họa ngoài những minh-họa-được-phép. Điểm-đến của Đoạn Đường Hốt-Tất-Liệt theo chúng tôi là đã gióng lên tiếng nói đích thực của con người hôm nay, cho bây giờ và mai sau, khi còn có thể lên tiếng và sau một thời gian đã không thể lên tiếng. Truyện của Lâm Chương như có sức mạnh giải thoát của tâm thức, tâm thức ông, tâm thức những người cùng cảnh ngộ và "kinh nghiệm" như ông. Thay vì tụng A-di-đà hay lạy-Chúa, Lâm Chương lên tiếng nói của ông qua nghệ thuật viết của con người từng sống trong bùn đen của những cơn kinh hoàng đất nước, của chiến tranh, của trại cải tạo, trở về nhà tù lớn và lạc lõng giữa một nước hợp chủng xa lạ! Tác giả đã xử dụng ngôn ngữ như hệ thống tín hiệu và xử dụng văn chương nghệ thuật như khả năng của cảm xúc. Lâm Chương nhận thức được bi hài kịch của cuộc đời và ông chia xẻ với người đọc, có người cùng hoàn cảnh, tâm cảnh, với một ngôn từ trực tiếp dù phải dùng dụ ngôn, hình ảnh, v.v. Chính cái dị thường đã đưa người đọc tìm lại, nhìn lại, nhận chân những thực tại của đời sống bình thường và của vũ trụ nhân sinh. Trong truyện dị thường, ngôn ngữ thường là một hệ thống tín hiệu cao độ với những ẩn dụ đa nghĩa. Đọc truyện của Lâm Chương không thể ngừng ở câu chuyện hay khúc ký ức đó. Người đọc phải hiểu cái tiềm ẩn sau những sự việc, hành động dù bình thường đến thế nào, hoặc cái nguyên nhân hoặc hậu quả không thể tả. Khi người đọc như bị bỏ rơi vì chuyện lửng lơ thì biết đâu đó là cái Vô ngôn, cái thông điệp,

cái nhắn nhủ. Người đọc Đoạn Đường Hốt-Tất-Liệt bình thường sẽ thương cảm thân phận con người, người Việt Nam một thời, nhưng nếu tâm cảm xâu xa sẽ nhận ra cái tâm của tác giả, ông nói với mọi người mà như đồng thời ông tìm tri kỷ! Những truyện khác của Lâm Chương đăng trên các tạp chí gần đây như Gió Ngược, Những Ngày Mắc Cạn, Cận Kề Biên Giới Tử Sinh, ... cho thấy ông càng đi sâu vào ngõ kiếm tìm này, xét con người vì con người thay vì phân biệt nhị nguyên, bạn và địch !...”

“... Văn chương "giải mã" lịch sử sớm dù ít nhiều chủ quan và đầy cảm tính. Hoán chuyển dị thường của thực tại vào văn chương, nhiều dị thường của cuộc đời tưởng bình thường đã được Lâm Chương đưa ra trước công luận. Nói chung, ngòi bút ông cẩn trọng và nhạy bén, xuất từ kinh nghiệm sống. Giọng văn đơn giản, trong sáng, dĩ nhiên bên trong chất chứa nhiều phức tạp và tầng lớp tâm linh. Chính kinh nghiệm và tâm cảm chân thành của tác giả đã đưa đến sự tinh tế, cô đọng. Như đoạn tả sự việc "thân bị kiềm chế, mà ý chí thì phất phơ như chuyện đùa. Tưởng như hồn và xác chẳng dính dấp gì nhau". Một cai tù đã phê bình cách lao động khá "thiền" của tù cải tạo: "Giơ cuốc lên, cò ỉa. Hạ cuốc xuống, mối xông". Nhưng anh tù lại lấy làm lý thú vì câu nói ngộ nghĩnh mà quên cái hậu quả tai hại sau khi bị phê bình. Anh tù đã sửng sốt vì câu phê bình đó. "Diễn tả động tác chậm, không có cái chậm nào bằng. Từ từ giơ cuốc lên, chậm như ngừng lại, thời gian lâu đủ để

con cò đậu trên cái cuốc và ỉa. Hạ xuống cũng chậm, đến nỗi trước khi nhấc cuốc lên, thì mối đã xây thành tổ. Một lối diễn tả độc đáo. Rất bình dân mà cũng rất tuyệt vời." (tr. 188-189).

(Nguyễn Vy Khanh)

Tên gọi tập truyện ngắn của Lâm Chương, lấy từ tên truyện *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt,* một trong 17 truyện trong sách. Cái tên hấp dẫn này đã hướng dẫn tôi có chút suy nghĩ sai lầm khi nhận được sách tặng. Tôi đã thoáng nghĩ đến Đại hãn Hốt Tất Liệt (Kublai Khan – 1215-1294), cháu Thành Cát Tư Hãn (Thiết Mộc Chân, Genghis Khan 1162-1227), vị vua đã lập ra triều đại nhà Nguyên, năm 1271, thống nhất Trung Quốc, dời đô từ Karakorum về Khanbaliq tức Bắc Kinh ngày nay. Thời trị vì của ông rất hưng thịnh. Trong truyện này của Lâm Chương, không có ẩn dụ hay liên quan gì đến đại danh đã dùng. Nội dung chỉ ghi lại những sinh hoạt của một đơn vị Biệt Đông Quân đối đầu với du kích thay vì lính chính qui tại một vùng được kể: "*Qua khỏi cua AK chừng nửa cây số, là ngã ba Lộc Giang. Và hương lộ được phân làm hai ngã. Một ngã xuôi về Sò Đo, thuộc tỉnh lỵ Hậu Nghĩa. Một ngã chạy ra bến đò, anh em trong tiểu đoàn đặt tên là đoạn đường Hốt Tất Liệt".* Tôi không xa lạ với địa hình, địa thế chung chung của các mặt trận nông thôn, cũng không bỡ ngỡ trước những mánh khóe ra đòn của du kích quân, nên cốt truyện của

Đoạn Đường Hốt Tất Liệt (chỉ riêng truyện này) đối với tôi không mới lạ. Ngay cả cái hướng kết thúc cũng đã có thể đoán được từ khi tác giả giới thiệu nhân vật Hon. Cái thành công trong truyện này của Lâm Chương là kỹ thuật viết. Với hình ảnh và một số từ ngữ đặc trưng trong quân đội khi hành quân, Lâm Chương làm sống lại trong lòng những cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa nhiều kỷ niệm đau thương nhưng thân thiết một thời.

Sau *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*, trong vòng sáu năm, Lâm Chương cho in tiếp 3 tác phẩm: *Lò Cừ* với 14 truyện ngắn, 258 trang, bìa Khánh Trường, phụ bản Vũ Đức Thanh, Phan Thảo Trang, trình bày Anh Khoa và Sao Khuê, Văn Học tại Hoa Kỳ xuất bản, năm 2000. *Đi Giữa Bầy Thú Dữ*, gồm hai truyện vừa, 172 trang, bìa Khánh Trường, trình bày Sơn Ca, Văn Mới xuất bản, năm 2002. *Truyện Và Những Đoản Văn*, bìa Khánh Trường, trình bày Sơn Ca, 220 trang, Văn Mới xuất bản, năm 2004.Cả ba tác phẩm này đều tiếp tục góp hơi thở, củng cố chiếc ghế trong văn chương của Lâm Chương một cách vững chắc. Nhà văn Lương Thư Trung, một cư dân cùng vùng với Lâm Chương, từng sinh hoạt, thù tạc với nhau nhiều lần, đã nghĩ về văn tài và bản chất tác giả của bạn mình:

" ... được văn giới biết đến như một luồng gió mới, một tác giả tạo được uy tín hiện nay trên văn đàn nhưng Lâm Chương vẫn giữ được cái đức tính khiêm

cung đáng quí, luôn lắng nghe những nhận xét của người đọc. Trong các truyện của anh, cái cẩn trọng luôn luôn được anh quan tâm từng chữ dùng, từng dấu chấm, dấu phết, làm thế nào, dù người đọc khó tính vẫn khó mà bắt bẻ anh được. Câu văn của anh luôn ngắn gọn. Họa hoằn lắm người đọc mới có dịp bắt gặp một câu tương đối dài, nhưng ở đó cũng có nhiều dấu phết ngắt đoạn. Độc đáo nhất, ở truyện của Lâm Chương là những câu đối thoại gần như những câu mà anh đối đáp, trao đổi với bằng hữu hằng ngày, tạo cho người đọc có ấn tượng mình phải theo hoài những mẩu đối thoại có duyên, hấp dẫn để tìm ra cá tính của mỗi nhân vật..."

Anh Lương Thư Trung cũng để lộ một đôi chút đời thường của Lâm Chương:

"... Tôi biết Lâm Chương từ vài năm nay, nhưng có lẽ tôi quí mến anh vì anh có nhiều khí chất một người nhà quê mê ruộng vườn, đặc biệt hai ngón tay kẹp điếu thuốc rặt người miền quê. Đời sống của Lâm Chương thanh đạm như cái dáng vẻ bình dân, mộc mạc hằng ngày. Gặp tôi bất chợt nơi cái đầm bùn lầy này anh vui lắm. Anh hỏi tôi loại lục bình này, bụi cỏ kia mà chừng như lâu lắm rồi anh mới được gặp lại..."

... Dường như với ai, trong những anh em quen biết với anh, anh đều gọi người đối diện bằng chữ "ông" vừa rồi như vừa quen thân vừa sơ ngộ, vừa

gần gũi vừa xa lạ mà vẫn giữ được chỗ thân tình, tương kính lẫn nhau...”

Cũng qua những cuộc gặp gỡ, trao đổi với nhiều bạn văn, Lâm Chương có dịp trình bày nhiều điều trong chặng đời sinh hoạt thơ văn của anh. Với nhà thơ Triều Hoa Đại, anh chàng Ngựa Hồ Hí Gió Bắc tự sự:

“... Tôi không phải là người viết văn chuyên nghiệp, cũng không thích chiều theo thị hiếu người đọc. Nói thế nghe dễ mất cảm tình, nhưng đấy là sự thật. Xưa nay, tôi chưa từng được đồng xu cắc bạc nào từ bài viết của mình. Nhưng tôi vẫn viết, vì tôi thích. Và chỉ viết những gì tôi muốn viết. Tôi không hề đắn đo xem phải viết thế nào, hành văn ra sao. Cứ nghĩ thế nào viết thế ấy...Tôi thường viết tự truyện, phần hư cấu rất ít...

... Tôi khó mà viết khác với lòng mình. Đang sống nơi thế tục, muốn vượt lên trên những điều thế tục, không dễ...Tôi nhớ kẻ hành xác tôi nhiều hơn nhớ người yêu. Nếu tôi viết khác đi, nghĩa là viết như người cao thượng là tôi viết láo. Ai mà cảm thông với kẻ giả dối bao giờ..

... Tôi chỉ là chứng nhân thời đại, và đang viết bản tường trình về những gì đã nghe thấy mà thôi”

Nhà thơ Triều Hoa Đại đã tra vấn Lâm Chương qua nhiều câu hỏi loanh quanh trong trách nhiệm của người cầm bút, nhận định chung về tình trạng thơ văn, xuất bản tại hải ngoại, đánh giá tác phẩm, tác giả trong nước, quan niệm về thương yêu, hận thù trong tác phẩm...Lâm Chương đã rất khôn khéo trong những bày tỏ của mình. Sự khôn khéo của anh được dẫn dắt bởi lòng chân thật và giản dị của chính anh. Nhờ đó đọc những câu trả lời của Lâm Chương rất thú vị. Tác giả *Lỗi Tại Tôi Mọi Đàng* cũng đã trả lời nhiều cuộc phỏng vấn khác. Nhưng để hiểu thật rõ Lâm Chương trong nghiệp cầm bút, chỉ cần đọc thêm mấy câu chân tình này:

"... Đổi cách viết để tìm một hướng đi mới cho tương lai là điều quá tốt. Nhưng khổ nỗi, tôi chỉ có thể viết được những kinh nghiệm đã có trong quá khứ mà thôi. Ngay đến hiện tại, tôi cũng chẳng viết được gì về cái xã hội xa lạ này. Trong một đời sống bình yên đến nhàm chán, tôi không tìm thấy những giông bão trong tâm hồn để lấy đó làm chất liệu sáng tác...Những gì tôi viết đã thể hiện lòng tôi. Không hề làm dáng văn chương..."

Thời cùng thụ huấn ở quân trường Bộ Binh Thủ Đức, tôi đã lỡ bỏ qua cơ hội kết thân với Lâm Chương. Thời đó anh cũng chưa hiểu gì tôi bao nhiêu. Chuyện gặp gỡ giữa chúng tôi được anh nhắc: *"... Cao Thoại Châu giới thiệu một anh chàng rụt rè như con gái, bảo đấy là nhà thơ Luân Hoán. Tôi hơi ngỡ*

ngàng trước một Luân Hoán hoàn toàn khác với tưởng tượng của tôi...". Anh không nói rõ anh đã tưởng tượng tôi ra sao, nhưng nếu không lầm, anh đã hình dung một người thật cao ráo, đẹp trai với đôi nét dị biệt nào đó để nói lên, hắn ta biết làm thơ. Anh cũng có vẻ thất vọng khi gặp tôi lần thứ hai: *"...Thấy tôi anh chỉ mỉm cười thay thế một lời chào. Chỉ vậy thôi, không quấn quít ba hoa chích choè..."*. Cho đến ngày chuẩn bị rời quân trường, chúng tôi vẫn chưa tạo được một chút gì khả dĩ trở thành một kỷ niệm sâu sắc, Chương viết: *"...Ngày ra trường, anh em văn nghệ ngồi lại uống cà phê trong hội quán sinh viên ở khu dân sinh trước khi chia tay. Thiếu Luân Hoán. Có người chạy đi tìm nhưng không gặp...*" Hóa ra thời ấy tôi "rụt rè như con gái" thật và vụng về trong giao tế biết bao. Thật ra một đời tôi quí trọng và tha thiết với tình bạn. Sự hà tiện lời nói, cử chỉ trong những lần gặp gỡ với bất cứ ai chỉ do thói quen. Khuyết điểm này, về sau tôi sửa đổi có phần khả quan hơn. Riêng tình bạn giữa tôi và Lâm Chương, có vẻ như lơ là nhưng thật ra khá thân thiện. Bởi chúng tôi gặp nhau trong vài sở thích.

Bè bạn ai cũng biết Lâm Chương là người hảo rượu. Anh biết uống từ thời còn lang thang ở Nha Trang. Rượu theo anh vào Thủ Đức, ra mặt trận và đôi khi lén lút trong trại giam để rồi thật ngất ngưởng tại hải ngoại. Đi đâu, ở đâu Lâm Chương cũng cần có rượu bên cạnh. Nhưng cơ hội để Lâm Chương cho "chó ăn chè" hay nghêu ngao thì gần như rất hiếm.

Lâm Chương không phải là người nghiện rượu mà là người mê rượu và biết uống rượu. Tôi thì sao ? Ngày nay đa số bạn văn tại hải ngoại đều chê tôi là loại "kỳ vô phong". Tôi thấy không cần phải "thanh minh thanh nga" gì. Và vui vẻ chấp nhận sự thật rõ ràng, như một thành tích tôi đã vượt qua không phụ lòng bác sĩ Nguyễn Ngọc Lang, bạn tôi, nhắc nhở cảnh cáo. Rượu đã một thời suýt làm tôi lủng phổi vì uống thiếu phương pháp. Không tùy hứng. Nhưng thường bị kích động bởi một thách thức dẫn đến bốc đồng. Thời ở Thủ Đức, thời ở Sư đoàn 2, nếu các bạn văn gặp tôi ắt sẽ có một cái nhìn khác. Gọn lại, tôi vẫn còn khả năng tiếp nhận rượu như bạn tôi, Lâm Chương.

Một gặp gỡ khác giữa tôi và Lâm Chương là tình yêu mến thiên nhiên và các loài chim. Cũng như tôi, từ ấu thơ Lâm Chương đã đi theo từng giọng chim hót. Gần gũi với nóc gia nông thôn nhất là lũ Se Sẻ. Chỉ chíp chíp loạn xị, không nhịp nhàng và đều đều mà rất thân tình. Tiếp đến là đàn Chột Dột trên những tàu cau đong đưa gió. Giọng kết lại vời nhau thành từng chùm, có lúc như rối lên như một cuộn chỉ. Rồi giọng Chào Mào tha thướt, lãng mạn, níu theo giọng hàn lâm, bài bản của Chích Chòe. Cao sang hơn nữa, lừng lựng treo giữa trời là tiếng Sơn Ca. Nhưng trầm ấm đầy dân tộc tính vẫn là giọng các anh Cu Cườm, rung rinh từng mảng lá xanh. Không rõ thời đó Lâm Chương có từng cầm trên tay một con chim chưa dập bụng cứt chưa ? Anh có từng mớm nước miếng cho chim ? Tôi thì những chuyện dễ thương này đều làm

qua cả. Sau nhiều bận cụng ly cùng Lâm Chương và nhiều bạn khác ở Boston, Montréal...tôi phát hiện, nếu tôi đã từng dưỡng nuôi, chăm sóc rất nhiều loại có lông vũ trong nhiều thời kỳ khác nhau, thì Lâm Chương trước sau và liên tục chỉ cung phụng, chăm chút độc một loại chim quí, vừa hữu danh vừa vô danh. Hữu danh vì có tên gọi thật. Vô danh vì sợ kỵ húy, ít người dám gọi tên. Phải công nhận đây là một giống chim quí, chứ không hẳn hiếm. Có lẽ Lâm Chương mê và trì chí bảo dưỡng nó vì những ưu điểm:

"... chẳng sớm mai nào quên ngỏng cổ

gật gù ca ngợi cuộc đời vui...

con chim chẳng biết làm thơ ấy

lại biết làm mưa thắm thịt da..."

(Luân Hoán)

Cũng vì con chim này, Lâm Chương gần đây có nhiều chuyến về thăm quê hương. Lý do những chuyến đi của anh thật đơn giản. Anh muốn tạo cho con chim của mình nuôi có một không gian tươi tốt để tiếp tục vui vẻ sinh tồn. Ở Mỹ, môi trường đang bị đe dọa bởi bụi bặm, khói xe và linh tinh những thứ khác. Hơn nữa chim anh nuôi giống Việt Nam nên thỉnh thoảng phải cho về Việt Nam xả hơi là một chuyện

hợp lý, bình thường. Ấy thế, mà tôi thấy loáng thoáng có vài chiếc mũ, chực chờ che đầu bạn tôi, ý chừng họ sợ anh ăn nắng chăng ?

Thỉnh thoảng ghé về dòm lại vạt đất xưa, dẫm lại một đoạn đường cũ, đứng dưới một bóng cây ngó trời đất, lượm một câu thơ mọc bất ngờ trong bụng, ném cho đất trời là có lỗi chăng ? Với Lâm Chương, tôi hiểu, những chuyến tiêu tiền bất đắc dĩ của anh, cũng bởi lỗi tại con chim. Khổ thật.

Bông súng nở giữa hồ nơi xứ lạ
Lương Thư Trung

Cuối tháng bảy rồi mà vùng bắc Mỹ này vẫn đang là mùa Hè. Trời nắng gắt. Gió thổi rào rào nhưng không khí cứ nóng hầm hập như lò gạch đỏ lửa. Thịt da người như muốn khô rang khô khốc trong cái nắng cháy bỏng của nơi chốn này. Đi loanh quanh tìm bóng mát dưới những hàng phong, hàng thông già, tôi lại gặp nhà văn Lâm Chương nơi bờ hồ Mystic vùng Medford, đang đứng ngắm nghía một cái đầm lầy đầy những bụi lác, bồn bồn, rau mác…

Tôi biết Lâm Chương từ vài năm nay, nhưng có lẽ tôi quí mến anh vì anh có nhiều khí chất một người nhà quê mê ruộng vườn, đặc biệt hai ngón tay kẹp điếu thuốc rặt người miền quê. Đời sống của Lâm Chương thanh đạm như cái dáng vẻ bình dân, mộc mạc hằng ngày. Gặp tôi bất chợt nơi cái đầm bùn lầy này anh

vui lắm. Anh hỏi tôi loại lục bình này, bụi cỏ kia mà chừng như lâu lắm rồi anh mới được gặp lại. Tôi cũng thích nói chuyện với anh về cỏ cây, vì, so với Lâm Chương, tôi có những năm tháng gần gũi với đồng ruộng khá lâu, dễ chừng có đến mấy mươi năm cày sâu cuốc bẩm chứ ít ỏi gì!
Lâm Chương chỉ mấy bụi rau mác có hoa màu tím, nói với tôi:
"Ông Trung ơi, mấy bụi lục bình này tôi thấy ở chợ họ có bán nhiều lắm"; rồi anh tiếp*: "chừng nào dìa, tui bứng vài bụi để trồng thử."*

Dường như với ai, trong những anh em quen biết với anh, anh đều gọi người đối diện bằng chữ "ông" vừa rồi như vừa quen thân vừa sơ ngộ, vừa gần gũi vừa xa lạ mà vẫn giữ được chỗ thân tình, tương kính lẫn nhau. Như "ông Phan Xuân Sinh", "ông Trần Trung Đạo", "ông Dư Mỹ", "ông Thanh", "ông Nguyễn Trọng Khôi", "ông Trần Doãn Nho" v.v… Và anh cũng đã gọi tôi bằng "ông" như vậy.
Tôi ôn tồn nói với anh*: "Mấy bụi này là rau mác, không phải lục bình anh à! Lục bình là loại thủy thực vật nổi với căn hành dài, lá có cuống phù xốp, phiến lá láng; còn rau mác thuộc loại nê thực vật có củ, lá thon hoặc lá bầu; do đặc tính đó nên lục bình thì lang bạt nổi trôi trên mặt nước, còn rau mác lại thích bám rễ sống trên mặt bùn như cái vũng lầy này, nhưng cả hai đều có bông màu tím và đều có thể ăn sống được, nhất là ăn với mắm kho càng bắt cơm lắm!"*

Lâm Chương "à" một tiếng rồi vứt tàn thuốc lá xuống bụi cỏ gần đó sau khi rít một hơi dài. Như đang theo đuổi cái ý nghĩ sẽ nhổ vài bụi rau mác, vài bụi lác mang về nhà trồng vào cái chậu nhỏ, Lâm Chương nhìn những bụi rau, bụi lác bên rìa cái đầm lầy lấp xấp nước đến mắt cá chân như người bị bùa. Trông anh có vẻ đang mê ly mấy loài cỏ nội hoa đồng này lắm. Mà anh mê thật, vì chừng như lâu lắm rồi, Lâm Chương mới gặp lại những loài cỏ mà ngày nào chiến tranh còn mịt mù khói súng đạn bom trên khắp cùng quê hương, mỗi bước chân người lính đi ngang qua vùng hành quân đều phải nhiều phen vướng bận những đầm lầy đầy những cánh hoa màu tím của loài lục bình phiêu bạt, giang hồ. Bây giờ, bắt gặp những loài cỏ hoang dã cũ, làm anh nhớ lại những vùng quê heo hút, hoang rậm tiêu điều, và cũng gợi anh nhớ về một thời binh lửa xa xăm… Những vùng thôn dã mà đã biết bao lần người dân phải chạy bườn lên nhau để tìm chỗ trú đạn rú, súng gầm nghe như rượt đuổi sát rạt từ phía sau lưng nóng bỏng…

Lâm Chương hỏi tôi cỏ bồn bồn là loại cỏ gì? Tôi nhắc anh còn nhớ truyện ngắn "*Rừng Mắm*" của Bình Nguyên Lộc không? Ở trong truyện này có nhắc cảnh hai vợ chồng ở xa, nghe đâu từ trên miệt Sa Đéc, bơi xuồng xuống vùng Ô Heo nhổ bồn bồn về làm dưa để bán kiếm tiền mua gạo, rồi gặp thằng Cộc giữa vùng hoang dã ít người này. Lâm Chương *"à"* một tiếng như vừa nhớ ra câu chuyện Rừng Mắm rồi. Tôi nói tiếp, cỏ bồn bồn cũng là một loại nê thực vật đa niên.

Lá dẹp, dài, cứng, thẳng đứng và có bẹ ôm thân; bồn bồn thường mọc và sống nơi đầm lầy, lung vũng, ao hồ cạn; dưa bồn bồn ăn giòn giòn như dưa ngó sen vậy mà! Rồi tôi chỉ cho anh mấy bụi bồn bồn gần chỗ anh đang đứng. Lâm Chương gật gật đầu như vừa đồng ý, vừa không mường tượng được dưa bồn bồn ra làm sao vì anh chưa ăn dưa bồn bồn lần nào, nhưng anh có ăn dưa ngó sen mà má anh đã mua ở chợ làng cho anh ăn hoài hồi anh còn nhỏ lúc ở nhà quê. Lâm Chương vừa bật cái hộp quẹt ga, châm thêm điếu thuốc mới. Anh hít một hơi dài . Khói thuốc gắt làm anh hơi sặc nhẹ. Tôi thấy anh hơi đỏ mặt. Không biết có phải vì nắng nóng hay vì anh mới vừa hắt hơi mấy cái… Và rồi, khi vừa tàn điếu thuốc, Lâm Chương rủ tôi nhổ vài bụi rau mác về trồng cho vui . Tôi thấy anh hì hục lựa lựa, chọn chọn một hồi rồi cũng nhổ được mỗi loại một bụi còn xanh dờn, và anh bỏ vào cái túi nylon gọn gàng, tâm đắc. Nhưng anh than với tôi: *"Bây giờ sao tui yếu quá ông Trung; mới nhổ có vài bụi bồn bồn, rau mác mà nghe trái tim đập đùi đụi, thở không kịp ông Trung à!"* Tôi nói với Lâm Chương, mình bây giờ già rồi anh. Vả lại, ai cũng vậy, giống nhau, "sanh, lão, bịnh…" là con đường ai cũng phải qua mà, làm sao tránh khỏi! Tui cũng đâu hơn gì anh. Sau nhiều năm lội thụt mạng trong rừng tràm vùng U-Minh Thượng rồi về quê làm ruộng cơ cực, bây giờ chưn tay cũng rã rời, bủn rủn như con bún thiu. Lâm Chương nhìn tôi thông cảm như có bạn đồng hành trên con đường lận đận tuổi ngoài năm mươi này…

Phía trước mặt chúng tôi, cách cái đầm lầy nhỏ này chừng vài mươi thước là hồ Mystic thênh thang nước mát. Tôi đề nghị Lâm Chương đến mé nước rửa tay vì vừa dính chút bùn non. Bước qua khỏi con lộ nhỏ, bờ hồ nằm sát bên mé lộ. Tôi sững sờ nhìn xuống mặt hồ khi tình cờ bắt gặp một mảng lớn bông súng xanh lặt lìa chạy dài gần giáp chu vi cái hồ rộng. Những chiếc lá bông súng hình tròn lớn bằng cái dĩa bàn, nhỏ bằng cái miệng chén che khuất mặt nước bít chịt xen lẫn nhiều chiếc bông đã nở màu trắng nhụy vàng rải rác khắp mặt hồ. Tôi mừng như chưa bao giờ được mừng khi được đứng bên mé nước nhìn những bụi bông súng đang ngâm mình trong hồ nước mát này.



Bông súng loại lá nhỏ gần giống như củ co

Tôi kể cho Lâm Chương nghe về những cánh đồng bông súng của miền đồng bằng sông Cửu Long. Hằng năm, vào những mùa nước nổi, nhà nghèo thường giạt về miệt Ba Răng, Đốc Vàng, Đồng Tháp Mười, Cầu Số Năm, Tri Tôn hoặc qua An Phú, Hồng Ngự, Lỳnh Quỳnh, Ba Thê để nhổ bông súng về bán. Bông súng mọc vượt theo nước. Nơi nào nước sâu bông súng có cọng dài, nơi nào nước cạn bông súng ngắn; có nơi bông súng dài đến bốn, năm thước là thường. Bông súng nở vào buổi sáng khi mặt

trời vừa mọc. Người ta nhổ bông súng là nhổ những cọng nào có bông, dù bông búp hay bông nở. Do đó mà những xuồng ghe nhổ bông súng thường bắt đầu lên đồng vào sáng sớm tinh sương để chiều về tìm nơi trú ngụ, phòng khi mưa bão vào ban đêm và sáng hôm sau lại đi nhổ bông súng tiếp cho đến khi đầy ghe, đầy xuồng mới về đem bán khắp các chợ. Cánh đồng bao la với nước là nước, khi có mưa chướng sóng to là mối nguy cho những ghe xuồng bềnh bồng trên đồng trống… Tôi kể cho Lâm Chương nghe thêm, ở trên đồng có hai loại bông súng. Đó là bông súng ta và bông súng ma. Bông súng ta cọng lớn, đài hoa xanh, cánh hoa trắng, nhụy hoa vàng; còn bông súng ma cọng nhỏ, rất mảnh mai, bông nở nhỏ. Vì phần đông từ các nơi phải đi xa nhổ bông súng là để bán, nên người ta chỉ nhổ bông súng ta mà thôi. Bông súng ma nhổ lâu đầy xuồng mà bán cũng chẳng được mấy đồng nên ít người nhổ là vậy.

Lâm Chương hỏi tôi: *"Vậy chớ bông súng ngoài việc ăn cái cọng, mình còn ăn được gì nữa không ông Trung?"*
Tôi trả lời anh: *"Được chớ anh, lá non ăn với cá kho, mắm kho, cá lóc nướng trui cũng ngon lắm."*

Rồi tôi kể cho Lâm Chương nghe tiếp vào những năm đồ khổ, ở miệt dưới tôi, người nghèo bị đói lên đói xuống vì loạn lạc, vì ruộng nương thất bát quá mạng, người ta còn hái trái bông súng về ăn nữa anh à! Lâm Chương tỏ vẻ nghi ngờ người ta mà ăn trái bông súng

nữa sao! Tôi giải thích thêm, trái bông súng tròn bằng cườm tay, hột nhỏ rứt như hột é tía, người ta gọt vỏ rồi nấu chín ăn cũng đỡ khổ. Có một loại gần giống với bông súng về hình dáng, về cách mọc, về môi trường sống nhưng chỉ khác với bông súng là bông của chúng rất nhỏ và gốc của chúng có củ. Và loại củ này, ở miệt ruộng vào những tháng nước giựt, người nhà quê hay đi móc những củ này về nấu chín rồi lột vỏ ăn, rất ngon. Đó là những bụi củ co mọc rải rác khắp các lung vũng trên đồng, một loai cỏ thủy sinh đa niên nhỏ, lá có màu xanh đậm mặt trên và màu nâu ở mặt dưới. Có củ nhỏ bằng ngón chân cái, nhưng có củ cũng lớn bằng cườm tay nữa. Loại củ co này ăn gần giống củ nưa, hoặc như củ khoai môn đúm, khoai cao. Nhiều lúc người ta cũng ăn củ co cho đỡ đói nữa!
Đang nói chuyện bông súng, củ co, Lâm Chương nhìn xuống nước thấy hai con ốc đang đeo bụi bông súng nhúc nhích cử động. Tôi vói tay vớt hai con ốc đưa cho Lâm Chương và tôi nói loại ốc này là ốc bươu vì có cái đít nhọn, vỏ mỏng.
Lâm Chương tò mò hỏi thêm, "*còn ốc lác là ốc gì ông Trung*?"

Tôi lại giải thích: *"Ốc lác là ốc có cái đít bằng, vỏ ốc dày, sống chui dưới đất vào mùa nắng, mùa mưa bò lên theo các vũng nước."*
Sẵn có Lâm Chương hỏi, tôi như có dịp nhớ đồng, nhớ ruộng kể luôn cho anh nghe về cách bắt ốc, hái rau ở nhà quê. Tôi thí dụ cho anh thấy, chẳng hạn như đám bông súng trước mặt đây, ốc đeo theo mấy lá

bông súng khuất bên dưới. Muốn bắt ốc chỉ cần chống cái xuồng rà ngang cho lá bông súng chìm xuống là bao nhiêu ốc đều rời khỏi nơi nó đang đeo rồi nổi lên mặt nước. Cứ thế mà lượm ốc bỏ vô xuồng. Hết vạt rong này đến đám bông súng khác, nếu đi suốt ngày ốc có khi đầy xuồng hoặc ít nữa cũng được vài thùng, vài giạ.

Rồi tôi kể cho Lâm Chương cách bắt ốc khác cũng dễ dàng lắm, là chặt những cây đu đủ già lão, rồi chẻ làm hai đem bỏ những thân đu đủ này xuống mương, xuống lung vũng để vài hôm sau trở lại, ốc đeo đầy mấy thân cây đu đủ này. Chỉ còn có cách lượm ốc bỏ vô xuồng đem về luộc với lá ổi, lá chanh, lá bưởi, lá sả rồi dùng gai cam, gai bưởi lể ốc béo ngậy chấm nước mắm sả ớt đưa cay vài lít rượu trắng mới ra lò là hết sẩy.

Lâm Chương vốn ưa rượu, nghe tôi kể, bèn bảo: "*Ông Trung nói làm tui thèm quá mạng!",* rồi anh hỏi tiếp*: "Còn ốc gạo là ốc gì nữa?"*

Tôi trả lời anh: "Khác với hai loại ốc bươu, ốc lác ở trên đồng, ốc gạo lại sống dưới sông cái dọc theo các đuôi cồn mới nổi. Đặc biệt, vùng sông Tiền Giang, dưới Sa Đéc, Vĩnh Long người ta mò hoặc cào ốc gạo để bán cho khách bộ hành qua lại hai bên bờ bắc Mỹ Thuận nhiều lắm. Những con ốc này lớn bằng ngón tay, hoặc ngón chân, vỏ màu xanh lợt, ruột ốc trong ngần trông thấy phát thèm. Người ta bán ốc bằng cái lít đong gạo. Khi mua ốc gạo coi chừng ốc bị chết vì

người ta rộng lâu ngày. Trong một nồi ốc mà có vài con ốc chết là mất ngon."

Tôi đề nghị Lâm Chương cầm hai con ốc bươu này về cho vô bếp lửa là anh sẽ có hương vị ốc bươu nướng ngon lành. Nhưng anh nói hai con ít quá, thôi phóng sanh cho nó sống làm phước. Tôi nhìn vẻ thành khẩn của anh. Lâm Chương nói tội nghiệp nó. Hai con ốc được anh bỏ dưới nước và chúng từ từ bò đi vài tấc… Đứng gần mé nước, tôi thấy da mặt mát lại.

Lâm Chương vì biết tôi nhà quê, nên có dịp là anh hay hỏi tôi đủ điều, nhất là những chữ dùng ở địa phương, những loài bông hoa, những tên gọi một vài vật dụng vào thời điểm cách xa bây giờ để anh dùng cho những truyện ngắn anh đang viết. Có lần anh hỏi bông sao, bông dầu khác nhau thế nào; cào cào khác châu chấu ra làm sao; cái "cạt- vẹt" xe còn gọi là gì nữa; chệt đai con sau lưng khác với đồng bào thượng mang gùi không? và còn nhiều câu hỏi nữa…

Là một nhà văn với tập truyện đầu tay *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt* do Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành tại Hoa Kỳ (1998), được văn giới biết đến như một luồng gió mới, một tác giả tạo được uy tín hiện nay trên văn đàn nhưng Lâm Chương vẫn giữ được cái đức tính khiêm cung đáng quí, luôn lắng nghe những nhận xét của người đọc. Trong các truyện của anh, cái cẩn trọng luôn luôn được anh quan tâm từng chữ dùng, từng dấu chấm, dấu phết, làm thế nào, dù người đọc khó tính vẫn khó mà bắt bẻ anh được. Câu văn của anh luôn ngắn gọn. Họa hoằn lắm người

đọc mới có dịp bắt gặp một câu tương đối dài, nhưng ở đó cũng có nhiều dấu phết ngắt đoạn. Độc đáo nhất, ở truyện của Lâm Chương là những câu đối thoại gần như những câu mà anh đối đáp, trao đổi với bằng hữu hằng ngày, tạo cho người đọc có ấn tượng mình phải theo hoài những mẩu đối thoại có duyên, hấp dẫn để tìm ra cá tính của mỗi nhân vật. Dịp này, tôi có đưa ra nhận xét một cách tổng quát vừa nêu trên đối với các văn phẩm của anh như vậy.

Lâm Chương trầm ngâm một hồi, rồi không chần chừ, anh hỏi tôi: *"Ông Trung dạo này có đọc mấy báo Văn và Văn Học không?"*
Tôi nói: "có."
Anh hỏi tiếp: *"Ông thấy "Trường Sơn, Gửi Lòng Ở Lại" của tôi trên Văn Học số Tháng 7-99 được không?"*
Với một câu hỏi quá đột ngột về một truyện mới nhứt của anh, nói đúng hơn đây là một loại ký sự, hoặc tùy bút, tôi không thể nói dối anh được, nên đành trả lời: *"Tôi thấy thích "Thượng Du, Niềm Thương Nhớ" hơn "Trường Sơn, Gửi Lòng Ở Lại", dù cả hai cùng viết về những năm tháng cùng với núi rừng, một đằng núi rừng Hoàng Liên Sơn, một đằng với núi rừng Trường Sơn. Nhưng dù là "niềm thương nhớ" hay "gửi lòng ở lại", cả hai đều nói lên cái tính cách nhân bản, tình người của chính tác giả."*

Lâm Chương dường như không phải suy nghĩ và gật đầu như đồng ý với nhận xét của tôi. Dường như Lâm

Chương là một trong hai nhà văn mà tôi được gặp luôn luôn lắng nghe ý kiến của người đọc và chịu khó xem kỹ lại bản thảo của mình khi cần. Người thứ hai là bạn văn của anh, nhà văn Trần Hoài Thư. Trường hợp truyện ngắn "*Những Ngày Mắc Cạn*" của Lâm Chương, trên Văn Học, là một thí dụ về bản thảo được anh sửa đi sửa lại nhiều lần sau khi bạn bè anh đọc thử và có đưa ra vài nhận xét.
Dưới mặt hồ có vài con cá đang ụp móng. Theo kinh nghiệm những tháng năm giăng câu trên đồng, tôi đoán dọi cá ụp móng như vậy là cá lớn.
Tôi khều tay chỉ cho Lâm Chương và nói như tôi đang nhớ những ngày đi giăng câu, giăng lưới hồi còn ở bên nhà: *"Mấy con cá này, nếu có một tay lưới cá trắng bủa cập mé bông súng là dính liền đó nghe anh!"*

Lâm Chương hỏi tôi cá dính lưới rồi làm sao gỡ. Tôi trả lời anh, lo gì anh, mình nằm xấp xuống mũi xuồng, cứ thủng thẳng nắm con cá cho chắc ăn rồi gỡ cá bỏ vô khoang xuồng mấy hồi. Cá nào lớn hơn lỗ lưới mình gỡ ngược. Cá nào vừa bằng lỗ lưới mình gỡ xuôi.
Tôi sẵn dịp nói đùa với Lâm Chương chơi cho vui: "*Chẳng khác nào như anh viết văn vậy mà! Có cảm hứng về một đề tài nào, lo gì không có tác phẩm hay, hấp dẫn."*
Như nhớ lại gần cả tháng nay anh thường bị chứng "nhức đầu đông", Lâm Chương tâm sự:" Gần tháng nay tôi bị nhức đầu quá mạng ông Trung. Bác sĩ cho

thuốc uống thì đỡ đỡ, nhưng uống thuốc này lại bị ngầy ngật quá!" Rồi anh tiếp: "Ông có đọc "*Hồi Ký Viết Trên Gác Bút*" của Nguyễn Thụy Long chưa?" Tôi trả lời anh: "Có đọc rồi." Lâm Chương hỏi tôi thấy sao? Tôi nói với anh, làm nhà văn như Nguyễn Thụy Long, nghĩ cũng quá lận đận phải không anh? Lâm Chương chậm rãi một hồi, rồi đưa ra nhận xét:"Đọc quyển sách đó mình biết thêm về nhiều điều lúc mình không có mặt ở Sài Gòn sau năm 75, nhưng theo tôi, dường như tác giả bây giờ già quá rồi và rượu làm hại ông quá mạng, nên *"hồi ký vẫn là hồi ký*".

Tôi không hiểu Lâm Chương muốn nói gì qua mấy chữ *"hồi ký vẫn là hồi ký",* nhưng lại sợ Lâm Chương nhức đầu, nên tôi bắt qua chuyện đồng quê với hồ bông súng trước mặt. Tôi giải thích thêm cho anh về cách rê cá lóc trên những vạt bông súng bằng mồi nhái như vạt bông súng này. Nhất là mấy chỗ nào người ta chưa đến câu, mình rê một hồi là đầy giỏ như chơi. Lâm Chương dường như nhớ lại hồi còn trẻ, mỗi lần từ Tây Ninh xuống thăm người chú ở miệt kinh xáng Bốn Tổng, anh cũng thường theo xách giỏ cho ông chú rê cá lóc dọc theo bờ kinh xáng, hoặc mấy cái lung, mấy miệng đìa, mà nhiều lúc cá nhiều quá anh quẩy không muốn nổi.

Rồi Lâm Chương nói nhanh như đã suy nghĩ từ lâu lắm: *"Ông Trung là một người làm ruộng rặt, không ai nông phu hơn ông."* Tôi cười và tiếp lời anh: *"Tôi mừng nhứt là ai ai cũng biết mình làm ruộng. Tôi*

thích nghề này lắm anh, vì làm ruộng là nghề của mọi nghề mà!"

Tôi nhìn một lượt qua mặt hồ và đếm thử có bao nhiêu bông súng đang nở nhưng mắt tôi không làm sao đếm nổi vì cả mặt hồ này như một cánh đồng nước nổi tháng tám, tháng chín, tháng mười ở vùng đồng ruộng quê tôi. Tôi đếm đi đếm lại nhiều lần nhưng đành bất lực. Nhìn cái túi nylon đựng mấy bụi rau mác, bồn bồn Lâm Chương đặt gần mé nước còn tươi rói, tôi rủ anh cùng về với tôi. Chúng tôi đi về ngang qua con lộ nhỏ, và tôi còn nhìn ngoái lại những vạt bông súng xanh rì phía sau lưng. Bất chợt, tôi bắt gặp Lâm Chương tay xách túi nylon đựng rau mác cũng nhìn những bông súng trắng nhụy vàng lớp lớp trên mặt hồ Mystic giữa trưa hè… Đi ngang qua mấy người bạn Quảng Nam đang vui chơi trên một nền cỏ cạnh bờ hồ, như một buổi picnic, các anh Phan Xuân Sinh, Trần Trung Đạo, Dư Mỹ, Nguyễn Ngọc Thanh và nhiều người quen khác, ai cũng hỏi Lâm Chương về mấy bụi bồn bồn, rau mác đựng trong túi nylon. Lâm Chương rất vui vẻ chỉ chỗ cái đầm lầy kế bên bờ hồ còn đầy dẫy những bụi cỏ quen quen với màu xanh của đồng ruộng chưa cày phơi đất.

Trên đường về, trời nắng chang chang. Ngọn gió nóng hầm hập lùa vào cửa xe, nhưng tôi thấy dường như Lâm Chương không để ý mấy. Anh cứ giữ chặt cái túi nylon vì sợ mấy cây cỏ nội hoa đồng của anh bị héo giập vì trời quá nóng. Tôi chợt tự hỏi mình:

“Làm sao có thể hiểu được một người xa cố hương đang nghĩ gì khi họ tình cờ gặp lại những loài cỏ nội hoa đồng quen thân cũ cũng đang có mặt ở một hồ nước u tịch xa lạ này!!!”
Hồ Mystic, Medford, 25-7-1999

Houston, sau hơn 10 năm, đọc lại và bổ túc ngày 20-12-2009